

Tác Giả và Tác Phẩm

K.Đ. (tập I)

Tiểu sử

Tức Khuất Đầu sinh năm 1940 tại Bình Định. Tên thật Trương Đầu.
Tên thường gọi Trương Thanh Sơn

Tác phẩm

Người giữ nhà thờ họ.
Lão tiên bồi.



Mục Lục

Độc K.Đ. – Nguyễn Lệ Uyên – 2
“Bộ tam” – 7
Bóng tháp - 10
Nàng là ai, hỡi Thúy Kiều – 14

Phụ đính I :

Phố núi
Thư gửi người tình trăm tuổi
Yêu ở tuổi chín mươi – 25
(sẽ cho vào SGK kỳ tới)
Những nhân vật xa lạ trong “Cánh đồng bất tận”

Phụ đính II :

Người giữ nhà thờ họ
Lão tiên bồi

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Độc K.Đ
Nguyễn Lệ Uyên



1.

K.Đ, bút danh mới toanh và lạ hoắc lần đầu tiên xuất hiện trên tạp chí văn nghệ, trên các trang Webs nên có thể tạm gọi là nhà văn trẻ. Nhưng đọc qua từng trang viết lại thấy giọng văn rất già dặn. Ông là ai, ở đâu? Không ai biết. Có thể ông khởi viết từ thời *Mai, Thế kỷ Hai mươi, Hiện đại, Văn nghệ, Sáng tạo...* Cũng có thể mới đây, sau những năm tháng tích lũy kinh nghiệm sống. Nhưng chắc chắn ông là người có tuổi, từng sống qua thời kỳ u ám kinh hoàng. Vì: đọc qua từng trang viết của ông, chúng ta cảm thấy như rất gần. Gần bởi ông kéo xích thời gian xa lắc đến với người đọc, bởi ông dựng lại bối cảnh khủng khiếp thời đấu tố ở vùng “tự do”^[1] liên khu V một thời chúng ta đã từng sống trong không khí sặc sụa sỉ vả lăng nhục, sặc sụa máu và nước mắt, hay chí ít cũng đã từng nghe nói đến.

Đã đành, câu chuyện ông viết lại trước đây đã có nhiều người viết: những Phùng Cung, Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, rồi sau này với bộ ba tiểu thuyết *Khu rừng lau* của Doãn Quốc Sĩ hay những truyện ngắn của Võ Phiến ở thập niên 60 và gần đây với *Ba người khác* của Tô Hoài... Mỗi người mỗi vẽ, mỗi khác nhưng cách chọn lựa bối cảnh, diễn biến câu chuyện và chất bi thảm, thì có thể nói, các nhân vật của K.Đ phải cõng trên lưng “cảnh đời” nặng hơn, bi thiết hơn.

Trong truyện dài *Những tháng năm cuồng nô*, bối cảnh là cái làng quê bé nhỏ ở Bình Định thời kỳ Việt Minh cướp chính quyền. Làng quê nhỏ bé ấy có tên An Định vốn yên ả, thanh bình trước kia, thắm đẫm tình người bỗng dưng bị đảo lộn mọi trật tự một cách dữ dội, làm tan tác chia lìa tình làng nghĩa xóm, cha con... chỉ vì một mớ chủ thuyết hoang tưởng.

Nhân vật chính trong tác phẩm này xưng tôi, một sinh linh bé nhỏ bị thả trôi sông, được một phụ nữ già choắt choeo, không chồng cứu sống. Nhân vật tôi được sống, được làm con người và chứng kiến trọn vẹn tấn tuồng lịch sử, trong đó đầy dẫy những tủ nhục, oán hờn. Trải qua cuộc đời “tôi” bước tới, lớn khôn và “phải” nhìn thấy mọi ưu uất của người khác, mọi ranh ma, tráo trở của những tên vô lại “đục nước béo cò”.

Cái nhân thân lạ đời của “tôi” được K.Đ miêu tả khá ấn tượng theo lời cô Sáu (người đàn bà cứu sống “tôi”), nói: “...con chó đó cũng như mẹ của mày”, chỉ vì nó đã hy sinh 6 con của nó cho ông lão ninh như thành cao trị bệnh ho lao, để nuôi sống một thằng người bị thả trôi sông. “Tôi” tự mô tả nhân thân của mình: “Ừ, thì là mẹ của tôi, hay đúng hơn nó coi tôi như con của nó. Ngoài việc phải nằm phơi bụng ra cho tôi bú, nó còn dọn sạch cả cứt đái do tôi thải ra. Nó thường đưa cái lưới dài liếm láp khắp mặt mũi mình mấy tôi. Nhờ vậy tôi trùi trũi lớn lên không bị ghẻ chóc đầy mình như những đứa trẻ con nhà nghèo khác”.

Khởi đi từ sự làm người không suôn sẻ buổi đầu đã trở thành chuyện lạ giữa làng quê, gần như chuyện hoang đường cho đến đó là sự thật: *“Cái ngã ba sông vắng lặng và buồn hiu hống trở nên ồn ào khi tôi được đồn thổi là chó đẻ ra người, hay tệ hơn là người lấy chó đẻ ra tôi! Không ngày nào là không có người đến xem, và mặc dù chẳng ai dám tới gần vì con chó cái canh giữ tôi quá cẩn thận, nhưng khi ra về, ai cũng bảo đích thị con chó ấy đã đẻ ra tôi”*.

Nhân thân của nhân vật “tôi” được K.Đ chăm chút trong cách miêu tả rất bình thản, rất xuất thần giống như đầu ngọn bút lông thả xuống nét ngang chữ nhẵn, như một nốt nhạc xoáy cuộn cuối một trường canh hay mấy sợi lông đuôi bầy ngựa sải vó trong tranh Mã đáo thành công. Chỉ bấy nhiêu thôi đủ để “tôi” chứng kiến một cách trọn vẹn những năm tháng đi qua cuộc đời mình. Và, khác với một Chí Phèo trôi sông lạc chợ của Nam Cao trôi nổi rạch mặt ăn vạ và chỉ thành người khi nhờ tô cháo hành của Thị Nở; còn “tôi” của K.Đ cũng trôi sông lạc chợ đấy, nhưng may mắn hơn nhờ sự nuôi dưỡng của con chó cái và bà cô Sáu không chồng, không phải khuấy tung cuộc đời trước mắt mà lẫn vào đó để tận mắt nhìn thấy thảm họa của những con người sống quanh mình trong một ngôi làng giữa ngã ba sông: một bên là những phó Ba, cậu Khánh, cô Sáu, chị Thảo... và bên kia là những Khứ, cô Thánh, thủ ngữ Đực và lũ nhỏ mang đậm dáng dấp Hồng vệ binh. Những buổi đầu tổ, bắt bớ, giết người, phá tan cơ ngơi sản nghiệp của những người dân lương thiện như những bữa ăn, nước uống thường ngày. Cái giọng văn nhẵn nhụi nhiên lướt qua của K.Đ khi miêu tả những cảnh tượng này khiến người đọc cứ nổi lên cảm giác gờn gợn phần thịt da sau ót, như thể ngay chính bản thân người đọc đang quì mọp trước toà án nhân dân chờ nhát cuốc búa vào đầu, lưỡi liềm cùn cựa vào cổ. Màn chụp mũ và đầu tổ ùng ục như nồi cơm sôi suốt một thời gian dài cũng đến hồi phải hạ màn. Đó là ngày hiệp định Genève được ký kết, đất nước chia đôi. Ngày mà những người yêu nước chân chính phải đau lòng xót dạ, thì đám quân binh cách mạng, đám bản cổ nông cả tin lại cuống cuồng tìm chốn nương thân. Những kẻ đều cáng lưu manh chính trị, những thằng người luôn biết cách luồn lách phũ tay, thông dong bước qua một ngõ khác, một vị trí khác trong khi những anh bản cổ nông một lòng một dạ trung thành thì phải chịu cảnh bị bỏ rơi. Đó là hình ảnh của một thủ ngữ Đực, là nhân vật đại diện cho những kẻ mù quáng cả tin.

Kết thúc cho tấn tuồng đời này, K.Đ nguệch ngoạc bằng mấy mẫu đối thoại ngắn nhưng lại là cả một trường thiên ngầm nghĩ của những người trong và ngoài cuộc. Trong thì chiêm nghiệm; ngoài thì đối chiếu so sánh để thấy được sự thật của máu xương của cả dân tộc đã đổ ra một cách hoài phí: *“Đồng chí thủ ngữ Đực đón đác chạy đôn chạy đáo, quán quít như chó lạc mất chủ. Gặp ông Khứ hỏi: Sao tôi không được đi? / Trên bảo ở lại / Trên là ai? / Là cấp trên chứ là ai / Đ... mẹ mấy thằng cấp trên! / Gặp cô Thánh cũng hỏi: Sao đồng chí được đi mà tôi không được đi? / Đồng chí phải ở lại / Để Tây nó cắt cổ à! / Có nhân dân sợ gì! / Đ... mẹ tao đá vào cái nhân dân đó”*.

Màn kịch 9 năm được hạ màn hồi 1 khá hài hước. Và tất nhiên khi những cô Thanh ông Khứ *“đang đứng trên boong tàu Ba Lan thờ phào nhẹ nhõm”* thì hồi 2 lại xuất hiện những phó Ba, tổng Bá với những khăn đóng áo thụng xanh lịch bạch xuất hiện, để trước đó một lãnh tụ vừa mới được cả làng tung hô như thứ thần thánh thì nay lại bị nhấn lút như đó là nhân vật lạ hoắc, chưa hề được biết đến, đã từng xới tung cả làng An Định thành đồng bèo nhèo; thay vào đó họ lại phải tung hô những Bảo Đại và Ngô chí sĩ. “Tôi” lại đối mặt với những thực tế bắt đầu diễn ra ở triều đại mới bằng những thanh lọc, tra hỏi của sân khấu kịch *“Những đá, những đập, những thụi, những bịch, những tiếng hét chói tai, những tiếng kêu ằng ặc không lúc nào ngớt...”*. Và để tô đậm cho màn kịch khởi đầu kia là cuộc đối thoại: *“Đi tập kết rồi hả? / Ừ / Sao mà không đi? / Tụi nó không cho đi / Vậy theo tụi nó làm gì? / Để được chia nhà chia ruộng / Ngon hả, được mấy cái? / Không có cái nào / Vậy còn theo nữa không? / Chửi cha nó chó theo / Ừ, thằng này nói nghe được đó. Cho mà điếu thuốc đây”*.

Cảnh cưỡi ra nước mắt cùng cuộc sống tươi đẹp chưa kịp nhú nụ thì một nửa đất nước lại tiếp tục rơi vào thảm cảnh nôi da xáo thịt lần nữa; lại tan tác chạy trốn, lại tiếng khóc, lại máu đổ, đạn rơi. “Tôi” chìm lút trong màu sắc và âm thanh không mong đợi, không ai mong đợi: “... suốt một ngày chỉ bắt được một vài cụ già run rẩy mắt hấp hím gần như bị mù. Ông đành bảo lính cho ăn rồi thả họ ra. Hôm sau, lính bắt được hai tên CS mặt còn non choẹt. Vừa định đem về quận thì bị một đám đàn bà con nít vây chặt. Đàn bà thì cổ giựt súng, con nít thì cắn vào tay. Những tên lính ngo ngác đành phải bắn chỉ thiên. Nghe súng nổ họ dạt ra một chút rồi lại sấn tới. Đang lung nhùng như chơi trò giật cờ thì liên tiếp mấy quả đại bác rơi sau lưng họ. Cả bọn hoảng hốt xô nhau chạy”.

Đúng là “chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi” (thơ Nguyễn Bắc Sơn) đối với bọn buôn bán lịch sử. Còn với những nhân vật của K.Đ, một lần nữa giống như những con cá đang nhào lộn trong xoong nước sôi ùng ục. Tất cả đều bị cơn lốc lịch sử heo hút cuốn đi, nhào dập cho đến nát như không còn ra hồn phách “Nhà ông tổng Bá thì chính ông đã phải trả nợ máu bằng máu của mình rồi. Bà tổng Bá sau cái chết oan nghiệt của chồng, giờ già sọm lú lẩn. Thằng Mậu thằng Tài đã đi lính biệt kích. Chỉ còn cậu Khánh dở điên dở khùng lúc nào cũng mang trên lưng mấy cái xương đầu chó mà tụi dân quân gặm xong quăng đi. Thỉnh thoảng cậu lại bày ra giữa cầu, thấp nhang khấn vái rồi đọc văn tế do chính cậu làm”.

“Tôi” tuy không bị chết thảm, không nửa tỉnh nửa điên như những người khác trong làng nhưng cũng bị rơi vào thảm cảnh khác, khi được người bạn cũ tên Hậu đưa xuống phố coi giúp quán bar, vừa tránh được cảnh bắt bớ, tra khảo của hai bên vừa giải thoát cảnh ngày nào cũng “sợ hãi tuyệt vọng”. Nhưng khốn nỗi, như số trời đã định, có chạy cũng không thoát, phải đối mặt với một nghịch cảnh khác. Lần này là mục điểm già, nhân ngãi của Hậu, bạn mình: “Tôi chưa kịp chống đỡ thì mục đã vật tôi xuống sàn gạch. Hai cái vú to bè như hai cái bao cát chống đạn đè xuống ngực tôi... Với tất cả đòn phép lão luyện trong nghề mục đã làm được cái điều mục muốn làm... Trước khi ra ngoài, mục nói: “Lần đầu hả? Mới bóc tem hèn gì! Thôi để bữa khác má đền cho!”.

Có một số phận nào thâm hơn “tôi” nữa không? Chắc chắn có nhiều ngoài đời, nhưng qua trang viết, K.Đ cô đặc nhân vật lại kiểu người nấu cao chó, cao xương bò khiến người đọc cảm thấy bút rút, ù tai hoa mắt đến sứt sùi.

Bút pháp tàn nhẫn kia cứ đẩy các nhân vật đi mãi, bước mãi tới những con đường không có đích. Và cuối cùng cuộc tình bi thương một đêm với chị Thảo cũng đã đến với những con người ngay thật: “... chúng tôi như hai thỏi nước đá trong một cái cốc. Chúng tôi đã tan ra và hoà trộn vào nhau”. Cuối cùng một thằng người từ chó sinh ra cũng được làm người thật sự khi gặp lại chị Thảo, nay đã già tóc đã bạc kêu lên “Chào cha đi con!”.

Cách hạ bút của nhà văn cho những dòng cuối cùng trong thiên truyện Những tháng năm cuồng nộ đưa người đọc từ những xót xa, đau đớn rơi nhẹ, từ từ xuống thảm cỏ xanh như một cánh hoa đầy tình nhân ái, giàu chất nhân văn ít nhiều xoá tan đi cảnh bi thương mà người đọc cố phải chịu đựng qua từng trang, như chính nhân vật của ông phải chịu cảnh đọa đày.

2.

Tôi lại được may mắn đọc tiếp truyện thứ hai của ông, Người giữ nhà thờ họ.^[2] Cũng lại xoay quanh chuyện đấu tố.

Khởi đầu câu chuyện, với cách miêu tả lạnh lùng, ông lại đẩy người đọc chìm sâu vào cõi buốt lạnh: “Xương cốt của nó kêu răng rắc, những xà nhà những trính vắn vẹo uốn éo, và rồi nó bay lên thật. Không cao, không xa, chỉ vừa đủ cho nó đáp xuống khoảng sân phía trước, rồi lụn tàn trong chớp mắt như vàng mã”. Đó là cách ông tả lại căn nhà thờ họ Phạm làng An Định bị Pháp thả bom xăng thiêu rụi. Chưa kể đây là nơi thờ tự tổ tiên trải qua đã mười mấy đời, vượt lên trên tâm linh, đứng ra ngoài rìa một cách nhìn chủ quan lẫn khách quan, nó lại mang đến

những dự báo về một nền văn hoá sẽ bị xoá nhoà sau này (nghệ thuật kiến trúc cổ xưa ở các làng quê Việt Nam được K.Đ tái hiện từ những cây cột, dàn cửa bằng pha, rui kèo, xiên trính... chạm trổ tỉ mỉ, tinh xảo cho đến cách lợp mái tranh “*dựng bốn góc vênh lên như đình chùa*”). Căn nhà đó không chỉ là nơi thừa tự của cả dòng họ Phạm làng An Định mà đồng thời còn là niềm tự hào của con cháu đang sống, chỉ vì nó là “*một trong năm căn nhà đẹp nhất làng*”. Mất chốn linh thiêng là nỗi đau của lớp con cháu hiếu thảo với tổ tiên. Nhưng đau hơn cả, nát lòng hơn cả là “*cả cha chồng và nàng dâu đành chui rúc trong hang như hai con chồn trong truyện Liêu Trai*” để tránh nhìn vào những câu khẩu hiệu dựng lên khắp nơi: “*Tích cực chuẩn bị phản công, đã đảo can thiệp Mỹ*”. Câu khẩu hiệu ấy được biến thành những hành động cụ thể của anh bần cố nông lãnh đạo cách mạng, xúi giục bọn trẻ con điên cuồng khuấy động sự yên tĩnh ngàn đời trong xóm làng, lăng nhục kẻ khác như một trò chơi: “*Đã đảo địa chủ! Đã đảo. Lôi cổ nó ra đây! Lôi cổ*” đến nỗi một ông già từng trải phải “*Áp mặt mình vào cánh tay cô con dâu, vai ông rung lên. Một chút nước nóng sớt ra ở đáy quần. Ông xấu hổ muốn khóc*”.

Hai cha con cứ phải sống mỗi mòn trong cảnh hãi hùng như thế, trong khi người con trai, người chồng thì theo bộ đội đánh quân cướp nước. Mỗi mòn sợ hãi, mỗi mòn nhớ trông khiến cha chồng và nàng dâu phải nương vào nhau mà sống qua ngày.

Năm tháng cứ trôi lênh bênh, nhớp nháp như lớp váng mỡ trên dòng sông đen hôi tanh, như đứng trên bãi rác ngập xác súc vật thối rữa.

Biết vậy, nhưng không thể nào trốn chạy khỏi làng. Hàng ngày vẫn cứ phải chui ra chui vào “*lỗ chó chun*”, vẫn phải đẩy cái rương xe lấp lỗ ra vào rồi lại đẩy xe ra trong nỗi sợ hãi đến tột cùng trước đám trẻ con gào la xỉa xối, trước sự căm thù hằn học của những người được gắn cái mác giai cấp bần cố nông cùng lũ trẻ con coi sự đau khổ, sợ hãi của kẻ khác là một trò vui: “*Thay vì ném đá, chúng dùng chân đạp vào vách. Cái tấm vách vừa trét chưa khô rung lên, nhiều mảnh đất trộn rơm rơi xuống. Bỗng có một bàn chân chui tọt vào trong. Cô dâu sợ hãi rú lên nhưng ông chộp lấy rồi dùng hết sức kéo mạnh vào. Bên ngoài có tiếng la hét hoảng... nghe tiếng, ông biết nó chỉ chừng mười bốn tuổi nên đẩy mạnh ra ngoài*”.

Mà họ là ai vậy? Không ai cả. Họ chính là những con cháu người thân quen trong làng trước kia, vẫn là những nông dân có cuộc sống bình dị, như cách mô tả của K.Đ: “*Ông Khử, bà Thành chắc cũng như ông sáu Hủ, bà hai Thành quanh năm chỉ biết có con trâu cái cày và một bầy con cùng với gà heo lúc nhúc trong chuồng*”.

Vậy nhưng chỉ qua một trận cuồng phong lịch sử, mọi sự đều quay ngoắt đi, đánh mất tất cả nhân tính, lại tàn nhẫn lôi kéo bọn trẻ con vào trò chơi “*đấu tố*”. Chính người kẻ cũng tự hỏi: “*Cái gì làm cho họ lồng lên như thế? Ông Mác ông Lê là ông nào mà làm cho cả thế giới sôi lên sùng sục? Lại còn ông Xít, ông Mao, ông Kim, ông Phidzen... nhiều ông quá chen chúc trên cái bàn thờ tổ quốc. Cứ mỗi lần có đại lễ thì các ông lại xúm xít quanh ông Hồ, y như bốn mươi hai cái bài vị trên bàn thờ họ Phạm. Họ bảo cùng lý tưởng giải phóng loài người*”.

Cả dân tộc phải hứng chịu sự “*giải phóng*” ấy. Đâu đâu cũng gào thét rên la, đau đớn đan chen với những hờn hờ trả thù... chứ không riêng gì cái làng An Định bé nhỏ kia. Nó chỉ là sự thu nhỏ toàn cục diễn biến đau thương. Nó đang nằm dưới đáy sự khốn cùng, đầy từng bầy người lâm vào cảnh bị thương.

Ông cha chồng cũng là con người. Cô con dâu cũng là con người. Vì họ làm người trong bối cảnh cùng cực kia nên bị kịch lại xảy ra với họ, khi cả ngày lẫn đêm phải nằm trong căn nhà giờ như đóng đất úp xuống giống một nắm mồi. Hai cha con chun ra chun vào cái lỗ chồn đó để cuối cùng cả hai đều biến thành chồn! Đó là lúc người cha chồng nằm trên cái rương nghe tiếng con dâu tẩm ngoài giếng, rồi tưởng tượng: “*...nghe rõ tiếng nước chảy trong bụi chuối, lại mơ hồ thấy nước chảy qua áo qua quần, lại tưởng đến bàn tay đang kỳ cọ, những ngón tay len lõi...*”. Mặc cảm phạm tội khiến ông hoảng hốt đứng vụt dậy: “*...mò tìm cái dùi chuông và như phát cuồng. Ông nện liên hồi kỳ trận vào cái chuông mà không cần biết là bao nhiêu tiếng. Cái chuông tội nghiệp đang say ngủ bỗng giật mình kêu thét lên... Bốn mươi cái bài vị trên bàn thờ đều nhòem dậy. Cái chuông bị tra khảo giống như bị đấu tố đành chịu trận cho đến khi đứt dây*”.

rơi xuống phần. Nó tự gõ thêm một tiếng choang đau đớn rồi im bật. Mồ hôi túa ra, ông cũng ngã vật xuống phần”.

Từ mặc cảm phạm tội đến cách ăn năn và những hành động khi sám hối của người cha chồng được K.Đ gắn liền vào sự liên tưởng một cách khéo léo để người đọc có thể nghĩ ngay đến những dự báo một kiếp nhân sinh bi thống, cuồng dại phát sinh từ những con người dở hơi mang ảo tưởng sắp đặt một thiên đường tốt đẹp cho nhân dân.

Cái bi đát trong *Người giữ nhà thờ họ* hình như nhà văn có dụng ý hạ một hồi kết cho sự khởi đầu của *Những tháng năm cuồng nộ*, trong đó những người dân lành vô tội bị đưa vào chiếc máy xay chủ nghĩa không lồ trong suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân. Ngày kết thúc chiến tranh, lẽ ra là ngày sum vầy, hạnh phúc, nhưng khôn thay, đó lại là ngày hành xử một ông già đã cố gắng chịu đựng những đau thương suốt cuộc đời còn lại. Giờ phán quyết đến với chính ông bằng một phiên toà trên cây cầu cô đơn soi bóng xuống dòng sông, mà ông là chánh án vừa là kẻ phạm tội. Mặc cảm phạm tội không bao giờ xoá sạch trừ phi ông vĩnh viễn không còn là một hữu thể trên cõi đời này. Và ông đã chọn giải pháp đó, để không còn thấy “*Cái váy rộng rũ xuống*”, để niềm khoái lạc man dại kia không còn đọng lại tràn ngập thân ông “*Ông ôm hai cái chân dựng ngược áp sát vào ngực. Rồi ông lắc như điên như dại... Cái rương với bốn bánh xe bằng sắt cũng tới cũng lui và kêu kin kít... Ông thở hồng hộc, mệt muốn đứt hơi. Ông đánh mãi cho tới khi ông bắn vọt ra như xả một tràng đạn súng máy vào ngực con mụ Thành. Lúc đó ông mới bàng hoàng bỏ hai ống chân không phải của mình xuống đất. Ông mò mẫn trở về chỗ của mình. Ông không còn nghe tiếng nghiêng rặng nữa mà nghe tiếng khóc*”.

Luân thường đạo lý bị vỡ choang. Cảnh loạn luân ấy khác chi một tín đồ mang cả đức tin lơ lửng bước tới pho tượng của vị giáo chủ, điềm nhiên leo lên tận chòm tóc, điềm nhiên xả ra bao nhiêu xú uế với lòng tin tràn ngập, đầu óc ngất ngây với một Oédipe^[3] thản nhiên bên cạnh!

Rồi, khi người con đi bộ đội trở về: “*Anh chui vào. Vợ anh đang quay mặt vào trong vách, khóc. Anh nằm xuống bên cạnh, lật ngửa nạng ra. Không nói không rằng anh trút tất cả nỗi thèm muốn căng cứng vào nạng*”.

Hai người, một cha một con, kẻ trước người sau trên thân xác con dâu, vợ bằng những hành động khác nhau trên cùng một bản năng tình dục. Người trước thì “*lắc như điên như dại*”, còn người sau thì “*trút tất cả nỗi thèm muốn căng cứng*”. Người cha thì “*như xả một tràng súng máy vào ngực con mụ Thành*”. Người con thì trong tư thế một chiến binh “*Với lưỡi lê tuốt trần, anh lao lên phía trước. Anh sừng điên người khi nghe có tiếng rên rỉ của kẻ thù*”. Một người hành xử theo nhục cảm trong tâm thức của kẻ cô đơn, gánh chịu những oan trái trong đời sống đến đờ đẫn, mụ mị và, người kia thì theo bản năng đạo đức làm chồng với tâm trạng của kẻ chiến thắng trong một giai đoạn lịch sử đen tối, đầy chất bi hài. Nhưng nếu chỉ có vậy thì đoạn kết câu chuyện sẽ không thành truyện. *Người giữ nhà thờ họ* chỉ thành truyện khi K.Đ đã biết đưa tiếng khóc của cô con dâu, của người vợ vào hai lần nằm bên dưới hai người đàn ông, với những khoái cảm khác nhau và đau đớn khác nhau khiến người đọc có thể nhận ra người phụ nữ kia chính là hiện thân của một đất nước nhục nhằn đang hứng trọn tầng tầng nỗi đau khôn nạn nhất, tang thương nhất.

Nhớ lại người đàn bà có tên chị Ba (trong *Tiền đồn* của Thế Uyên) ban đêm phải nằm ngửa trong hầm cho người tình là du kích “hì hục” và ban ngày, trước khi chồng là xã trưởng chuẩn bị đi ngủ dưới thị xã, chị cũng phải dạng chân để chồng hùng hục trên thân thể mình, thì có lẽ người đàn bà của K.Đ ghi đậm dấu ấn tội nhục nhất, bi thương nhất của một giai đoạn lịch sử. Giai đoạn ấy tuy ngắn (9 năm), nhưng mọi cảnh huống nhân tình thế thái đều hiện hiện một cách dữ dội và kinh hoàng! Kinh hoàng bởi dòng cuối cùng dành cho thiên truyện bằng tiếng than ai oán, như một lưỡi dao cắm phập vào quả tim phát ra thoi thóp từ miệng người đàn bà của ông (K.Đ): “*Nó là dòng dõi họ Phạm đấy. Nhưng tôi không còn là vợ anh!*”.

Hai người đàn bà ở hai thế hệ khác nhau, hoàn cảnh lịch sử khác nhau: Chị Ba của Thế Uyên là nỗi ô nhục xé giữa bên này và bên kia trong thời điểm nhồi da xáo thịt Bắc Nam; còn cô con dâu, người vợ của K.Đ cũng là nỗi ô nhục, nhưng là hệ quả tất yếu của chuỗi ngày cô đơn,

tủ nhục và khao khát trong thời kỳ kinh hoàng khởi phát từ mớ chủ nghĩa hồ lớn đầy dẫy hận thù, phi nhân tính, phi dân tộc.

Nhưng dấu cho hai nhân vật nữ kia có khác nhau về thời kỳ, song theo cảm quan của kẻ viết bài này lại thấy họ thấp thoáng bóng dáng của một đất nước bị chính anh em cùng nhà xúm nhau chà đạp cho đến nát rữa.

Nỗi tủ nhục này vẫn đang tiếp tục đoạ đầy tất cả, không trừ ai.

Xếp lại những trang văn của ông, người đọc hình như ai cũng có một nỗi ê chề đau đớn.

Ông đã tái hiện một thời kỳ tàn nhẫn trong hai tập bản thảo (không dày), như thể những chiếc đầu lâu trên bàn tiệc.

(tháng 2, 2009)

Nguồn: Tạp chí Thư Quán Bản Thảo số 36 tháng 4-2009. Địa chỉ liên lạc: Thư Ấn Quán P.O Box 58, South Bound Brook, NJ 08880, USA.

© 2010 Nguyễn Lệ Uyên/Tạp chí Thư Quán Bản Thảo

© 2010 talawas

[1] Vùng “tự do”: từ để chỉ vùng chiếm đóng của Việt Minh trong thời kỳ 9 năm, từ 1945-1954.

[2] Truyện vừa, tạp chí Thư Quán Bản Thảo sưu tầm. Cùng với *Những tháng năm cuồng nộ*, tác phẩm này đã được nhà xuất bản Thư Ấn Quán in thành sách theo phương pháp Book-On-Demand chỉ để dành tặng, không bán.

[3] Oédipe: trong phân tâm học.

“ B ô t a m ”

Khi vua Bảo Đại tuyên bố” thà làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ”và trao ấn kiếm cho hai vị đại diện cách mạng, trong đó có một nhà thơ với những câu thơ buồn hơn cả những cơn mưa sùi sùi của xứ Huế, ngài cũng đã làm cho các ông hoàng bà chúa sùi sùi không kém. Bọn họ khóc kể, vật mình vật mảy trong những lâu đài còn rực rỡ ánh vàng son vì số phận đã không còn nuông chiều họ nữa. Họ sẽ bị ném ra khỏi kinh thành, bất ngờ và tàn nhẫn như bị lôi ra khỏi những giấc mơ rất đẹp.

Cũng buồn không kém, cũng thất vọng, lo sợ, nhưng chỉ dám khóc thầm, đó là những hoạn quan. Như những con gián, sợ mọi người nhìn mặt như sợ nhìn thấy ánh sáng ngày, ngay buổi tối hôm ấy họ đã lặng lẽ trèo thành trốn về quê cũ.

Bác cả tôi là một trong số những hoạn quan cuối cùng của triều Nguyễn.

Ngày bác về, cả làng rùng rùng kéo nhau đi xem khiến cho con đường vào nhà chật cứng người. Họ đồn thổi, thêm thắt, vẽ chuyện, cứ như bác là một nhân vật xa lạ nào đó từ đâu tới, chứ không phải do bà tôi đã từng mang nặng đẻ đau. Rằng bác không dái không chim, giữa háng trơn tuột chỉ có mỗi cái vẩy nhỏ như lưỡi mèo để thải nước tiểu mà thôi. Bác không đực, không cái, vô duyên và lảng xẹt như thế, không biết sinh ra để làm gì. Nhưng cũng từ miệng họ, trời đã sinh ra là ắt có chỗ dùng, nên bác không cần hoạn mà vẫn được vào cung để ngày đêm hầu hạ thiên tử và các quý nhân, một nơi mà ngoài đức vua và các hoàng tử ra, không một ai được phép có “cái đó”

Chính từ nơi cung khuyết ấy trở về với bao nhiêu bí mật, bao nhiêu diệu vợi bên cạnh các bậc mẫu nghi, các bà chúa, các công nương đã khiến bác trở thành một người quan trọng còn hơn cả một người vừa đắc cử quốc hội. Người ta muốn biết vua ăn ra sao, ngủ như thế nào và tò

mò nhất là chuyện “ấy”. Bọn đàn ông trong làng kháo nhau, đêm đêm bác được vua sai bồng các cung nữ đã tắm rửa thơm phức lên cho ngài “ngự”, xong việc lại bồng về. Được kề cận lá ngọc cành vàng, được hít thở mùi hương vương giả những ngàn ấy năm, ai mà không mơ ước.

Nhà tôi không ngót người tới thăm. Ai cũng muốn được gặp bác. Nhưng bác thì trốn biệt trong phòng của bà. Đó là một gian buồng kín bưng, lúc nào cũng phảng phất một mùi là lạ, như mùi của bóng tối. Bà tôi mất đã mười năm, mang theo nỗi buồn nhớ khôn nguôi đứa con bé bỏng. Bà thường nói các bà mụ nặn cái đầu bác to quá nên thiếu mất cái chỗ đó để làm đàn ông. Cho đến khi bà mất, hình ảnh của bác còn đọng lại trong bà, cũng chỉ là một đứa bé mới lên mười. Đó là năm mà bà khóc tiễn bác đi ra kinh đô xa vời vợi. Nỗi buồn xa con chỉ được an ủi đôi chút khi làng theo lệnh vua, cấp cho bà nửa mẫu công điền.

Đứa bé mười tuổi ấy một lần đi là không bao giờ được trở lại. Mãi cho tới lúc chết. Vậy mà giờ đây, sau bốn mươi năm, nhờ cách mạng bác lại được trở về với cái hào quang chói lọi của một ông quan hoạn, được vào ra chốn cung đình nghiêm mật nhưng không phải nhờ văn hay chữ tốt, không ông cống ông nghè, mà chỉ nhờ dưới háng không có “cái ấy”

Cái sự ồn ào của xóm làng rộ lên ít lâu rồi cũng lắng xuống. Biết bao nhiêu công việc mới của cách mạng đang chờ. Nào học tập đời sống mới, nào phá đình, đào đường, rồi phá thành Bình Định. Bác tôi như một con mèo ốm, lúc nào cũng run rẩy vì lạnh và vì sợ. Khi sắp xếp những người trong làng thành đoàn thể, người ta không biết phải xếp bác vào nông dân hay phụ nữ. Vào nông dân thì các ông không chịu. Nó đâu có cái ấy. Mà vào phụ nữ, các bà lại trề môi: cái thứ bị trời hoạn ấy ai mà thêm. Thành ra bác khời khời ở giữa, khỏi phải hợ hành tới lui, khỏi nghĩa vụ nghĩa việc.

Không biết cách mạng quên hay vì làng hầy còn thương bác mà nửa mẫu công điền không bị lấy lại. Tuy không còn bổng lộc, nhưng nhờ vậy bác vẫn sống được. Có điều bác không biết cầm cày cầm cuốc, không biết cấy lúa mọc lên ra sao, nên cha tôi khuyên bác cho người ta làm rẽ, rồi cát riêng cho bác một ngôi nhà nhỏ ở góc vườn. Bác sống ở đó, cũng biệt lập và kín đáo như ở trong cung cấm.

Đồ tế nhuyễn của bác đựng trong một chiếc hộp nhỏ sơn đen cẩn xà cừ óng ánh. Trong hộp chỉ có một chiếc trâm đã gãy, một vòng ngọc thạch bị vỡ, một ít viên phấn nọ màu trắng lâu ngày đã xỉn và sứt mẻ. Bác thường bày ra trên một chiếc khăn nhiễu đỏ, nâng niu mấy món đồ vô dụng ấy với tất cả lòng sùng kính. Có cảm giác như bác đang đứng hầu ai đó một cách khiêm cung. Một đôi khi bác nói thành tiếng, thưa đức ngài, con trót dại. Có thể nghĩ rằng đó là những vật trong cung mà bác vô ý làm hư hại nên bị quở mắng. Cái kỷ niệm xót xa đó gắn liền với chút vàng son một thuở khiến bác quên đi cái thực tại nghèo đói tòi tàn. Bác lơ mơ, ngây ngật giữa mùi hương lạnh lẽo và xa vắng như đang mộng du. Cầm đôi đĩa tre tưởng như đĩa ngà, bưng chén đất tưởng như chén ngọc, nghe gió thổi qua lùm tre kéo kẹt tưởng như đàn sáo diều dặt, thấy ống quần ai vén lên tận háng khi rửa chân tưởng lệnh bà đang đi tắm...

Trong khi bên ngoài, cả làng cả nước đang rùng rùng như sóng trào gió giật vì cuộc kháng chiến thì bác vẫn lặng lẽ trung thành với những hình bóng cũ. Bác quên hẳn chúng tôi và rồi chúng tôi cũng quên dần bác. Chỉ đến khi giỗ chạp, cha tôi ra mời bác mới vào. Nhưng bác chỉ đứng xa mà nhìn chứ không vào thắp hương. Cha tôi nói, bác tự cho mình có tội bất hiếu nên không dám đứng trước bàn thờ.

Năm ấy bác chỉ hơn năm mươi, nhưng vì không có râu và để tóc dài nên trông bác như một bà lão. Trong những buổi chiều tắt nắng, bác ngồi trước thềm nhà như một con chó ốm nhớ chủ,

nước mắt lặng lẽ rơi từng giọt không buồn lau. Lẽ ra bọn trẻ chúng tôi, có được một người với rất nhiều bí mật như thế là cả một kho tàng để đào bới những chuyện kỳ thú, nhưng với vẻ u buồn lạnh nhạt của bác, chúng tôi ít đưa nào dám tới gần. Cái trò tinh nghịch nhất mà chúng tôi có thể làm một đôi lần, ấy là nằm rạp trong vườn chuối để rình xem bác đáai ngồi. Bị kiến cắn và bị cha lấy roi phết lên mông nên cũng chẳng biết gì hơn ngoài cái ống chân xanh rớt và teo nhách không một sợi lông của bác.

Ấy thế mà cũng có một lần bác phải ra trước nhân dân. Trong chiến dịch bài phong kiến, không biết vì đùa nghịch hay vì ác ý, mà chủ tịch ủy ban thôn đã lôi bác ra trong một cuộc mít tinh, để hỏi về cách sống xa hoa của bọn vua chúa và cách bóc lột của chúng.

Mày làm gì trong cung?

Thưa hầu hạ.

Hầu hạ ai?

Thưa hầu vua và hoàng hậu.

Phải gọi đích danh là thằng Bảo Đại và con Nam Phương, biết chưa?

Dạ thưa biết.

Nó ăn, mày làm gì?

Thưa đứng hầu.

Nó ngủ, mày làm gì?

Thưa sửa soạn chăn màn.

Nó đáai, mày làm gì?

Dạ...

Có cầm c...cho nó đáai không?

Tới đây thì cả làng nở ra một trận cười ồm ồm mà chỉ có tiếng hô đả đảo phong kiến mới dập tắt được. Bác đứng đó, ngơ ngác, run rẩy. Chắc bác tự hỏi đây là nơi đâu? Địa ngục chăng? Bác mềm oặt ngã xuống. Lại một trận cười nữa.

Cha tôi bỗng bác về, đương nhiên là không giống như lúc bác bỗng các cung tần, mà giống như đang ôm một thằng bù nhìn làm bằng rơm.

Bác nằm như chết ba ngày đêm. Rồi bác dậy, bước vào cái từ đường là nơi lẽ ra bác được thừa tự nếu sinh được con trai. Thảm thì một lúc, bác lại về nhà mình đóng kín cửa, còn cha tôi thì xách cuốc đi đâu đó.

Một lúc sau, cha tôi về với một cục đất sét. Ông đập nhỏ, lấy một ít nước ngào trộn như lúc đắp ông táo. Khi đã thật nhuyễn, ông ngồi nặn một cái "bộ tam" có đủ cả chim đáai rồi đem phơi khô. Khi đã khô cứng ông lấy rơm đốt cho đến lúc thành sành. Dường như sau đó ông có thêm vào một ít tóc rụng mà mỗi khi chải đầu mẹ tôi thường cuộn lại như một cái kén dất lên mái tranh. Ba tôi đem đến cho bác. Cầm cái vật kỳ lạ trên tay, khuôn mặt nhăn nheo của bác như căng ra, cái nhìn của bác nửa như kinh ngạc nửa như hài lòng. Dường như trên đôi môi khô héo xanh xao của bác ánh lên một nét cười rất nhẹ. Bác nói, chú tốt với tôi quá. Rồi bác về nhà mình đóng cửa lại.

Hôm sau bác bảo tôi dẫn bác lên thăm mộ mẹ. Bác ngồi rất lâu, tay luôn bứt những cọng cỏ trên mộ bà. Khi đi về, bác ghé thăm một vài nhà quen. Những bác Năm, bác Bảy đã từng chơi với bác lúc nhỏ. Tuy có hơi bất ngờ, nhưng ai cũng ân cần chào đón bác. Lần đầu tiên tôi thấy bác vui. Trông bác không khác gì những người đàn ông trong làng.

Cứ tưởng như thế là đủ để cho bác vui sống với tuổi già. Không ngờ bác treo cổ tự tử.

Nhà bác luôn cài kín cửa, nên khi nghe có mùi hôi, tông cửa vào mới biết là bác đã chết từ lâu. Tấm thân mỏng mảnh của bác không đủ sức căng phồng lên, nhưng vẫn có những giọt nước chảy xuống đọng vũng trên nền đất bu đầy kiến. Nhiều con tinh quái còn theo sợi dây cột từ xà nhà, chui vào mắt vào mũi bác.

Cha tôi khóc, cắt dây đưa bác xuống. Lúc này bác mới thật giống là con bù nhìn. Cái lưới bé xíu của bác không biết cách thụt vào nên khuôn mặt bác trông vừa buồn cười vừa đáng sợ. Những con kiến trên người bác hết hoảng bò ra. Chúng nhón nháo tới lui trên làn da vàng ệch, búi rối chạm râu vào nhau như để hỏi thăm đường về.

Một đời lạnh lẽo của bác kết thúc như thế đó. Ngoài một vài giọt nước mắt em khóc cho anh, cũng chẳng còn ai khóc bác.

Cha tôi bảo mẹ lấy lá bưởi và lá é nấu nước để ông lau rửa cho bác. Mùi thơm của lá làm bớt đi phần nào mùi khăm khăm của thịt da mục rữa.

Cha tôi tự mình khâu liệm cho bác. Khi bác đã được lột trướng, cha tôi lấy cái bộ tam cất trong hộp đặt vào giữa háng rồi mới mặc áo liệm màu trắng. Cái vật khô cứng ấy không ăn nhập gì với thịt da bỗng nảy cao lên dưới làn vải như có ai thò tay động đậy. Một vài người đàn ông đến phụ giúp quay mặt vào vách để dấu nụ cười.

Bác được đem chôn ở chân núi Mò O, vẫn đắp mộ hình cái chàn như bao nhiêu người đàn ông khác. Cha tôi thờ dài nói với mấy người đào huyệt: thôi thế cũng xong một kiếp người. Mai sau có đầu thai ảnh cũng không còn làm quan hoạn nữa.

Lúc trở về, mẹ tôi trách cha, sao không chôn cái hộp theo bác. Cha bảo, đem theo làm gì nữa. Chẳng lẽ còn muốn ảnh làm con ma bị thiên hoài sao.

Bác được thờ trên một cái bàn nhỏ cạnh bàn thờ tổ tiên. Không có di ảnh, chỉ có chiếc hộp hình chữ nhật của bác đặt sau lư hương giống như một cái áo quan còn phủ vải đỏ chưa hạ huyệt. Mười năm sau, nhà bị đốt, cái hộp ấy cũng thành tro./.

B ó n g t h á p

Khi người thợ đào huyệt bữa nhất cuộc đầu tiên xuống nền đất bạc màu, những sợi khói xám mong manh cứ lửng lơ trên mộ không chịu tan. Người thiếu phụ không nhìn theo, nhưng nàng nghe những tiếng khô, rần gõ xuống mặt đất, như đang gõ xuống tim mình. Nàng buộc lại mái tóc, sửa lại giỏ xách trong đó có cả một bình rượu trắng để dành cho việc bốc mộ, đến nép mình sau một bụi cây. Một con cu đất lẫn trong đám cỏ giật mình bay lên. Một vài trẻ chăn trâu tò mò đứng xem. Giản dị lắm mà, anh nói, có những kẻ chuyên lo việc ấy. Họ làm gọn và nhanh lắm. Hay là để anh lo liệu cho?. Nhưng nàng lạnh lùng bảo, đó là việc của em. Thôi được, anh nói, nhưng khi nào xong việc, nhớ cho anh biết đấy.

Càng đào xuống sâu, đất sỏi ngã sang màu đỏ như pha máu. Khi chạm nắp ván thiên họ gọi nàng mang rượu lại. Họ xoa rượu cho nhau, ướt đầm như tắm, rồi họ ngửa cổ uống một hơi dài. Nắp ván thiên đã ẩm mục, chỉ cần nạy nhẹ là vỡ ra từng miếng để lộ cái poncho màu xám. Cô tránh ra chỗ khác đi, một người thợ nói lớn. Nàng giật mình nhảy thụt ra sau như giẫm phải rắn. Những người thợ túm hai đầu poncho, cùng hự lên một tiếng đã đem lên khỏi lòng huyệt. Họ trải ra trên cỏ, ngồi nhặt từng chiếc xương lẫn trong những miếng vải mục, giống như

những người dân biển đang ngồi nhặt những con cá con tôm vừa kéo lên từ một tấm lưới trủ. Bọn họ dùng rượu lau chùi cẩn thận từng lóng xương. Khi lau chiếc đầu lâu, một người cầm lên đưa về phía mặt trời ngắm nghía. Trời oi, đạn bắn trúng sọ, có một lỗ đạn thấy không. Những tiếng nói dội vào lòng nàng lao xao như tiếng sóng. Chưa bao giờ nàng muốn biết anh đã chiến đấu như thế nào. Chết cho ai, và vì sao anh phải chết? Những câu hỏi lúc nào cũng làm cho nàng ngạt thở. Trời nắng, những mẫu xương của một con người lần đầu tiên được phơi ra dưới ánh mặt trời, trắng đến nhức mắt. Họ làm việc cần mẫn nghiêm trang, ngay cả một sợi tóc cũng nhặt bỏ vào thùng xộp thay cho cái quách nặng nề.

Đến giữa Ngọ, mọi việc xong xuôi. Nàng cho thêm tiền yêu cầu bọn họ lấp giùm cái huyết mộ như cũ. Hãy còn cái bia, coi như anh ấy cũng vẫn còn nằm ở đây. Các anh nhớ lấp giùm cho tươm tất. Nàng nói, rồi lặng lẽ ôm cái thùng xộp trước ngực đi xuống đồi. Những viên sỏi vô tình lăn theo, rớt rít. Bóng nàng thu gọn giữa hai chân, đen thẫm như mực tàu.

Nàng lên chuyến tàu đêm lúc 11 giờ. Tàu rộng, đủ chỗ cho nàng để chiếc thùng xộp bên cạnh. Con tàu cũ kỹ, lắc lư, những lúc qua cua rít lên nghe rờn rợn. Chiếc thùng xộp cũng lắc theo, đôi lúc nảy lên như muốn ngã vào lòng nàng. Mặc dù đã được chèn lót cẩn thận và có cả một lá bùa màu vàng của một nhà sư, dán vòng qua nắp như một cái đai, nhưng dường như những mẫu xương trong thùng vẫn kêu rồn rảng. Lúc qua đèo Cả, chiếc thùng bỗng rơi xuống sàn. Cùng lúc nàng giật mình thức dậy, xấu hổ khi thấy mình vừa ngủ gật. Nàng nhặt lên, ôm vào lòng, không rời ra nữa.

Sao mình lại sợ nhĩ, mình đã từng bao nhiêu lần ôm anh ấy kia mà. Lần cuối cùng nàng khóc ướt ngực anh. Một tháng sau, dưới cơn mưa nặng hạt, chiếc trực thăng đáp xuống sân vận động trước ngôi trường của nàng đang dạy, mang theo hai chiếc hòm phủ cờ lạnh lẽo. Nàng được báo tin đến nhận một chiếc. Rồi một tiểu đội bỗng súng chào đến tận huyết. Những phát súng tiễn biệt vang lên buồn bã trong buổi sáng mùa đông.

Mẹ chồng nàng ở xa, chết lên chết xuống vì không nhìn được mặt con. Nàng cũng vậy, không nhìn được mặt chồng. Giả như người ta có đưa lộn ai khác hay đựng trong đó một phần tư con bò thì nàng cũng không làm sao biết được. Nỗi đau bóp nghẹt trái tim khiến nàng không khóc. Suốt buổi lễ tang, nàng lặng câm như tấm bia mộ vừa khắc tên chồng.

Mãi đến hai năm sau khi chiến tranh chấm dứt, mẹ chồng nàng mới vào thăm được. Người mẹ muốn đem anh về nhưng nàng khóc xin giữ lại. Bà nói, con còn trẻ quá mà, nhưng thôi được, khi nào đi bước nữa con hãy đem nó về cho mẹ. Và bây giờ... vậy mà đã mười năm.

Xe chạy trong đêm đang nghiêng dần về sáng nên mát lạnh. Mọi người đều ngủ cả. Chỉ những ngọn đèn vàng vọt trên trần cùng thức với nàng. Nhớ lúc mới yêu nhau, nàng chỉ thắm ao ước được đi chung với anh một chuyến xe. Chẳng hiểu vì sao, nhưng nàng thích được như vậy. Ngồi sát bên nhau, đôi lúc mỗi một tựa đầu lên vai anh mà ngủ chắc là rất dễ chịu. Nhưng xe lửa thì không chạy, xe hơi thì đắp mô, nên hai người chỉ chờ nhau lạnh quanh trong phố quận. Tình yêu vì thế, nghèo đến nỗi muốn nhớ lại cũng chẳng có một kỷ niệm nào đáng nhớ. Nhưng hai người đã yêu nhau như người nọ thắm dần qua người kia. Họ lấy nhau đơn giản cũng như mọi người.

Gần sáng, xe đến Diêu Trì. Nàng xuống xe mang theo cả một nỗi buồn mỗi mệ. Hãy còn một quãng xe hơi rồi một quãng đường đất mới đến quê chồng. Bỗng dưng nàng cảm thấy tủi thân muốn khóc. Chiếc thùng trên vai chừng 5 ký nhưng nàng thấy sao quá nặng. Như Chúa vác lên

vai cây thập tự. Không có một tên lính la mã nào nhưng nàng cảm thấy như những ngọn roi đang quất xối xả trên lưng, đau buốt.

Khi trời rạng sáng nàng lên được xe đi Đập Đá. Xe chạy một hồi đã thấy hiện ra tháp Bánh Ít sừng sững trước mặt. Ngọn tháp mà từ dưới quê mỗi khi thức dậy nhìn ra ngõ anh đều trông thấy. Nó đã ám ảnh anh đến nỗi anh nói về nó nhiều hơn nói về mẹ. Ngọn tháp ấy, hôm nay trong ánh nắng đầu tiên của một ngày bỗng tươi mới như đang nở nụ cười. Trong xe, một người đàn bà ngồi bên cạnh tò mò hỏi thùng đựng tôm đông lạnh hả. Nàng lắc đầu không nói.

Lúc xuống xe, người tài xế nói tôi biết cô đựng cái gì trong ấy, linh lắm đó. Nàng ghé vào một quán bên đường, gọi một cốc cà phê. Một người đi xe đạp thồ kéo một chiếc ghế ngồi xuống trước mặt, hỏi nàng đi về đâu. Nàng nói gần thôi. Anh ta bảo cô mang cả một thùng xộp nặng thế kia đi bộ sao nổi. Nàng lại nói, dĩ được mà, xin anh để tôi yên. Nhưng anh ta vẫn ngồi chờ, nhìn lăm lăm vào cốc cà phê khiến nàng buồn nôn, nhất là khi thấy người chủ quán lọc cà phê bằng một cái túi giống như chiếc bít tất! Nàng đứng lên trả tiền. Người đi xe đạp ôm nhanh tay bụng chiếc thùng xộp đến chỗ để xe đạp. Nàng chạy theo, giận dữ: ai cho phép anh ôm, anh có biết đựng gì trong đó không? Nàng muốn gào to, hải cốt của chồng tôi đó, nhưng nàng ngưng lại được.

Mãi một lúc sau khi thoát được anh ta, nàng mới lấy lại được bình tĩnh. Con đường đất lượn theo bờ sông giữa những nương bắp xanh mướt và ruộng lúa đang trở đồng đồng tạo cho nàng một cảm giác thanh bình. Một chiếc xe ngựa ngược chiều thả xuống trong vắng lặng những tiếng kêu leng keng của chùm lục lạc, nghe rất ấm và vui. Con đường này anh đã từng bao lần theo mẹ đi lên chợ, đã từng đi bộ xuống tận Qui Nhơn để học sau khi tiếp thu. Con đường đã từng sáng lên trong hồn anh như sông Ngân ở trên trời. Khi hết chiến tranh anh sẽ đưa em về, anh đã từng nói như thế, nhưng giờ chỉ có mình nàng thui thủi. Đây là lần đầu và cũng là lần cuối. Nghe sao buồn quá, buồn hơn cả lúc nàng sẽ theo chồng mới bỏ nước mà đi.

Qua khỏi một ngôi chùa, con đường lượn sát bờ sông. Một ngọn đồi nhỏ tròn trịa xinh xắn như ngực thiếu nữ mới lớn, trên đó một ngọn tháp rực lên trong nắng như chiếc núm màu hồng. Con sông ôm cả mây trời, ôm cả ngọn đồi và tháp thân thiết như nàng đang ôm chiếc thùng đựng hải cốt. Tự dưng nàng cảm thấy mình như những dân Hời. Cả tình yêu, cả tuổi trẻ bỗng chốc mất đi chỉ còn lại những mẩu xương khô lạnh. Những ngọn tháp cho dù trên đó hãy còn ngự trị các thần linh vẫn giống như những bộ xương khô còn sót lại của cả một thời huy hoàng lộng lẫy. Liệu mình vui được chăng, sống được chăng với miền đất mới? người chồng mới?

Anh ta, thực ra không mới. Anh đã từng có một thời nín thở mỗi khi đi qua trước nhà nàng. Anh đã từng áp ủ một mối tình câm. Anh đã làm rất nhiều bài thơ rồi xé từng mảnh thả xuống dòng sông tưởng chừng đó là trái tim mình tan nát khi nghe tin nàng đi lấy chồng. Rồi anh lao vào lính, chiến đấu như điên dại mà chẳng biết là để bảo vệ cái gì. Có một lúc, anh nói, anh muốn tìm cái chết bằng cách giáp mặt với nó. Nhưng lạ lùng làm sao khi giáp mặt anh lại muốn sống. Anh trở nên nổi tiếng gan dạ, được tặng thưởng anh dũng bội tinh. Rồi được thăng cấp, được đón chào, được một trong những em gái hậu phương ngực nở đùi to yêu những bông mai lấp lánh trên ngực anh. Nhưng sau 5 năm cải tạo trở về, bà đại úy giờ coi cái lon của anh không bằng cái bằng lái xe đường dài, bỏ lại hai đứa con cho bà mẹ mù loà để rong ruổi trên những con đường mà những chuyến buôn lậu còn ngon ăn hơn cả một năm lương của anh ngày ấy.

Anh tuyệt vọng muốn chết, nhưng rất may là còn có nàng. Dường như số phận đã sắp đặt sẵn cho anh ta và nàng, sau bao nhiêu khổ đau mất mát, vẫn còn có cơ hội để làm lại cuộc đời. Anh đã cầu xin thống thiết và cả nhà nàng, cha mẹ và các em, cũng đều thống thiết kêu van, khiến nàng có một lúc đã ngã gục như một thân cây bị cưa đổ trong một đêm gió mưa. Ừ, thì cũng

phải đi bước nữa thôi. Không thể sống mãi cho đến già. Phải có một nơi nương tựa, phải có một người gọi là chồng, phải có những đứa trẻ gọi là con cho dù không đẻ ra, phải có một mái nhà cho dù là trên đất Mỹ.

Những người khác đã làm cái điều đi bước nữa ấy từ lâu, ngay cả khi những đồng tiền tử của chồng chưa tiêu hết, nhưng với nàng sao khó khăn đến thế. Nàng không nguyên thủ tiết như người xưa, cũng không yêu anh đến nỗi không yêu ai khác được nữa. Nhưng cứ nghĩ đến lúc phải nằm bên cạnh một người khác, phải làm cái điều ấy trong đêm, nàng tự dưng cảm thấy xấu hổ. Cứ như cuộc sống phải là như vậy, lấy nhau là để làm vậy và nàng chờ đợi bao nhiêu năm cũng chỉ để làm như vậy. Sách báo, âm nhạc và bao nhiêu điều hay ho khác nữa vẫn chưa đủ sao. Những ý nghĩ ấy như tảng băng chèn giữa ngực nàng. Không lấy anh ta thì biết lấy ai. Nhưng lấy anh ta thì thịt da ấy đâu phải là của người mà nàng đã từng để cho mình tan chảy. Nàng chán chường, lưỡng lự khiến ai cũng sốt ruột. Anh ta như đứa bé đói chảy dãi nhưng chưa được ăn. Kể cũng tội nghiệp, nhưng mà nắm xương dưới mồ kia liệu có sống lại cùng người mới? liệu trong chiếc giường tân hôn lại có thêm một người thứ ba?

Sau cùng, trước sức ép của mọi người, nàng quyết định đưa hài cốt của anh ấy về quê trước khi làm lại cuộc đời. Đêm trước ngày hốt mộ, nàng đã xót xa không sao ngủ được. Nàng tưởng như mình đang nhắm mắt đuổi anh ấy đi. Đem anh ấy ra khỏi lòng đất cũng như đem anh ra khỏi tim mình. Có khác gì đuổi anh ra khỏi nhà để đón một người tình mới. Y như một người đàn bà ngoại tình, đã đến lúc phải chọn một trong hai! Bộ mình mà cũng ngoại tình được sao?! Cuộc sống là nối tiếp những bất ngờ chưa xót không biết trước được!

Phải mất cả tiếng đồng hồ nàng mới về tới nhà. Mẹ chồng không già lắm như nàng tưởng, Những đứa con lưu lạc đã trở về đông đủ trừ chồng nàng. Bà đã vui hơn cho dù những đứa trong nam ngoài bắc, gặp nhau ngoài mặt nói cười mà trong lòng vẫn còn xa cách. Thấy nàng về, ôm theo một thùng xốp chẳng ai hiểu là cái gì, nhưng mẹ chồng nàng đã hiểu. Bà nói, tội nghiệp con chưa. Con đưa nó cho mẹ. Bà run rẩy ôm cái thùng, nước mắt nhỏ xuống thùng lộp bộp như những giọt tranh ngoài hiên mưa. Người anh cả quay mặt đi không nhìn. Người em kè nói, sao chị không bỏ anh vào quách thuê xe chở đi, mang ké né bên mình khổ thế. Mẹ mắng, khổ là khổ thế nào, sống với nhau ngàn ấy năm, đầu áp tay gối, giờ ôm một chút thế này có gì là khổ. Lẽ ra mày là em phải vào trong ấy giúp chị đưa anh về. Ngồi một chỗ sưng thân mà còn nói tướng. Cái thùng được mẹ trân trọng đặt trước bàn thờ. Bà sai cậu con út thấp cho bà ba cây nhang. Đứng trước bàn thờ bà méo máo khẩn: ông ơi là ông ơi, thằng Định nó đã về rồi đấy ông. Bà lại gục xuống thùng, khóc nức nở. Mọi người trở ra, nàng cũng không dám ở lại. Không khí có cái gì hiển linh như cả bao nhiêu người chết cùng về.

Buổi chiều hôm ấy người em kè định đi thuê thợ đóng một chiếc quách để sáng hôm sau cải táng cạnh mộ cha, nhưng mẹ không cho. Bà nói, giờ tụi bay nghe tao dặn đây, cái nắm xương của thằng Ba để yên đấy. Khi nào tao chết, cũng chẳng còn lâu đâu, lấy vải bọc nó lại rồi để giữa ngực tao. Tao nói rồi, hãy để tao ôm nó mà đi về với ông bà, nghe chưa. Ai nghe cũng sững sờ. Một lời trời trăng nghe mà đứt ruột. Nàng ước gì mình cũng đang hấp hối và được trời trăng như thế.

Cả nhà giữ nàng ở lại chơi ít ngày, nhưng nàng đòi về. Nàng nói, con phải đi cho kịp tàu. Mẹ chồng kéo riêng nàng ra một góc hỏi nhỏ, con có chỗ nào rồi hả? Không đợi nàng trả lời, bà nói tiếp, kể cũng khá lâu rồi đấy. Như thế là con cũng đã trọn tình trọn nghĩa với chồng con rồi. Mẹ rất quý và biết ơn con. Nàng nói, cũng chưa có gì đâu mẹ. Mong mẹ giữ gìn sức khỏe. Xin mẹ cho phép con đi. Bà lại khóc và đưa nàng ra tận đầu xóm.

Chiều làm cho mặt sông trở nên êm dịu. Cây cỏ hai bên bờ thắm lại, phơn phớt một chút buồn. Nàng lững thững đi bộ như hồi mười lăm mười sáu vẫn thường dạo chơi sau khi tan trường. Chỉ khác, lúc đó hồn nàng đầy ấp hoa mộng, còn bây giờ là một nỗi trống vắng lạ thường. Trống và rỗng ở hai đầu như một đường hầm xe lửa ở đèo Cả. Những cơn gió lạ thổi thông thốc, lạnh buốt. Khi trao cái thùng đựng hài cốt cho mẹ chồng, nàng thấy mình chẳng còn gì cả. Nàng có cảm giác như chưa hề có mặt ở trên đời này. Cái tương lai mà người chồng sắp cưới vẽ ra trước mắt nàng có một lúc cũng xanh dịu rất đáng yêu. Nhưng giờ đây đột nhiên nàng thấy tối ám.

Đến giữa quãng trống ngăn cách hai làng, nàng dừng lại.

Nàng tìm cách xuống sông. Những hòn đất rơi lỏm bõm làm mặt sông nhăn nhúm run rẩy. Đợi cho mặt nước lặng yên, nàng ngắm cái bóng tháp dựng đầy trong lòng sông. Nó như vừa được tắm rửa trở nên thắm đỏ đẹp lạ lùng. Nàng há miệng uống vào một ngụm. Cả bầu trời xanh trong vắt, cả ngọn đồi tròn trĩnh và cả ngọn tháp đỏ rực như mới xây chui tuột vào bụng nàng. Một sức nặng không con số nào đo được kéo nàng xuống tận đáy. Trên cao, một con chim bói cá đâm bổ xuống như một mũi lao, chỉ trong chớp mắt mang lên một chú cá cuống quít vẩy đuôi óng ánh bạc. Mặt trời lặn xuống thật nhanh như có ai đó thò tay đánh cắp./.

Nàng là ai, hỡi Thúy Kiều

Là nhân vật chính trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, một người đẹp toàn tài, được xây dựng bằng một ngòi bút tài hoa, thấm đẫm tâm sự u uẩn của tác giả, nên nhiều người tin rằng nàng là người Việt. Nhưng theo Dương Quảng Hàm và nhiều nhà nghiên cứu thì nàng là người Tàu chính gốc một trăm phần trăm. Và người đã sản sinh ra nàng chính là Thanh Tâm Tài Nhân, cũng một người Tàu chính hiệu. Vậy thì có gì từ giới bác học đến bình dân, từ thành thị đến nông thôn, từ 200 năm trước đến tận hôm nay, nàng vẫn được nhắc đến như một mỹ nhân tiêu biểu của người Việt? Theo tôi, ấy là do thiên tài của Nguyễn Du, chính cụ đã đem nàng về từ Trung Hoa. Rồi, bằng thể thơ lục bát êm ái như tiếng võng ru, bằng những âm điệu ngọt ngào trong ca dao, bằng nỗi biệt ly thăm thẳm trong Chinh Phụ Ngâm, bằng nỗi oán nghẹn ngào trong Cung Oán Ngâm Khúc, cụ đã dựng nên một nàng Kiều vừa đáng thương mà cũng vừa đáng giận, một nàng Kiều thông minh rất mực nhưng cũng ngớ ngẩn khờ dại khôn cùng. Nghĩa là một nàng Kiều vừa cao xa nhưng cũng vừa gần gũi, vừa là một trang quốc sắc nghiêng nước nghiêng thành bên cạnh các nhà nho khoa cử, cũng lại vừa là một cô thôn nữ “sao anh múc ánh trăng vàng đổ đi”.

Nói theo kiểu chợ búa là “mông má” lại nàng. Nói theo kiểu tân thời là được giải phẫu thẩm mỹ. Nói theo các nhà phê bình, nàng không phải là con đẻ của Nguyễn Du mà là con nuôi, tức là phóng tác. Nhưng dù nói gì thì nàng cũng đã đến Việt Nam trên 200 năm. Và trong 200 năm đó, đúng như cuộc đời chìm nổi của nàng, biết bao nhiêu khen chê, bão táp, biết bao nhiêu lần chết đi sống lại. Linh Mục Thanh Lăng, tác giả Bản Lược Đồ Văn Học Việt Nam đã chia ra 7 thời kỳ nàng vừa được xưng tụng vừa bị đánh đập như sau:

1. Thế hệ những người cùng thời Nguyễn Du (1788-1820): Kiều chỉ mới là một hài nhi nên những người bạn của tác giả cũng chỉ ngó qua vậy thôi. Chủ yếu là nói nhiều đến nỗi mang nặng đẻ đau hay công phu khó nhọc của tác giả.

2. Thế hệ Nguyễn Công Trứ (1820-1862): Kiều bị chê là con bé ranh mãnh hỗn xược. Một người rất chịu chơi là Nguyễn Công Trứ mà cũng phải hạ những câu độc địa như:

*Từ Mã Giám Sinh cho đến chàng Từ Hải
Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu
Bây giờ Kiều còn hiểu vào đâu
Mà bướm chán ong chường cho đến thế
Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm
Bán mình trong bấy nhiêu năm
Đố đem chữ hiểu mà làm được ai!*

3. Thế hệ Chu Mạnh Trinh (1862-1913): Kiều được nhìn nhận như một cô gái nhỏ bé đáng thương, đồng hóa thân phận Kiều với tác giả, phê bình Kiều với thái độ nghệ sĩ, giàu cảm tính rất tài tử mà tiêu biểu là Chu Mạnh Trinh Ta cũng nòi tình thương người đồng điệu...đã toan đúc sẵn nhà vàng chờ người quốc sắc, lại muốn mượn chum phương thảo hú vía thuyền duyên

4. Thế hệ Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh (1913-1932): Kiều được tôn xưng là hoa hậu, là minh tinh. Phạm Quỳnh còn đi xa hơn nữa muốn Kiều trở thành giáo chủ, truyện Kiều là Thánh kinh, là Phúc âm của cả một dân tộc. Tâng bốc lên tận mây xanh, nên Phạm Quỳnh bị kết tội là học phiệt, bị Ngô Đức kế mĩa mai nước Việt Nam là Kim Vân Kiều Quốc!

5. Thế hệ Tự Lực Văn Đoàn (1932-1945): Lúc này xuất hiện nàng Loan trẻ trung sôi nổi trong Đoàn Tuyệt, nàng Mai dịu dàng dằm thắm trong Nửa Chừng Xuân, nên Kiều trở thành một bà già lắm cảm chẳng còn ai tơ tưởng tôn xưng nàng thành thần tượng nữa.

6. Thế hệ sau 45: Kiều bị đem ra đấu tố trước tòa án nhân dân, bị kết tội là phản động, đòi truy, bị đem thiêu đốt.

7. Thế hệ sau 54: Kiều đầu thai. Ở miền Bắc nàng bỗng trở thành một cô gái vô sản, là hiện thân của hàng triệu phụ nữ Việt Nam bị các thế lực phong kiến và bọn địa chủ đàn áp bóc lột. Ở Miền Nam, nàng là một cô gái hiện sinh dám dấn thân, dù suốt mười lăm năm là những tháng ngày buồn nôn. Và hai nàng Nam và Bắc hơn 20 năm gườm gúyt nhau, chửi bới nhau không thương tiếc!

Sau 75, cụ Thanh Lãng không còn sống để thấy rằng nàng Kiều miền Bắc đã hát căng nàng Kiều miền Nam ra khỏi các trường Đại học, các thư viện, khiến nàng phải lê lét dơ bẩn trong các chồng sách cũ bên vệ đường, hay theo những người đi kinh tế mới chùi đít cho những đứa bé bụng ỏng đầy gân xanh.

Nàng Kiều “thống nhất” bảnh chọe ngồi trên ngai vàng được Nguyên soái thi ca TH và nhị thập thiên bát tú xưng tụng ngất trời, còn hơn cả Phạm Quỳnh ngày trước. Giờ đây, những cuộc thi hoa hậu đủ vành đủ kiêu mở ra quanh năm suốt tháng, nàng lại được trọng vọng xưng tụng nhiều hơn nữa. Nàng phơi mở cái tòa thiên nhiên dày dày sẵn đúc cho thiên hạ lê mắt ra mà ngược nhìn bình phẩm.

Như thế đó, hơn 200 năm, Kiều đã thoát ra khỏi cái êm đềm trướng rủ màn che của sách vở để sống một cuộc đời thực cùng với những Tú Bà, Mã Giám Sinh nhan nhản trên cõi đời này. Bị vùi dập, ngay cả đem đi thiêu sống mà nàng vẫn không chết, nên nàng trở nên dày dặn hơn, lọc lõi hơn. Ta có thể gặp nàng trên đường phố mang kính dâm chạy xe Spacy, trong quán bar mặc áo hai dây, quần phơi rốn và chỉ hơn Eva một chiếc lá nhỏ bước đi nghệt nghễnh trên sàn diễn.

Trong văn học Việt Nam không có một nhân vật nữ nào lại có một đời sống dữ dội như thế. Bây giờ, không còn ai buồn biết tới cái tâm sự u uẩn, hay cái thuyết tài mệnh tương đố của cụ Tiên Điền nữa. Người ta chỉ biết có nàng đang lồng lộng hóa thân thành muôn ngàn Kiều @ ngập tràn trong đời sống. Cụ Nguyễn mà có sống lại cũng ngẩn ngơ khi ngược nhìn!

Trong tiểu thuyết của Thanh Tâm Tài Nhân, Kiều chết hẳn ở sông Tiền Đường sau khi mưu phản để Hồ Tôn Hiến giết chết Từ Hải. Nhưng cụ Nguyễn, vì quá yêu nàng nên đã để cho nàng được sống mà gặp lại người tình Kim Trọng. Chỉ có vậy thôi, không ngờ nàng sống mãi đến tận bây giờ và còn sống “phê” đến nhiều trăm năm nữa.

Thôi, cũng xin chúc mừng nàng cho dù nàng là người Việt gốc Tàu./.

Phụ đính I :

Phố núi

Bọn họ lặng lẽ đi qua cầu. Không ba lô, không súng. Trơ trọi như lúc họ mới bị ném xuống cách đây chưa được mười lăm hôm. Chỉ khác là hãy còn bộ đồ lính chưa bạc màu vì mồ hôi và nắng gió ở thao trường. Họ đi hàng một, người trước như không biết có người sau và người sau cũng không biết có người trước. Họ lầm lũi bước đi, cô đơn, tuyệt vọng, cho dù phía trước họ, trong một con phố nhỏ nào đó, trong một thôn xóm nào đó, là quê nhà với mẹ cha anh em bè bạn..

Họ đi về hướng đông, nơi quốc lộ số 1 đang nghẹn ứ những đoàn người di tản. Mặt trời vừa qua khỏi núi Đeo, chiếu thẳng vào mặt họ những tia sáng bén như gươm. Bóng họ đổ dài ra phía sau, vắt lên thành cầu, rơi xuống lòng suối, vẫn không ngừng chuyển động như những bóng đen trong đèn kéo quân.

Họ được lệnh tan hàng, có nghĩa họ được tự do trở về đời sống dân sự. Cái chiến trường khốc liệt suốt hai mươi năm đã như một cái che chắn mĩa ngón hàng vạn người, nay đã có vẻ thừa thừa không cần tới bọn họ, là những người mới tập cầm súng chứ chưa biết bắn. Có ai đó trong số họ tủi thân nghĩ rằng mình bị bỏ lại thì cũng nên nhớ cho, những doanh trại, những bãi tập, những xe pháo đạn dược còn tủi thân hơn vì chúng cũng đang bị bỏ lại, trong khi quân miền bắc từ đèo Phụng hoàng như một con lũ quét sắp tràn xuống.

Lúc ấy Liên đang thả mái tóc con gái của mình trôi dập dờn trong lòng suối. Trời mùa hè, nên nước suối ấm và trên mặt suối hơi nước ngùn ngụt bốc lên như sương. Qua rồi một đêm mỗi mệt vì lo sợ pháo kích. Nước làm tươi mới thịt da, dẫn nở các tế bào để cho đầu óc cô được ngơi nghỉ. Vậy là cọng sản sắp tới rồi, có ai đó nói như một tiếng than dài. Cô giật mình ngược mặt lên, nước theo mái tóc cô bắn tung tóe trên không, Và, nước cũng chảy tràn trên mặt cô để làm một tân binh nào đó đang đi trên cầu tưởng cô đang khóc vì mình.

Cô nhìn theo họ, quên mất là mình đang mặc một chiếc áo lót sũng nước, hai đầu vú nhô lên như hai nụ nấm chưa nở. Có một chút gì đó vừa bàng hoàng vừa tiếc nuối làm cho cô sững sờ. Cái cách họ đi như đang đi về một nơi không có mặt trời. Từ lúc chập chững bước đi cho đến bây giờ, cô không lạ gì những người mặc áo lính. Họ quen thuộc đến nỗi giống như những tảng đá hai bên bờ suối, như cây cầu, như thánh giá trên gác chuông nhà thờ. Ở cái xứ mà lính đông hơn dân, sĩ quan nhiều hơn thầy giáo thì chẳng ai nhớ nổi một tân binh quân dịch, nhất là anh tân binh ấy chỉ gặp cô có một lần.

Nhà cô ở đầu phố. Một quán sách nhỏ mà chủ yếu là bán bì thư tem thư và kem bốt đánh răng. Những lúc không đi học, cô trông hàng cho mẹ. Cô đã gặp những sĩ quan và lính pháo binh mà phù hiệu trên vai làm cho họ như có vẻ trí thức hơn nhờ những bài học về tọa độ về đường đi của đạn pháo. Cô cũng gặp những lính biệt động quân mỗi khi thua trận về quân trường học lại đều cạo trọc đầu! Nhưng gặp nhiều nhất là những tân binh quân dịch ở bộ binh Lam sơn. Bọn họ rất ít khi tán tỉnh như lính pháo binh và biệt động. Họ chỉ rụt rè đến mua bì thư, giấy bút viết thư, rồi về trút nỗi nhớ, nỗi lo sợ, nỗi khổ trên những trang giấy pelure nhiều khi bị nhòe ra vì nước mắt.

Bọn họ chỉ đến vài ba tháng rồi đi và không bao giờ trở lại. Chiến trường nuốt lấy họ như rắn nuốt nhái. Hết lớp này đi lớp khác lại tới như mùa gặt này xong lại đến mùa gặt khác. Lúc họ đến, bất kể là nắng hay mưa, là ngày hay đêm, từ trên xe nhà binh họ bị hát xuống, ngỡ ngác giữa khung cảnh xa lạ với những người mà mỗi mệnh lệnh là một nắm đấm tọng thẳng vào giữa mặt. Họ là những học trò chưa quên được những ô cửa sổ trong lớp học, những con nhà nông chưa quên được mùi bùn đất của thửa ruộng vừa cày. Họ lúng túng, rụt rè, thấy thứ gì cũng sợ, gặp ai cũng không dám nhìn thẳng mặt. Họ nói lí nhí, lễ phép một cách vụng về. Họ gần như không còn một chút bản lĩnh nào khi đứng trước con gái, nhất là người con gái ấy đẹp như Liên.

Cô gặp anh ta trong hàng sách của mẹ. Cái đầu mới húi 3 phân, hầy còn để lộ những cái sọc lúc nhỏ, khi anh lấy mũ xuống một cách không cần thiết lúc bước vào quán. Bộ đồ anh mặc chưa kịp sửa rộng thùng thình khiến anh như bơi trong đó mỗi khi đi. Nhìn về mặt thư sinh phẳng phất một chút sợ, một chút run, cô suýt bật cười thành tiếng. Cô thấy mình giống như cô giáo và anh là một học trò áp úng vì không thuộc bài. Cô thân mật hỏi, mua gì nào, để giúp anh thêm đạn dĩ. Nhưng nghe tiếng cô, anh lại luống cuống đội mũ lên, định bước ra như nghe ai quát. Cô lại phải gọi, anh gì ơi, mua gì em bán cho. Mua giấy viết thư phải không?

Trời ạ, đến nước này mà anh vẫn không nói ra lời. Anh chỉ biết đưa ngón tay trở đang run chỉ vào ngăn tủ để bì thư. Cô lấy ra cho anh một xấp phong bì, vài chục tờ pelure màu xanh, một chục cái tem thư. Cô cho tất cả vào một phong bì loại dày của Mỹ, đặt trước mặt anh trong khi anh lúng túng cho tay vào túi tìm ví đựng tiền. Anh lựa những tờ bạc mới và thẳng nhất đưa cho cô với cái nhìn biết ơn. Rồi anh đi, lẩn vào hàng trăm hàng ngàn người lính khác trong chiều chủ nhật. Và trong cô, chẳng có một chút xô xao nào ngoài một cái nhìn thương hại.

Nhưng lúc này, nghe mấy tiếng *cộng sản sắp tới rồi*, cô lại nhớ tới anh, mà lại nhớ rất rõ như vừa mới gặp hôm qua. Cô nhớ cả những hạt mụn đỏ trên mặt, những sợi lông mày đậm và chắc, cái miệng môi dưới hơi trễ. Khi anh bước ra, cô trông thấy cổ anh lấm tấm mồ hôi. Anh cô đơn đến tội nghiệp. Bộ đồ lính chẳng những quá rộng mà còn quá sức đối với anh. Con người mảnh dẻ với những ngón tay thanh mảnh đẹp như tay con gái ấy, sinh ra không phải để cầm súng. Đó là bàn tay của nghệ sĩ violon cầm archet, của bác sĩ cầm dao mổ, của thầy giáo cầm phấn. Nhất định là anh bị tóm trước một cổng trường nào đó và mẹ anh chị anh chắc đang nẫu ra từng khúc ruột. Những bức thư sẽ được anh viết ra trong những đêm nhớ mẹ nhớ chị. Anh hãy còn non nớt quá, mong manh quá chưa có nỗi một người con gái nào đó để viết thư. Anh là cả một sự trong sáng và ngây thơ đến cảm động.

Và bây giờ anh là một trong những tân binh đang lặng lẽ đi qua cầu. Anh đã đi qua chưa, hay đang qua, sẽ qua? Làm sao từ dưới suối nhìn lên biết được khuôn mặt nào là của anh. Làm sao phân biệt được những hạt mụn đỏ và cái môi trễ! Cô mãi ngược mặt trông theo, quên mất là mình đang ăn mặc không kín đáo. Cô liền ngồi thụp xuống suối, úp mặt trong làn nước để che bớt nỗi xấu hổ đang làm mặt cô nóng bừng. Mình vô duyên quá! Bao nhiêu cặp mắt từ trên

cao âm thầm nhìn xuống, liệu trong số đó có con mắt của anh? Và anh sẽ nhớ mãi hình ảnh của cô đang đứng giữa lòng suối trông lên? Anh sẽ nhớ tóc cô đen dài ướt nước, ngực cô phập phồng sau làn áo mỏng?

Bọn họ đã đi qua hết, để chừng có cả một tiểu đoàn. Khi người cuối cùng qua khỏi cầu, người thứ nhất đang đi qua núi Đeo. Nơi đây cái tháp biệt động quân với chữ Sát màu trắng còn đứng đó như một lời nguyện. Những chiếc jeep của các sĩ quan có bồn phận ở lại sau cùng đã nhún ga vượt qua họ.

Cô buồn bã leo lên khỏi suối trở về nhà, chui nhanh vào buồng thay quần áo. Khi chiếc áo lót được cởi ra, không hiểu sao cô giật mình đưa tay lên ôm lấy ngực. Cô đứng tần ngần một lúc, tự hỏi ai là người sẽ bảo vệ mình khi cọng sản tới. Đã đành nhà cô chẳng còn ai là lính khi cha và anh cô nối nhau bỏ xác ngoài chiến trường, nhưng ai mà biết được mẹ con cô không bị tù vì là cô nhi và quả phụ. Mẹ cô đã đóng cửa quán từ mấy ngày qua. Bà không ngớt đi ra rồi lại đi vào. Trước đây bà bảo nhà mình việc gì mà phải chạy đi, nhưng giờ bà lại sốt ruột giục Liên mau mau đi kiếm xe để ít nhất cũng tới được Phan thiết, là nơi người ta đồn đoán Mỹ chỉ chia cho cọng sản tới đó. Liên bảo, lính mà còn phải đi bộ kia, giờ thấp đuốc cũng chẳng tìm ra xe đâu mẹ. Bà thở dài nói, hay là mình ra suối kiếm chỗ nào trốn. Liên nói, thôi mẹ ạ, cứ vào nằm nghỉ, việc gì tới sẽ tới, có lo cho lắm cũng không được gì.

Chiều hôm đó những chiếc T.54 đầu tiên rền rĩ qua cầu. Theo sau là những toán bộ đội mình phủ đầy lá ngụy trang. Bọn họ nhanh chóng tiến chiếm các trung tâm. Cờ cũ được kéo xuống xé bỏ trên đất, cờ mới được kéo lên, gặp gió bay phấp phật. Chẳng phải mất một viên đạn nào. Lịch sử đã sang trang như thế đó, cứ như lật một tờ giấy. Mẹ nói, cảm ơn Trời Phật, không một ai bị giết là mừng rồi.

Liên nhìn hàng đoàn dài bộ đội đi qua, súng cầm tay và đạn đầy mình, lại nhớ tới đoàn quân không vũ khí ban sáng, cảm thấy mọi sự như đã được số mệnh sắp đặt sẵn. Hai hình ảnh trái ngược nhau, một rất tĩnh, một rất động, để lại trong tâm hồn cô những đường kẻ sâu và dài. Nhưng trong khi người và súng cứ tiếp nối qua cầu, mỗi lúc một nhiều hơn đã bắt đầu phả vào không khí mùi mồ hôi chua nồng, thì đám tân binh buổi sáng cứ mờ dần, rồi tan biến vào trong ký ức từ nay đã phủ đầy bụi.

Đêm xuống.

Đêm của giao thời.

Không như đất trời giao mùa đem nhựa mới nuôi cỏ cây.

Không như giao thừa, mọi nhà đều náo nức đón chờ xuân. Đây là đêm của kẻ thắng và người bại. Kẻ thắng đội mũ tai bèo đi lùng sục những kẻ bại đã vứt bỏ cả áo lính vẫn bị gọi là phản động. Những tiếng gõ cửa như tiếng búa gõ vào nắp áo quan. Những người đàn ông bị trói giật cánh khuỷu dẫn đi trong bóng đêm. Và sáng ra đã có những xác không đầu làm kinh hoàng những người ra suối tắm giặt. Sau này người ta bảo đó là kết quả của những mối tư thù. Nhưng sự đổi thay không diễn ra một cách êm thấm như ở các quân trường, mà ồn ào và dữ dội trong từng con hẻm, từng góc phố. Nhà này sao còn vẽ cờ ba sọc? nhà kia sao lại may cờ chỉ bằng bàn tay? Xương máu đổ ra biết bao nhiêu mới có ngày hôm nay, bộ không may nổi cờ một thước sao? Ngoan cố hả? Họ đâu biết lúc này tìm không ra vải đỏ. Những du kích bên hông lưng lửng lựu đạn, những kẻ ăn theo cách mạng tay đeo băng đỏ, đi nghênh ngang trong phố với vẻ mặt đắc thắng hả hê. Vẫn là những người ở các buồng làng quanh đây, vẫn là những kẻ mới vài hôm trước còn ngồi uống cà phê ở góc chợ, nhưng nay bỗng trở nên đầy quyền uy, miệng đã bắt đầu thét ra lửa.

Cuộc tiến chiếm chỉ vài ngày là xong, trường học được lệnh mở cửa lại. Liên nôn nao đến trường, thầy cô vẫn còn đó. Thầy vẫn quần áo tươm tất, chân mang giày, cổ thắt cà vạt. Cô vẫn áo dài thướt tha, nhiều chiếc sặc sỡ, kiểu cách. Nhưng sao trông ai cũng có vẻ khác, không còn chút gì đỉnh đạc tự tin như ngày nào. Ai cũng lớ ngớ, lóng ngóng, cảm thấy đứng đâu ngồi đâu cũng không phải đúng chỗ của mình. Có lẽ vì xuất hiện giữa họ là ông phụ trách trường. Ông mặc áo quần bộ đội, đội mũ cối, ngồi chồm hồm trên thềm trước văn phòng. Chiếc ghế được một nữ sinh trực lễ phép đem ra mời vẫn bị ông để không bên cạnh. Ông không nói chuyện với ai, chỉ rít thuốc liên tục. Chính cái sự thờ ơ đó, cái yên lặng như cố ý đó khiến mọi người nhận ra mình cũng là những kẻ thua trận và mặc cảm tội lỗi làm cho họ trở nên thấp bé nếu không muốn nói là thấp hèn.

Một lúc sau ông uể oải đứng lên đi vào. Có lẽ vì thói quen, ông đưa tay ra sau phải đút. Một ít bụi rơi vãi trong khi thầy cô vội vã nhưng khép nép lần lượt theo sau. Mọi người e dè ngồi xuống chiếc ghế quen thuộc thường ngày. Cái ghế dựa dành cho hiệu trưởng được nhường cho ông. Nhưng ông không ngồi, chỉ đứng sau lưng ghế, tay đặt lên thành ghế, nhìn mọi người một lượt với cái nhìn mỗi một của một người thiếu ngủ, thiếu ăn nhưng có lẽ không thiếu bệnh sốt rét

Ông nói, các bạn, hôm nay trường ta vui mừng được giải phóng. Tôi có vinh dự được tiếp quản. Có một số công tác cần trao đổi với các bạn. Một là phải khẩn trương đào hầm để tránh máy bay địch vẫn còn ngoan cố đánh phá. Hai là, phải xóa sạch tất cả cờ ba sọc trên vách và trên mái nhà. Ba là thu gom tất cả sách báo độc hại của Mỹ ngụy để tiêu hủy. Trước mắt chỉ có vậy thôi, các bạn nhớ khẩn trương. Lúc mọi người đứng lên định trở về lớp, ông ra hiệu dừng lại, nói, à quên, còn một việc nhỏ, đó là từ nay các anh thôi đeo những cái gì lòng thòng trước ngực, các chị cũng đừng mặc áo dài. Lao động mà như thế nhân dân sẽ phản ánh không tốt.

Cứ tự tiện trét sơn lên vách, cứ thoải mái leo lên mái nhà, cứ lực tung tử bàn để tìm sách báo..hàng đồng những việc kỳ quái như thế, khiến Liên tự hỏi, mình đang đi học hay đang tham gia vào hồng vệ binh. Hôm đốt sách tại sân trường, Liên lén dấu được một cuốn. Nhưng biết bao nhiêu sách báo đã ra tro. Những trang sách thơm mùi mực in, run rẩy cong queo trông tội nghiệp làm sao. Trong tiếng lửa cười khàn khàn, cô nghe như có tiếng kêu cứu của mấy chị em nhà mẹ Lê, tiếng hú thất thanh của thằng gù nhà thờ Đức Bà và trông thấy mái tóc hoe vàng của hoàng tử bé bắt lửa nhanh như râu bắp. Rồi phải học yêu những thứ cô không muốn yêu và học ghét những thứ cô không thấy ghét. Càng học, cô càng thấy mình bắt đầu dối trá. Chẳng những riêng cô mà cả thầy và trò cũng đều học nói dối và nghe nói dối. Phê bình là bươi móc hành hạ nhau mà vẫn xoén xoét bảo là xây dựng để tiến bộ. Người được xây dựng toi tả như một cái tã rách mà vẫn phải nói nhờ ơn đảng ơn bác.

Liên nản quá không muốn đi học nữa, nhưng mẹ bảo không đi học ở nhà người ta bắt đi thanh niên xung phong. Con có xung phong đâu, đã nói xung phong sao lại bắt đi, cô cãi. Mẹ lo lắng, nếu để xã lên danh sách, không xung phong cũng không được. Liên thở dài ngao ngán. Giờ là lúc không phải muốn hay không muốn con à, mẹ nói, phải như người khác thôi. Cứ cầm đến sách vở là cô thấy như ù tai chóng mặt. Những ngày tháng cũ tuột ra khỏi cô như con rắn bị lột da chứ không phải tự lột. Mỗi khi mở tủ trông thấy chiếc áo dài trắng cô lại rưng rưng muốn khóc. Chiếc áo nằm co ro như một đứa em bé nhỏ đang bị sốt. Chưa bao giờ cô cảm thấy tâm hồn cô trống vắng như lúc này. Cô bỗng liên tưởng đến người tân binh họ. Sao cô thấy mình trơ trụi giống như anh, phía trước mặt là một khoảng trống ngút thờ.

Nói vậy, chứ Liên cũng cố mà đi học để được đi thi. Nhà Liên cách xa phố huyện cả chục cây số. Không như ngày trước leo lên xe GMC của trung tâm, cô và các bạn chỉ lo ăn quà vặt, tán chuyện, tới trường lúc nào không hay. Bước vào cổng với tà áo trắng như mây, ai cũng tưởng

mình là tiểu thư và ai cũng tin là mình đẹp. Giờ cô phải lấy xe đạp cũ, cọc cạch đạp mãi cả tiếng đồng hồ mới tới Chỉ thiếu có bó củi sau yên xe là cô không khác gì người đi rẫy về.

Trường học giờ như có xác mà không hồn. Vẫn thầy cô đó, bạn bè đó, nhưng Liên cảm thấy đã không còn cái vẻ đáng kính, đáng yêu như ngày xưa. Có phải vì thiếu những chiếc cà vạt, những tà áo dài, hay đã chen vào trong đầu óc những hơn thua dè bỉu, nhà này cách mạng, nhà kia nguy quân. Có vẻ như ai cũng già đi, hay ai cũng cố làm ra vẻ bình dân, biến sự giản dị thành ra lời thôi luộm thuộm. Đó là chưa kể một số thầy cô tự lừa dối mình, gọi ca những thứ không đáng gọi ca, nguyên rửa những thứ không đáng nguyên rửa.

Lắm khi, ngồi nghe thầy cô nói, Liên tưởng như đang ở bến xe hay trong chợ cá. Một khi trường học đã không còn là nơi mà sự trong sáng, sự chân thật được gìn giữ nâng niu, không còn là nơi ấm êm vui vẻ nữa, thì mỗi ngày đi học với Liên là một cực hình. Chưa bao giờ Liên thấy đôi tai và đôi mắt của mình bị hành hạ như lúc này.

Vậy mà rồi đi thi cũng đỡ gần như cả lớp. Có được mảnh bằng treo nhông nhánh cho vui, chứ chẳng dựa nào lên đại học. Cả bọn lăn vào đời bằng đủ thứ nghề. Trinh đi buôn cà phê được vài chuyến thì bị hốt. Tân đi núi điệu, ba tháng sau trở về như người rưng. Chút trầm tìm được bán ra không đủ tiền mua thuốc. Lan chạy chợ đến phờ phạc cả người. Liên bán những vật dụng cũ, những kèm búa, đinh, ốc vít..Cô ngồi một chỗ như chảy dài ra trên ghế.

Suốt ngày, đọc mãi sách đến mòn vẹt..Cái phố nhỏ ngày nào nhộn nhịp sống nhờ lính, giờ thưa vắng đến thảm hại. Nhiều nhà treo bằng bán như cho nhưng chẳng ai mua. Ba trung tâm, giờ chỉ có một dúm quân, cở cao ngập đầu, chẳng ai biết họ làm gì trong đó.Thình thoảng một vài người dạo qua phố, trông ngơ ngác lạc lõng. Dường như dưới mắt nhìn của họ, mọi người hãy còn là kẻ thù, lúc nào cũng cần phải đề cao cảnh giác

Không còn cảnh lính xả trại đi hàng đoàn. Không còn mẹ, vợ, người yêu tới lui viếng thăm bịn rịn. Không còn xe nhà binh ra vào tung bụi lên mù mịt. Không còn tiếng kèn đồng báo hiệu một ngày đổ mồ hôi đã hết. Tất cả đều không còn. Chỉ có tiếng ve kêu thét lên như xé họng. Ba công quân trường vẫn mở toang nhưng chẳng ai dám vào. Một sự im lặng, bí mật đầy dọa nạt, cứ như đồn trại của kẻ địch ở bên kia biên giới. Có việc cần phải đi ngang qua, Liên chỉ làm lúi búi bước chứ không muốn nhìn vào.

Tháng ngày cứ trôi đi, trôi đi như con suối đã từ lâu vẫn chảy. Nhưng cuộc sống như ngừng lại. Mà ngừng một cách âm ỉ. Liên không hiểu sống để chờ gì, đợi gì. Bớt gạo, độn thêm mì bắp, bớt đi một chén, hay nhịn thêm một bữa để rồi được gặp ai, chờ ai. Ngày mai rồi ngày mai, tóc mẹ bạc thêm một chút, mình già thêm một ngày và như vậy là bước tới tương lai sao?

Đến lúc phải bỏ nơi này mà đi thôi con à, mẹ nói thầm khi hai mẹ con đã vào giường. Đi đâu hả mẹ? Liên ngơ ngác hỏi. Đất trời cao rộng, không sống được ở đây thì đi nơi khác. Nơi nào chẳng là của cộng sản. Đi vượt biên thôi con à, mẹ kê vào tai Liên nói. Không dễ đâu mẹ. Không dễ cũng phải đi, mẹ quả quyết. Mẹ không đành lòng nhìn thấy con chết dần, chết mòn ở đây. Con nghĩ mà xem, không một cái chữ cho ra chữ, không một việc làm cho ra việc, không một đồng bạc cho ra đồng bạc và cũng sẽ không có một người chồng cho đáng tám chông. Một trăm năm nữa cũng không ra gì hết, sống như vậy mà sống được sao? Bà nói như trước kia giục chồng di cư vào nam. Nhưng biết làm sao mà đi? Liên hỏi. Việc ấy để mẹ lo. Một lúc, mẹ lại thì thào vào tai, nói để con mừng, mẹ đã lo xong rồi Chút tiền dành dụm mẹ đã góp cho người ta mua bãi.

Từ khi cái hạt mầm vượt biên được mẹ gieo vào đầu, Liên cứ ngơ ngơ ngẩn ngẩn. Bỏ nơi này mà đi sao? Bỏ những buổi sáng sương giăng kín núi rừng, bỏ những buổi chiều hoàng hôn tím

thắm, bỏ những đêm trăng sáng bạc, bỏ con suối thân quen từ lúc âu thơ, bỏ hết sao? Cô không phải quê quán ở đây nhưng được sinh ra ở đây từ ngày quân trường mới thành lập, lúc ấy ba hã còn là một trung sĩ, mẹ hã còn là cô gái bắc kỳ chưa quen bỏ cái khăn vành. Cô giống như một cái cây được mọc lên ở đây, giò búng gốc đem trồng chỗ khác, sống được chăng? Nhưng ở lại với nón cối và mũ tai bèo, cô nghĩ, ước chi mình không được sinh ra thì lại hay hơn

Trong khi chờ ngày đi, cô lại thường ra suối. Cô không còn bé để có thể trần truồng ngâm mình trong nước nên chỉ có thể từ trên gộp đá thòng chân xuống suối vừa nghịch nước vừa nghĩ ngợi vẩn vơ. Bỗng dưng cô lại nhớ tới cái hàng quân cũng bỏ lại tất cả mà đi. Cô không còn hình dung ra được chàng tân binh tội nghiệp nọ, nhưng cô nhớ tới những ngày tháng cũ xiết bao, mới đó mà đã xa thăm thẳm.

Ngày đi rất bất ngờ, chỉ báo trước có ít phút. Mẹ chỉ vừa kịp mang theo một hộp sữa và mấy ổ bánh mì hôi mùi mốc. Xe chở tới đèo Cả rồi bỏ rải rác từng người trốn vào các bụi cây. Sau đó nín thở đu dây xuống thuyền thúng. Liên lo sợ cho mẹ nhưng bà tỏ ra rất bình tĩnh và gan dạ. Trước đây cô có nghe nói lính biệt động tập đu dây tử thần, sai sót một chút là bỏ mạng. Giờ cô thấy mình tuy không là lính nhưng cũng đang chơi trò sắp ngửa với tử thần. Cũng may, những người tổ chức có lẽ đã quen việc nên mọi sự rồi cũng xong.

Có đến vài mươi người đã đợi sẵn trên con tàu chỉ rộng bằng hai chiếc chiếu. Hai mẹ con cô cùng với năm người khác được kéo lên. Đêm tối đen. Tàu lặng lẽ ra khơi. Mẹ Liên rì rầm niệm Phật. Biển dợn hiên như bé con đang say ngủ. Mọi người trên tàu sau những nôn nao lo sợ cũng thiếp đi.

Lúc tỉnh dậy, Liên thấy mênh mông trời và nước. Con tàu mong manh bé nhỏ cố sức trườn qua những con sóng cao lừng lừng. Đã có người say sóng vật vã. Trọn một ngày không thấy đối, Liên chỉ thấy khát. Nước mang theo rất ít, nên chủ tàu chỉ phát cầm chừng, Liên và mẹ mỗi người chỉ được một ly nhỏ. Lúc này Liên mới thấy nhớ con suối nước tung bọt trắng xóa, reo vui đùa giỡn quanh năm. Có lúc nước lên cao tràn qua cây cầu cũ từ hồi Pháp thuộc, ùa vào tận phố chợ cho trẻ nhỏ thả thuyền giấy. Ở một nơi như thế, không khi nào Liên thấy khát. Giờ mỗi một giọt nước quý như một giọt máu.

Rồi lại một đêm phó mặc cho số mệnh. Tàu chạy chậm rì rì. Sáng hôm sau, chưa ra tới hải phận quốc tế, biển đang hiên ngoan bỗng trở nên bướng bỉnh. Sóng cao như núi, mây đen ôm kín bầu trời. Chủ tàu xanh mặt lo sợ. Điều khủng khiếp nhất của người đi biển đã tới. .

Bão!

Gió giật từng cơn trút xuống thuyền những đợt mưa xối xả. Biển lại đưa những bàn tay nước mặn chát và vào mạn thuyền. Đúng lúc đó bánh lái gãy. Chủ tàu kêu lên trong tuyệt vọng: cầu nguyện đi, cầu nguyện đi bà con ơi.

Biết cầu nguyện thế nào ngoài hai tiếng Trời ơi! Và hai tiếng tự do cũng đã tắt lịm trong lòng. Trong gió bão, Liên nghe mẹ hét vào tai mình: mẹ hại con rồi, con ơi!

Đến nước này, thôi chẳng còn gì để nói về họ nữa. Cầu chúc linh hồn họ tìm được về nơi phố núi cũ. Ở đó, có hai ngôi mộ lúc ra đi chưa kịp thắp hương từ biệt. Và cũng ở đó, căn nhà nhỏ của họ bị chính quyền niêm phong vì chủ nhà mang tội phản quốc/.

15/7/01.

Thư gửi người tình trăm tuổi

Thưa Anh,

Đúng năm mươi năm tức là một vạn tám ngàn ngày (kể cả đêm) em mới viết được bức thư này cho Anh.

Trước hết em xin chúc mừng Anh, người tình một trăm tuổi. Trong cuộn băng video mà em may mắn có được, trông Anh hãy còn phong độ lắm. Anh ăn mặc chải chuốt còn hơn cả lúc Anh làm Hiệu trưởng. Complet đen, áo màu tím hoa cà cùng màu với cà vạt. Tóc tuy đã rụng gần hết nhưng cái trán và đôi má Anh vẫn căng bóng, xin lỗi như thể bọn đàn bà chúng em vừa mới đi mỹ viện. Hàm răng giả được trồng với kỹ thuật tiên tiến nhất nên trông cứ như thật. Nó khiến giọng nói của Anh vẫn không khác xưa là mấy, rất ấm áp nhẹ nhàng nhưng cũng rất mỉa mai châm chọc. Khi nhìn chiếc bánh sinh nhật mà ban tổ chức cố ý chỉ cắm một cây nến, Anh cười nói: “A, chắc sợ tôi không đủ hơi thổi tắt 100 cây chớ gì? Thôi cũng được, rất cảm ơn. Nhưng chỉ có một cây như thế này tôi tưởng mình vừa đúng thôi nói!”. Cả trăm tân khách là học trò Anh giờ này ai cũng đã nên danh phận khoái chí vỗ tay như sấm dậy. Quả là Anh rất có duyên khôi hài.

Ừ nhỉ, khi con người đi hết cái vòng đời một trăm năm thì có khác gì được sinh ra một lần thứ hai để bắt đầu một vòng đời mới. Anh là người tình quý hiếm nhất của em, bởi mấy ai trong cái cõi người ta hạn hẹp này lại sống đến trăm tuổi như Anh. Trong khi những Hitler, Stalin, Mao Trạch Đông, rồi Kennedy, Nixon và cả Đức Giáo Hoàng cũng chìm dần vào bóng đêm của lịch sử thì Anh vẫn nguyên vẹn qua hai cuộc thế chiến, qua những tháng năm Nam Bắc cách chia khói lửa mịt mù. Dù cho Thần Chết đã nhiều lần khản tiếng gọi tên nhưng Anh vẫn không chịu lên tiếng. Nói theo kiểu bình dân là Trời đã kêu nhưng Anh không thềm dạ! Anh như một con tàu dũng mãnh với cả một trăm toa tuổi đời mà vẫn không một chút phì phò ề ạch. Giờ đây, Anh đang kéo còi lừng lững tiến vào sân ga của Thiên niên kỷ mới. Về mặt tuổi tác quả thật Anh hết sức vĩ đại. Một lần nữa em xin chúc mừng Anh mặc dù Anh đã quên em trong Đêm Trăm Năm Mừng Thọ đáng nhớ ấy.

Thưa Anh, em không dám trách Anh đâu, bởi cái đức tính gần như cội rễ của đàn ông là hay quên, nhất là quên những người đàn bà. Chỉ sau một đêm thôi đã không còn muốn nhận ra nhau huống gì đến một vạn tám ngàn đêm, Anh nhỉ ? Nhưng, bọn đàn bà chúng em thì lại khác. Chỉ một phút giây mà còn chưa quên được nói gì đến cả một đêm. Thật đấy, đã nửa thế kỷ qua rồi mà em vẫn không quên được Anh. Em đã chai sạn, lì đòn, khôn hơn nhưng em vẫn không thể xua đuổi cái bóng hình Anh giống như bá tước Dracula mặc áo choàng đen bay lượn trong trí nhớ chập chờn.

Buổi chiều hôm ấy em nhận được điện tín của Anh. Vắn vắn có mấy chữ: “ Gặp nhau ở Tháp Chàm”. Em phải lên tận ga mới biết được tàu từ Sài Gòn ra và tàu Huế vào tránh nhau tại Tháp Chàm lúc 2 giờ sáng. Như vậy, để gặp Anh em phải lấy vé đi Tháp Chàm rồi sau đó lên tàu cùng Anh đi ra. Chúng ta sẽ có trên một trăm cây số bên nhau trên tàu, sẽ có một phần tư của đêm để yêu và được yêu. Thật là lãng mạn. Cứ như gặp nhau trong phim vậy. Em ngất ngây sung sướng. Tuổi mười chín của em bỗng đỏ rục như ráng chiều. Đẹp ơi là đẹp. Còn Anh, tuổi năm mươi của Anh sao vẫn còn tinh nghịch trẻ trung đến thế. Nếu Anh hẹn gặp em ở một nơi nào đó trong thành phố này lúc 2 giờ sáng chắc chắn là em bảo Anh điên. Nhưng trên xe lửa thì em thấy kỳ diệu làm sao, đáng yêu làm sao, chỉ có Anh mới nghĩ ra được cái cuộc hẹn hò lạ lùng không giống ai này.

Còn nhiều tiếng đồng hồ nữa mới có thể lên tàu gặp Anh. Em phải cố giữ cho thật tự nhiên trước ba mẹ. Em lấy có hơi mệt đi ngủ sớm. Nằm một mình em chỉ nghĩ đến Anh. Ba năm trước em quen Anh, thực ra là được học với Anh. Là một giáo sư phong nhã, kiến thức uyên thâm, cùng với cách ăn nói duyên dáng ý nhị, Anh đã làm cho cả lớp ai cũng gục ngã vì Anh. Gục ngã có nghĩa là phục Anh sát đất. Vì vậy, bao nhiêu bạn trai trong lớp từ lâu để ý đến em đã dần dần bỏ cuộc. Dường như họ biết rằng việc chinh phục em là không thể được. Nếu gọi Anh là tình địch thì họ đã tự nhận thua xa Anh rồi. Có vẻ như họ nhường cô gái xinh nhất lớp và nhất trường cho người thầy mà họ thấy thua hết thầy ngoại trừ tuổi trẻ.

Em đang nghĩ cách làm sao ra khỏi nhà mà ba mẹ không hay. Em nghe tiếng ba em tung kinh, tiếng mẹ em loay hoay dọn dẹp, tiếng radio hàng xóm đọc truyện đêm khuya, rồi tiếng ngáy rồ rồ của ba, tiếng thở nhẹ của mẹ. Chưa bao giờ em thấy hồi hộp như lúc này. Em rón rén thay quần áo trong bóng tối. Em lấy đại, chẳng biết áo quần màu gì. Không phải áo dài, áo ngủ là được. Mặc dù rất muốn nhưng em không thể nào trang điểm. Em sẽ bối quệt lung tung và Anh sẽ nhìn thấy em như một mù điên. Một chút nước hoa cũng không dám vì mùi nước hoa có thể sẽ đánh thức mẹ em dậy. Thôi thì cha sinh mẹ đẻ như thế nào, em sẽ đến với Anh như thế đó. Em tin rằng tuổi trẻ của em là quá đủ cho Anh rồi, phải vậy không? Có thể là hơn thế nữa vì em rất đẹp như Anh nói. Dường như Anh đã tôn em làm nữ hoàng. Khi yêu nhau con người ngộ nghĩnh quá Anh nhỉ ?

Em ra khỏi nhà như một tên trộm, len lén đi trong bóng tối của những hàng me. Giờ này thì chẳng còn lo sợ gặp người quen. Nhưng thật khổ thân, nhiều kẻ tưởng em là gái làm tiền. Bọn họ trêu chọc sàm sỡ khiến em phải bỏ chạy. Cũng may có một chiếc xích lô trời tới đưa em lên ga. Người ta mua vé đi Sài Gòn Phan Thiết, chỉ có mỗi mình em là đi Tháp Chàm. Em ngồi thu lu một mình trên ghế đờ. Tất cả náo nức làm cho em quên lủ rệp đối đang rủ nhau đến cầu véo. Đạo ấy chiến tranh chưa đến hồi khốc liệt nên tàu đến rất đúng giờ. Em lên toa hạng ba, ngồi quay mặt ra khung cửa lạng ngấm cây cỏ núi đồi. Em tưởng tượng chốc nữa Anh sẽ đứng bên em, sẽ choàng tay ôm em. Cả hai sẽ cùng nhìn đất trời lai láng dưới ánh trăng. Cũng đẹp và thơ mộng như những con tàu lạng lẽ lao đi trong những đêm tuyết trắng. Tóc em sẽ quăn lấy cổ Anh và em nghe hơi thở Anh ấm nồng một bên má. Ôi chao, em như muốn bay ra khỏi con tàu lao nhanh hơn cả nó. Em bay về phía Anh chắc lúc này cũng đang rộng mở cả đôi tay và tâm hồn để đón đợi em.

Nhưng sự thực thì không phải thế. Khi con tàu dừng lại ở ga Tháp Chàm, chỉ có mỗi mình em xuống ga. Chỉ một mình em trong đêm khuya đứng chờ con tàu Anh. Những cơn gió mang hơi lạnh của Đà Lạt thổi xuống làm cho em run rẩy. Bây giờ em mới biết là mình đang mặc một chiếc váy mỏng tang. Cũng may chỉ mười phút sau là tàu Anh tới. Trong tiếng rì rầm của hàng trăm bánh xe nghiêng trên đường sắt, em nghe tiếng Anh gọi. Anh không xuống sân ga mà chỉ đứng trên bục cửa kéo em lên. Rồi Anh đưa em vào toa couchette. Trong toa chỉ có Anh và em. Không phải tàu thưa khách mà Anh đã bao hết cả phòng. Cần một chỗ riêng tư Anh đâu có ngại gì tốn kém. Có lẽ Anh sẽ khui một chai rượu như những cặp tình nhân trong phim để uống mừng nhau. Dù chưa hề ném một giọt rượu nào nhưng để cho Anh vui và để mãi mãi không quên đêm nay, em sẽ cố uống với Anh một ly. Tiếc thay cái bàn con không có một lọ hoa. Giá như có một cây đèn cây thay cho đèn điện thì hay quá nhỉ. Anh loay hoay mở túi xách. Em tưởng Anh lấy rượu và ly. Hay là tìm đèn cây. Nhưng thật bất ngờ, Anh lấy một tấm drap trắng trải lên giường và Anh kéo em cùng nằm. Anh không hề hỏi em đi tàu ra sao, không hề lo sợ cho thân gái dặm trường, không biết tay chân em đang lạnh cóng và em đang thèm được Anh ôm thật chặt. Anh cũng không buồn hôn em, chỉ có mỗi việc làm duy nhất trong vội vàng và yên lặng là vén váy em lên!

Mọi việc sau đó thì chắc Anh không bao giờ quên. Cái mắt của em lại là cái được của Anh. Ly rượu đời trẻ trung và đại dốt của em Anh đã uống cạn. Một ly rượu ngon quá phải không Anh? Em đã làm tỳ nữ dâng lên Anh thì còn kêu la gì nữa. Em chỉ tiếc lúc ấy Anh đã không còn là Anh. Không còn như những lúc Anh nâng niu những câu thơ đẹp trên bục giảng. Không còn tiếng thì thầm *Il est brisé N'y touche pas! Nó đã vỡ rồi, đừng chạm đến*. Anh đọc thơ bằng một giọng nồng nàn với tất cả trân trọng. Anh như Kim Trọng tay nâng đàn ngang mày dâng cho Thuý Kiều, như Trương Quân Thụy xuýt xoa thương bàn chân của Thôi Oanh Oanh đi lại đã trầy da non. Anh như một kịch sĩ đại tài làm cho cả lớp ai cũng nghĩ, được Anh yêu là cả một diễm phúc. Vậy mà, trong đêm ấy, trên cái toa tàu thượng hạng ấy, Anh đã làm cho em tan nát đến năm mươi năm sau vẫn còn đau. Vâng, thừa ấy em đã không thể không yêu Anh với một tình yêu mù quáng nhưng vô cùng dữ dội. Như con sông là phải chảy, con tàu là phải lao đi, mũi tên rời khỏi dây cung là phải bay tới đích. Em lao vào Anh chứ không phải Anh lao vào em. Chỉ bất ngờ, chỉ đau xót là cái cách đặng sơn toạ hưởng của Anh. Sao nó giống như những kẻ trọc phú làm một cuộc phá trình vậy.

Em mở to mắt nhìn lên trần tàu. Hai mắt em ráo hoảnh. Đâu còn giọt nước nào nữa mà chảy ra. Con tàu lắc lư, xinh xịch lại lơ mơ đưa Anh vào giấc ngủ. Em nghe những tiếng lộp bộp nổ ra trong cổ họng Anh. Mùi thuốc lá cộng với mùi thức ăn, mùi rượu làm cho em ngầy ngật, buồn nôn. Thật khác hẳn với trước đây em thèm được nghe mùi seventy nine từ Anh. Cái cách Anh cầm ống pipe, cách Anh ngậm vào và cách Anh thổi khói ra. Chỉ thiếu một cái mũ phớt nữa là Anh giống hệt với W. Churchill. Vậy mà giờ đây Anh trần trụi với cái cổ ngắn sau một ngày nóng nực đầy cái ghét. Cái ngực Anh thõng thẹo bèo nhèo, cái bụng đầy mỡ khi chà xát lên em nghe kêu óc ách. Anh nằm bên em, đùi Anh còn gát lên đùi em, nhưng em tưởng như mình đang nằm bên cạnh một xác chết.

Nhiều năm sau này em mới hiểu được con người thực trong mỗi người đàn ông chính là lúc họ nằm trên giường với người đàn bà. Khi ấy họ không còn bằng cấp, không chức nọ chức kia, không những bài thơ ngọt lịm, không những ý tưởng thâm sâu chỉ có mỗi cái giống mạnh mẽ ham hố và ai cũng như ai xong việc lăn ra ngủ để lấy sức cho một lần thụ hưởng khác. Anh cũng thế, khi tàu sắp vào Nhatrang anh vùng dậy, những tưởng Anh sẽ bịn rịn tiễn em xuống tàu, không ngờ Anh lại cuống quýt thêm một lần nữa. Anh vồ vập ngấu nghiến cổ vót vát một lần chót, ham hố một cách tuyệt vọng đến nỗi còi tàu đã rúc liên hồi mà Anh vẫn chưa chịu buông em ra.

Em thất thểu xuống tàu một mình. Khi con tàu chạy đi bỏ lại em trên sân ga cũng chẳng có bàn tay nào của Anh đưa ra vẫy. Chắc Anh sẽ lại no say ngủ tiếp mặc dù ngày đã rạng. Anh sẽ bình yên trở lại với vợ con vì em chẳng để lại chút gì trên Anh. Không một vết son môi, không một làn nước hoa lạ. Anh sẽ lại đề huề chứng thực với mọi người rằng Anh đúng là một nhà mô phạm mẫu mực. Anh sẽ đeo kính trắng, lại lững thững đi vào lớp học, lại làm cho hàng trăm trái tim hồi hộp ngầy ngật trước cái vẻ uyên bác mênh mênh của Anh.

Còn em, những gì Anh vung vãi rơi rớt trên em, rất may, chỉ một vài lần tắm nước lạnh là trôi tuột hết, nhưng hình bóng Anh lại không dễ gì tổng khứ ra được. Nó như một viên đạn còn nằm đâu đó trong thân thể một người lính. Những lúc trái gió trở trời nó lại thức dậy lên tiếng. Đau nhất cho em là Anh vẫn cứ hiện ra mỗi khi em gặp một ai đó. Với tuổi trẻ và sắc đẹp, chẳng khó khăn gì để hút vào em những chàng trai hào hoa phong nhã, Họ trẻ trung, sôi nổi, họ là những sĩ quan, những bác sĩ kỹ sư. Những cuộc tình liên tiếp chớm nở như những cái nụ xinh xinh trên giàn bầu nậm. Rất đẹp đôi, rất xứng đáng. Không ai là không hết lòng thương yêu quý trọng em. Nhưng không một nụ hoa nào kết trái. Anh cứ lù lù như một con kỳ đà cắn mũi. Anh nhập vào bọn họ, tan biến trong họ, khiến họ đang cao thượng bỗng trở nên tầm thường, đang quý phái hào hiệp bỗng trở nên hạ tiện bủn xỉn, nên chỉ một cái nắm tay khi dạo phố, một lần

chạm chân khi khiêu vũ, một chút hôn môi lúc từ biệt cũng làm em nhớ tới cái đêm khủng khiếp ấy. Em rùng mình choáng váng để họ tuột tay rơi xuống đáy vực. Cũng có thể là em đang rơi vì cái bàn tay chìa ra để kéo em lên sao giống với bàn tay của Anh đêm nọ.

Năm mươi năm trôi qua, giờ đây em đang nhọc nhằn bước tới tuổi “cổ lai hy”. Em nói nhọc nhằn vì em chỉ một mình không con không cháu. Em không đi tu mà cũng như nữ tu. Một người đàn bà ngần này tuổi mà lại nói chuyện tình với một ông cụ chẵn trăm tuổi ngộ quá phải không Anh. Với cái giọng hóm hỉnh và hài hước chua cay của Anh thì Anh sẽ nói như thế nào nhỉ?
“Thưa bà trẻ ạ, bà làm tôi nhớ tới bài thơ Tình Già của Phan Khôi, chỉ tiếc là đôi mắt của tôi và bà đã rụng hết lông nheo nên cái liếc trông nhau không còn có đuôi nữa!”.

Có lẽ là như vậy. Nhưng dù sao được gọi Anh cũng làm cho em ít nhiều xúc động. Xin Anh hãy bỏ qua những hạt sạn không đáng có trong bức thư này. Xin cảm ơn Anh và không quên cầu chúc Anh khỏe mạnh để có thể mừng sinh nhật thứ một trăm lẻ thêm nhiều năm nữa.

Kính chào Anh

Yêu ở tuổi chín mươi

(*Đọc Hồi ức về những cô gái điếm buồn của tôi, G. Marquez*)

Mới đây, trong thư từ biệt bạn bè, Marquez viết, nếu Thượng Đế cho sống thêm chỉ một giây, tôi sẽ nói yêu em, và rằng, mọi người quá sai lầm khi cho là đã già thì không còn yêu ai được nữa, mà không hề biết chính vì ngừng yêu thương nên họ mới già đi!

Tôi viết những dòng này khi tôi đang ở tuổi bảy mươi mà không sợ bị diễu cợt là một lão già mất nét. Bởi vì tôi đang đón nhận thông điệp của ông, một người yêu cuộc đời đấm đui đến hơi thở cuối cùng, và đang sống sờ với trái tim để trên môi theo cách nói của ông, khi đọc tác phẩm kỳ dị *Memoria de mis putas tristes*, *Hồi ức về những cô gái điếm buồn của tôi*.

Hồi ức chứ không phải hồi ký nên câu chuyện ngắn và mỏng như giấy vắn thuốc lại lan man khiến ta có cảm giác như đang đi lạc vào một vùng khói sương hư ảo.

Vào cái năm chín mươi tuổi, tôi muốn tự thưởng một đêm tình cuồng điên với một thiếu nữ còn trinh nguyên. Chỉ một câu mở đầu thôi mà trái tim nhiều người nếu là một địa chấn kế hấn sẽ đo được 6,5 độ richter như Chí Phèo Bắc Hàn vừa mới thử bom nguyên tử. Rúng động thật. Nhưng chỉ rúng động với những ai bị gói kín trong lớp áo đạo đức, chứ với mục chủ chữa Rosa Cabarcas, thì đó là tiếng leng xeng của những đồng tiền sắp rơi vào túi. Hàng “gin” thì lúc nào chả có, nhưng mục giả bộ than khó kiếm, nhất là phải có ngay trong đêm sinh nhật xưa nay hiếm của khách, cũng chỉ là để bắt nạt mà vôi thêm tiền.

Hàng là một cô bé vừa mới thôi thay tã lót chỉ 14 tuổi và chỉ đến nhà chứa đúng 10 giờ đêm vì phải lo cho các em ăn ngủ và đưa bà mẹ thấp khớp liệt tay chân lên giường.

Khoảng cách tuổi tác làm cho người đọc giật mình. Một ở đầu, một ở cuối thế kỷ. Không còn là đôi lứa lệch nửa mà là cây sào dài để nhảy từ bờ cõi sinh sang bờ cõi tử. Với khách, thì mục Rosa quá hiểu là chẳng có vấn đề gì, nhưng với cô bé, để xua nỗi sợ chết khiếp khi lần đầu phải làm cái việc mà mục cho là nặng nhọc hơn đeo đá ấy, mục đã cho cô uống thuốc ngủ làm bằng hợp chất đồng và kim loại pha với cây nữ lang.

Với trái tim sắp nổ tung, khách bước vào phòng và thấy bé gái đang ngủ trần trụi trên chiếc giường rộng mênh mông như khi mới được sinh ra. Thật khác xa với lúc 12 tuổi, khách lúc ấy là một cậu bé tò mò mở cửa tầng lầu của các ả giang hồ. Giữa cảnh những nụ đàn bà suồng sã, giữa tiếng la hét tục tĩu, cậu đã bị một ả bé thốc lên giường dạy cho bài học đầu đời thô bạo. Từ đó, cậu tiêu pha tuổi trẻ và những đồng tiền kiếm được vào hai nơi: quán ăn và nhà thổ.

Khách là một người keo kiệt và ky bo. Có lẽ để thăm tính xem cả đời mình chi tiêu hết bao nhiêu về cái khoản ấy, nên đã tỉ mỉ ghi tên từng người qua đêm với mình. Chỉ từ năm hai mươi cho đến ngoài năm mươi, khách đã ngủ ít nhất một lần với 540 người. Như thế, khách chẳng lạ gì trước một người con gái đã được bóc sẵn như một món ăn fast food. Những lần trước, theo thói quen, khách chỉ việc tắt đèn và mọi sự diễn ra trong bóng tối như đã từng diễn ra trong suốt cuộc đời quá dài của mình. Nhưng lần này với tất cả cuồng điên của tuổi chín mươi, khách muốn mọi sự diễn ra khác hẳn tuy chưa biết khác như thế nào.

Mặc dù đã được nụ Rosa chăm chút cẩn thận, trét phấn dày cộp, đeo lông mi giả, xức nước hoa, nhưng cô bé vẫn chưa phải là điểm. Cô ngủ say vì thuốc, vì sợ và vì cô hãy còn quá bé bỏng. Nhìn dáng nằm của cô với hai tay và chân khép chặt, với môi miệng lép nhép như đang ở trong mơ, khách cảm nhận cái mùi mồ hôi nồng nồng chua chua tỏa ra từ người nàng. Khách thử tách rời hai gối, nhưng trong giấc ngủ say, cô bé vẫn ra sức bảo vệ trinh tiết của mình. Nàng ngủ say, hay cố giả vờ ngủ say, thì cũng chẳng còn hứng thú gì nữa. Ông không buồn đánh thức nàng dậy vì chính bản thân ông cảm thấy xấu hổ, lạnh lẽo. Chẳng biết làm gì hơn, ông khẽ ru nàng ngủ và trong mùi hợp chất đồng cùng với cây nữ lang, ông cũng muốn ngủ sau khi nghe tiếng chuông đồng hồ gõ 12 tiếng nhắc cho ông biết rằng ông đang bước qua ngày sinh nhật thứ chín mươi của mình.

Ông ngủ một giấc dài đến tận 5 giờ sáng. Lần đầu tiên ông cảm thấy thích thú khi nằm bên cạnh một người khác giống mà không bị áp lực vì dục vọng hay bối rối vì ngược ngùng. Không có gì xảy ra giữa hai người. Với dáng nằm của một bào thai trong bụng mẹ, cô bé vẫn hoàn toàn làm chủ trinh tiết của mình. Đối với một ai khác, như các chú con Trời chẳng hạn, coi việc chiếm đoạt trinh tiết của các thiếu nữ mới lớn là tội đĩnh của trời cho, thì đó là một đêm ngu xuẩn. Nhưng với khách, ông lại xúc động vì mình đã làm được một điều thiện. Ông để lại hết tiền bạc cho nàng cùng với nụ hôn vĩnh biệt lên trán và lời cầu chúc *xin Chúa giữ hộ trinh tiết cho em!*

Gọi là nụ hôn vĩnh biệt vì lúc ấy ông cảm thấy sức nặng khủng khiếp của gần một thế kỷ tuổi tác đang đè nặng lên đôi vai mỏng của mình. Và cũng bởi vì để trang trải cho một đêm phóng đảng ông đã tiêu hoang đến những 15 peso, hết cả tháng lương hưu ít ỏi của một nhà báo già, chứ không phải chỉ 2 peso như mọi khi. Câu chuyện nếu kết thúc ở đây, với một nhà văn tầm tầm thì coi như đã viết được một truyện ngắn cũng không đến nỗi tệ. Nhưng với một bậc thầy kể chuyện như Marquez, ông không để cho ta có cảm giác lơ lửng nhạt phèo như khi nghe những gã thủy thủ về già ngồi kể chuyện trăng hoa. Ông sẽ còn đưa ta đến những cõi miền trừ phú xa lạ không ngờ, những cõi miền mà ta tưởng như bát ngát ở trên mây nhưng thực ra là ở trên mặt đất, ở chính ngay giữa lòng cuộc đời này.

Nhân vật chính không tên, nhưng ta có thể gọi ông là *ông già thế kỷ*. Ông trở về ngôi nhà cũ kỹ của mình dưới ánh nắng rực rỡ với tâm trạng yên bình của một người đã đi hết chứ không phải tận hưởng hết cuộc đời. Ông ngồi vào chiếc bàn quen thuộc viết một bài về sinh nhật thứ chín mươi trong mùi hương cây cỏ mà ông vẫn còn cảm thấy vương vất từ da thịt nàng. Không ngờ, đó là bài viết hay nhất của ông, nếu ta nhớ lại ông bước vào làng báo là nhờ những đồng tiền mà người mẹ gốc Ý rất chuộng hình thức đã kín đáo trà tiền cho tòa soạn.

Ông định trao bài báo cuối cùng rồi ra về, nhưng có người đem ra một chiếc bánh sinh nhật sáng rực với chín mươi ngọn nến đề cho ông thổi tắt. Ông đón nhận những lời chúc mừng và vô số quà tặng, trong đó có ba chiếc quần lót với nụ hôn môi đỏ chót của các nữ nhân viên trêu chọc. Như thế cũng đã quá đủ cho một ông già ở tuổi chín mươi. Từ đây ông có thể yên nghỉ với những đôi môi không còn trinh tiết nữa.

Nhưng ở bên kia đầu dây, mẹ chủ chữa Rosa chuyên vất kiệt các cô gái trẻ trước khi thả ra các nhà chứa rẻ tiền ở bến cảng, lại phẫn nộ gọi ông. Rằng sao ông không hề động đến cô bé, ông chê hàng họ của nhà bà à? Năm lần bảy lượt ông cố tìm cách chối từ, nhưng với đạo đức nhà chứa lạ lùng và với sự kiên trì của một con báo cái, mẹ Rosa cuối cùng cũng thuyết phục được ông phải đến để cho cô bé khỏi phải xấu hổ vì mình là đồ bỏ và danh tiếng lầy lùng của nhà bà không bị đem ra rêu rao cùng khắp.

Lần thứ hai, vẫn sau khi đưa bà mẹ tê liệt vào giường ngủ, cô bé đến lúc mười giờ, nằm sẵn chờ ông với tình trạng mà Chúa đã đưa cô đến cõi đời này. Nó vẫn phải uống hợp chất đồng pha với nước lá nữ lang để khỏi phải sợ cái cú sốc lớn nhất trong đời. Cô ngủ say đến nỗi ông không muốn đánh thức cô dậy và với tất cả vẻ dịu dàng có được ông lại hát ru cô bé. Ông lau mồ hôi chảy đầm đề trên người cô, rót vào tai cô, *Dalgadina ơi, em hãy tỉnh dậy, mặc áo lụa vào đi em*, rồi ông cũng ngủ bên cạnh cô với chiếc quần lót còn in hình đôi môi của các nữ nhân viên tòa soạn.

Ông trở về nhà trong cơn mưa tháng chín và lạ lùng làm sao, ông tưởng như đang nhìn thấy nàng đang cùng ông loay hoay dọn dẹp, giúp ông cất giữ sách báo cho khỏi ướt. Ông tưởng như đang sống cùng nàng, trong khi ông dọn bàn ăn thì nàng chuẩn bị bữa điểm tâm. Cứ y như một đôi vợ chồng mới cưới.

Nàng ngập tràn trong căn nhà buồn bã. Nàng thay đổi màu mắt, khi màu nước, khi màu mật và lúc màu lửa, tùy theo tâm trạng vui buồn của ông. Nàng cũng được ông thay đổi xiêm y: lộng lẫy áo cưới ở tuổi hai mươi, khiêu khích kiêu gái gọi ở tuổi bốn mươi, nữ hoàng Babilon ở tuổi bảy mươi và nữ thánh đường bệ ở tuổi một trăm. Rồi ông song ca cùng nàng và cảm thấy hạnh phúc tuyệt vời khi được hát ca.

Tình trạng đó là gì nhỉ? Ta khỏi phải băn khoăn vì Ông già thế kỷ đã lần đầu tiên trong đời nhận ra đó không phải là ảo giác mà chính là điều huyền diệu của mỗi tình đầu ở tuổi chín mươi.

Trong khi ông đang chìm ngập trong tình yêu mà suốt một đời dài ông mới có được, thì mẹ Rosa lại âm ỉ gọi đến trách ông sao không động đến cô bé. Bà ta còn đòi đóng gói đưa đến nhà ông một cô gái khác lớn tuổi hơn nhưng vẫn còn trinh để ông khỏi phải ách náy vì tội lỗi. Nhưng ông quyết liệt từ chối. Ông chỉ muốn Delgadina (tên do ông mượn trong bài hát) và ông sẽ đến với nàng như một người tình chứ không phải khách làng chơi. Ông mang theo tranh, cả đinh và búa để trang trí lại căn phòng, đem tới một cây quạt mới để thay cây quạt rỉ sét. Ông bẻ trộm hoa vì đã quá muộn không còn ai bán. Ông nhìn ngắm nàng và đặt môi hôn kính cẩn lên từng phần thịt da. Ông nghe dòng máu lưu thông trong huyết quản nàng như một bài ca lan tỏa đến mọi góc ngách thân thể rồi quay về tim sau khi đã để cho tình yêu lọc sạch. Sau cùng, ông nằm xuống bên cạnh như một con chó trung thành để canh giấc ngủ cho nàng.

Những đêm sau và nhiều đêm sau nữa, ông đọc sách cho nàng nghe vì ông đã biết cách điều khiển âm hưởng cao thấp để nàng có thể nghe được trong mơ. Từ truyện Hoàng tử bé, đến truyện cổ của Perault, truyện Ngàn lẻ một đêm... Tình yêu làm cho ông thơ trẻ và trở nên siêu việt khác thường. Những bài báo của ông cho dù với bất cứ đề tài nào cũng biến thành những bức thư tình hay đến nỗi được đọc cả trên đài phát thanh và được in ra nhiều bản ngay cả in

bằng giấy than để bán chung với đồ tạp hóa. Thành phố phát cuồng vì ông. Ngay cả mẹ Rosa chỉ biết có tiền cũng đọc bài ông viết. Đến cả những cô bé công nhân còm cõi suốt ngày phải thi hành cái án phạt kết hàng trăm hạt nút áo cũng biết đến ông.

Qua năm mới, khi biết nàng đã đến tuổi 15, theo gợi ý của Rosa, ông mua cho nàng chiếc xe đạp mới. Ông thử đạp xe vừa hát vừa vòng quanh khu phố như hồi còn bé và người ta thấy ông khỏe mạnh dẻo dai đến nỗi ai cũng khuyên ông dự thi tours Colombia. Còn bác sĩ thì bảo rất tiếc là không có việc gì để làm đối với sức khỏe của ông.

Mọi chuyện cứ như đang ở một cõi trời nào, trôi đi êm ả như trong mộng, bỗng loảng xoảng đổ vỡ khi có một khách sộp bị đâm chết ở ngay trong nhà chứa. Bà chủ lặn mất theo cách của bà còn Delgadina cũng biệt tăm. Ông xao xác đi tìm nàng khắp nơi trong thành phố. Ông đến xưởng của nàng, nhưng trong số hàng trăm cô gái ông không biết nàng là ai. Ngay cả một cô gái đi xe đạp bị xe cán nằm ở nhà thương, ông cũng không chắc có phải là nàng. Bởi vì dưới cái mặt nạ bằng phấn ông đâu biết khuôn mặt thực của nàng ở ngoài đời.

Cả một tháng dài ông đau khổ trong tuyệt vọng, suốt ngày ngồi bên điện thoại chỉ để mong chờ tiếng gọi của mẹ Rosa. Giờ mẹ chính là cái phao cứu sinh của ông. Và rồi, dù không ưa gì con mẹ, ông vẫn run lên khi như từ cõi chết mẹ gọi đến cho ông. Sau một hồi vòng vo như để đo xem độ rạn vỡ của trái tim, mẹ báo cho ông biết cô bé vẫn khỏe mạnh và đang chờ ông như thường lệ.

Đến đoạn này tôi phải mượn lời ông:

Mười giờ đêm, toàn thân run rẩy và môi mím chặt để khỏi bật ra tiếng khóc, tôi mang theo hộp sôcôla Thụy Sĩ, bánh mật hạnh nhân và kẹo cùng một giỏ hoa hồng cháy đỏ để phủ lên giường. Cánh cửa khép hờ, đèn sáng và Delgadina nằm trên giường rục rịch và khác lạ khiến mãi tôi mới nhận ra. Cô bé đã lớn hơn nhưng không phải về kích thước mà về nét già dặn hơn hai hoặc ba tuổi và trông cũng lỏa thể hơn bao giờ hết. Đôi gò má như cao hơn, làn da xạm nắng biển, đôi môi mỏng, mái tóc cắt ngắn và xoắn tít khiến bộ mặt em có nét rạn rỡ của tượng Apollo. Cặp vú của em cũng phồng phao hẳn lên không còn nằm gọn trong lòng bàn tay tôi được nữa. Vòng eo cũng đã định hình, khung xương đã trở nên rắn rỏi và hài hòa hơn hẳn. Tôi say sưa với những thành tựu của tự nhiên nhưng lại hốt hoảng trước những nét giả tạo: lông mi giả, móng tay và móng chân sơn màu sẫm xà cừ và một mùi nước hoa sực nức chẳng có vẻ gì là tình yêu cả. Tuy nhiên, điều làm tôi nổi giận chính là mở tài sản cô bé mang trên người: khuyên tai khảm ngọc bích, vòng đeo cổ bằng ngọc tự nhiên, một vòng đeo tay lấp lánh kim cương và tất cả các ngón tay đều đeo nhẫn bằng đá quý. Vết trên ghé là bộ đồ dạ hội đính vẩy lóng lánh và thêu khéo léo...

Với tất cả cuồng điên, ông đã ném hết thảy những gì có được trong phòng và đủ sức châm lửa đốt nhà nếu Rosa không xuất hiện. Lặng lẽ ước lượng mức độ tàn phá, yên chí thấy món hàng của mình dù đang co quắp vì sợ hãi vẫn không hề hấn gì, mẹ ta bỗng cất lên tiếng kêu vừa thán phục vừa thèm thườn:

- Trời ơi! Sao tôi không có một tình yêu như kiểu này!

Thế đấy, ông đã ghen như một người đàn ông thực sự. Ghen vì tưởng trong những ngày qua con mẹ lọc lõi kia đã đem cái trình tiết của nàng để chạy tội. Chắc chắn ông sẽ bóp cổ mẹ ta đến chết nếu những ý tưởng làm ông sôi lên là sự thực dù chỉ một phần nghìn. Rất may không phải vậy. Con mẹ chỉ muốn làm mới món hàng, đem những đồ trang sức giả của mẹ để làm cho cô bé trở nên già dặn và quyến rũ hơn, những mong chiều được cái tính đồng danh của ông.

Dù được giải thích tường tận như thế, nhưng làm sao tin được miệng lưỡi của các mục chủ chứa. Ông vẫn cứ đau khổ, vẫn cứ âm thầm nghi ngờ nàng đã bị mục biến thành một con điếm sành sỏi. Nỗi đau ngấm vào tận xương cốt khiến đêm ngày ông không sao ngủ được. Ông sắp chết đến nơi nếu trên một tuyến xe buýt không gặp lại người bạn tình chần gởi mà trong suốt nửa thế kỷ qua đây là lần đầu tiên họ gặp nhau không phải ở trên giường. Ông đã được dịp trút hết nỗi lòng thâm kín và người điếm già may mắn cuối đời tìm được bến đỗ là làm vợ một người Hoa, đã nói một câu mà ông nghe như một hồi còi cảnh báo. Rằng ông không được để mắt cô bé. Không có gì bất hạnh bằng chết trong cô đơn.

Và đây là lời ông:

Chuẩn bị sẵn sàng cho đêm đó, tôi nằm ngửa chờ đợi kết cục đau buồn của những giây phút đầu tiên của tuổi chín mươi mốt. Tôi nghe tiếng chuông nhà thờ vọng lại từ nơi xa, cảm thấy hương thơm ngọt ngào của tâm hồn Delgadina ngủ say bên cạnh...tôi liền tắt đèn và với lòng can đảm cuối cùng, lồng các ngón tay mình với các ngón tay cô bé để dắt tay nhau cùng đi. Tôi đếm hai mươi tiếng chuông với hai mươi giọt lệ cuối cùng của mình cho đến khi gà bắt đầu gáy sáng, và sau đó là những hồi chuông vinh quang, những tràng pháo hoa ngày lễ hội phấn khởi chào mừng tôi đã khỏe mạnh an toàn vượt qua tuổi chín mươi...

Cuối cùng thì đó chính là đời thực, với trái tim khỏe mạnh nhưng đã bị tuyên án sẽ chết vì tình yêu đẹp đẽ trong cơn hấp hối hạnh phúc vào một ngày nào đó ở tuổi ngoài một trăm của tôi.

Với hạt lệ già rưng rưng ở khóe mắt, tôi cũng xin chúc mừng ông, ông già thế kỷ ạ. Thật tuyệt vời khi thấy ông dù đứng bên bờ huyệt vẫn còn tìm được tình yêu đầu tiên và cuối cùng của mình. Tôi không đi quá xa để ngợi ca rằng đây là mối tình thế kỷ. Cũng không phải là mối tình lãng mạn. Lại càng không phải là mối tình thánh thiện. Điều kỳ diệu làm tôi xúc động đó là mối tình quá đỗi chân thật, ai cũng có thể yêu như vậy nếu người ta còn biết yêu thương, biết đợi chờ và biết trân trọng.

Trở lại từ đầu, ta thấy từ cách gọi điện đặt hàng, chủ hàng, cho đến món hàng thật giống như trong một cửa hàng fast food. Các nhà thổ với những cuộc tình rẻ mạt được làm sẵn y như những miếng hamburger hay gà chiên kentucky. Đó là thức ăn cho thịt da háu đói. Ăn bất cứ lúc nào, ăn bất cứ ở đâu. Ăn nhồm nhoàm và béo ục ịch. Nhân vật của chúng ta đã bị nhét vào mồm từ năm 12 tuổi. Và từ đó cho đến gần tám mươi năm, ông vẫn cứ phải ngốn một cách buồn chán cho dù đã ngán đến tận họng. Cái cách chơi ngông của ông thực ra chỉ là thử tìm một chút hương vị mới cho dục tình chứ đâu phải ái tình. Vậy mà kỳ diệu thay trên bãi rác đời ấy ông lại tìm được một bông hoa của tình ái.

Giả sử cô bé nọ không bị cho uống hợp chất đồng pha với nước lá cây nữ lang để ngủ say như chết và giả sử ông như một đại gia coi việc phá trinh như săn thú rừng quý hiếm thì câu chuyện có được một cái kết ngọt ngào ở tuổi chín mươi hay không? Tôi tin là chẳng có gì ngoài một cái xác xộc xệch đang nằm chờ chết và một cô điếm trẻ đã rất tinh ranh tuy mới tuổi 15. Cái nút của câu chuyện là cho dù thân xác đã bị bóc trần phơi bày ra đấy nhưng tâm hồn cô thì vẫn đóng kín. Từ đấy ta lờ mờ hiểu được tình yêu là một điều bí ẩn, nói theo nhân vật chính là duyên số.

Trong tất cả những lần gặp, cô bé chỉ ngủ và chỉ nói với ông một lần trong mơ. Chính sự im lặng tuyệt đối cộng với dáng nằm của bào thai trong bụng mẹ đã làm cho ông cảm thấy nàng cần được chở che bao bọc. Lúc đó, có thể ông là một người cha bên cạnh con gái đang ngủ mê man. Cũng có thể ông là một thiền sư bên cạnh một nữ thí chủ lâm nạn. Là ai cũng được nhưng không phải là người đàn ông đang đói khát dục tình. Và một khi dục tình ngủ yên thì tình

yêu lại thức. Tình yêu thực ra là đũa em song sinh của tình dục. Một đũa em bé bỏng rất sợ tiếng ồn, rất lặng lẽ, trong khi thằng anh lúc nào cũng ầm ĩ, hành xử nhiều khi như kẻ cướp.

Tình yêu không phải là chiếm đoạt. Tình yêu cũng không phải hiến dâng. Tình yêu là cuộc gặp gỡ của hai tâm hồn. Một ở đầu kia xa tít tắp và một ở đầu này cũng xa vạn dặm. Cả hai cùng lẻo đẻo đi một mình trên suốt dặm dài đơn độc cho đến khi gặp nhau. Bí mật nằm ở chỗ cả hai cùng khởi sự trên một con đường nhưng từ hai đầu xa cách.

Trong suốt cuộc đời dài những chín mươi năm, nhân vật chính của chúng ta rất cô đơn dù đã ngủ với hơn 500 người. Trong căn nhà của cha mẹ để lại, ông sống lặng lẽ một mình. Cũng có một người giúp việc, người đã yêu ông thầm lặng nhưng không dâng hiến. Lúc ấy với thói quen dục tình của kẻ cướp, ông đã tấn công nàng từ phía sau trong khi nàng đang giúp ông giặt đồ. Nàng không thù ông nhưng tiếc cho cơ hội mà ông đã bỏ phí để có được tình yêu. Một lần khác, một cô gái nóng bỏng dù mặc áo hay không mặc áo, háu trai đến nỗi trước mặt ông cứ cởi hết áo này đến áo nọ nên tình yêu cũng không đến được.

Từ khi biết yêu, chỉ trong vòng một năm ngắn ngủi của chín mươi năm, ông đã làm được khá nhiều việc. Ông biến căn phòng nhớp nháp ở nhà chứa thành một tổ ấm rồi ông sửa sang lại căn nhà mình dù nàng chưa một lần đến. Lo lắng cho nàng sẽ đói nghèo sau khi mình chết đi, ông đã bàn với mẹ Rosa cách thức để lại tài sản cho nàng. Cứ y như một ông chồng già hết lòng yêu vợ. Có một điều ông chưa hề làm ấy là biến nàng thành một người đàn bà thực sự. Không phải vì ông quá già, không phải cao thượng hảo, mà vì, trước hết ông thấy quá đủ, quá vui khi biết mình đang yêu, và sau nữa ông chỉ làm khi biết chắc nàng đồng thuận.

Thực ra ông biết nàng cũng đang yêu mình bởi vì ông cảm nhận được mùi hương của tâm hồn nàng, cảm nhận được những luồng run rẩy mỗi khi ông đặt môi lên từng phân vuông da thịt. Ở mỗi nơi run mỗi cách tức là dù nàng ngủ hay giả vờ ngủ thì thịt da tươi trẻ nàng vẫn thức, vẫn nghe được tiếng gọi từ thịt da ông. Lúc này, tình yêu và tình dục đúng là hai anh em song sinh ngoan ngoãn dễ thương, chúng nâng đỡ nhau và tiếp sức nhau để làm nên cái gọi là hạnh phúc lứa đôi. Chẳng cần mẹ Rosa hay người bạn tình đã bảy mươi ba tuổi khuyên bảo, ông cũng sẽ làm điều đó với lòng biết ơn. Ông sẽ làm điều đó, nếu không tình yêu dù có mãnh liệt khỏe mạnh đến dường nào rồi cũng sẽ chết như cây thiếu nước.

Câu chuyện tình của ông thật đẹp, không phải vì đẹp đôi mà vì nó nảy nở một cách mạnh mẽ, thuần khiết. Nó cũng hết sức kỳ ảo vì thời gian đè nặng lên lưng ông thêm một năm nhưng tâm hồn ông và cả trái tim ông lại bước lùi về quá khứ đến những bảy mươi lăm năm. Cái cách ông mơ tưởng về nàng, cách ông chăm sóc nâng niu, cách ông nhớ nhung đau khổ và cuồng điên vì thất vọng nào có khác gì một chàng trai mười lăm tuổi. Còn nàng trong khi ngủ hay giả vờ ngủ cũng âm thầm lớn lên cả tâm hồn và thể xác để được gặp ông trong một đêm nào đó mà tiếng chuông nhà thờ long lanh giục giã họ yêu nhau.

Tới đây, tôi muốn bày tỏ lòng ngưỡng mộ trước một bút lực nhà Trời của tác giả. Trước hết là cách dựng truyện. Mở đầu là một trái bom làm cho ta choáng váng. Cái ý muốn ngông cuồng của nhân vật chính mới nghe quả thật rất phi luân nếu không muốn nói là tội ác. Cho dù là xã hội Nam Mỹ đi chăng nữa cũng không dễ dàng chấp nhận. Cái tội khai thác tình dục trẻ em ở thời nào và bất cứ ở đâu cũng là một tội nặng. Mẹ Rosa cũng biết quá rõ là sẽ phải ngồi tù 3 năm nếu chiều theo ý khách. Thế rồi tác giả nhả nha gỡ tội cho cả hai. Mẹ Rosa thì như được các quan chức đầu tình cho phép ngồi xổm trên pháp luật để đổi lấy những món hàng độc.

Mẹ cũng không hề chặt chém trong phi vụ bán trinh. Mẹ chỉ tác nghiệp đúng với đạo đức và lương tâm nhà thổ là làm vui lòng khách cho dù có những đòi hỏi khó khăn đến mấy nếu biết

chi tiền. Còn khách là một ông già gần đất xa trời, trong bao nhiêu năm chỉ biết có gái điếm, nghĩa là chỉ biết có tình dục mà không có tình yêu, thôi thì đề cụ qua đêm với một cô em chưa biết “vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề” coi như một chút ân huệ của cuộc đời.

Cái bẫy của câu chuyện là cô em hãy còn quá nhỏ. Quá nhỏ nên hãy còn quá trinh trắng. Và quá nghèo, nghèo đến nỗi khách tự hỏi là trên đời này còn có ai nghèo hơn em nữa không. Nhưng nếu vào một nhà chứa khác, gặp một khách khác chưa chắc cô bé thoát khỏi một cuộc hãm hiếp có trả tiền. Ở đây ta thấy mẹ Rosa ít nhiều cũng lo lắng cho em khi cho nàng uống thuốc ngủ tự chế. Tránh cho nàng nỗi khiếp sợ buổi đầu nên dẫu sao mẹ cũng còn có chút tình người. Còn khách, ông là người đã đậu Tú tài, đã dạy ngữ pháp và đang là nhà báo nghỉ hưu nên ông đã biết tự kiềm chế và biết động lòng trắc ẩn.

Câu chuyện vì thế không còn sắc màu của tội lỗi nữa. Mọi chuyện sau đó chỉ là một câu chuyện tình ngờ ngộ nhưng không phải vui vui. Trái lại là một câu chuyện buồn vì tác giả dẫn dắt ta đi qua những trường dài rú thẳm của những tâm hồn cô đơn. Không ai ngờ những người sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Trảng Khanh như mẹ Rosa, Casilda... lại là những người cô đơn nhất.

Bất ngờ hơn nữa khi ta biết thêm chính những con người thừa mứa dục tình ấy lại chính là những người hiểu rõ và thèm khát tình yêu nhất. Mẹ Rosa đã đâm đui kêu lên khi thấy ông già thể kỷ của chúng ta đập phá điên cuồng vì ghen. Và Casilda cũng chỉ mong trong số cả ngàn người đàn ông đã nằm chung giường với mình, có một người yêu mình dù là người tệ hại nhất.

Điều nữa tôi cũng nhận ra kỳ diệu không kém ấy là tác giả nói về các ả làng chơi với những thân xác bị lột trần nhưng không “bẩn”. Tác giả cũng mô tả chi tiết đến những nơi nhạy cảm trên thân thể đàn bà nhưng không phải để gợi dục.

Trong các tác giả hiện đại, chưa có ai kể cả Hemingway viết về tình yêu và tình dục kỳ ảo như ông. Từ một câu chuyện thường ngày trong nhà chứa, qua ngòi bút đồng cảm và nhân bản của ông, mọi sự đã hiện ra một cách dịu dàng êm ả như trong cổ tích. Cô bé nghèo, xấu xí, sau một năm ngủ say, cô bỗng đẹp hẳn lên và đáng yêu như cô công chúa ngủ trong rừng. Còn ông già, tuy mặt dài như mặt ngựa nhưng với tình yêu sôi nổi, ông cũng trở nên tao nhã như một hoàng tử cõi con ngựa bạch đến để đánh thức nàng dậy.

Nhiều nhà phê bình xuất sắc đã nhận định toàn bộ tác phẩm của ông là chỉ viết về nỗi cô đơn và ca ngợi tình yêu. Tình yêu chứ không phải tình dục. Tôi xin mượn câu nói của ông già thể kỷ cũng là chủ ý của tác giả để kết.

Rằng, tình dục chỉ là liều thuốc an ủi khi người ta không có đủ tình yêu. /.

Tháng sáu trời mưa, 2009

Bài này được viết dựa theo bản dịch của Lê Xuân Quỳnh, 2005.

Những nhân vật xa lạ trong “Cánh đồng bất tận”

Thật ra không nhiều, bọn họ chỉ có ba cha con gã chăn vịt và một ả điếm. Họ như ở tận cùng dưới đáy xã hội. Và như thế thì có chi mà lạ.

Vậy mà qua ngòi bút có một thời rất dịu dàng đắm thắm, rất mộc mạc chân tình của Nguyễn Ngọc Tư, đột nhiên thay đổi khiến họ trở nên kỳ cục, quái đản, xa cách lạ lẫm, cứ như ở một hành tinh nào tới chứ không phải ở những cánh đồng miền nam bát ngát tình người.

Dựa theo từng chữ, từng câu của tác giả, tôi xin được mời họ ra trình diện trước bạn đọc.

Nhân vật 1: Sương.

Tôi hỏi chị làm gì để bị đánh. Chị cười, “làm đĩ”...chúng tôi đã gặp nhiều, rất nhiều người phụ nữ giống chị. Cứ mỗi mùa gặt họ lại đập diu trên đê..họ cố làm ra vẻ trẻ trung, tươi tắn nhưng mặt và cổ đã nhão... Đêm đến sau các đụn lúa, họ thả tiếng cười chút chút, tiếng thở mơn man...chúng tôi nhận ra họ ngay khi không còn mảnh vải nào trên người họ vẫn điềm nhiên cười khúc khích và uốn éo thân mình chứ không trơ ra ngượng nghịu, cam chịu như những người phụ nữ quê...

Chị cũng giống như họ, chớm tàn tạ, đôi rã ruột ở thị thành mới chạy xuống quê, cất cái quán nhỏ giả đồ buôn bán bánh kẹo lật vật...mời chài đàn ông vào chơi trò giường chiếu. (trích CDBT)

Đây là Sương, qua giọng kể rất già dặn, rất sôi đời, rất sắc sảo của một cô gái quê tự nhận là thất học. Phác họa chân dung ngắn gọn của một ả điếm như thế phải nói là rất tài tình. Hãy đọc kỹ các từ được tô đậm để thấy ma lực của câu chữ và hiểu vì sao Cánh đồng bất tận có một sức hút đến như vậy. Và cứ như thế, cái ngôn từ khiêu khích, lột truồng của cô gái chỉ hơn cô gái đi chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp có 2 tuổi, sẽ đưa chúng ta biết rõ hơn tính cách của một gái làm tiền, mà ở tuổi đó các cô gái trung học, ngay cả khi học Kiều cũng không dám nghĩ đến.

Vì mời chài đàn ông vào chơi trò giường chiếu, nên ả bị các bà vợ xúm nhau đánh, cắt cả tóc và đồ cả keo dán sắt vào cửa mình của chị. Chuyện quý bà nổi ghen “xé xác con đĩ nợ” là chuyện thường ngày. Nhưng đề ra, banh ra mà đồ keo dán sắt vào cái chỗ “có hơn gì của bà đâu” thì quả thật là quái đản nếu không muốn nói là man rợ. *Ba hôm sau, chị ngồi dậy, đi tắm. Chị tắm mình dưới đó rất lâu, chẳng kỳ cọ gì, chỉ để nước lạnh chườm dịu lại những chỗ đau. Lúc chị lên bờ, tôi thấy máu lợn cợn theo những giọt nước nhỏ xuống hai đùi, chắc chị đã làm gì với chỗ keo dán ác nghiệt ấy.*(trích CDBT)

Vậy mà, khi lên bờ mới thấy Út Vũ đã khen “*Ba mấy cung đẹp trai dễ sợ*” và “*con mắt*” đưa về phía cha”. Mắt chị nhìn cha đầy khiêu khích...Chị đồ lì, tìm mọi cách để sà vào cha. Chị bảo Điền xuống ghe ngủ với tôi, còn chị sẽ lên chòi...chị ra khỏi chòi, khoan khoái vươn vai. Sự ưng ý mãn nguyện lấp lánh trên khóe mắt. Khuôn mặt chị tràn ngập ánh sáng, như chị vừa mở ra một cánh cửa mặt trời.

Thấy chưa, một cô gái chần vọt mà diễn tả cách chài mồi, cách chiếm đoạt và nổi sừng khoái sau những trận làm tình rất văn vẻ, rất mới như thế thì văn hóa của nông thôn ta đã nâng cao hàng chục bước chứ không phải một bước.

Điều kinh khủng ở Sương là chị ta chài mồi Út Vũ không phải vì tiền, mà vì ghiền đàn ông! Hãy nghe cô bé Nương kể:

Mà, kiểu yêu tinh thần để nhìn nhau, để nắm tay vuốt tóc, để nín nhịn và hy sinh chỉ tồn tại trong văn chương (thất học mà sao biết văn chương nhỉ?). Chị cần nhiều hơn, nhiều hơn, nhiều hơn, tưởng như chị có thể ngón ngấu, bào mòn tất cả đàn ông trên thế gian này(tưởng đâu chỉ có yêu râu xanh, té ra giờ có cả yêu nữ tóc xanh, sợ quá!). Lúc đầu là kiếm sống, nhưng lâu dần sự chung đụng thể xác làm chị nghiện (Ồi trời, chẳng lẽ ả Sương tâm sự với cô bé Nương sao?!)

Một ả làm điếm vì nghiện trai nên mồi chài cả cậu bé Điền. Nương kể:

Trưa ấy chúng tôi trằm nghịch dưới nước rất lâu..Tự dưng nét mặt chị âu yếm lạ, như đang nựng nịu một đứa bé con và thằng em trai 17 tuổi của tôi đứng đực ra, chết lạng trong nỗi ngỡ ngàng ngừng. Nước cồn cào chỗ bụng nó, tôi biết chị táo tợn làm gì phía dưới đó. Rồi phát hiện ra một mắt mát lớn lao, chị thẳng thốt kêu lên; Trời đất ơi, sao vậy nè, cưng? (cái mắt mát ấy chắc là cái ấy quá bé đến nỗi lúc nhỏ Điền cũng phải đá ngồi như chị. Cô ả vì tiếc nên mới thẳng thốt kêu, chứ nếu như trai 17 bình thường thì ả đã ngón ngấu bảo mòn mắt rồi!). ả còn mồi chài mấy gã kiểm dịch để cứu bầy vịt của út Vũ bằng chính xác thân của ả. Và ả chỉ chịu bỏ đi khi út Vũ coi ả như một con điếm chứ không phải như người tình.

Từ một nàng Kiều của Nguyễn Du đến những cô điếm buồn của Marquet, chưa có ai vì chung đụng xác thịt lâu ngày mà sinh ra nghiện cả. Đây là một trường hợp bệnh hoạn, một nhân vật do một đầu óc hoang tưởng tạo ra, chứ trên thế gian này không có người nữ nào *lại cần nhiều, rất nhiều, nhiều khủng khiếp* (tác giả nhấn mạnh đó)*tưởng như có thể ngón ngấu bảo mòn tất cả đàn ông trên thế gian này.*

Một nhân vật như thế làm sao thể hiện trên sân khấu và màn ảnh nhĩ? Và thể hiện để làm gì? Để câu khách và hốt bạc chăng? Thế thì cũng xin vái lạy sân khấu và màn ảnh.

Điều buồn nhất, đau đớn nhất cho những người đọc như tôi là thấy cậu bé Điền yêu mê Sương, ghen với cha, rồi bỏ nhà đi theo ả, mặc dù chị cậu lo lắng không biết có được một nhòai úp lên mình chị ta hay không! Mịt mù quá, tối tăm quá, kỳ dị quá! Nói đại là nhân vật này từ hành tinh nào đó tới chứ chắc gì có một hành tinh như vậy.

Nhân vật 2: Điền.

Cậu bé Điền. Gọi là bé vì tối đến vẫn muốn chị hát ru cho ngủ. Bé vì vẫn chơi trò giả bộ nói chuyện với vịt. Và cũng rất bé dưới cái nhìn của Sương (vì gần như chẳng có gì dưới háng). Có thể nói cậu là đứa bé rất tội nghiệp. Cha nghèo, hay đánh (không vì say), mẹ bỏ đi theo người đàn ông khác. Chỉ có chị Nương vừa là chị vừa là mẹ. (Có lần thức dậy thấy chị Nương tưởng là mẹ, khác).

Thế rồi gặp Sương không hiểu vì sao bỗng dưng ra yêu người đàn bà tự nhận mình làm đi một cách trăng tráo.

Ngay từ lúc thấy chị ta mặc cái quần cụt quần queo và chiếc áo sơ mi thâm phèn của mình, Điền đã hí hửng. (Như đứa khác là xụ mặt khó chịu). Rồi nó dành cho chị ta cái kẹp tóc, trái dưa tươi, con cá thát lát...khi chị ta vào chòi với cha thì *Điền ngo ngoay xoay trở liên tục, nó kêu khó ngủ, đòi nghe tôi hát bài gì cũng được. Nhưng Điền vẫn thao thức, dường như giọng hát tôi không át được tiếng sột sọat rạo rục trong cái chòi nhỏ trên bờ. Điền chề, ngủ ghe chòng chành quá chừng. Tôi biết lòng nó đang chao.* (ghê chưa!). Khi thấy Sương buồn, Điền rủ đi câu. *Nghe Sương nói” mắc cười quá, tới mấy con cá quỳ này còn chề chị” thì Điền lặn bắt cá rô lội xuống mương lặn sâu, móc cá vô lưới câu của chị. Lúc nó trồi lên thì đã thấy chị cười.* (Hỡi ơi! Cứ như cậu Cẩn lãnh chúa miền Trung đi câu ở Huế. Phải chi với một cô bé chăn vịt nào đó thì cũng được đi. Cũng vui và có một chút lãng mạn cho dù hơi ngây ngô, chứ với một con đi thập thành thì quả là ngu tận mạng nếu không muốn nói là kỳ quặc). Nó rất chi dịu dàng với chị ta nhưng với lũ chó dánh nhau thì nó tàn nhẫn lấy cây quất cho đến rã nhau mới thôi. Sau cùng nó bỏ cha và chị theo hút tim chị ta, cứ như mẹ nó đã theo gã bán vải.

Lúc lên chín trong một buổi trưa, nó thấy mẹ đang oằn mình dưới một người đàn ông lạ. Mặc dù khóc nhưng cái hình ảnh mẹ cào cào rên siết đã ám ảnh khiến nó hành động như si như dại trước một người đàn bà lần đầu tiên nó biết *cũng có thể làm như mẹ*. Giá như nó yêu chị ta như yêu mẹ (vì thiếu mẹ) thì nó đã là một đứa bé rất nhân bản và bình thường.

Với những tính cách như thế, Điền cũng chỉ là một nhân vật kỳ cục hư cấu dựa trên những ấn ức dục tình thiếu logic như Sương, như Nương, vậy thôi. Điều đáng tiếc là, một ngòi bút đôn hậu nhân ái như Nguyễn Ngọc Tư lại đi vẽ ra một nhân vật trẻ thơ lạc lõng bệnh hoạn đến như vậy khiến cho những đứa trẻ mới lớn phải giật mình hoang mang tự hỏi rồi mình cũng sẽ như vậy à?

Nhân vật 3: Út Vũ.

Chăn vịt và biết đóng đồ mộc. Đẹp trai (*Ba mấy cưng đẹp trai dễ sợ, Sương nói*). *Cha ra đó tắm. Nước chảy re re rất trên khuôn mặt lạnh lùng, nước mỏng tanh tràn qua những thớ thịt đỏ au của cha tôi. Chị giặt thớt người, cài vớ chiếc áo bung ra vì không chịu nổi chiếc vú căng tức. Một con đực có sức hấp dẫn kinh người. Thế nhưng cô vợ lại nằm oằn mình dưới tấm lạng nhiều mụn ruồi của một gã bán vải rồi téch theo gã. Từ đó út Vũ đốt nhà, lang thang theo bầy vịt để trả thù đàn bà. Cha nhìn chị, cười nhẹ, rồi hỏi khẽ khàng: “cô đi với cha con tôi nghen” Như chờ đợi chỉ có thế, chị gật đầu...chị te tái tới lui, kiểm giỏ xách...cuối cùng chị đưa con nhỏ về chơi ngoại...cha ghé một chợ nhỏ đầu xóm kinh, biểu chị mua một ít củ cải muối đem theo. Người vừa khuất trong tiệm tạp hóa, cha cười...cha quăng đồ đạc của chị lên bờ vung vãi. Và nó máy cho ghe đi.*

Đều cang như thế đó. Nhưng với Sương thì lại làm ra vẻ khinh bạc: *cha đưa chị một ít tiền trong bữa cơm, khi nhà đủ mặt, “tôi trả cho hồi hôm”. Rồi cha điêm nhiên phui đít đứng lên, sự khinh miệt và đắc thắng no nê trong mắt. Và cay cú khi thấy Sương đi ngủ với đám kiểm dịch: sáng sau, gặp ở quây vịt, cha tôi cười, hơi diều cợt”sao, hồi tối vui không? Chắc họ tưởng cô là vợ tôi nên vui thú lắm hả? Cứ để họ nghĩ vậy...*

Út Vũ qua cái nhìn như thấu suốt tâm can của cô con gái đã hiện ra như thế này đây: *Không, lúc chỉ một mình, cha đáng sợ hơn thế. Cha giống như con thú trở về tổ sau khi no mồi, và ngậm ngời thòm thòm con kế tiếp. Có lúc sự vật lộn làm vết thương cũ của con thú đau, nó liếm láp máu và tôi hãi hùng nhận ra chỗ đau ấy cứ rộng thêm ra...với những người đàn bà sau này, cha tôi tính toán rất vừa vặn, sao cho vừa đủ yêu, vừa đủ đau, vừa đủ bẽ bàng, và bỏ rơi họ đúng lúc.*

Nạn nhân của gã chẳng những là chị chủ nhà ở bầu Sen, à gái điếm tên Sương mà còn là cả tá: *Có người vừa mới bán xong cái quán nhỏ của mình. Có người vừa nói xong những lời dút tình với chồng con. Có người vừa chia xong gia sản, có cô gái sắp về nhà chồng...hết thấy điều cun cút tin yêu. Cha mang họ đi một quãng đường vừa đủ để người ở lại nhìn rõ chân dung của sự phản bội, sau đó người đàn bà bị hất lên bờ. Con đường quay về bị bịt kín...Tôi có cảm giác cha quắp lấy người ấy, vùi mặt vào da thịt, ngấu nghiến mà lòng cha lạnh ngắt... Cha với con! Trời hồi Trời!*

Nhưng hận vợ mà lại trả thù ngay cả con gái vì càng lớn nó càng giống mẹ. *cha vẫn thường đánh chị em tôi, thường đánh vừa khi ngủ dậy. Đó là khi người ta thấy hoang hoải, chán chường sau một giấc dài...Tôi đành để để cha đánh để ông bớt đau chút lòng. Sau này chị em tôi không day dứt chi cho mệt, vì hiểu thấu ra, mình bị đòn chỉ vì là con của má, vậy thôi. Còn hơn thế nữa, lòng hiếu thảo kỳ dị đã khiến Nương nhìn cha như một đồ vật bằng gốm vừa qua*

con lừa lớn, vẫn hình dáng ấy nhưng đã rạn nứt, nên chúng tôi chỉ đứng xa mà nhìn, mũ mi nâng niu, nếu không thì vỡ mất.

Người cha kiêu bạt, tàn độc với phụ nữ ngay cả với con gái mình ấy, nhưng lại hèn nhát, bạc nhược để cho bọn con trai làng mới nứt mắt bắt quỳ xuống ruộng mà xem chúng hiếp dâm con gái còn lại duy nhất của mình. Hay đó cũng là cách trả thù vợ qua con gái? Có người bảo đó là quả báo nhân tiền, gã hại đời người khác thì kẻ khác hại lại con gã, cho chừa! Nhưng bày ra một gã đàn ông như thế để nói lên điều gì? Đất phương nam với những con người chơn chất nghĩa khí sao lại có một kẻ khốn nạn như thế mà giờ đây người ta lại đưa một kếp đẹp là Việt kiều vào vai để cho thế giới biết nông thôn ta cũng có một Don Juan Hai Lúa sao?

Nhân vật 4: Nương.

Mới 17 tuổi, có một người mẹ chỉ vì mê một tấm vải đẹp mà bỏ cả chồng con, có một người cha vừa ác vừa hèn, một đứa em trai khiếm khuyết cơ thể lại nổi cuồng vì một á điếm, thì không cần kể ta cũng biết chỉ có ngần ấy năm sống ở đời mà cô đã phải chịu biết bao đau khổ. Cái bi kịch khủng khiếp nhất đời là lúc cô bị ba thằng con trai hiếp giữa đồng trước mặt cha mình. Tuy câu chuyện đã hết nhưng lại mở ra cả một tương lai nhất định không thể nào sáng sủa. Có nghĩa đây là một nhân vật trung tâm, thấm thấu được tất cả tình cảm xót thương mà người đọc dành cho. Nhưng thật kỳ lạ, nghe cô kể, người ta chỉ tò mò, háo hức, thích thú trước những cái nhìn sắc sảo, những phân tích sâu sắc của cô về tình yêu, tình dục (nhất là tình dục) mặc dù cho đến khi bị hiếp cô *chưa trải qua sự giao tiếp thân xác*.

Thực vậy, như một con người khác vừa ranh mãnh, vừa trải đời, vừa khôn lỏi núp trong cô, một cô gái quê nghèo khó theo cha chẵn vệt. Cứ xem cách cô kể về ba nhân vật vừa kể trên là đủ thấy cô không hề thờ than cho số phận mình. Cô nói về họ sắc lẹm, nhất là phân tích cách chiếm đoạt, cách gạ gẫm của Sương, rồi cách phụ rẫy tàn hại đàn bà của cha. Có nghĩa là giọng kể đó là của ai khác và cô cứ như một người kể nhép (mượn từ hát nhép). Điều đó khẳng định rằng về nghệ thuật, ngay từ bước đầu cơ bản đã hỏng. Phải như tác giả không dùng ngôi thứ nhất tôi, mà dùng ngôi thứ ba là nàng hay Nương thì còn có thể chấp nhận được, dù rằng những nhận định về những con người chân quê như thế là không trung thực.

Một điều kỳ dị ở cô là cái nhìn, cái nghĩ, cái nghe đều ngập tràn âm thanh và màu sắc dục tình. *Cô thấy mẹ mình oằn mình dưới một tấm lưng đầy mụn ruồi, rên xiết, cấu vùi, vật vã. Cô thấy ông ta sùng sốt khi thấy má rạo rực khi ướm thử những khúc vải rực rỡ lên người. Ba mùa lúa rồi... một mình nuôi con, một mình soi gương, tự ve vuốt và yêu lấy mình.* Cô biết rõ cha mình và người đàn bà bầu sen sẽ làm gì trên ghe và cô *chắc chị hơi ngại ngùng, mắc cỡ vì ghe không có vách, vì thế chị em tôi sẽ cố ngủ thật say, ngáy thật to để át những tiếng thờ hỏn hển diu dặt.* (Người đàn bà sắp trở thành mẹ ghẻ của cô đó chẳng những đã không bị cô căm ghét mà còn tế nhị cảm thông, sắp đặt cho cha và chị ta yêu nhau ở trên thuyền bên cạnh hai đứa con). Trời ạ, đó là chuyện chưa xảy ra sao mà đảo để đến như vậy, sao mà dự báo khéo đến như thế. Biết trước cả tiếng thờ hỏn hển, diu dặt. Đó là lúc cô mới 13 tuổi thôi đấy nhé! Thật là kinh người!

Và những nhận xét rất tinh táo về chuyện vợ chồng ở thôn quê: *Một nhọc làm lưng trên đồng, người đàn ông đã trở nên khô cằn, có khi cả đời, họ không nói với phụ nữ một câu yêu thương. Họ không biết vuốt ve âu yếm, khi cần, họ lật cạch người phụ nữ ra và thỏa mãn, rồi quay lưng ngủ khò.* (Xin hãy mời cô bé Nương đến phát biểu trong các buổi hội thảo về hạnh phúc gia đình do hội phụ nữ tổ chức).

Cô lại còn so sánh người với vật:

Khoảng thời gian trước khi con trống trèo lên con mái rất thật, mềm mại, êm đềm... Tuyệt không có gì thô tục... khác với những gì chúng tôi biết (qua cha tôi, má tôi), trong sự hoan lạc (của những con vịt) đầy ấp thứ gọi là tình yêu! Đấy nhé, hãy về nông thôn mà học cách loài vịt yêu nhau, rất chi êm đềm hoan lạc mà không thô tục!

Có thể nói chưa có cô gái nào chỉ ngần ấy tuổi mà rành rẽ về chuyện tình dục đến thế. Vì vậy ta không còn ngạc nhiên khi thấy cô đủ bình tĩnh, đủ chai lì để mà tỉ mỉ phân tích cái giây phút đối với người khác là kinh hoàng còn với cô thì *cái gì không biết hai chị em cũng đã thử, là cách tự học để sống!*

Nhưng lúc này cảm giác thật là đơn điệu. Đầu tiên là sự xé toạt, và từ rách nát, đau đớn như lũ kiến cánh được giải thoát, chúng bò rân khắp thân thể... hình như không phải khoái lạc thăng hoa mà đau ràn rụa nhói tận chân tóc.

Nghĩa là trong lúc kinh hoàng ấy cô vẫn âm thầm chờ đợi cái cảm giác khoái lạc thăng hoa. Vậy nên, ta cũng không lấy làm ngạc nhiên khi cô tỉnh bơ hỏi cha: liệu có con không và vẫn nằm đó trần truồng trên bùn mà mơ mộng: *Cảm giác một cái gì nhỏ xíu nhưng lạnh lợi như con lăng quăng đang ngụp lặn trong nó* (rành rẽ chưa, còn hơn cả bác sĩ đấy, biết lũ tinh trùng của bọn khốn nạn đang tranh nhau chen chúc trong ấy)... *trời ơi, có thể mình sẽ sinh con. Đứa bé đó nhất định sẽ được đặt tên là Thương Nhớ, Dịu, Xuyên, Hoàng... chứ không phải là Hận là Thù mang khuôn mặt rắp tâm của cha tôi!*

Và đây là triết lý của cô: Nhưng nó chấp nhận việc ấy dù phũ phàng (với nó, chấp nhận cũng là một thói quen) và trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn.

Chính cái kết kỳ cục gượng gạo đó không ngờ được người ta âm ỉ khen là nhân bản. Liệu những cô gái bị hiếp như thế có muốn được khen như vậy chăng? Và được khen để làm gì khi cả một đời người tan nát!

Sau cùng, với cái nhìn trần đầy dục tính của cô nên những nơi cô đi qua, những người cô đã gặp cũng rạo rức những cơn động tình có khi dữ dội như lúc cả bọn đàn bà xõn tóc, đồ keo dán sắt (chứ không phải diệt chuột) vào chỗ kín, khi mùa gặt đến bọn gái điếm đi đập diu trên đê, những đôi người trần truồng tỉnh bơ ôm nhau cười khúc khích mặc dù có người đi qua bên cạnh... Khi âm ỉ nhưng cũng dữ dội không kém, người đàn bà xa chồng, một mình tự ve vuốt, tự yêu mình. Rồi những tiếng động trong chòi, tiếng loạt soạt của dăm bào, tiếng thờ hồn hèn... và những con cái khát khao con đực. Sương mới bị đồ keo chảy máu, vậy mà chỉ mới ba ngày đã sấn vào út Vũ, chị chủ nhà ở bầu sen mới thấy tấm lưng trần của anh ta mà vú đã căng đến nổi bật cả nút áo.

Không tình cha con, không tình chồng vợ, không tình bè bạn, không cả chút tình thiên nhiên... Chỉ có tình dục và tình dục, ngay cả chó và vịt, con thì kêu la quằn quại, con thì êm đềm hoan lạc... Cả một cánh đồng mệnh mang không thấy đâu là mầm xanh, không thấy đâu là giòng nước mát, chỉ có những con người và những con vật khao khát dục tình.

Cũng không còn một chút tình làng nghĩa xóm nào. Hãy đọc đoạn mẹ Nương bỏ nhà theo gã bán vải: *Tôi chạy qua hàng xóm, nói với thím Tư rằng má đi mất tiêu rồi. Cả xóm tung bừng, kẻ mừng vì vợ mình chưa bỏ theo trai, người vui vì con đàn bà đẹp nhất xóm đã đi rồi, khỏi lo ông chồng suốt ngày thòm thòm dòm ngó...*

Thực ra, cô là một cô gái tội nghiệp rất đáng thương. Mới 9 tuổi, sau bỏ lúa cô đã thấy những cảnh không nên thấy, đã phải nghe những tiếng không nên nghe. Cái thảm kịch mẹ nằm dưới tấm lưng đầy mọt ruồi đó đối với Nương khủng khiếp hơn với út Vũ. Nó tàn phá tuổi thơ của cô, làm méo mó xệch xạc tất cả những gì cô nghe thấy, trông thấy. Trong cái cách kín đáo, tế nhị thu xếp cho cha và những người đàn bà khác làm tình có một nỗi niềm cay đắng nào đó như thể là cô thay mẹ để chịu tội với cha. Có thể nói tâm hồn cô đã bị người đàn ông bán vải phá trình từ buổi trưa nọ và cha cô đã “hăm hiếp” cô trong những lần trên ghe, trong chòi, trên những đồng dăm bào, qua Sương, qua những người đàn bà khác, trước khi bị bọn con trai ngu dốt, tham lam hiếp thật sự trên ruộng. Cô là một nhân vật bị tổn thương, bị què quặt, không được ai cứu vớt chỉ mong chờ vào những con tinh trùng đang bơi vào dạ con!

Cô bị bắt buộc phải khôn, phải ranh ma quá sớm. Cô lại bị tác giả áp đặt cả những ẩn ức, những dục tình của cả mẹ, cha, em trai, con đĩ Sương, chị chủ nhà và hàng lô hàng lốc những con cái con đực khác kể cả bọn con trai ngu xuẩn. Cô ngút thở trong cánh đồng mà lúa không trở nổi đồng đồng, nước phèn chua sánh, gió chướng ngạt ngừ mà cô đặt tên là Bất Tận như nỗi buồn bất tận của cô.

Tôi tự hỏi tác giả vui gì mà dựng nên một nhân vật khốn khổ trong vũng lầy tình dục như vậy? Bất một đứa nhỏ mới lớn vác trên vai và mang nặng trong hồn cái cơn cuồng điên tình dục của thời đại là quá hoang tưởng (cho là mới, là theo kịp thời đại), nếu không muốn nói là quá ác.

Những con người đó, làng xóm đó, đồng ruộng đó thật khác xa với những con người đầy cá tính nhưng đáng yêu của Trang Thế Hy, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Kiệt Tấn...những tác giả làm về vang đất và người phương nam. Chính Nguyễn Ngọc Tư trước khi viết Cánh đồng bất tận, cũng có những nhân vật rất chi là nam bộ, nhân hậu rất mực và dĩ nhiên rất nhân bản.

Bốn nhân vật nói trên cùng với cánh đồng tình dục của họ xuất hiện trên mảnh đất văn chương Việt Nam quả thực giống như những vật lạ có kích thước khổng lồ đã từng va vào trái đất. Nó gây nên một tiếng nổ kinh hồn và để lại một hố sâu đến cả triệu năm vẫn còn đó (như ở rừng taiga của Nga).

Có người “im lặng thờ dài” như nhà văn hóa đáng kính, bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc(1). Có người cho rằng tác giả đã đi tìm “một lối thoát bé tắc” như Hồng Lê Thọ (2). Còn tôi, dù đã chạng vạng cũng cố kêu lên một tiếng, xin đừng đi lạc vào cánh đồng ma quỷ ấy, nhất là các cháu bé bồng sắp bước vào đời.

Và, với Nguyễn Ngọc Tư, xin cô hãy quay về với những kênh rạch nhiều tôm cá, những cánh đồng lúa chín vàng tươi, những chòm xóm rộn ràng tiếng nói cười của dĩ Tư, má Năm...hãy quay về với đồng đất tuy có mùi phèn nhưng vẫn thơm ngát hương rừng Cà Mau. Hãy bám rễ trên quê hương như rừng đước Năm Căn, hãy giữ vững bản lĩnh của một cây bút mạnh mẽ mọc lên từ đất như cây mắm cây bần, mặc cho những cơn sóng dâng tui hay những cơn bão nịnh nọt.

Được vậy, cô xứng đáng được ca tụng và biết ơn xiết bao./.

01/10/2010.

□ những chữ nhuộm màu xanh trích trong CDBT.

1-Hãy đọc bài “Im lặng thờ dài” tr185,186...của Đỗ Hồng Ngọc trong tác phẩm Như Thị , NXB Văn Nghệ, 2007.

2-Xem Một “lối thoát” bé tắc của Hồng Lê Thọ trên <http://vietsciences.org>.

Phụ đính II :

Người giữ nhà thờ họ



Chương 1

Ngôi nhà của những hồn ma

Ngôi nhà phập phồng như một trái tim rướm máu. Nó hốt hoảng, kinh ngạc và nếu có thể kêu thét lên được thì nó đã rống lên rồi. Sau đó, nó bắt đầu nghiêng qua nghiêng lại như một gã ngồi đồng. Trong tiếng nổ lộp bộp của tre khô, trong tiếng rú thát thanh của mọi người, nó cố sức nâng mình lên như muốn bay. Xương cốt của nó kêu răng rắc, những xà những trính vạm vẹo uốn éo, và rồi nó bay lên thật. Không cao, không xa, chỉ vừa đủ cho nó đáp xuống khoảng sân phía trước, rồi lụn tàn trong chớp mắt như vàng mã.

Nó cháy nhanh đến nỗi ông Sáu Hủ nhà bên, người hay hắt xì khi có mùi gì lạ trong không khí, chỉ kịp hắt xì đến tiếng thứ mười là mờ mắt ra đã không còn thấy nó nữa. Thực ra ngôi nhà vẫn còn lù lù đứng đó. Giống như anh ngồi đồng đã được tháo khỏi chiếc khăn đỏ của phù thủy, giờ trông nó ngờ ngác, ngật ngừ. Nó lơ mơ không hiểu là mình đang ở đâu sau khi vừa thoát ra từ địa ngục. Nó hồn hển thờ khói, tường và mái bằng đất đỏ hồng như một con hoẵng vừa mới bị lột da.

Chính cái mái bằng đất gọi là *da cái* trong các ngôi nhà lá mái ở Bình Định đã cứu sống nó. Ngoài việc giữ ấm ngôi nhà trong mùa đông, làm mát trong mùa hè, nhà lá mái còn đủ sức chống chọi được với lửa. Khi cái tai họa khủng khiếp nhất của một đời người ụp xuống, toàn bộ hai mái và hai chái làm bằng tre tranh được sức nóng nâng lên cao, giống như tạt nó cởi chiếc áo bị cháy ném đi chỗ khác. Vì thế, coi như thần hoả chỉ đưa cái lưới đỏ rực liếm được có mỗi cái mái rạ bên ngoài mà thôi. Giờ nó giống như một người vừa mới bị cạo trọc đầu. Mà lại cạo một cách tàn nhẫn nên trông nó lem luốc, thật xấu xí.

Ngôi nhà đang ở tuổi bốn mươi, một cái tuổi hầy còn quá trẻ đối với nhà lá mái. Nó được xây cất khi người giữ nhà thờ họ Phạm mới có hơn mười tuổi. Suốt ngày cậu chỉ táy máy phá phách khiến những cửa những đục của các bác thợ mộc không cái nào là không bị sút mẻ. Cha cậu nhiều lần đã phải trói cậu vào cột sau khi dùng roi tre đánh đến chục roi quần đít. Nhà cất đến những ba năm mới xong. Trong ba năm đó cậu đã lớn dần cùng với ngôi nhà. Cậu không quấy phá nữa, đã biết cái khổ của một người thợ khi mài một lưỡi bào, một cái đục do cậu làm hư. Cậu đun nước pha chè cho họ uống, gấp lửa cho họ mài thuốc, mau mắn và dễ bảo như một anh học việc. Dần dà rồi cậu cũng biết đôi chút về nghề mộc.

Sau này khi đã có vợ, trở thành chủ nhân, những lúc rảnh rỗi ông khoe tài đóng cho bà cái đòn ngòi hay cái ghé đầu. Nhưng thành nghề thì chỉ có chú Sáu em ông được cha mẹ cho theo hẳn

thầy thợ cả. Ba năm mới thành nghề, rồi ba năm trả công cho thầy đã khiến cho quãng đời của hai anh em sống gần nhau chẳng được bao nhiêu. Trong khi ông chăm chút trông coi ngôi nhà mới cất với cái gánh thừa tự đang nặng dần thì ông em theo thầy hết dựng nhà này đến nhà khác. Nhờ vậy, chưa đến hai mươi tuổi, chú đã thành một anh thợ giỏi. Chính chú đã thay cây xà trong buồng vì cô em thứ chín đã chết bằng cách cột dây thòng lọng lên đó rồi dút đầu vào. Cô em út xinh đẹp nhất nhà, mắt lúc nào cũng ánh lên một nét cười tươi thắm. Khi cô noén miệng cười là khuôn mặt cô bừng sáng như cả ngôi nhà vừa tháo hết các cửa bằng khoan. Vậy mà cô đã không thiết sống thêm ngày nào nữa, vì chồng cô đã nướng một lúc đến những tám con trâu vào một sòng xóc đĩa chỉ duy nhất có mỗi một con *liếm đen*. Đó là hai mặt đồng tiền không bôi vôi cùng hiện ra một lúc trên cái đĩa ma quái. Anh chồng sau cái chết oan ức của vợ liền được mọi người thêm vào sau cái tên cha sinh mẹ đẻ hai tiếng *Liếm Đen* như đóng dấu trên lưng trâu bò. Ai cũng cầu mong anh bỏ được cái thói cờ bạc, nhất là bỏ cái con liếm đen đáng nguyên rủa ấy. Nhưng chắc chị vợ, hoặc là không đủ linh thiêng để phù hộ các con anh, hoặc quá linh thiêng muốn biến anh mau chóng trở thành một thằng ăn mày để trả thù, nên chừng nào tật nấy, anh vẫn mê xóc đĩa và vẫn chỉ một con liếm đen mà thôi. Dù biết chắc mười mười đó là chẵn trắng tức là liếm trắng, anh vẫn cứ đặt tiền vào con liếm đen. Có người giận quá gạt tay anh ra lấy tiền đặt vào cửa khác, anh vẫn lẩn xả vào đặt liếm đen rồi thua để bị cả sòng ngoại trừ nhà cái, chủ là đồ ngu.

Thực ra, anh cũng ranh ma lắm. Đến sòng bài không khi nào anh đặt tiền ngay. Anh đứng xem bọn nhà cái xóc, cái cách nó úp chén lên đĩa, cách nó lắc cho hai đồng tiền đảo lộn, cách nó đặt đĩa xuống chiếu, cách nó mở khay tức là nhấc đĩa lên. Rồi anh tránh ra xa, nghiêng tai lắng nghe những tiếng động trong lòng chén. Tiếng đục, khô, trầm tức là mặt vôi chạm vào đĩa. Tiếng trong, thanh, nhỏ tức là mặt không bôi vôi. Rất trong là liếm trắng, rất đục là liếm đen, còn nửa trong nửa đục là lẻ. Giữa những tiếng ồn ào của đám con bạc, anh vẫn nghe ra được những âm thanh bí hiểm mỏng manh như tiếng gọi của ái tình. Nó làm cho tim anh đập lên rộn rã, anh vỗ hai tay kêu đánh bốp, giống như một con chim cất bay lượn trên trời cao đã tìm thấy con mồi, anh vội vàng chen vào đặt cửa. Lần thứ nhất: Trúng! Lần thứ hai: lại trúng! Lần thứ ba cũng trúng! Cứ như thần. Đúng là hôm nay ra ngô gặp đàn ông! Hên quá! Nhưng đến lần thứ tư: thua. Lần thứ năm cũng thua mà thua lớn thâm cả vốn. Lần thứ sáu thì giao cả vốn lẫn lãi. Nhấn túi! Mười lần như chục, không thắng nổi một đồng.

Ông chú Sáu ấy sau này chết trong một tai nạn chìm dờ. Trong một ngày cuối năm ai cũng vội vàng chen lấn trên một chiếc sòng nhỏ nên chỉ mới ra đến giữa giòng đã bị lật úp. Người ta hốt hoảng bầu lấy nhau, ngay cả người biết bơi mà không lặn xuống để thoát ra cũng bị chết chìm. Khi xác được vớt lên, nhiều bàn tay còn nắm chặt tóc hay quần áo của người khác. Chú Sáu lúc ấy lại mang một cái hòm đồ nghề khá nặng không cởi ra được nên đành chết theo nghiệp. Xác chú được vớt lên nhưng không được đem về nhà, chỉ liệm trên bờ sông rồi đưa đi chôn ngay. Đã vậy còn không được vun đất cao thành mộ, không được lập bàn thờ trong ba năm. Tất cả những việc bất nhẫn ấy là để ngăn ngừa chú trở về rù người khác trong nhà chết thay, vì chú đã hoá thành ma da. Bà thủ bản thương nhớ người em chồng ấy khôn nguôi. Chính chú đã cất nhà bếp, chuồng heo cho bà. Một điều chị Năm, hai điều chị Năm rất chi ngọt ngào. Người như thế mà trời không cho sống lâu, cũng chẳng cho một đứa con nào để nối dõi. Làm ma da quanh năm suốt tháng ở dưới sông lạnh lẽo. Lại còn bị người sống thù ghét nguyên rủa. Người hiền như thế sao lại phải chết ác như vậy?

Mặc dù các thầy ở chùa Thiên An đã lập đàn giải oan đến những ba ngày, nhưng con ma thần vòng và ma da như vẫn còn lảng vảng xung quanh nhà họ Phạm. Dù chưa già, bà vẫn xuống tóc và thỉnh tượng Quan Âm về thờ bên cạnh bức hình Quan Công.

Hai người thứ bảy và tám không có được cái may mắn làm người. Họ chỉ là một vệt máu mới tượng hình chưa biết là trai hay gái đã vội rời khỏi bụng mẹ. Liên tiếp ba người con gái của nhà họ Phạm được sinh ra đã khiến người cha cứ phải thờ dài. Cái tội không nối được giống dòng là tội bất hiếu lớn nhất của một người đàn ông. Ba bà chị đi lấy chồng đã mang theo hết một nửa gia tài để làm cửa hời môn. Rồi ba chàng rể nếu không đánh bạc thì cũng vợ to vợ nhỏ, chỉ

mong sao cái nhà họ Phạm suốt mấy đời độc đinh đến đời này là tiêu đề mà chia nhau nửa cái gia tài còn lại. Rốt cuộc trong tám người con của dòng họ Phạm, chỉ có mỗi mình ông là còn sống như một cây cột cái để chống đỡ từ đường. Đội cả dòng họ trên đầu nặng lắm, ông nói, nhưng biết trút cho ai!

Tuy nhà cháy, nhưng mười sáu cây cột kiềng kiềng vẫn còn vững chắc như bốn con voi đực cùng đứng sát vào nhau. Ông nhớ mỗi cây cột phải mất đến hai mươi bốn ngày mới làm xong. Từ gỗ vuông đẽo tròn mất tám ngày. Từ tròn gọt dũa cho trơn láng thêm tám ngày. Rồi từ láng đến bóng thêm tám ngày nữa. Đây là lúc những đứa bé có thể góp một tay mà không bị ai rầy la. Sau khi người thợ cả gạt đầu ửng ý, cây cột được cắm thẳng một đầu vào bồ lúa. Bọn chúng cứ việc tròng dây vào mà lác cho đến khi mỏi tay. Phải mất bốn ngày để lúa thay giấy nhám hợp cùng bọn trẻ chà cho sạch bóng. Rồi thêm bốn ngày nữa cho một đầu khác. Đó là chưa kể khi nhà dựng xong lại phải dùng lá chuối khô lau từ gốc đến ngọn. Bọn trẻ lại được phép đi cắt tàu chuối quán đầy mình rồi leo từ trên cao tuột xuống mỗi ngày hàng trăm bận. Có như thế cột mới bóng lạnh như thoa dầu mà không phải dầu. Rồi những xà, những trính, những chày, những cối, những chạu trỏ nào nai công, nào nhỏ sóc, những cửa sổ đẩy qua đẩy lại, những cửa bằng pha có thể tháo ra cho sáng sủa trong những dịp cưới hỏi, giỗ tết.

Đó chỉ mới là cái khung nhà bên trong như một bộ xương. Còn phải gọi thợ làm *da cái* đến để làm mái ngoài. Họ đắp đất trộn rơm lên những tấm mê như đắp thịt da. Rồi họ dựng trụ thả đòn tay, làm rui mè, lợp tranh như mặc áo. Tranh là lúa thàng ba được gặt phơi hai nắng và phải được thợ giỏi đánh cho thật chắc thật dày. Thợ lợp nhà phải biết dựng bốn góc vênh lên như đình chùa. Muốn vậy phải chõng tranh hàng ba, có khi hàng tư mới có được độ dày. Sau cùng là cắt đôi tranh. Cái công đoạn này tưởng dễ nhưng thật ra rất khó. Cắt sao cho thẳng như chằng dây, cho bốn góc cuộn lên như đuôi rồng, cắt như lẩy ván dựng vậy, và cái công việc làm đẹp cho ngôi nhà, như khai quang điểm nhãn ấy không ai qua được ông hai Cẩn. Ngôi yên trên một chiếc ghé đầu, mắt ngược lên để canh chừng lưỡi dao, rất nhẹ nhàng, từ tốn, ngọn đao rặng cửa bên như liềm gạt của ông đưa tới đâu là những cọng rạ thừa lá tả rụng xuống. Hai ngày sau, như một người vừa được húi tóc, mái nhà vàng ửng tinh tươm phơi cái gáy dựng ngược lên trông thật sượng mắt.

Không ở đâu có những ngôi nhà lá mái công phu và những thợ cắt tranh tài giỏi như ở An Định. Vậy mà, một trong năm cái nhà đẹp nhất làng đã bị bom xăng của giặc đốt. Tường chùng như cũng đốt cháy luôn cả lòng ông thủ bản, nhưng tuy ngoài mặt, ông ràn rụa nước mắt mà trong bụng lại mừng thầm. Ông đâu còn nhà cao cửa rộng nữa mà nâng lên hàng địa chủ!

Ba ngày sau ông mới dám bước vào nhà. Sức nóng khủng khiếp của bom xăng đặc đã làm cho bao nhiêu chén bát sành sứ đều rạn nứt. Những chân đèn, lư hương bằng đồng thau vàng choé như vàng thật đã trở nên đen sạm, lem luốc, như được vớt từ đáy ao lên. Các tấm liễn cần xà cừ, ốc rời ra chữ còn chữ mất. Các tấm hoành với những đại tự được thếp vàng đã trở nên đen xỉn. Chiếu mền tự mục nát đùng vào mủn như tro. Bao nhiêu áo quần còn lại đều không mặc được khiến cô con dâu ngồi khóc rầm rứt. Ông nói, thôi nín đi, còn sống được là may lắm rồi. Cô con dâu không dám nói gì, đứng dậy lau nước mắt giúp cha chõng dọn dẹp. Cô gom tất cả những gì đã cháy hay sắp cháy ra đổ trước sân. Giờ chỉ còn lại bộ ván gỗ trước bàn thờ, cái giường không còn chiếu của cha chõng và một cái rương xe giống như một cái sập gụ của mẹ chõng lúc còn sống dùng làm giường ngủ. Ngôi nhà trống toang hoác, phơi hết cả bí mật riêng tư của mình ra trông rất tội nghiệp.

Cái bàn thờ chạm trổ công phu với bộ ngũ có con sư tử, cặp chân đèn to cao, hai cây sập ong mỗi lúc thấp lên thơm ngào ngạt. Cái độc bình sứ giang tây, cái cổ bình có hình con cá chép, bộ ấm tách nước men xanh. Tất cả làm nên cái thế giới linh thiêng với bốn mươi hai hộp đựng bài vị phủ khăn đỏ. Đó là nơi chốn đi về từ ông tổ mấy trăm tuổi đến những đứa trẻ mới sinh. Trên cao là trang thờ vừa Quan Công vừa Phật với hai con rồng châu cái mặt nguyệt đã đen xỉn vì khói nhang. Một cái chuông tối nào cũng vang lên đúng 42 tiếng đều đặn không sót một tiếng nào như thể điểm danh 42 linh hồn người chết. Vợ ông lúc nào cũng hiện ra đầu tiên với

cái nhìn vừa bàng hoàng vừa tức giận, mặc dù tiếng chuông dành riêng cho bà là tiếng sau cùng.

Dù hãy còn đủ cả, nhưng cái vẻ huyền bí đến nỗi các cô dâu lần đầu đứng trước bàn thờ gia tiên không ai dám ngược nhìn, đã không còn nữa. Ngọn lửa với những cái lưỡi dài sau khi nuốt trọn bộ cửa bằng khoan đã liếm lên các cây cột. Tuy chưa đốt được vì gỗ kiềng kiềng cứng như sắt nhưng lửa ầm ầm vẫn toả hơi nóng làm cho cái cung phủ bé nhỏ của nhà họ Phạm xơ xác đến thảm hại.

Như thế này, không biết các linh hồn có chịu đi về, lui tới như mọi khi?

Ngày hôm sau, cả một bụi trầy ở góc vườn bị ông chặt sát gốc. Rồi hai cha con cùng làm mằm trĩ, trộn đất với rơm, ẽ ạch mãi cũng làm xong được tám vách thay hàng cửa bằng khoan đã cháy. Ông chừa một cái lỗ bằng miệng thúng đủ hai cha con chun vào. Như vậy, bốn bức tường bằng đất, mái cũng bằng đất, nên trông từ xa, ngôi nhà giống như một ngôi mộ to tướng. Mà cũng phải thôi, bốn mươi hai người chết, nếu chôn chung một mồ chắc cũng phải to như thế. Đứng nhìn cái ngôi nhà lạ lùng với một cái lỗ như một cái hang, cô con dâu hỏi, chẳng lẽ ông bà tổ tiên nhà mình cũng chui vào như thế này sao cha? Ông gất, chết rồi thì đi về bằng cách gì mà chẳng được. Tuy nói vậy, nhưng bụng ông cũng thấy hơi bất kính. Trước đây, trong những ngày giỗ chạp, các cửa bằng khoan được tháo hết, ánh sáng ủa vào làm cho những thứ bằng đồng sáng lên rực rỡ. Toàn bộ cây gỗ ngay cả những cây tre cũng lên nước ngời ngời. Chén bát được chùi rửa sạch bóng. Những cổ bông đầy chuối, bưởi, cam, quýt. Những bình hoa vạn thọ vàng rực. Sạch sẽ và thơm tho như thế mà vẫn còn sợ bất tội, huống hồ là rách nát nhem nhuốc như thế này. Thì thôi, tội lệ gì ông cũng đành chịu, giặc giã như thế này còn biết tính sao.

Những lúc như thế này ông thấy nhớ người vợ tội nghiệp. Phải như có bà, mọi sự có thể đã được thu dọn vén khéo và ngôi nhà hãy còn một chút ấm áp. Bà đã bỏ ông mà đi một cách tức tưởi oan nghiệt còn hơn cô em thứ chín của ông.

Buổi sáng hôm ấy, chiu đưa cháu ngoại, bà đã leo lên cây cau cạnh nhà thờ, cây cau to nhất, cao nhất để bắt tổ sáo. Việc leo cau đối với bà dễ dàng còn hơn đi chợ. Bà đã leo cau từ lúc tám tuổi, nhẹ nhàng, thoăn thoắt, còn dám chuyền từ cây nọ sang cây kia. Cha mẹ bà có cả một vườn cau đến mấy trăm cây, lúc chưa lấy chồng chỉ mỗi một mình bà leo lên bẻ buồng. Bà thuộc lòng từng cây một. Cây nào cau ngon để dành bán cho những người kén ăn, cây nào cau thường để bán sỉ. Bà nhớ buồng nào bẻ trước buồng nào bẻ sau. Chưa khi nào bà leo lên mà phải trở xuống tay không vì cau chưa tới lứa.

Khi lấy chồng, của hồi môn của bà là một trăm cây cau con. Chính bà thuê người đào lỗ, xẻ mương dẫn nước để trồng. Chẳng bao lâu, khu vườn lộn xộn không được ai chăm sóc trở thành một vườn cau lúc nào cũng xanh mát. Cả một trời chim đã bay về tranh nhau làm tổ. Nhiều nhất là chim sẻ, chim cu. Giống như những kẻ hạ lưu trong thế giới loài chim, chúng chỉ dám xây nhà trên những buồng cau đầy những cọng râu xồm xàm như râu hát bội. Chim sáo, chim cường và một đôi khi chim nhồng như những kẻ thượng lưu, rất thích làm tổ trên ngọn. Cây cau to nhất, cao nhất với những tàu lá xanh đen là nơi chúng ưa thích nhất. Vì vậy chúng thường đánh nhau và bao giờ một đôi vợ chồng sáo nâu cũng chiến thắng.

Chẳng riêng gì chim sáo mà ngay cả ông Khứ công an thôn cũng rất thích cây cau ấy. Đã có lần ông xin (thực ra là lệnh) ông thủ bản cây cau to ấy để làm trụ cờ. Ông thủ bản run run gật đầu, quên mất rằng chính vợ ông mới có quyền cho hay không. Đang lúc đưa những nhát rựa vào gốc cau thì vợ ông đi chợ về. Bà bảo thà đi tù chứ nhất định không để cho ông Khứ chặt cây cau ấy. Sau một hồi năn nỉ bà chịu để cho ông ta chặt một cây khác. Nhưng ông Khứ chê nhỏ không thèm. Bà lớn tiếng bảo, không thèm thì thôi, bà hãy còn cau có chỗ cho chim đậu. Ông Khứ tức giận bỏ đi. Để che giấu vợ mấy nhát rựa vừa rồi, ông âm thầm lấy đất sét trộn tro, đắp vào như băng bó vết thương. Từ ấy, cây cau dưới nắng mưa, cũng như con người, những vết chém bị nhiễm trùng, mỗi ngày một ít lặn lẽ ăn sâu vào thân. Tuy vẫn còn giữ được cái màu xanh như bao cây khác nhưng ruột gan nó đã rỗng dần. Chính ông cũng không ngờ là tự mình đã báo trước cho người vợ một cái chết thảm. Vì chim sáo vẫn làm tổ, vì vườn cau là nơi

chôn bình yên nhất mặc dù chiến tranh đang đến hồi khốc liệt, và vì đứa cháu ngoại được bà cưng nhất, nên bà đã quyết định leo lên mặc dù bà không thích những tiếng thét gào của lũ sáo khi bị cướp mất con. Lúc ấy trời lặng gió, lúa ngoài đồng đang trở cùng với hương cau thơm ngát, ông đang ngồi uống trà trên chiếc chõng tre dưới một bụi trây đầy tổ chim đồng dộc. Đứa cháu hồi hộp đi theo bà. Nó đang nghĩ tới những con sáo với cái mỏ vàng như nghệ há họng ra để nuốt lấy những con cào cào mà nó sẽ bắt đầy cả xâu.

Như thường lệ, bà cắt một tay chuối khô, tước hết lá, đánh lại thành hình số tám. Bà xỏ hai bàn chân luôn đi chân đất, ôm lấy cây cau chậm rãi leo lên. Đứa cháu ngửa cổ trông theo. Từng nấc, từng nấc một thật chắc chắn, bà tiến dần đến cái tổ nằm giữa những tàu lá to, dày. Sáo cha sáo mẹ bắt đầu gào lên. Chúng nó bay quanh bà, lượn sát đầu bà như máy bay khu trục. Chúng tuyệt vọng, điên cuồng khi bà thò tay vào nắm lấy tổ sáo. Và đúng lúc ấy cây cau bỗng thét lên lời chào vĩnh biệt. Không có một mụ di ghẻ nào cầm rựa chặt nhưng nó vẫn ngã xuống. Nó mang theo bà hãy còn ôm cái cổ hũ với những buồng cau non. Và cũng như những buồng cau văng tung toé trong vườn khi chạm đất, bà buông xuôi hai bàn tay, chiếc khăn trùm đầu bay mất để lộ cái sọ tròn rạn vỡ. Mắt bà vẫn mở trừng trừng, in cả vườn cau xanh và cả nỗi bàng hoàng. Trong giây phút cuối cùng, bà vẫn không hiểu vì sao cây cau đẹp nhất, mạnh khoẻ nhất lại có thể gãy đổ dễ dàng như thế.

Ông thủ bản đã đuổi cả hai mẹ con, cấm không bao giờ được về nhà này nữa ngay cả lúc ông chết.

Sau này nghĩ lại, ông thấy chính ông phải giận mình chứ không thể giận con giận cháu. Chính ông quá sợ ông Khứ nên mới ra nông nỗi ấy. Nếu ông mạnh mẽ cương quyết như vợ ông thì làm sao bà có thể ngã xuống dù phải khó khăn lắm (vì phải lên tận ngọn) để bắt chim sáo cho cháu. Ừ, việc gì mình lại sợ nó như thế nhỉ? Nó vừa lùn vừa xấu, hai hàm răng vàng ệch cấu bần lúc nào cũng phơi ra vì hai cái môi vừa mỏng vừa nhỏ không đủ che kín dù răng đã cắn chặt. Nó cũng chẳng học hành gì, chỉ võ vẽ năm ba chữ bình dân, cũng chẳng có võ nghệ gì dù ngày trước vẫn tập cầm thương múa một vòng trên sân khấu khi được chọn làm quân sĩ. Chính bà vợ ông, hôm ấy đã mắng ông: này tôi hỏi ông, có phải ông lấy vợ nó không mà ông sợ đến như vậy? Không lấy hả? Không thì việc gì phải sợ. Ông làm thủ bản giữ việc cúng đình, mà đình phá rồi còn sợ ai nữa? Ông chỉ nhỏ nhẹ, tôi lạy bà, bà im cái mồm giùm cho. Nó mà nghe được thì chẳng những tôi đi tù mà bà cũng còn bị nó đóng gông chứ ở đó mà lý sự. Nó muốn ai sống là sống, muốn ai chết là chết bà không biết à. Thực ra tôi muốn cho nó cả vườn chứ không chỉ một cây đó thôi. Cho nó chặt tuốt để may ra nó làm ngõ không đưa nhà mình vào *diện* địa chủ.

Khi cả xã dựng lên câu khẩu hiệu vĩ đại TÍCH CỰC CHUẨN BỊ TỔNG PHẢN CÔNG và ĐẢ ĐẢO CAN THIỆP MỸ thì ông Khứ lệnh cho du kích đến chặt sạch. Ông thủ bản cũng chẳng buồn lấy một cái cổ hũ nào để làm gối như trước đây ông vẫn ao ước. Trước đó, trong những đêm trăng mờ, những thân cau trắng đứng song song như những bóng ma làm cho ông mỗi khi thức giấc nhìn ra phải giật mình. Dường như những người đã chết trong họ tộc ông đều về đứng dựa lưng từng người một vào những cây cau ấy như đã từng đứng sắp hàng lặng lẽ bên cạnh những cái bài vị trên bàn thờ. Không một tiếng động nào nhưng ông nghe như vọng lại từ trăm năm những tiếng rì rầm cùng những tiếng thở than rất khế. Ông sợ những tàu cau già chưa chịu rơi xuống đất, cứ lủng lẳng lác lư trong gió như đó là bóng hình của cô em út đang đưa dưới xà nhà. Ông vẫn còn thấy vợ ông một tay ôm cây cau, một tay cầm tổ chim ngã xuống với đôi mắt mở to tuyệt vọng. Cho nên, chặt hết cả vườn cau ông lại mừng.

Nhưng rồi, vườn cau không còn nữa ông lại thấy buồn. Nắng như nước chảy vào chỗ trống, sáng đến chói mắt, nóng đến khô người. Chim chóc bỏ đi, ngay cả thằn lằn rắn mối cũng rất khó tìm. Giờ đây ngôi nhà bị cạo trọc mái càng làm cho khu vườn của dòng họ Phạm thêm hoang lạnh trống vắng.

Nằm mãi trong nhà với bóng tối và những bài vị trên bàn thờ, ông cảm giác như mình đã chết mà chưa chôn. Ông chẳng muốn động đậy chân tay, ngay cả thờ ông cũng để mặc cho lỗ mũi và hai lá phổi muốn làm gì thì làm. Đã năm mươi năm sống ở đời, lúc này được gọi là tri thiên

mệnh, ông thấy cái chết đã đứng lấp ló trong góc nhà, chồm chợp trên các bài vị mờ ảo dưới ánh đèn dầu phụng. Thật dễ dàng là treo một sợi dây lên xà nhà như cô em thứ chín. Có khó khăn gì đâu, chỉ một chân hất nhẹ cái ghế là xong ngay. Nếu sợ xóm làng kinh hãi khi thấy cái lưối thè ra thì chụp lên đầu một cái khăn. Nhưng làm sao ông lại có thể chết được trong khi bốn mươi hai cái bài vị trên bàn thờ chưa biết giao lại cho ai. Đó là chưa nói tới 16 cây cột quen thuộc không muốn để ông chết.

Ông ngồi dậy, chui ra ngoài. Cái lỗ nằm sát đất nên ông phải khom lưng xuống mới bò ra được. Trông cứ như con chó. Rồi cái vẻ nhìn trước ngó sau lại giống hết một thằng ăn trộm. Chưa bao giờ ông thấy tình cảnh của mình ô nhục như thế. Đường đường một thủ từ họ Phạm mà ra vào nơi chốn linh thiêng lại bắt chước con vật bốn chân. Ông lững thững đi ra ngõ. Muốn ghé nhà ông Sáu Hủ bên cạnh uống chén nước nhưng lại sợ làm khổ ông bạn già. Ra quán Sáu Chơi làm một ly giải sầu lại ngại làm cửa hàng bà ta ế ẩm. Chưa đến nỗi chửi như tát nước vào mặt nhà tổng Bá, nhưng gặp ông, ai cũng quay mặt đi. Vạn bất đắc dĩ, có phải nói đôi câu thì họ ngó trước trông sau, làm như ông đang mang trong mình cả khối vi trùng dịch hạch. Ông cứ bị hăm he đưa lên địa chủ thì họ đại gì mà dây vào ông cho mang cái tội *liên quan*.

Cô con dâu còn tệ hơn nữa. Nó bị ghép đủ thứ tội, nào buồn gian bán lận, nào đầu cơ tích trữ. Nghề của nó là buôn bán hành tỏi, một cái nghề bất đắc dĩ vì không biết làm gì hơn ngoài việc cấy hái. Chồng đi bộ đội, con cái không có, việc buôn bán khởi sự cũng chỉ để cho vui, cho bớt cái thì giờ làm dâu trống vắng dài dằng dặc. Không ngờ, tỏi mua gom từ các vùng quê đem lên Đập Đá bao nhiêu cũng bán hết. Người ta ăn tỏi để chống sốt rét. Người không ăn được thì đập tỏi cột vào tay. Chẳng biết có hiệu nghiệm gì không chứ người nào mặt cũng vàng ệch, lúc nào cũng cảm thấy lạnh như từ trong xương sống lạnh ra.

Nó mua tỏi mới nhỏ, thuê người khác gánh về nhà, rải ra sân phơi thật khô rồi bóc vỏ ngoài, cắt rế, xâu lại thành chùm. Cứ mười củ nhỏ thành một chục, mười chục xâu tròn thành một trăm rất đẹp. Để hấp dẫn khách mua hàng, nó xoay những củ to, trắng ra bên ngoài, giấu những củ nhỏ, sứt cuống vào bên trong. Ai cũng làm như vậy nếu không muốn hàng của mình bị mất giá. Nhưng cô Thanh bảo như thế là gian lận, là phỉn gạt nhân dân. Mỗi năm chỉ có một mùa tỏi, nếu bỏ vốn ra mua để có mà bán quanh năm thì lại bảo là đầu cơ tích trữ. Thỉnh thoảng ông Khứ cho du kích đến soát nhà, nếu dư ra hơn một trăm củ là bị tịch thu ngay! Tội nghiệp, nó phải nhờ ông anh rể nhiều lần đem giấu ở chỗ khác.

Không bắt được nhưng bọn họ vẫn ghép nó vào hàng buôn gian bán lận, tiền muôn bạc gánh cần phải khấu trừ bằng cách kê thuế thật nặng. Mặc dù không làm ra hạt thóc nào, nó vẫn phải nộp hai tấn lúa vì có đủ *khả năng*. Cộng với ba tấn nông nghiệp của riêng ông là thành năm tấn, trong khi thu hoạch chưa được 500 ký! Cho nên, dù chưa bị đưa lên địa chủ, cha con ông vẫn sẽ bị đem ra đấu vì cái tội thiếu thuế! Tức là cái tội ù lì phản cách mạng! Như con cá đặt trên vỉ, lật phía nào cũng bị lửa nướng chín. Đã bị ghi đích danh vào bản án ấy tức là vào cái kho tằm tối mệnh mông của ganh ghét hận thù, của nhỏ nhen bần tiện, của ngu dốt bạo ngược, thì dù có chết vẫn chưa được yên thân.

Thầy giáo Hiên bị bắn rồi mà vẫn gọi là thằng Việt gian. Ông tổng Bá thất cổ mà vẫn chưa được phép chết. Ai cho mày trốn nợ nhân dân? Còn ông, thằng thủ bản ăn hết cả cái đình làng An Định hãy đợi đấy mà trả lời với nhân dân. Mà nhân dân là ai nếu không phải cái thằng cha chạy hiệu gặp thời hò hét đó. Lúc nào ông cũng nghe lũng bùng trong tai những tiếng quát tháo, những câu tra hỏi; để đâu, chôn giấu ở đâu, vàng của đình cả trăm lượng giờ biến đi đâu hết, hả, hả? Ông lờ mờ thấy cái ngày mình bị bắt quỳ trên những đám mề chai không còn xa. Dân làng được mời tới thực ra là được các tổ trưởng tổ phó đi từng nhà nhắc nhở như lừa những con chó ốm đói ra khỏi chuồng. Bọn họ ngồi chò hỏ trên nền đất, quần xà lỏn nhiều khi không ôm hết cái háng mốc xỉ, đàn bà đứng sau lưng áo không che hết cái bụng xề, cứ thấy các cán bộ vung tay lên hô đã đảo là hô theo. Tiếng hô càng to, sức mạnh nhân dân càng lớn. Thằng chả đứng vung tay múa chân như lão phù thủy Ba bắt quyết trừ tà. Thần chú là lời cao xa của đảng còn tà ma là địa chủ phản động. Khi ông cử Vân, ông tổng Bá bị xoá sổ trên cõi đời thì lại

đến lượt ông. Là một tên tử tội dự bị, ông cảm thấy cái lưới gươm không phải công lý mà là phi lý đang treo toong teng suốt ngày đêm trên đầu mình. Nhân dân, nhân dân, hai tiếng ấy lúc đầu nghe rất chi là thân thiết ruột rà, giờ nghe như tiếng gầm của con sư tử!

Chương 2

Chuông gọi hồn ai?

Đêm thứ nhất, sau khi trét xong cái vách đất biến ngôi nhà thành một cái hang lộ thiên khổng lồ, ông không thể nào chợp mắt được. Cái mùi xăng vẫn còn nồng nặc, rồi mùi của đất ướt ngai ngái, mùi của bóng tối đậm đặc, mùi của cây gỗ bị rang nóng... làm ông ngạt thở. Đã mấy lần ông chui ra ngoài hiên, ngồi đốt thuốc nhìn trời. Ngân hà giống con sông chảy qua làng trong mùa lũ, trông mênh mang cả một trời sao trắng đục. Ông thấy sao con công vẫn còn kéo cái đuôi óng ánh dài lê thê, sao con vịt xấu xí héch cái mỏ lên trời và ông nghe thấy tiếng con chim heo kêu ụt ụt. Không có tiếng vạc kêu, cũng không có tiếng chim cú ném vào đêm tối những tiếng kêu dài ma quái. Đất trời vẫn yên hàn thanh tịnh, chỉ có lòng người vẫn không ngớt dậy lên những trận phong ba kinh hồn, lúc nào cũng để lại những tiếng dội âm ỉ như tiếng sấm rền trong mây.

Cớ làm sao chỉ một bước mà mình đã lên địa chủ? Rồi một bước nữa là phản động. Đâu phải mình muốn bước mà mình bị đẩy lên, bị nắm tóc kéo lên chỉ sau một tiếng nói của nó. Mình đâu có gây thù kết oán gì với nó? Hay là lúc mình cản không cho nó đem cái áng thờ của đình về nhà? Mình đã nói cái vật này linh thiêng lắm, không còn đình thì đem tới chùa chứ đừng đem về nhà. Mình nhớ ra rồi, lúc ấy nó quắc mắt lên trông rất dễ sợ. Nhưng nó đã mang được của đình về nhà, cứ tưởng thế là xong, không ngờ nó vẫn không quên. Mình ngu quá. Mình bị nó làm khó làm dễ, sắp đem ra đấu tố cũng phải thôi.

Lúc ông chui vào để cố ngủ một chút, ông bất ngờ nghe đâu đó có tiếng nghiến răng. Kèn kẹt, kèn kẹt! Cái âm thanh của những chiếc răng cắm cạ siết vào nhau trong đêm, nhất là trong cái nhà không cửa sổ này, nghe thật khó chịu. Ông giật mình ngồi dậy. Phải một lúc ông mới nhớ ra rằng đó là tiếng nghiến răng của cô con dâu. Tiếp theo là tiếng nuốt nước bọt ừng ực. Làm như thể hai hàm răng đó đang xay bột. Giờ ông mới nhớ ra căn nhà lấm bên cạnh không có mái đất bên trên, đã cháy. Đó là buồng ngủ của hai vợ chồng cô. Và đó cũng là kho hàng với hàng trăm ký hành rải trên nền nhà, hàng trăm xâu tỏi khô treo nhông nhảnh. Cô quen thuộc cái mùi nồng nồng ấy đến nỗi khi nằm chỗ khác, cô cũng thức trắng không tài nào ngủ được. Cô nói sao nó lạt lạt, khó chịu quá. Ông đã mắng, nói tầm bậy, đâu phải nhà làm nước mắm mà thấy lạt, mặn! Cô chỉ cười.

Cái nhà lấm không còn, cả cha chồng và nàng dâu đành chui rúc trong hang như hai con chồn trong truyện Liêu Trai. Thực là chuyện lạ suốt 12 đời họ Phạm giờ mới có. Cái ngọn lửa của quân thù thực hiểm độc. Chẳng những đốt nhà, nó còn đốt luôn cái bức tường vô hình dựng lên suốt mấy trăm năm. Cô con dâu chưa bao giờ dám ngửa mặt ngó bố chồng chứ nói chi đến chuyện cùng chui ra chui vào như thế. Và dĩ nhiên dù có nghiến răng cũng chỉ quấy rầy cái lỗ tai của chồng chứ đâu có đến bố chồng. Vậy mà giờ đây nó cứ rít lên như dế gáy.

Chỉ còn một chỗ để cho cô ngủ là cái rương xe của mẹ chồng. Đây là một cái sạp bằng gỗ kiềng kiềng rất nặng, có bốn bánh xe để chuyển dịch. Những nhà khá giả khi cất nhà đều làm một cái rương như thế để cất giữ những vật quý giá nhất. Chủ nhà ngủ trên đó như thần giữ cửa. Chỗ của mẹ chồng mà phải nằm lên là đã thấy ngại rồi. Trên đầu cô lại là cái xà định mệnh. Ngủ dưới một cái xà treo cổ làm sao mà ngủ được!

Cô cứ nhìn trừng trừng vào bóng tối. Đã mấy lần cô muốn hét lên khi nghe có tiếng chuột chạy, hay lờ mờ tường chừng cái lưới của cô thứ chín cứ dài mãi ra, dài mãi cho đến lúc chạm vào da thịt cô, liếm như chó liếm. Nhưng rồi sau những ngày dài căng thẳng mệt mỏi cô cũng thiếp

ngủ lúc nào không hay. Và trong khi ngủ say cô lại nghiêng răng kèn kẹt như một con tắc kè trong bông cây.

Ông hơi bất ngờ khi biết mình và cô con dâu cùng phải ngủ trong một căn nhà, cùng hít thở cái mùi không khí cháy sém, khô rốc đến rất hợm. Ông vốn khó ngủ, tiếng con thằn lằn, tắc lười, tiếng con chuột chạy, giờ lại thêm tiếng nghiêng răng! Ông nhớ lúc nhỏ cũng đã từng bị cái bệnh nghiêng răng như thế. Nghiến trèo trẹo cả đêm không cho ai ngủ được. Mẹ ông đã phải mua về mấy cái c... heo đem luộc, giả như da heo trộn gói để dụ ông ăn. Từ đó răng ông mới thôi nghiêng. Nhưng, nó là gái thì có ăn được không và chẳng lẽ lại bảo nó đi mua cái thứ mà con gái đàn bà nào cũng mắc cỡ đỏ mặt. Thôi thì mặc nó nghiêng cọt kẹt nghe cũng đỡ buồn. Thì cũng giống như nghe một anh kéo đàn cò đang thử dây vậy thôi. Ông cười thầm, nằm nghiêng qua một bên cố dỗ giấc ngủ.

Đúng lúc đó ông nghe có tiếng trống tum, tiếng mõ, tiếng phèng la hoà cùng tiếng thùng thiếc. Rồi tiếng hô đã đảo địa chủ, đã đảo ù lì! Tất cả như từ trên trời rơi xuống, từ dưới đất chui lên bao kín ngôi nhà trọc trời của ông. Đám thiếu niên đã được lệnh quấy phá ông, thế là không cần tuyên bố trước dân làng, ông đã bị quy vào địa chủ phản động. Từ nay ông hoàn toàn bị bao vây cô lập.

Ngọn đèn dầu phụng nhỏ như hạt đậu leo lét trên bàn thờ chỉ làm cho bóng tối trong nhà như đậm đặc hơn lên. Tiếng động bên ngoài bất ngờ làm cho nó sủi bọt như trong một nồi cám heo. Ông hốt hoảng lăn xuống phản bò đến cái lỗ ra vào. Cô con dâu cũng không còn nghiêng răng nữa, tỉnh như sáo, đến kê đầu bên cạnh ông, nhìn ra.

Cả hai cùng nín thở.

Bọn trẻ tụ tập ở ngoài ngõ, nhưng chưa vào trong sân.

Dường như chúng đang đợi lệnh.

Một cây đuốc chạy như bay tới.

Và bọn chúng lập tức tràn vào.

Hai cha con cũng lập tức thụt đầu vào, lấy ván đập lại. Vẫn chưa yên lòng, cả hai cùng cố sức đẩy cái rương xe nặng chịch để trấn giữ. Cả hai cùng tựa lưng vào vách thờ hào hển. Nếu người này đặt tay lên ngực người kia chắc nghe được tiếng trống ngực dồn dập chẳng khác gì những tiếng hỗn độn ở bên ngoài. Chúng có phá nhà không cha? Cô lo lắng hỏi. Không đâu, ông trấn an, chúng chỉ làm huyên náo vậy thôi. Phải cố giữ bình tĩnh. Có một miếng vách bẽ ở phía sau, hay là mình lén chui ra, cô thì thảo bên tai ông. Không được đâu, chúng đang hung hăng. Chúng mà thấy được thì khổ.

Bỗng: bịch! bịch! Đất cục và gạch vụn ném tới tấp vào nhà. Tấm vách ướm mới trét rung lên. Cùng với tiếng gạch đá là tiếng hô đã đảo, tiếng máng chửi thủ bản Khâm ù lì. Cái trò này được đặt tên là *dạ náo* tức là quấy phá làm cho kẻ thù mất ăn mất ngủ. Hằng đêm, chúng tụ tập ở gò đình, sau khi nháy *xôn đố mi* mỗi chân liền kéo đến nhà tổng Bá, giờ đến lượt nhà ông. Vì đây là kẻ thù mới nên chúng gõ trống mõ to hơn, đập thùng thiếc mạnh hơn, chúng còn hò reo đòi phá nhà. Chỉ cần mỗi đứa một tay đẩy nhẹ thôi là cả tấm vách đổ nhào. Chúng sẽ xách cổ ông và cô con dâu như xách tai hai con thỏ. Chúng sẽ đốt thêm đuốc dẫn đi quanh làng cho mọi người thức dậy xem. Chúng sẽ bày ra nhiều trò khác mà ngay cả trời cũng không biết được. Áp mặt mình vào cánh tay cô con dâu, vai ông rung lên. Một chút nước nóng sồn ra ở đáy quần. Ông xấu hổ muốn khóc. Cô con dâu bỗng mạnh mẽ, đứng dậy. Cô mở nắp rương, nói: Hay là cha chui vào trong rương đi. Nếu chúng vào thì con nói cha đi đâu không có nhà. Không được, không được, ông nói trong tiếng khóc, tóm được là chúng xé xác ra ngay! Đã là địa chủ phản động thì có chui xuống đất cũng không trốn được.

Đã đảo địa chủ! Đã đảo!

Lôi cổ nó ra đây! Lôi cổ!

Hai người cứ chịu trận cái trò dạ náo như thế cho đến lúc chúng ném hết đất đá, mỗi tay, mới bỏ đi.

Đợi cho thật xa, thật yên, hai cha con cố sức đẩy cái rương xe sang một bên. Ông chui ra trước để thở và tìm nước uống. Ông thả gàu xuống giếng, kéo nước lên, nốc một hơi đầy bụng. Còn

nước, ông cúi xuống xối ướt cả đầu. Ông ngồi trên hiên, giờ không còn cột và cái mái tranh vênh cong như mái đình, thờ dốc ra như dốc ngược cái bao than trút xuống đất. Quả thật, chưa bao giờ ông sợ đến nghẹn thở như vừa rồi. Ông không hiểu vì sao lại có thể sợ đến thế. Mà lại sợ những đứa trẻ chỉ bằng tuổi cháu ông. Sợ tiếng trống tiếng mõ của chúng, sợ tiếng hô đả đảo, sợ cái cảnh chúng hùa theo đám dân quân dẫn ông đi ra sông như đem chó đi trấn nước. Đột nhiên ông cảm thấy cái yên lặng của đêm tối còn đáng sợ hơn là những tiếng la hét ồn ào. Trong bốn bức tường, dù sao ông cũng được che chắn, còn ở giữa đất trời ông thấy mình hụt hơi đuối sức mà chẳng bám víu vào được một chỗ nào. Ông lại chui vào nằm ngay trên sàn nhà, thở.

Đã có lần ngôi nhà tươi tắn như một cô gái sắp về nhà chồng. Một rạp to phủ kín mặt sân, những chiếc đèn lồng màu đỏ đu đưa trong gió và có đến những bốn cây tạ đăng làm sáng rực cả ngôi nhà. Những cây cờ đuôi nheo bay phấp phật với những cái tua màu đỏ vòng vèo như râu mực. Rồi ban nhạc với đầy đủ trống kèn cò nhị rúc lên những tiếng ai oán trong khi trống đánh hồi một thùng thùng. Đó là lúc người ta đón mừng một tân khoa họ Phạm dưới triều Tự Đức. Ngày ấy đã hơn trăm năm nhưng những người trong họ vẫn tưởng như mới xảy ra hôm qua và ai cũng nói về cái tài thơ phú của người đã khuất với tất cả trịnh trọng nhưng sai lệch. Ai cũng tin rằng mình đúng và hai cánh mũi lúc nào cũng nở to phập phồng với một vẻ đắc thắng và tự hào.

Ông tổ 12 đời của họ Phạm đến lập nghiệp ở làng An Định có một cái mả dài đến những 12 thước rộng 1 thước. Nếu quả thật ông cao đến như vậy người ta chắc phải ghép cau lại để làm hòm cho ông. Phải chực đứa cháu chít gì đó mới giã xong cái mộ của ông trong buổi sáng tháng chạp. Cũng có thể là ông làm quan võ khá to vì chẳng hiểu từ bao đời, nhà họ Phạm lại được hưởng mấy mẫu ruộng công thần. Một điều lạ là con cháu các đời sau đều có tên tuổi ngày sinh ngày mất trên bài vị, nhưng ông thì không. Cái bài vị cao nhất đẹp nhất chỉ ghi mỗi một chữ cao tổ mà thôi. Trải qua 12 đời, đã có bốn mươi hai người chết chôn ở núi Mò O và để lại bài vị trên bàn thờ họ Phạm. Ông thủ bản Khâm là cháu đích tôn nên có vinh dự và bổn phận chăm sóc bốn mươi hai bài vị cùng bốn mươi hai ngôi mộ.

Nếu người chết nào cũng phải cúng giỗ thì mỗi năm ông phải làm đúng bốn mươi hai mâm cỗ, đó là chưa nói tới ngày tết. Nhiều người xì xầm rằng ông đã bớt xén trong việc cúng đình để có thể lo nổi bốn mươi hai đám giỗ ở nhà. Ông thề có trời đất chứng giám rằng ông không thèm tờ hào một bụm nếp hay rẻo thịt nào bởi vì ngoài hai cái giỗ cha mẹ không thể không cúng để trả nợ miệng, còn ngoài ra chỉ cây nhang bát nước mà thôi. Ông không sắm nổi hay sao mà phải động đến của thánh thần. Nhiều người có vai vế trong làng đều tin ông vì không ai qua được ông cái tính sạch sẽ tinh khiết. Từ con heo, cần nếp cho đến bình bông nải chuối ông đều tự tay chăm sóc rất cẩn thận. Ngày cúng đình ai cũng được ăn no và ăn ngon, các vị hào mục lại còn được kính nửa cái đầu heo hay tờ thịt. Nhưng cũng chính vì vậy mà ông bị kết tội là cùng ăn cánh với hương lý trong làng nên bị đẩy thêm một nấc nữa là địa chủ phản động!

Vợ chồng tổng Bá đã phải quỳ đến rướm máu để dân hỏi tội. Cụ cử Vân bị đem ra sông nhúng nước trong tiết đông chí. Giờ đến lượt ông. Trong số các địa chủ thì ông trẻ nhất. Ông lại có chút ít võ nghệ nên không dễ gì thoi đập mà ông chết được. Vì vậy người ta đã phải chặt mấy gốc tre đục chẻ làm tự, lấy những miếng cong cong như gậy đập đập nành để chờ lệnh là hỏi tội ông ngay. Trong buổi họp chi bộ, đồng chí Khứ đã nêu rõ quyết tâm sẽ đấu với tên ác ôn thứ ba này một trận ra trò.

Tháng mười mưa lụt, trong một đêm bà giật mình thức giấc khi cái rương xe to nặng chứa đầy đồ từ khí của nhà họ Phạm bỗng nghiêng hẳn đi như sắp được nhấc bổng lên. Bà chưa kịp đặt chân xuống đất thì nó đã lật ngửa như một con trâu nằm phơi bụng. Một luồng nước mạnh ùng ục từ dưới đất trào lên đẩy cái rương vào sát vách và ném bà xuống nước. Rất may bà ôm được một cây cột leo lên. Sau đó chẳng những chỉ riêng người nhà họ Phạm mà cả xóm Miếu ai cũng kinh hoàng vì bọn trộm trong mùa nước cạn đã đào một đường hầm từ bờ sông vào tận buồng ngủ của vợ chồng. Khi xong việc chúng đã đốt một cái chòi vẹt để dụ hai người ra xem. Và đêm hôm đó, từ dưới đất, chúng đã đẩy cái rương qua một bên, dọn sạch tất cả những gì

chứa đựng trong đó. Bao nhiêu những đồ đồng thau, chén bát bằng sứ, những nồi bầy nồi ba, những mâm to chảo lớn đã không còn. Cái giỗ năm ấy ông phải đi mượn của đình đem về cho bà mới đủ lo cho cả trăm người ăn uống.

Ngày đó trước cách mạng và ông đã đem trả cho đình không thiếu một đôi đũa, nhưng ông Khứ vẫn bảo là chưa trả. Ông đã mời ông Khứ đến nhà lục soát nhưng ông Khứ lại bảo cái đường hầm ấy đâu phải trộm đào mà chính nhà ông đào để chuyển tài sản ra đường sông! Mãi đến khi chết ông cũng chưa hiểu được rằng khi những người thay mặt đảng, bảo trắng là phải trắng dù đen, và bảo đen là phải đen dù trắng. Hãy cứ nhắm mắt mà tin vào. Đã không tin mà còn cãi lại thì cái chết là không tránh khỏi.

Ông chưa kịp tiếc thương cái ngôi nhà cùng lớn lên với ông thì đã bị nhốt trong hang. Chẳng những ông bị giặc Pháp căm ghét vì có một cái nhà to như một kho thóc mà còn bị xóm làng xa lánh, bị đám thiếu niên cò đở bao vây. Nằm trong bốn bức tường với một cái lỗ để chun ra chun vào, ông đã hiểu được thế nào là lô cốt. Có điều lô cốt của tây thì làm bằng xi măng kiên cố, có lỗ châu mai bốn hướng để quét từng tràng đại liên. Còn ngôi nhà vừa mới bị tây đốt của ông thì chống đỡ làm sao với sức mạnh điên cuồng của bản cổ nông lao động! Nghĩ tới cảnh bọn họ đập tấm vách mới trét vào lỗ cổ ông ra nhét vào bội mạ khiêng đi mà rùng mình. Trước tiên bọn họ sẽ đi diễu quanh làng. Ông sẽ bị gai bàn chải đâm, sẽ phải chịu đau nhức như có hàng trăm con ong vò vẽ cùng bu vào đốt. Bọn du kích sẽ dùng gậy thọc vào ông như thọc vào những con chó trong chiến dịch đại sát cầu. Cũng có thể bọn họ sẽ bỏ ông xuống hầm tròn rồi hun trâu xung quanh. Và nếu trời không rét bọn họ dám đun sôi nước tạt vào ông. Chiến đấu với bọn gian ác tức là phải nghĩ ra cách gì làm cho chúng khổ sở điều đứng, muốn chết mà vẫn không chết được. Đã có kẻ nghĩ ra cách chẻ những cây lồ ô rồi bó lại bắt địa chủ cởi quần áo từ trên tuột xuống. Chừng vài lần thì còn gì là da là thịt. Nghe lạnh mình còn hơn Pháp lấy kèm lột móng tay.

Ông ngồi dậy khêu cao cái tiêm dầu phụng. Ông đứng lên phản tìm cái dùi chuông và chậm rãi gõ đúng bốn mươi hai tiếng. Trong những ngày qua, hết nhà cháy đến trét nhà, ông quên mất phải thỉnh chuông để gọi bốn mươi hai linh hồn về với tổ đường. A Di Đà Phật, ông vái hai vái rồi nằm xuống phản. Ông mơ hồ cảm thấy như tiếng chuông hơi bị rè, có lẽ là do sức nóng chứ chuông đâu có rơi xuống đất. Đây là cái chuông quý, được lấy lên từ cái giếng lạnh trong vườn. Ngoài quả chuông còn có hai bộ xương một to một nhỏ chắc là của hai vợ chồng. Có người bảo là của Hời nhưng ông cãi Hời làm gì có chuông.

Ông cố dỗ giấc ngủ bằng cách nghĩ tới người vợ. Ông rất nhớ cái cách bà chăm sóc ông. Cứ như mẹ chăm con vậy. Mùa nóng bà cắt quạt mo cho ông quạt, mùa lạnh bà đốt than để dưới gầm giường cho ông sưởi. Không tình tứ, không ồn ào, nhưng từ cọng rau thơm cho đến miếng bánh đều được bà chăm chút còn hơn cho chính bản thân mình. Trong những năm phải ăn độn, chính bà hấp mì khô lên trên để riêng phần bà, còn ông thì phần cơm không độn. Khi bà còn sống, ông coi đó là những chuyện vụn vặt, tầm thường. Có cũng được, mà không có cũng chẳng sao. Nhưng bà mất đi, giờ ông mới thấy những lo toan tỉ mỉ đó sao mà thấm thiết, xót xa đến như vậy.

Kháng chiến đã đem những người con trai vào nơi bom đạn chỉ để lại ở nhà những người già, những cô vợ không chồng, những đứa du kích mặt còn búng ra sữa. Bọn chúng tay cầm gậy, lưng đeo dây dứa, lúc nào cũng nghênh ngang đi khắp đường làng, hạch hỏi những ai ra vào các nhà đã bị ông Khứ quy là địa chủ. Nếu được lệnh áp giải ai đó là chúng sung sướng như được cho quà. Chúng rậm rạp bao quanh kẻ tội đồ vừa cầm gậy thúc vào sườn, gõ vào đầu vừa hò hét còn hơn là khi chúng lừa trâu ra đồng. Chẳng cần biết già trẻ, đàn ông hay đàn bà, chỉ biết đó là bọn phản động, bọn bóc lột, bọn tay sai, là chúng đã coi họ còn tệ hơn một con vật.

Sau này, khi mọi sự giống như một bệnh dịch đã qua, chúng ngần ngại không hiểu vì sao lúc đó lại có thể hung hăng đến như vậy. Có người bảo rằng chúng chỉ là thuốc nổ còn ngôi chính là ông Khứ, bà Thành. Sau hiệp định Giơnevơ, hai cái ngôi nổ ấy đi tập kết là chúng trở lại làm những nông dân nghèo ít học nếu không muốn bảo là ngu dốt. Chúng được cha mẹ cắt tóc,

tắm gội sạch sẽ, mặc áo quần mới rồi đi cưới những cô nữ dân quân cũng ngỡ ngáo và ngu như thế về làm vợ. Rồi một thế hệ mới bụng ồng, mặt mũi nhem nhuốc ra đời, lúc nào cũng chống mắt ra mà nhìn người từ thành phố về như nhìn người ngoài hành tinh. Có một chiếc xe nào chạy qua là chúng vung tay múa chân đuối theo trong đám bụi mù một cách khoái trá. Và rồi chúng lại lớn lên lấy nhau sinh con đẻ cái. Những vòng đời nghèo đói ít học cứ miên man nối tiếp nhau như thế trong cái tĩnh lặng quen thuộc của xóm làng.

Ông vẫn chưa ngủ được. Có nghĩ đâu đâu rồi cũng loay hoay trở về với những nỗi lo, nỗi sợ chất chứa trong đầu. Bên ngoài, tiếng trống mõ lại nổi lên. Rồi tiếng hô đá đảo, rồi đất đá ném vào nhà. Chúng tấn công lần nữa và hai cha con lại phải xoay cái rương xe để chặn cái lỗ ra vào. Thôi mặc, muốn chửi rửa máng nhiếc ừ lì phản động hay gì gì nữa thì xin cứ việc. Đây mệt mỏi lắm rồi. Mà đây cũng đêch thềm sợ nữa. Chết là cùng chứ gì. Ai chẳng phải chết ngay cả sống đến ba trăm năm như ông Bành tổ.

Lặng yên một lúc.

Rồi lại bình bịch, bình bịch!

Hoá ra chúng vào trong sân. Thay vì ném đá, chúng dùng chân đạp vào vách. Cái tấm vách vừa trét chưa khô rung lên, nhiều mảnh đất trộn rơm rơi xuống. Bỗng có một bàn chân chui tọt vào trong. Cô con dâu sợ hãi rú lên nhưng ông chộp lấy rồi dùng hết sức kéo mạnh vào. Nghe bên ngoài có tiếng la hét hoảng. Ông muốn bẻ quặp cho lợi căng ra, nhưng nghe tiếng, ông biết nó chỉ chừng mười tuổi nên đẩy mạnh ra ngoài. Chủ nhân của cái chân hú hồn. Bọn nhỏ cười lớn rồi kéo nhau chạy mất.

Ông giật mình khi nhớ tới đứa cháu ngoại. Nó mười tuổi, chắc cũng vào đội và đêm đêm đi quậy phá những nhà địa chủ. Mẹ nó dù có muốn bắt nó ở nhà cũng không được. Nó không còn là con của cha sinh mẹ đẻ mà là con của đảng, cháu của bác. Có lần ông nghe một người bạn ở Yên Thới kể rằng đứa cháu của ông ấy chui vào nhà địa chủ. Nó được lệnh nằm dưới gầm giường để nghe vợ chồng bàn chuyện trốn thuế hay tẩu tán tài sản. Nó chẳng nghe được gì ngoài tiếng vạt giường kêu răng rắc. Nó sợ sập liền chui vào nằm dưới gầm phán. Rồi mệt mỏi ngủ quên, sáng ra bị chủ nhà bắt được. Nó tưởng bị dẫn tới nhà mắng vốn, nhưng chủ nhà chỉ cười, bảo nó đi về, lại còn cho một trái xoài tượng trên bàn thờ.

Ông ấy bảo dạy trẻ con làm những chuyện như thế thật trái với đạo lý. Đâu có chỉ rình mò như kẻ trộm mà còn bịa không nói có để được khen là ngoan, là có tinh thần đấu tranh cách mạng. Nhiều đứa ranh ma đã dựng nên những chuyện động trời. Như giấu vàng dưới giếng, hay chuẩn bị trốn vào vùng tề. Báo hại chủ nhà thì bị bắt trói còn bọn dân quân phải mất cả ngày để tát cạn giếng, đào bới, và đêm đêm phải canh cả vòng trong lẫn vòng ngoài. Như thế thì có muốn sửa chữa dạy khác đi cũng đâu có được. Nghe đâu ở bên nước bạn Trung Hoa có những nông trang rộng mênh mông, cùng làm cùng ăn, ai làm nhiều ăn nhiều, ai làm ít ăn ít. Ở đó, nam ở một trại riêng, nữ một trại riêng, mỗi tháng gặp nhau hai lần. Con sinh ra có nhà nước nuôi, khỏi phải mắc công chăm sóc dạy dỗ gì cả. Chúng nó suốt ngày ca hát chơi đùa cứ như ở trên thiên đàng.

Nghe nói thế, ông hết muốn có cháu nội.

Bọn chúng đi rồi, ông bảo con dâu giúp ông đẩy cái rương xe qua một bên. Ông muốn chui ra ngoài. Trời đêm thật mát dịu. Vãn sông Ngân quen thuộc vắt ngang giữa bầu trời, vẫn con công đầu đội mũ bình thiên và núi non cây cối vẫn xanh dịu im lìm, có sao những con người ở đây lại khác xưa đến như vậy. Giá như không có kháng chiến, giá như không có đấu tranh giai cấp thì chắc hẳn ông đang ngủ nghe thoải mái và lủ nhỏ cũng ngủ mê, có đứa nói mẹ có đứa đá dằm. Ông Khứ bà Thánh chắc cũng như ông Sáu Hủ bà Hai Thành quanh năm chỉ biết có con trâu cái cày và một bầy con cùng với gà heo lúc nhúc trong chuồng. Cái gì làm cho họ lồng lên như thế? Ông Mác ông Lê là ông nào mà làm cho cả thế giới sôi lên sùng sục? Lại còn ông Xít, ông Mao, ông Kim, ông Phiden... nhiều ông quá chen chúc trên cái bàn thờ tổ quốc. Cứ mỗi lần có đại lễ thì các ông lại xúm xít quanh ông Hồ, y như bốn mươi hai cái bài vị trên bàn thờ họ Phạm. Mà họ đâu có bà con anh em gì với nhau. Họ bảo cùng lý tưởng giải phóng loài người.

Ông đứng lên định đi tiểu nhưng lại nghe tiếng nước xối ào ào trong bụi chuối gần giếng nên lững thững đi ra ngõ. Chỉ mới mấy tháng trước đây thôi khi chưa phát động chiến dịch đầu tó, rào dậu nhà ông lúc nào cũng thẳng thớm. Những cây chuối cành lá đan vào nhau được cắt tỉa cẩn thận trông như một bức tường màu xanh. Cái mái của nhà ngõ cũng toàn chuối được dưỡng cao uốn cong trông rất đẹp. Từ Yên Thới qua những đám ruộng lúa chín vàng, ông đã trông thấy cái cơ ngơi màu xanh của nhà họ Phạm. Tất cả là nhờ một tay Bốn Ngộ, một anh tá điền ít nói làm rē của ông đến hai mẫu ruộng đã thay ông chăm sóc. Nhưng sau đó được đảng giác ngộ, thực ra là ông Khứ buộc, phải trả lại ruộng cho ông để khỏi phải làm người nô lệ. Ông bỏ mặc cho cây lá muốn mọc ra kiểu gì cũng được. Cái mái nhà ngõ rũ xuống, nhiều cành muốn chọc vào mắt, ông cũng không thèm cắt bớt. Ông bước ra khỏi ngõ vén quần phóng nước giải xuống ruộng nghe tồng tồng.

Cô con dâu tắm xong đã chui vào nhà. Nước mát đã đưa cô vào giấc ngủ. Cô lại bắt đầu nghiến răng. Kèn kẹt, kèn kẹt. Như tiếng một con nhòng học nói, nhưng ông nghe như tiếng của lưỡi cưa chạm vào ngà của một tay thợ tàu chuyên làm đĩa ngà cho những cặp vợ chồng mới cưới. Những đôi đĩa một đầu vuông, một đầu tròn có khắc những chữ Hán bôi sơn đen và đồ rất đẹp. Cái gã thợ tàu ấy không hiểu vì sao chỉ làm những đôi đĩa quý hiếm ấy trong đêm khuya. Gã cắt ngà ra từng khúc, xẻ nhỏ, rồi mới chuốt láng từng chiếc. Gã tỉ mỉ hứng từng chút bột ngà rơi xuống nhỏ mịn như trứng tằm. Để làm thuốc, quý lắm, gã nói. Cũng may là gã sống ở phố Quy Nhơn chứ nếu ở An Định, gần mả Thập miên thì người ta dễ tưởng làm là gã đào mồ lấy trộm xương lên làm.

Ông nhắm mắt cố ngủ nhưng tiếng kèn kẹt vẫn như lưỡi cưa mỏng đi xuyên qua đầu. Ông lại nhớ tới tiếng con mụ Dĩa khi sỉ vả ông tổng Bá, nó cũng rín rít qua hai hàm răng như thế. Đó là cắn thù. Còn con nhỏ thù ai? Chẳng lẽ thù ông hay thù cả nhà họ Phạm này? Mà cũng có thể lắm, nó được gì khi phải sống trong nhà này. Chồng không có, như đứa khác thì đã dắt trai vào nhà, bằng không thì cũng bỏ mặc cái giường lạnh lẽo đó mà chui vào một cái giường khác. Nó ngu hay mình ngu? Ông lại nghe rõ tiếng nước chảy trong bụi chuối, lại mơ hồ thấy nước chảy qua áo qua quần, lại tưởng đến bàn tay đang kỳ cọ, những ngón nhỏ len lỏi...

Ông rùng mình ngồi dậy. Nằm trên phản mà ông tưởng như nằm trên nắp ván thiên. Bốn mươi hai bộ xương lớn bé của nhà họ Phạm kêu lột rột trong đó! Ông đứng lên mò tìm cái dùi chuông và như phát cuồng, ông nện liên hồi kỳ trận vào cái chuông mà không cần biết là bao nhiêu tiếng. Cái chuông tội nghiệp đang say ngủ bỗng giật mình kêu thét lên. Nó vừa kêu vừa nhảy chơi chơi như một đứa bé bị ăn đòn oan. Bốn mươi hai cái bài vị trên bàn thờ đều nhòm dậy. Cái chuông bị tra khảo giống như bị đầu tó đành chịu trận cho đến khi đứt dây rơi xuống phản. Nó tự gõ thêm một tiếng choang đầu đớn rồi im bật. Mồ hôi tứa ra, ông cũng ngã vật xuống phản.

Thôi ngủ đi!

Ừ!

Nhắm mắt lại và nhớ tới những đợt tre rung rinh, những tàu cau xanh và mùi hoa cau ngọt lịm, nhớ tới cánh đồng lúa chín có những con cúm nùm làm tổ với những cái trứng màu nâu lốm đốm trắng rất dễ thương...

Ừ!

Nhớ tháng giêng xỏ cổ nhọn, hát bội, nhớ tiếng hát của cô đào thương, tiếng thét Trương Phi ở cầu Trường Bán và ngủ đi!

Ừ!

Đừng nhớ chi tới cái chân trắng của con đằm lai, đừng nhớ cái cách nó nằm gác chân lên vách để cái váy rơi xuống, đừng nghe nó rên rỉ gằm gừ, đừng nhớ tới tiếng nước chảy trong bụi chuối

Ừ!

Vẫn cứ nhớ à, nhớ như chạm như khắc vào tận xương da thì bắt chước hoà thượng bỏ nhang lên đầu mà đốt, hay lấy dùi nhọn mà đâm vào háng như các cha

Vẫn không ngủ được...

*Thì hãy đi ra vườn, ra ngoài đồng, ra bờ sông, đi thật xa cái hang tối tăm này
Chi vậy?
Để quên
Quên?
Ừ
Quên gì?
Quên mùi mồ hôi nồng nồng, quên mùi nước bọt mặn mặn
Ừ!
Ngủ và ngủ!*

Anh con trai cuối cùng của nhà họ Phạm mười sáu tuổi đã đậu Pòrime (bằng cao tiểu) được cả nhà ngả heo ăn mừng. Một cái rạp được dựng lên trước sân, bốn cái bàn tròn khép mở được các nhà trong xóm cho mượn bày ra bốn góc cùng ba mươi hai cái ghế đầu. Bà con nhà họ Phạm, sui gia và các ông chánh phó lý, hương bộ, hương mục, hương kiểm, chánh phó tuần đều đem tiền dựng trong phong bì đỏ hay chai rượu tới mừng. Ông thủ bản trịnh trọng hã hê cúi thấp gần như sát đất chào đón từng người một. Tân khoa mặc áo lương đen bên trong có áo trắng, đi lại giữa các bàn chাম rượu và đón nhận những lời chúc mừng.

Trong tiệc một người bỗng kêu anh lại kề miệng sát vào tai anh vừa nói vừa nhai miếng sụn kêu rạo rạo: tối nay đi Qui Nhơn nghe, xuống đó ăn khao mới đã chớ! Mọi việc ta lo hết cho, mày cứ việc vác xác tới là có ngay. Anh chỉ cười, không gật đầu cũng không lắc. Đó là ông bác họ sinh sống ở cảng Qui Nhơn. Có một thời ông đi lính thủy đem về một con đằm lai sáng nào cũng lấy dao nhíp ra cạo lông chân, nhiều khi trầy xước chảy máu phải xin cau của bà thủ bản rịt vào. Nàng thường mặc váy dài sát đất, trời lạnh thì ngủ kẹp tay vào giữa háng còn trời nóng thì tót váy lên tận bụng. Đáo để hơn nữa, mỗi khi đi ngang qua đám đàn ông đang ngồi hóng chuyện ở gòm Miếu thượng, nàng lại tinh nghịch kéo váy lên làm cho bọn họ cứ há mãi cái họng đầy kinh ngạc ra cho đến khi nàng đi khuất mới chịu ngậm lại. Nhiều anh thú thực trông thấy tối về nhà không tài nào ngủ được.

Nàng giống như chó thág năm lạng lẽ toả ra một thứ mùi thắm kín làm cho lũ đàn ông nhộn nhạo như phát cuồng. Không lúc nào ngớt những gã lạ huơ lạ hoắc ở tận An Đông, Yên Thới cũng tới hỏi mua cái này bán cái nọ, thực ra là để lom lom dòm ả. Mà ả thì có chịu ở trong nhà đâu, cứ kéo cái váy phết đất bẹo trước hàng hiên, cứ ngoáy mông, ễnh ngực khiến bà thủ bản dù là dâu nhưng vẫn là chủ từ đường họ Phạm, ngứa mắt chịu hết nổi. Bà điên tiết đuổi cả hai vợ chồng ông anh họ đi đâu thì đi cho khuất mắt. Ông chồng xuề xoà năn nỉ ông anh bớt giận thì bà lừ mắt bảo nếu ông muốn giữ cái quân lộn chồng đó thì tôi đi. Ông anh bảo không việc gì mà chú thím bận tâm, nó chỉ là đồ chơi qua ngày, chứ ăn đời ở kiếp gì đâu, nếu không thích thì sáng mai tôi đem nó đi. Sau bốn lăm, người ta vớt được xác ông trong một cái bao bố và con vợ hờ cũng bị giết vì cái tội dĩ thoã sau khi đã bị hãm hiếp.

Chính vì có ông anh họ có cái máu ưa đàn bà ấy mà lúc nào bà cũng nghi ngờ chồng mình hay liếc ngang liếc dọc, đi qua chỗ đông người thì cứ cố mà chen vào giữa đám đàn bà con gái, đứng cạnh một mục nào thì tay chân ngứa ngáy không lúc nào yên. Ông kêu trời, bảo bà cái cơn ghen đã phát hoả lên tận đầu, nhìn đâu cũng thấy chồng bậy bạ. Dù tôi có chặt tay móc mắt đi nữa thì bà vẫn cứ ghen. Ai thêm ghen với ông, tôi nói thế là muốn giữ cái thể diện cho ông, dù gì cũng là trường họ Phạm, lại là thủ bản của làng An Định, ông đi lêng phéng với bọn quý cái ấy không sợ đũa tre nhỏ nó cười cho à? Đó là chưa nói tới đàn ông gì mà chết nhục chết nhã như thế!

Quả thực không cách gì cãi lại được với bà. Chẳng những chuyện ghen mà đến cả chuyện nhà chuyện cửa đều do bà lo tất. Ví như sau bữa ăn khao hôm nay, bà bảo ông lo kiếm chỗ nào cưới vợ cho thằng Tân đi. Ông bảo nó còn nhỏ, hãy cố lấy cho được cái bằng Điplôm đã, rồi mới tính chuyện vợ con. Nhưng bà bảo, nữ thập tam nam thập lục, còn bé nhỏ gì nữa đâu. Đã mấy đời độc đinh nhà họ Phạm rồi, ông không sợ tuyệt tự à? Nghe nói thế ông đành phải gật đầu. Đúng là hũ mắm treo đầu giàn, bánh trắng treo đầu gậy, lỡ có bề gì thì mười hai đời họ

Phạm đến đây là tuyệt hẳn. Ai lo giữ mấy mươi cái bài vị trên bàn thờ kia, ai lo giã mấy mươi cái mả ở núi Mò O! Nghĩ tới vừa sợ, vừa buồn. Vậy là ông bắn tiếng cho hương kiếm Bồng chuyên làm mai dong kiếm một cô gái nào đó hợp tuổi để làm vợ con trai ông.

Chuyện này đâu có khó, ông hương kiếm Bồng cười tít mắt nói, có ngay liền, tôi đã để ý từ lâu cho con trai anh. Con nhỏ đó tuổi mùi, con anh tuổi ngọ. Nhứt gái hơn hai nhì trai hơn một. Nói vậy chớ đàn ông ít ai chịu lấy vợ lớn tuổi hơn mình. Thế nào cũng bị nhạo kêu bằng chị. Chị bằng ta chọn cái tốt thứ hai thay vì cái tốt thứ nhất. Phải vậy không? Con nhỏ đó được lắm, da trắng như bông buri, con gái út của một ông cũng làm thủ bản như anh vậy đó. Ở đâu? An Đông hả? Ừ, được quá phải không? Thế cũng được. Nhưng không biết thằng nhỏ có chịu không đây. Thì ngày mai tôi đưa nó đi coi mắt, gần quá mà, chỉ một bước là tới. Rồi chị nhà muốn xem mặt nó thì cứ qua chợ An Đông là khắc biết.

Cô con gái nhà thủ bản Phùng mới mười lăm tuổi, mẹ mất sớm, nên trong lần thấy kinh đầu tiên cô đã khóc suốt ba ngày liền. Cô tưởng mình sắp chết đến nơi. Giống như một trái cam bị nứt làm đôi, bao nhiêu nước cứ chảy ra cho đến khi khô kiệt rồi rụng xuống. Không ai nói cho cô biết đó là chuyện bình thường của người con gái đang đến tuổi dậy thì. Cha cô vì lo việc cúng kiếng ở đình nên rất ghét những người đàn bà có kinh nguyệt mà ông gọi là “gãy cẳng”.

Ông thường sai cô đuổi những người đàn bà cầm mo cau nếu họ có ý định muốn bước vào nhà. Chẳng lẽ cô cũng đang “gãy cẳng” và cũng phải mang một cái mo cau như thế?!

Nhưng rồi mọi sự cũng quen dần, những người chị họ thường đi buôn cốm tận Quy Nhơn đã dạy cô cách giữ vệ sinh và cô cũng biết được rằng không phải chỉ một lần mà nhiều lần nữa cho đến khi có cháu nội cháu ngoại. Cô đã biết mắc cỡ khi ai đó nhìn vào ngực mình. Hai cái vú như hai trái cau đang bắt đầu lớn căng như hai trái thị.

Dưới mắt nhìn của chàng trai họ Phạm thì cô khá đẹp. Còn dưới mắt của ông thủ bản Phùng thì chàng cũng đã đậu được cái bằng Pòrime. Cô nàng hơi khó chịu vì mặt anh chàng nhiều mụn, nhưng khi cha hỏi có ưng nó không thì nàng nói tuý cha. Ông nói với ông hương kiếm Bồng, được rồi đó, về nói với bên đó năm sau sang đây đón dâu.

Một cái rạp to gấp đôi lúc ăn khao, chục cái bàn tròn, một trăm cái ghế đầu, hai trăm cái chén, bốn chục cái tô bự, hai chục cái đĩa bàn, một cái chảo bung, hai cái nồi bầy, một con bò hai con heo, năm mươi cây bánh tét, một chục chõ xôi màu... Tuy chưa phải là to nhất làng, nhưng đám cưới như thế cũng khiến cho cả xóm nhớ mãi. Đám đưa dâu đi trên hai chiếc đò ngang, còn đám rước cũng hai chiếc làm mặt sông như sáng bừng lên với những áo xanh áo hồng, những dù những nón. Bóng họ in xuống lòng sông dựng đầy mây trời trắng lớp, trông rất thanh bình. Nhưng đêm tân hôn cô dâu lại ngủ quên trong ang lúa. Có chuyện lạ như thế vì chẳng ai nói cho cô biết làm vợ là phải làm thế nào. Khi người chồng bước vào buồng, cô hốt hoảng lui vào một góc. Khi anh ta lần tới thì cô vùng chạy xuống bếp. Và khi anh ta xuống bếp thì cô ra sau hè. Anh ta lên tiếng gọi, chẳng những cô đã không thưa còn dáo dác nhìn quanh và khi thấy một cái ang đựng lúa bỏ không, cô liền chui vào ngòai thu lu trong đó. Anh không dám gọi to sợ cha mẹ thức dậy. Anh cứ đi lên đi xuống rồi chán nản leo lên võng nằm dựa một mình.

Mãi đến gần sáng mẹ anh mới biết chuyện. Bà cầm đèn đi tìm và thấy cô đang ngủ ngon lành. Bà không la mắng gì chỉ nói tội nghiệp chưa. Tối hôm sau chính bà cùng vào buồng nằm với cô. Bà rử rử nói đủ thứ chuyện như mẹ nói với con, bà vuốt tóc cô khen tóc đen và dài, vuốt bàn tay cô khen tay nhỏ và đẹp. Bà nói như ru nên cô ngủ lúc nào không hay. Khi thức giấc cô đã thấy nằm bên cạnh mình là cái anh chàng xin lửa mỗi thuốc để ghét ấy. Rồi mọi việc cũng qua đi dù anh cũng hầy còn trẻ con và ngờ nghệch như cô. Rất nhiều năm sau này cô vẫn còn giữ cảm giác làm vợ giống như một trái bắp tươi bị bóc vỏ, kỳ cục và đau buốt không chịu được. Còn anh khi đi bộ đội nằm chung với bạn, cũng thú thực là lần đầu tiên anh chỉ bắn ướt đầy bụng vợ mà chẳng làm được gì.

Ông bà thủ bản ám ức mãi vì chuyện anh đi tòng quân. Nào có ai bắt bớ gì đâu, nhà chỉ có một trai thôi mà. Đến cả vua ngày trước còn tha cho hưởng giờ là cách mạng. Nhưng anh thì bảo là ghét cái mặt thằng Khứ không chịu được. Chẳng lẽ ở nhà làm du kích để nó sai bảo như suyt chó đuổi gà! Dù gì cũng đã đậu Pòrime, cũng nói được đôi ba câu tiếng Pháp sao lại để một

thằng chạy hiệu dốt đặc cán mai như nó ngồi trên đầu trên cổ. Phải như hai ông họ Phan mới là cách mạng chứ, nó chỉ có mỗi cái việc treo cờ và rải truyền đơn mà cũng gọi là cách mạng à? Anh đâu biết rằng chỉ có treo cờ búa liềm mới thực sự là cách mạng còn các cờ khác đều là phản động. Phan Chu Trinh thì ôm chân Pháp, Phan Bội Châu thì ôm chân Nhật. Giờ này mà nói tới hai kẻ ấy là đi cải tạo như chơi. Không chừng còn bị bắn bỏ như thầy giáo Hiên.

Thực ra anh đi vì mấy người bạn cùng thi Pờrime với anh. Bọn họ gồm ba người, tự cho là Lưu Quan Trương kết nghĩa. Anh ở An Định còn hai người kia ở Yên Thới. Hai làng gần nhau, chỉ hú một tiếng là đi ngay. Bảo là anh trốn nhà đi theo bộ đội cũng được vì ngay cả chị vợ vừa mới cưới anh cũng không hề nói cho biết. Chỉ có bà thủ bản âm ỉ kêu khóc chứ cô con dâu thì thấy vắng anh lại hay. Cô không thấy thú vị gì trong chuyện vợ chồng. Mãi mấy tháng sau mới cảm thấy nhớ anh, cô muốn đi thăm nhưng chẳng biết anh ở mặt trận nào.

Nhiều năm sau này cô vẫn không hiểu vì sao lại có cuộc cách mạng, vì sao lại phải kháng chiến. Khi cô chưa biết nói thì mẹ cô đã mất rồi. Cô sống thui thủi như con chim cuốc trong bụi rậm. Cha cô chưa bao giờ hỏi nói với cô một lời âu yếm. Ông cụ quanh năm suốt tháng chỉ lo có mỗi một việc là làm sao có con heo cho béo, có quây chuối cho tốt, có nếp ngon rượu nồng để dâng lên các vị thần và sau đó là cả làng no say một bữa. Giá như không có người tới hỏi cưới thì ông cụ cũng quên mất là mình có một cô con gái. Dĩ nhiên ông cũng quên luôn cô không còn mẹ. Ông rất kỹ tính. Bữa cơm tuy đạm bạc nhưng phải được chăm chút cẩn thận. Cái mâm đồng phải dùng trấu chà cho thật sạch, bát chén phải rửa bằng tro bếp, đĩa phải so thật bằng, rau luộc phải sắp góc theo góc ngọn theo ngọn, cá cũng vậy đầu đuôi không được lẫn lộn ngay cả cá cơm bé tí.

Tất cả những việc đó cô đoán ý ông mà làm. Ông không hề sai bảo mắng chửi. Nếu không như ý ông chỉ lảng lạng bỏ đi và nếu mọi việc cứ luộm thuộm như thế mãi thì chính ông tự đi làm. Cô rất sợ cái cách ông hờn dỗi như thế. Nhưng cô rất thương cha. Những lúc rảnh rỗi cô theo người làng đi vào tận Vân Canh đốt than để mùa đông sưởi ấm cho ông. Cứ tối đến là cô quạt đống than rồi đổ tất cả vào một cái chậu sành, phủ tro lên. Có hơi ấm ở dưới giường, cả đêm ông ngủ ngon không trăn trở. Thế là cô vui, cần gì được ông khen.

Cũng như An Định, đình An Đông bị phá chỉ còn mỗi cây thị. Có lẽ nó đã mọc trên núi Mồ cu từ khi ông khổng lồ ném một nắm đất lên mình con chim tội nghiệp để làm mồ cho nó. Cây thị cao to đến nỗi cành nhánh của nó đủ xoè ra ôm kín ngọn đồi. Mùa lúa tháng ba trong khi lúa chín vàng rực thì nó cũng đong đưa hàng ngàn quả thị vàng thơm. Những quả thị đẹp và thơm mỗi khi nhớ tới cô vẫn thấy thèm. Thích nhất là ăn xong lấy vỏ của nó dán lên vách để có những ngôi sao năm cánh, cả tháng mà vẫn không mất màu. Cây thị đó là lộc trời cho của dân làng. Không ai tính được bao nhiêu quả. Chỉ tính thúng thôi, được mùa có lúc đến cả trăm thúng. Khi ấy trái thị còn nhiều hơn cả lá. Ông đã thay mặt làng bán cho người nào trả giá cao nhất ngay từ lúc thị còn xanh. Số tiền ấy đủ mua cả một con bò để cúng đình. Giờ cách mạng không còn cúng tế nữa, làng khoán cho ông để lấy tiền bỏ quỹ. Ông tự hái trái đem xuống chợ An Đông bán. Cũng dư được chút đỉnh đủ để mua trà.

Chiều mồng bảy tháng tư năm năm mươi, cô được tin cha ngã xuống đất từ trên cây thị. Lúc ấy cô đang mua hành ở tận Lục Thuận. Giống như những người rỗi cá, vẫn giữ cái gánh trên vai, cô chạy một mạch về đến nhà thì cha cô đã chết. Máu trong miệng ông bỗng trào ra khi cô ôm chầm lấy xác cha kêu gào. Người ta bảo ông cụ ầm ức vì không được thấy mặt con trước khi chết nên mới thổ ra như vậy. Từ đó không bao giờ cô đụng đến trái thị. Cô lại càng không dám lên núi đứng dưới bóng cây thị mà nhìn lên. Cô cũng ít khi về thăm làng vì miệng đời rất tàn nhẫn. Người ta bảo cha cô bị thần vật chết vì trước kia ăn bớt của đình. Cứ chết một cách không bình thường là người ta thù dệt đủ điều. Một năm sau mẹ chồng chết vì trèo cau cũng bị đồn ầm là thần đình hỏi tội ông chồng làm thủ bản. Hai cái tang đó đã làm cho cô đã ít nói lại càng ít nói hơn nữa. Cô thường nằm khóc cha trong cái nhà lẫm giữa những tiếng rúc rích của lũ chuột. Lẫm không còn lúa nhưng chúng vẫn tìm tới đũa cọc cắn nhau chí chóe. Chúng chạy rào rào ở trên đầu, đôi khi có một con chuột cống chạy rầm rầm như có cả một chiếc xe ngựa.

Mẹ ruột chết, cha vợ chết, anh bộ đội chồng cô cũng không có mặt để chịu tang. Có ai ở cái làng này ngay cả công an Khứ biết được là anh đang ở đâu. Mà dẫu có biết chắc người ta cũng không chịu báo tin vì để anh yên lòng giết giặc. Không biết anh đã giết được bao nhiêu quân thù, lấy được bao nhiêu súng và anh còn phải hành quân đến bao giờ mới được trở về nhà. Lúc này cô mới cảm thấy thấm thía nhớ anh. Cô muốn úp mặt lên ngực anh mà khóc thay vì trên cái gối hôi mùi dầu dừa, cô muốn tự tay làm cơm cho anh ăn, muốn cùng anh ra đồng tát nước, tối đến muốn để anh đi vào trong cô và hồi hộp đón chờ một đứa con xinh xinh ra đời. Cô thấy nhớ quá chừng, bây giờ ngay cả cái mặt sần sùi nhiều mụn của anh cô cũng thấy thương. Nhưng anh vẫn cứ tím mù thắm thắm.

Hay là anh đã chết mà người ta không muốn báo tin sợ sẽ gây hoang mang ở hậu phương. Từ ngày nổ ra cuộc kháng chiến chống Pháp, chỉ thấy ghi trên bảng tin dựng ở gò miếu Thượng bao nhiêu thằng giặc bị giết chết ở An Khê, ở đèo Cả, ở Bắc Cạn, Lạng Sơn gì gì đó chứ đâu có thấy bộ đội chết bao giờ. Hay là anh đã bị giặc bắt? Có thể lắm. Dượng Ba một lần về thăm cha mẹ vợ đã nói, có lần chui vào đồn giặc ngủ chung với bọn chúng rồi lăn qua lăn lại, đứa nào có lông lá xòm xàm là tây trắng, đứa nào tóc quăn tím là tây đen, đứa nào chân tay nhỏ là nguỵ binh. Có như thế mới biết được chính xác có bao nhiêu giặc để mà đánh.

Cũng có thể dượng ấy nói khoác lên một chút để lấy le với cha mẹ vợ. Nhưng sự thực thì đánh giặc bây giờ không phải như ngày xưa, lại càng không phải như trên sân khấu hát bội. Chỉ một lần duy nhất anh ấy về thăm nhà, không hề nói tới chuyện đã giết được thằng giặc nào chưa, chỉ xin mẹ mua cho mấy ký mắm ruốc kho chung với thịt ba chỉ xắt nhỏ trộn với ớt và sả, lại cho vào thật nhiều muối nện chặt trong hai ống tre khô để đem đi. Lần ấy cô mới biết được có chút gì vui của niềm ân ái, là máu mủ trao nhau đến chết cũng không rời. Nhưng anh ốm yếu quá và chỉ có hai ngày phép ngắn ngủi nên cô đã không có được cái mặt cười rất đáng hãnh diện của một người bị ốm nghén.

Chương 3

Tiếng sấm rền

Cái bản tin dựng bằng đất quét vôi trắng được anh thông tin nắn nót viết 7 chữ đỏ: *Đuổi được giặc rồi, bà con ơi!* Rõ ràng đây là một câu reo mừng, nhưng mọi người đang bu quanh chẳng ai chịu nhếch mép hay vỗ tay. Có lẽ trong suốt chín năm họ chỉ hoan hô đã đảo khi nào có lệnh chứ còn tự dựng mà hoan hô thì nếu không phải là thằng điên cũng là một tay coi chừng phản động. Chẳng hạn với địa chủ hay đế quốc Mỹ mà hoan hô thì cả họ nhà anh đi tù là cái chắc. Những chữ viết bằng gạch trộn hồ nói lên một điều rằng, suốt ba ngàn ngày chiến đấu giờ đã kết thúc bằng hiệp định Giơ-neo, Pháp sẽ rút khỏi miền Bắc để bộ đội Điện Biên tiến vào Hà Nội.

Trùng trùng quân đi như sóng

Lốp lốp lưởi lê sáng ngời

Chúng ta đem vinh quang

Lúc quân thù đầu hàng

Ngay từ thời kháng chiến, với đôi dép lốp và gậy tầm vông, những anh bộ đội hăng hái đi tòng quân đã hát vang như thế mỗi khi đi qua làng. Giờ giặc mộng trong câu hát đã thành sự thực. Nhưng quân thù đâu đã đầu hàng. Nó chỉ nhường cho ta nửa nước như bẻ đôi một cây mía để cho ta một khúc ngọn nhạt phèo. Ngọt sao được khi bốn tỉnh Nam Ngãi Bình Phú này phải giao cho nó!

Những người đứng xem bàn tán. Một người nói: vậy là mình chỉ có nước húp mắm! Sao vậy, người khác hỏi. Còn sao gì nữa, ai đâu ngoài bắc mừng chớ mình mừng gì nổi. Tây nó tới đây ở đó mà mừng! Ở há, một người khác kêu lên. Bọn họ chừng năm người, áo bà ba quần đùi xắn tới háng, để lộ những cặp chân không phải tươi mượt như cô đầm lai dạo nọ mà đen đúa lũng không như những khúc thù đâu phơi khô. Trong số họ có thủ ngữ Đục, nó nói, Tây tới đây

thì đánh nữa chớ sợ gì. Nó lại hét toáng lên, giặc thua rồi không thấy à? Hoan hô lên chớ, hoan hô! Nhưng chẳng ai hô theo. Chỉ có vài đứa trẻ từ trong xóm chạy ra hô: muôn năm thủ ngữ Đực! Nó vênh tai nghe rồi cười lớn, muôn năm để dành cho Bác, tao chỉ muốn một trăm năm thôi, hi hi!

Đó là tiếng vọng của bản tin một ngày đầu thu khi hiệp định Giơneo được ký kết sau hai năm kỳ kèo. Cái xóm Miếu một thời rộn ràng cò xí giờ im lìm mỗi một như một con trâu già muốn ợ lên nhai lại nhưng suốt mấy ngày qua chưa có cọng cỏ nào trong bụng.

Nhưng tối đến bọn trẻ con cầm đuốc, cùng với trống mõ phèng la đi khắp làng mang cái tin mừng vĩ đại đó đến khắp mọi nhà. *Đuổi được giặc rồi! Được rồi! Được rồi!* Chúng vừa hô vừa giẫm chân bành bạch. Nghe ra thực mĩa mai. Bọn trẻ con quên mất rằng, theo như lời cô Thành, thì chúng là cái món đồ chơi rất được ưa thích của bọn thực dân. Rằng chúng sẽ bị xô xâu từng chùm liệng xuống biển. Rằng những cô gái dù xấu hay đẹp, ngay cả bà già cũng sẽ bị chúng hiếp. Làm như chúng đem bao nhiêu binh đoàn sang đây chỉ để làm mỗi một việc ấy thôi.

Nhờ cái tin chiến thắng ấy mà bọn chúng đã không đến chọc phá nhà ông nữa. Được một đêm không bị những tiếng đả đảo làm cho đầu óc muốn phát cuồng, ông ngồi cột sửa lại dây chuông. Rồi ông đánh đúng bốn mươi hai tiếng như thường lệ, những tiếng chuông rè rè như hơi thở thoát ra khỏi cổ họng của một người bị hen. Không biết do hôm ấy ông đánh quá nhiều tiếng, quá mạnh tay hay vì rơi xuống phản nên bị bể. Dù sao cũng còn có cái để mà đánh thành tiếng gọi hồn bốn mươi hai người chết. Chuông rè chẳng biết ở tận dưới đáy mồ, họ có nghe thấy không. Sắp đối mặt với cái chết đã được báo trước, ông thấy mệt mỏi chẳng muốn suy nghĩ gì thêm nữa. Ông tìm chiếc võng dây dừa đã rách nằm rất xót, nhưng có đưa qua đưa lại một chút may ra mới có thể ngủ được. Cô con dâu giúp ông cột võng rồi chui qua lỗ ra ngoài. Trời đã vào thu nhưng hã còn rất nóng. Ông nằm đưa võng nghe tiếng kêu kéo kẹt lại nhớ tới tiếng nghiến răng của con dâu. Có một cái gì đó rất lạ trong tiếng nghiến răng ấy. Nó mơ hồ gợi ông nhớ tới những hình ảnh xa xưa nửa tỏ nửa mờ. Không phải lạnh lẽo như bóng ma, không phải êm đềm dịu dàng như những ngày thơ ấu. Một cái gì như từ trong xương thịt của chính ông trỗi lên. Một cái gì đó đã lâu bị bỏ quên giờ đang cựa mình thức dậy...

Có tiếng cô con dâu vừa chui vào, cha ơi, còn 5 ngày nữa là giỗ mẹ đó cha! Ông giật mình: ờ, ờ ta nhớ chớ. Có điều như thế này thì biết cúng giỗ làm sao. Cúng chay mà cha, với mẹ chỉ cúng một chén cơm và chút muối thôi mà. Cần nhất là phải có nhang thơm và bông để cắm trên bàn thờ. Việc ấy cũng dễ mà, con sẽ lo cho. Ờ, ông làm nhầm rồi ngủ lúc nào không hay. Đó có thể nói đó là một đêm bình yên nhất của ông trong suốt chín năm kháng chiến.

Sáng hôm sau, ông Khứ cùng với hai du kích tới tận nhà. Bọn họ cúi xuống lỗ chỗ miệng vào gọi tên ông. Ông giật mình té khỏi võng phải lồm cồm bò dậy. Một tay ông nắm cái lưng quần đã đứt mất dây, một tay dụi mắt lò dò chui ra khỏi lỗ. Ông chưa kịp đứng lên đã bị ông Khứ nói như quát: ăn mặc như vậy mà đứng trước mặt chính quyền hả? Dạ, cháy hết rồi, dạ, để tôi vào cột lại đã. Ông cảm thấy vai mình bị ấn mạnh xuống rồi bị đẩy vào lỗ. Một lúc sau, khi tìm được dây nịt của đứa con trai ông nịt ngang lưng chui ra.

Lên ủy ban, ông Khứ ra lệnh. Hai du kích cầm gậy kèm hai bên. Giá như có được hai cái súng thì chúng càng oai vệ hơn nữa.

Ủy ban thực ra là cái trường bình dân học vụ lợp tranh. Nhiều chỗ tranh bị gió nam cuốn đi mất nên ngồi bên trong trông thấy cả màu trời xanh và những đám mây trắng. Một cái bàn thầy giáo nứt nẻ nhiều chỗ vênh lên. Hai cái bàn học có học và ba cái băng dài. Ông Khứ ngồi vào bàn thầy giáo nhịp nhịp chân làm chiếc ghế gỗ và cái bàn rung rinh theo. Cuộc hỏi cung bắt đầu.

Hỏi: Tại sao xây vách bịt kín nhà như vậy?

Đáp: Dạ thưa cách mạng, nhà cháy xây tạm để ở.

Hỏi: Nhưng sao lại bịt kín. Âm mưu che giấu cái gì?

Đáp: Dạ chẳng che giấu cái gì cả. Chỉ vì không còn miếng ván nào làm cửa. Không tin mời chính quyền tới khám.

Hỏi: Còn tôi hành để đâu không thấy?

Đáp: Dạ nó bán hết từ lâu rồi.

Hỏi: Láo, cả tấn mà bán hết rồi à?

Đáp: Dạ hết thiệt!

Hỏi: Đêm tối mà tiếp ai rì rầm trong đó?

Đáp: Dạ cha con nói chuyện với nhau.

Hỏi: Nói chuyện gì?

Đáp: Dạ chuyện làm đám giỗ vợ tôi.

Hỏi: Định mời những ai?

Đáp: Dạ cúng chay, không mời ai cả.

Hỏi: Nhà sao thờ nhiều bài vị thế?

Đáp: Dạ đã 12 đời nên có nhiều người chết.

Hỏi: Ai chết có nhớ không?

Đáp: Dạ không nhớ nổi.

Ra lệnh: Kê khai tên tuổi những người đã chết, lý do chết. Chiều nay nộp!

Ông thủ bản lòng bưng trong tai, không ngờ lại có một cái lệnh lạ lùng như vậy. Các đảng viên chỉ khai lý lịch đến ba đời là cùng sao ông lại khai đến những 12 đời? Cho dù có đem đi xử bắn hay đi đày (cải tạo) cũng đâu cần khai nhiều như thế. Tuy vậy, ông không thể không vâng lệnh. Không khai là một với hắn, ông nói khi cô con dâu thấy ông định tháo tung cái hộp đựng bài vị ra. Đây là việc không nên làm mà vẫn phải làm. Tháo bài vị ra cũng giống như quật mồ người chết. Tay ông run run, mắt ông như mờ lệ. Từng miếng gỗ sơn trắng viết chữ đen hiện ra, nhưng chẳng miếng nào đọc được. Không hiểu vì sức nóng hay vì lâu năm giờ chỉ còn là một chút bột trắng như xương của người chết dưới mồ. Ông đành xếp tất cả vào hai cái thùng bảo con dâu nấu cơm ăn rồi mới đi nộp.

Chiều, ông sai con dâu gánh cả thùng bài vị đi theo ông xuống ủy ban. Ông Khứ cùng với cô Thành đang ăn dưa gang với đường trên bàn thầy giáo. Thấy cha con ông vào, ông Khứ đẩy miếng dưa sang một bên quẹt tay áo lau miệng, hỏi:

- Gánh cái gì vậy?

- Dạ, 42 cái bài vị.

- Sao lại gánh tới đây?

- Dạ, mục hết rồi không đọc được.

- Thì nhớ, ông bà tổ tiên nhà mình mà không nhớ à?

- Dạ nhiều quá, lâu quá, làm sao nhớ nổi.

- Vậy là bất hiếu, làm thủ bản mà không biết ai chết để khẩn vái thì làm cái kiểu gì.

Ông bị mắng té tát nhưng đành ngậm miệng. Có cãi cũng chỉ để được mắng thêm mà thôi. Có lẽ cô Thành thấy cái việc kê khai này kỳ cục quá, chưa thông qua chi bộ nên cô nói: thôi nhớ bao nhiêu khai bấy nhiêu. Về đi!

Giống như những cơn mưa giông, những trò ngang ngược này mới chỉ là một vài cái chớp giạt, báo trước cơn cuồng nộ sắp xảy ra. Sẽ còn nhiều trò khủng khiếp hơn. Con mèo đã bắt được chuột mà thả ra là để thử cái vuốt thêm nhiều lần nữa. Hai cha con ông giống như hai con chuột lồm thồm ra khỏi miệng mèo.

Ông bảo cô con dâu đem bài vị vào nhà. Chẳng còn nhớ ai ở trên cao ai ở dưới thấp, ông sắp đại bốn hàng trông cứ như những bia mộ nhỏ xíu. Bàn thờ họ Phạm trở thành nghĩa trang! Cho rằng có một sự lộn xộn làm tổ tiên quở mắng, ông lại đánh 42 tiếng chuông rè để xin được tha thứ. Sau đó ông khó nhọc lắm mới tìm được một tờ giấy và cây bút chì.

Ông ghi:

Cha Phạm văn Mân, chết già.

Mẹ Nguyễn thị Hồng, chết già.

Em trai Phạm văn Đức, chết chìm.

Em gái Phạm thị Hiền, chết treo.

Vợ Trần thị Châu, chết trèo cau.

Thật là một bản kê khai cười ra nước mắt. Không chừng sau cái bản khai này hẳn lại xỏ lá để cho đúng vắn eo, ghi bản án dành cho ông là chết tùng xẻo! Dám lắm đó. Nghe nói ở Trung Hoa nông dân chưa có lệnh đã nhào vào mỗi người xẻo một miếng thịt của địa chủ để ăn vì căm giận. Cái đám quần chúng óm đóm chỉ cần hứa cho một cái chén ăn cơm của bọn nhà giàu là rùng rùng nổi xung thiên lên, và, đúng lúc đó, có kẻ nào hô móc mắt nó ra hay nhổ tóc nó đi là cả trăm cả ngàn con người tay chân khăng khiu bỗng trở thành cọp beo, chó sói. Để diễn tả cái khối đại đoàn kết khổng lồ đó người ta bảo, chỉ cần mỗi người phun một bãi nước bọt là đủ làm hấn ngập lụt.

Thật là may cho ông, cái tin đình chiến hoà bình đã làm cho đời sống bỗng dựng sắc màu đổi khác đôi chút. Đầu tiên là người ta thoải mái đội một chiếc nón trắng mà không sợ bị trét bùn lên. Các cô gái được khoe chiếc kẹp tóc óng ánh dưới mặt trời. Và người ta cứ thế mà đi ngời ngời không còn sợ máy bay. Để điểm thêm một chút mới lạ vào cuộc sống tăm tối nghèo nàn, người ta mở cả kho chiến lợi phẩm đem ra bán ở gò Vân Sơn. Thế là cả làng rùng rùng kéo nhau đi, dĩ nhiên là không sót một đứa trẻ nào trong đội Cờ đỏ. Nhờ vậy ông có được những buổi chiều yên tĩnh và tối đến dù tiếng chuông của ông bị rè vẫn nghe vang vang đủ bốn mươi hai tiếng.

Chợ chiến lợi phẩm bày ra dưới hai cái dù thật to. Tất cả những món hàng trong chợ cũng đều của Pháp, dĩ nhiên là không có súng đạn. Thực ra ngoài món thịt hộp ăn được ngay và một ít xà phòng thơm mà ai cũng muốn hít thử, còn tất cả là hàng bà lăng chẳng biết mua để làm gì. Như những cái nĩa, những con dao găm, những cái quần lót, áo nịt ngực không hiểu sao cũng tịch thu được và giở dây đem ra bày bán. Tuy nhiên vì là của Pháp nên nhiều người cũng bộp bộp mua thử một vài món để có mà về khoe với xóm làng. Trúng đậm nhất là mấy tay cờ bạc, bọn họ mua được những cỗ bài tây rất đẹp, xoè ra như rẻ quạt. Chắc hẳn bọn họ đang mơ đến những trò đỏ đen mới hấp dẫn hơn chứ không phải những trò bong đôi xóc đĩa đã quá nhàm. Chợ rất tự do, ai có tiền muốn mua gì cứ mua. Không cần biết anh là bần cố nông hay địa chủ. Vì vậy cô con dâu của ông thủ bản cũng chen vào mua được cho cha chồng một bộ đồ lính và cô một chiếc áo đầm để mặc tạm. Gan nhất và lì lợm nhất, trông trước ngó sau, cô mua cho ông cụ một chai rượu tây mà trong suốt bao nhiêu năm cứ đến giỗ tết là nghe ông nhắc đến một cách thèm thuồng. Cô cũng mua thêm hai hộp cá trích nghe nói rất ngon. Bao nhiêu đó cô phải mất đến cả thúng tiền tín phiếu. Ghé lại nhà ông anh rể cô cho anh một hộp cá để cảm ơn anh đã giấu giếm hàng và tiền. Rồi cô băng đồng mà về trong đêm tối.

Khi thấy những món hàng cô mua được, ông thủ bản mở to mắt như không tin là thực. Nhất là chai rượu. Ông run run cầm lên soi trước mặt, miệng lẩm bẫm: thế này là chết sớm đây, nó mà biết được thì chẳng còn đất sống. Nhưng đã mua rồi thì uống, sợ gì. Đúng là mày gan cùng mình! Dạ, cha cứ uống đi, có cá hộp đây, ngon lắm. Nói vậy chứ làm sao mà uống được bây giờ. Để ta kiếm cuốc đào lỗ chôn.

Ông mò mẫm một lúc trong góc tối, kéo cây cuốc, thò đầu qua lỗ nghe ngóng động tĩnh rồi mới chui ra. Ngó ra sân ra vườn trống trơn, ông thấy chôn chỗ nào cũng có thể bị bọn chúng tìm ra được. Suy nghĩ một lát, ông quyết định chôn ngay ở phía trước lỗ ra vào, tin chắc là chúng không thể ngờ. Ngày mai mình sẽ đổ nước trét cho láng rồi rải đất cát lên, ông nghĩ. Bỗng dựng ông mỉm cười trong đêm tối. Khi uống xong mình sẽ đá vào rồi vặn nút chai lại, giả bộ sao có vẻ khả nghi để nó khui lên. Khà khà. Cứ uống cạn đi, đồ khốn nạn!

Đêm hôm ấy ông đã ăn một miếng cá trích ngon nhất trần đời. Cả xương và thịt cá tan trong miệng thấm dần trong cổ ngọt không chịu được. Quả thật, ông thèm một ly rượu nhưng sợ quá. Chỉ cần nghe mùi rượu là nó phá vách ra lục tung cả nhà. Chết thì không sợ nữa rồi, nhưng nó lấy mất chai rượu thì tiếc lắm. Ngày trước mỗi khi đi xuống Qui Nhơn, chỉ cần một xâu nem một chai rượu là đủ vui ngất trời. Thuê một chiếc xe kéo chạy khắp phố phường cũng chưa hết một đồng. Không biết tiếng Pháp nên chẳng biết chai rượu đó tên hiệu gì, nhưng cứ rượu Pháp là nhất rồi. Sao cái thằng giữ kho chiến lợi phẩm lại đem bán, ngu dốt vậy. Nhưng chắc không ngu đâu, nó có cả đồng, giả bộ bán vài chai rồi nói hết, ai biết. Chà, trường kho chiến lợi phẩm, đúng là to hơn cả kho gạo.

Nhiều năm qua, chưa bao giờ ông thấy hủ hê sung sướng như lúc này. Không có một giọt rượu nào nhưng ông lại thấy lâng lâng. Ông bỗng ư ử hát một câu hát khách và đánh trống miệng thùng thùng. Ông hứng chí đứng lên, khoanh tay giả bộ vuốt râu, cung chân lên, liếc mắt hát bài tẩu mã. Cô con dâu đứng xem, khen cha hát hay quá. Ông nói, dân Bình Định mà, ta hát thì dở, nhưng cầm chầu được lắm. Tụi đào kép rất thích. Đánh chầu mà cứ nện vào trong miệng như mấy thằng khác thì thế nào cũng bị chữi.

Quái, ông nằm trên võng nghĩ, sao của thằng Pháp thứ gì cũng ngon vậy, không có cách gì khác hơn hay sao mà đánh nhau với nó. Mai mốt tới đây, nội cái món cá hộp của nó cũng đủ làm cho tụi du kích quăng gậy đầu hàng. Ở, mình ráng sống tới ngày đó. Mình có làm gì đâu mà phải sợ. Nhưng thằng con của mình hơi mệt à nghen. Sao nó biệt tăm không tin tức gì về nhà hết. Ngay cả mẹ chết mà nó cũng không về. Không chừng nó bị bắt làm tù binh và đợi chờ trao trả. Cứ còn sống là được. Tù binh mà có cá hộp ăn thì cũng sướng chán! Ông lơ mơ muốn ngủ.

Bỗng bên ngoài có tiếng quát: mở cái lỗ chó chun của nhà mày ra! Ông và con dâu vùng dậy hợp sức đẩy cái rương. Một cây đuốc mù mịt khói thọc sâu vào. Lê thị Cư đâu, mau chui ra đây. Cô con dâu run rẩy ôm lấy vai ông. Ông nói, giờ này ra làm gì? Cãi hủ. Nó bị bắt biết chưa. Ông cũng run, không phải vì sợ mà vì giận, Nó làm gì mà bị bắt. Không làm gì cũng bị bắt biết chưa. Ra mau! Ông đành phải gỡ cái đầu của con dâu đẩy nó chui ra. Ông cũng ra theo, nói để trấn an: không sao đâu. Con có làm gì đâu mà sợ.

Bọn du kích đẩy cô đi, mắt hút vào bóng đêm. Chỉ còn nghe xa xa có tiếng khóc.

Cơn giận làm cho ông đứng mãi giữa sân không chịu vào nhà. Sao dễ dàng như vậy, còn hơn bắt một con heo trong chuồng. Chẳng lẽ đi mua đồ chiến lợi phẩm cũng bị bắt sao. Nếu thế phải bắt cả làng. Hay là có ai đó thấy nó mua chai rượu. Ở cỡ như mình mà mua rượu là không được rồi. Nhưng chắc không phải, nếu biết thế thì chúng đã lục tung lên rồi. Vậy thì bắt vì cái gì. À mà như chúng vừa nói, không vì cái gì cũng cứ bắt. Ông bỗng giật mình: nhớ nó đem đi cho mò tôm thì sao? Lẽ ra mình phải đi theo. Muốn giết phải giết cả hai mới bịt được miệng. Nghĩ thế ông vội vàng chạy ra ngõ. Theo hướng tiếng khóc, ông chạy tới trụ sở ủy ban, giờ cũng giống như một bót cảnh sát.

Cô con dâu được đưa đứng trước mặt cụ Thành. Và đây là những lời xét hỏi.

- Mày đi Vân Sơn mua gì?
- Chiến lợi phẩm.
- Ai cho phép mày mua?
- Ai có tiền thì mua, không cấm.
- Tiền mày để đâu nhiều thế?
- Để đâu mặc tôi. Tôi không ăn cắp của ai.
- Mày ăn cắp của nhân dân.
- Tôi buôn bán.
- Buôn bán là ăn cắp.
- Bán chiến lợi phẩm cũng ăn cắp à.
- Khác. Đó là lấy của giặc, bán cho dân. Chứ không phải như mày lấy của dân bán cho giặc. Mày phải nộp mửa hết những gì lâu nay mày ăn cắp của dân thì mới được thả ra.
- Tôi chẳng có gì phải mửa hết.
- Thì nhốt. Anh em du kích đâu, giam nó lại.

Thế là con nhỏ gan lì cứng đầu ấy bị đưa vào cái miếu bỏ hoang bên cạnh. Ông đứng một lúc rồi đành đi về. Phải nghĩ cách gì đó chứ không thể làm ảm ỉ lúc này. Chồng nó đi bộ đội, dù là con nhà địa chủ cũng chưa ai dám giết nó. Hay là lên Đập Đá gặp thằng anh rể nó, có bao nhiêu tiền gánh đem về nộp thế mạng cho rồi. Nghĩ vậy, không cần về nhà, ông băng đồng đi ngay trong đêm dù lúc ấy đã quá khuya.

Bao nhiêu vốn liếng của nó qua là gửi cho bà chị ruột giữ. Khi nghe nó bị bắt và nghe chính ông là cha chồng nó định đem tiền về chuộc mạng, bà chị và ông anh vừa khóc vừa khiêng tiền ra. Ông anh nói, hay là chú để cháu gánh cho, nặng lắm. Ông nói, gánh được. Không sao đâu. Tôi

còn khoẻ lắm mà. Nói thế chứ ông cũng cảm thấy oằn lưng vì mấy chục triệu tiền tín phiếu. Tiền nhiều như vậy đó, cứ hai gánh tỏi là một gánh tiền!

Y như rằng mọi sự từ mắng chửi, bắt bớ, đấu lý đấu lực cũng chỉ để lòi tiền ra mà thôi. Khi một gánh tiền nặng quằng đặt trước mặt ông công an Khứ và bà chủ tịch phụ nữ Thành là con nhỏ được thả ra ngay. Bọn họ chỉ thông một câu đẩy đưa: về lo làm ăn đừng buôn gian bán lận nữa.

Hai cha con trở về, mệt nhoài chui vào hang, nằm vật ra ngay trên nền đất lúc này giống như nền xà lim. Những sự việc cả vui lẫn buồn dồn dập suốt một ngày qua làm cho họ thấy người như bị kéo dài ra còn đầu óc thì kêu vo vo như đang nhóm lửa. Cuộc sống vốn dĩ khó khăn, ai cũng biết vậy nhất là sống trong thời giặc giã, nhưng không ngờ lại khó khăn như thế này. Mà đâu phải trời đất hay tây đen tây trắng gì cho cam, chỉ là những người cùng xóm với nhau. Mới đây thôi, khi chưa có phóng tay phát động quần chúng đấu tranh giai cấp, thì dù có không ưa nhau mấy, lúc gặp nhau vẫn còn hỏi đi đâu đó, còn nói dả lả vài lời chứ đâu có nghiệt ngã như lúc này. Còn hơn cả quan phủ quan huyện, y như cai ngục ở dưới chín tầng diêm vương.

Bên ngoài, không một tín hiệu nào báo trước, trời bỗng trút xuống một trận mưa cùng với sấm chớp nhang nháng. Mưa xối xả, mưa ngọt ngào, mưa làm sống lại cả những người đã chết. Mưa giúp họ quên đi mọi tiếng quát tháo, quên tiếng hô đã đảo, quên đất đá ném vào nhà. Cả hai cùng chụm đầu nhìn nước chảy rồi bất ngờ chui ra khỏi hang nhảy tưng tưng như hai đứa nhỏ.

Họ tắm mưa!

Họ uống mưa!

Họ giỡn mưa!

Suốt mười ngày qua họ chưa hề biết đến tắm giặt. Chỉ có mỗi một bồn cầu bản đầy mò hôi mặc trên mình lúc nhà cháy mà thôi. Họ khổ sở ngứa ngáy mà chẳng biết làm sao. Hôm nay, ông có một bộ đồ của lính ngự, cô có một cái váy, tuy rộng thùng thình nhưng cũng có để mà thay ra giặt. Họ sung sướng để những giòng nước mát lạnh chảy tràn qua thân mình. Bao nhiêu tức tối, lo sợ, mệt nhọc đều bị nước cuốn trôi. Nước làm cho đầu óc họ trong sáng, da thịt tươi tắn như bông vải đang nở ra. Họ quên mất là cha chồng nàng dâu, té nước vào nhau rồi hét lên. Họ còn tinh nghịch đứng dưới mái hiên để nước mưa trộn đầy đất cát trên mái chảy vào người, rồi kỳ cọ như đang tắm bùn. Họ còn lăn lộn trên sân ngập đầy nước và tro của mái nhà đã cháy. Sau cùng họ đứng lên để nước từ trên trời cao tinh khiết rửa sạch cho đến khi cả người thấm lạnh mới chui vào nhà. Họ âm thầm cởi áo quần trong bóng tối rồi chui vào những bộ đồ mới mua rất lạ lẫm, rất buồn cười. Họ cuộn tròn trong đó như con nhộng trong lòng cái kén.

Ông thấy mình như sống lại bốn mươi năm trước đây. Hai anh em ông trần truồng chạy dưới mưa. Những giọt nước mưa ném vào người rát rát. Ông nhập bọn cùng với bọn trẻ trong xóm. Chúng nó cũng trần truồng, môi tím ngắt vì lạnh, chim đũa nào cũng teo đen như một hột mít lụi. Cả bọn rượt đuổi nhau, lăn lộn trên đường, há họng hét to mỗi khi có tiếng sấm, rồi sau cùng là nhảy xuống sông chia nhau nhận nước. Bốn mươi năm, mới đó mà xa quá xa. Sao mau quá. Nhưng chín năm lại khác. Lại rất dài. Hơn ba ngàn ngày, ngày nào cũng rất dài. Mỗi một ngày cứ như một kiếp. Mà kiếp người thì có đến cả trăm năm! Thôi đừng nghĩ lung tung nữa. Trời mát quá, ngủ!

Cô con dâu chưa ngủ nên không có tiếng nghiêng rặng. Nước mưa làm cho người cô như toả hương. Cô như bơi trong cái váy to lũng bũng. Cô kẹp tay vào giữa hai đùi cảm thấy mặt nóng bừng khi nghĩ tới chồng. Đã bảy năm xa nhau, cô gần như chẳng còn nhớ chút gì ở anh. Cái mặt nhiều mụn thì còn nhớ đấy nhưng chẳng có thú vị gì. Còn những thứ khác sao nó mơ hồ quá, ít ỏi quá. Môi anh? miệng anh? nói ra làm sao? hôn ra sao? cô quên mất!

Cô giật mình khi nghe có tiếng ngáy và lẫn trong mùi nước mưa có một mùi gì ngai ngái rất lạ làm cô nhắm mắt.

Trời vẫn tiếp tục mưa. Cái mái đất gọi là *da cái* đang bị bào mòn. Đã có một đội chỗ trôi hết khiến nước bắt đầu chảy xuống trong nhà. Cả một cõi nhân gian nhỏ bé là làng An Định với

bao nhiêu xỉa xối hoạnh hoẹ, bao nhiêu đêm học tập, bao nhiêu ngày biểu tình, hô dả đảo đến cháy họng, hô kiên quyết đến hụt hơi, hết đào đường phá cầu đến tiêu thổ kháng chiến... giờ tất cả chìm trong mưa như trong một cơn đại hồng thủy.
Thôi mặc xác những gốc tre chẻ làm tư, mặc xác những bãi mẹ chai, hãy quên, quên và ngủ, ngủ. Cha ngủ. Con ngủ. Và mong cho chúng nó cũng ngủ.

Ừ thì ngủ, nhưng còn những cái thùng thiếc, những cái mõ, những cái trống

Mặc kệ nó

Còn những thằng mặt dài như mặt ngựa

Kệ nó

Còn những con vú dài tận rốn

Kệ nó

Còn những Khứ, những Thành

Đã nói rồi mà, kệ mẹ nó

Nhưng nó là ai trong ngôi nhà này

Là con dâu

Sao nó nghiện răng dũ vậy

Cũng như mình ngáy thôi

Sao nó lại đi mua cái bồ sứt cặp đó mà mặc

Tối mặc ngủ chớ có đi đâu

Mặc thế nó có lạnh ở trống không

Lạnh ảm gì kệ nó

Nó muốn bắt chước mẹ đầm lai đó à

Đã bảo cầm họng lại ngủ đi

Ừ!

Ngủ!

Ngủ!

Cha ơi!

Cha ơi!

Tiếng cọt két của bốn chân giường

Tiếng thàn lằn tắc lưỡi

Tiếng sột soạt gãi ngứa

Tiếng bánh xe sắt nghiền

Tiếng con đế kêu trong hang

Tiếng con cóc coọc nghiền răng

Tiếng đập bàn quát

Tiếng há họng ra la

Tiếng chuông của chùa Thiên An

Tiếng mõ của thằng mất dạy

Tiếng chuông bể kêu rè rè

Tiếng khóc thút thít

Và mùi xăng còn thấm trong các bức vách

Mùi đất khô tắm nước mưa

Mùi đất nhão thành bùn

Mùi củi cháy

Mùi mồ hôi

Mùi của giồng cái

Mùi của giồng đực

Cha ơi!

Cha ơi!

Chương 4

Bão đầu mùa!

Con đường hầm mà bọn trộm đào từ bờ sông vào đến tận buồng ngủ, không biết chúng đã đào trong bao nhiêu lâu, nhưng ông bà thủ bản Khâm đã phải mướn đến năm lực điền dùng xe cút kít đẩy đất trong ba ngày mới lấp xong. Họ phải đổ đất và nén chặt từ bờ sông rồi lấp kín lòng hầm, chui xuống đó như bọn trộm, xong mới lấp cái miệng to như cái nia ở giữa buồng. Họ bảo phải làm như thế chứ không phải chỉ lấp ở ngoài bờ sông thôi như nhét một cái nút chai bằng củi bấp. Chịu sao được với sức mạnh tràn bờ của nước lụt. Đó còn là một cách tránh không cho bọn trộm chui vào một lần nữa. Vì vậy, dù trời có sắp lụt, nước sông có tràn vào soi lên ngập đường, ông cũng không việc gì phải sợ.

Ông đã ngủ đến hai ngày đêm, một giấc ngủ có lẽ dài nhất trong đời. Cô con dâu thì đã dậy ngay trong buổi sáng hôm ấy và dùng nước mưa giặt áo quần cho chính cô và cho ông. Cái váy của cô quá rộng và quá dài khiến cô làm việc rất khó khăn. Nước bắn bắn lên dính đầy những cái hoa to tướng in trên váy. Ông thủ bản không hay biết gì hết vẫn há họng ra mà ngáy to như kéo súc.

Trời mưa. Không một cây củi, một nắm than. Chẳng biết làm cách nào để nấu cơm, cô đành ngủ đói. Ngày hôm sau trời vẫn mưa và cha chồng vẫn chưa chịu dậy. Cô lại để bụng không mà ngủ thêm một đêm nữa.

Khi thức dậy ông ngạc nhiên thấy nước mưa lênh láng trong nhà. Ngạc nhiên hơn nữa là ông đã ngủ đến những 48 tiếng. Và, khi biết chính cô con dâu cũng phải ngủ đói vì không có củi và không có củi để nấu cơm, ông liền lấy rựa chẻ ngay một chiếc ghế đầu làm củi. Cũng may là có một cái lò, ông liền đặt ngay lên mặt rương làm bếp, Ông bảo khi nào ngủ thì lấy lò xuống. Cơm nấu xong, chỉ có mỗi một thứ muối hột nhưng vì ai cũng đang đói nên ăn rất ngon. Mà lại ăn nhiều nữa, nấu đến những hai bơ gạo mà vẫn ăn hết.

Giờ không còn lo người mà lo trời. Phải làm sao chống dột đây? Tranh thì không có mà lớp đất trên mái đang tã ra nên nước và đất cứ theo những cái khe của những tấm mê bằng tre rơi xuống. Các bức vách ngoằn ngoèo những đường nước chảy và rải rác có những con sên dài và mỏng như cá thồn bơn lặn lẽ bò lên cao. Bàn thờ cũng ướt nhẹp và đầy sên. Các hộp đựng bài vị góc cạnh méo mó, đã lạnh lẽo trông càng lạnh lẽo hơn. Ông chỉ biết đứng nhìn, đành lắc đầu phó thác cho trời. Nếu cứ mưa mãi như thế này thì đến cả bàn thờ cũng phải chẻ ra làm củi mất!

Mưa gió đúng là nhếch nhác khó chịu thật. Mới có hai ngày mà như đã trải qua một mùa đông dài. Nhưng vẫn còn hơn nắng ráo mà phải chịu sự tra khảo của trống mõ thùng thiếc, những lời quát nạt của dân quân du kích, của ông Khứ bà Thành. Bây giờ vị trí cao nhất là trời chứ không phải đội (cái cách). Bàn cổ nông cũng sợ lụt như địa chủ nào có khác gì. Dưới đảng thì có cấp nọ cấp kia chứ dưới trời chẳng có cấp nào hết, ai cũng như nhau, rất công bằng. Cũng có kẻ ác người lành đấy, nhưng giấu kín trong cuốn sách trời nào ai biết được. Nếu biết thì chẳng đứa nào dám ở ác.

Ông đẩy tám ván chui ra khỏi lỗ. Nước mưa theo gió quất tới tấp vào mặt ông, lạnh buốt. Như thế này là sắp có bão rớt đây. Ở cái đất Bình Định này bão không chỉ thổi qua một lần mà cứ chà qua xát lại kỳ cho cây cối tróc gốc, nhà cửa đổ sập hết mới thôi. Nhà ông thì chẳng còn gì để sợ bão. Nhưng nếu cứ mưa mãi, lớp đất trên mái trôi hết thì biết ở đâu bây giờ? Chẳng lẽ cả cha lẫn con đều chui vào trong rương!

Để khỏi nghĩ tới những cảnh kỳ cục, ông bèn chui vào lấy nón đi ra sông xem nước lụt. Đường luống mới đó mà trâu bò đi lại đã làm cho nhão bầy, trơn trượt. Mọi nhà đều đóng cửa, nhưng cả xóm vẫn ồn ào. Những đứa trẻ mới hôm qua còn cầm mõ, thùng thiếc đi nghênh ngang gọi ông là ù lì, giờ tràn trường chạy đuổi bắt nhau. Có đứa thấy ông, đưa tay lên mặt vuốt nước mưa, nhe răng ra cười. Ông cũng cười lại. Dưới mưa tất cả bỗng dưng cùng vui vẻ.

Nước sông đục ngầu đang lên, đã ngập tràn bãi cát ở địa đầu thôn Trung Lương. Cái chòi của bà Sáu Chơi chỉ còn thấy hai mái bé xíu úp trong làn nước bạc như một chiếc nón rách. Hai mẹ con chắc đã đem nhau vào trú trong miếu. Ông nhớ nước đang xuống như thế này *đơm kìm* rất nhiều cá. Những con cá chạch mình đẹp như lá tre có ba cái chấm đen ở phần đuôi. Cái miệng bé tí của nó không thể nào ăn câu được. Chỉ có mùa lụt mới bắt được nó bằng cách cắm *đó* ở lưng chừng bờ sông. Người ta đặt cái *đó* ngược với dòng nước, dùng cọc tre dài kẹp hai bên, lấy cuốc đào một rãnh nhỏ để làm đường đi cho cá. Biết cách đặt và nếu gặp luồng, có khi cá chui vào đến nghẹn *toi*. Những con cá chơn láng như lươn không cần mổ bụng làm ruột, xỏ nguyên con vào *lụi* tre đem nướng sơ rồi kho với mắm chua chua, ăn với cải non cơm nóng trong khi trời mưa lạnh thì dầu cá hộp của Pháp cũng không ngon bằng. Nhưng nước xuống nhanh và bất ngờ quá, không biết có ai *đơm kìm* không.

Ông đi qua cầu. Phía bên kia có một người đang đứng *nhá*. Không biết *bần* hay *cổ* đây! Người ấy xoay cái áo tơi và cái nón về hướng gió để tránh mưa. Trông rách rưới quá. Gặp phải thủ ngữ Đực thì bỏ mẹ. Nhưng thủ ngữ Đực giờ này đâu thềm đứng *nhá* dưới mưa. Nghĩ vậy, ông liền mạnh dạn tới gần. Có khá không? Ông hỏi. Người ấy nói cũng được. Ông ngồi xuống bên cạnh. Té ra là biện Quế, một người cùng họ nhưng không cùng từ đường. Dầu sao cũng là một chút máu mủ trong cái họ Phạm trôi nổi đến tận đây. Ông cũng hơi yên tâm, dầu biết rằng trong cuộc đấu tố, nhiều làng cha con anh em chồng vợ tố nhau từng bưng huống hồ là chỉ cùng một họ xa.

Ông ta kéo cái đọt đang ngâm trong nước lên khoe. Những con cá tươi rói nhảy chơi chơi phơi những chiếc vảy trắng sáng rất đẹp. Ông trầm trồ, nhiều quá, toàn là cá *trôi cá sốc* không hà, thiệt là ngon! Biện Quế móc gói thuốc mời ông làm một điếu cho ấm còn ông ta thì cúi xuống bứt một cọng cỏ chỉ thật dài xỏ chừng năm con cá trôi to đến nửa bàn tay. Cầm lấy đem về nấu bát canh, ông ta nói. Ông thủ bản ngàn ngữ: để bán chớ. Bán chác gì, ông ta gạt đi. Một lúc sau ông ta nói, thôi về đi. Ông hiểu ý đứng lên, nói lí nhí: cảm ơn.

Không ngờ, qua trận lụt này ông lại tìm được chút ấm áp nghĩa tình của ngày xưa tháng cũ. Có vẻ như mọi sự đang trở lại bình thường. Cái ao tĩnh lặng phủ đầy bèo cám bị quậy tung lên trong bao nhiêu ngày qua, giờ như đang lắng xuống.

Ông kêu cô con dâu ra lấy cá, còn ông đi rào trong vườn tìm rau. Ông bẻ được mấy nhánh măng ở bụi trúc, tìm được mấy trái chuối mốc già, bứt một nắm rau răm, hái thêm mấy lá dấp cá, rồi kiếm vài trái ớt nữa là đủ. Canh chưa nấu ông đã thấy ngon. Vị ngọt của cá tươi, vị đắng của măng, vị chát của chuối, vị cay nồng của ớt và rau răm cộng với cái lạnh của bão rút, ôi chao lại thêm một chén rượu tây nữa thì còn gì bằng. Chiều nay thế nào cũng khai chai rượu. Mưa gió thế này cho dù có là một thằng cha ưa rình mò thì hẳn cũng chẳng dại gì chịu ướt át mà đến nhà mình. Hẳn đâu có vì nước vì dân hết mình, hẳn cũng phải vì vợ vì con nữa chớ. Hẳn sẽ cơm no bò cối rồi ngủ tới sáng.

Ông kêu con dâu đưa cho ông cây cuốc. Ông chống cuốc ngó ra ngõ, nhìn lướt qua hàng dậu hai bên nhà, rồi cẩn thận đào. Chai rượu còn nguyên, ông liền đẩy vào bên trong, lấp lại cái lỗ, lại còn chà qua chà lại cho láng. Giờ ông thở phào, nhẹ nhõm. Ông nhớ hồi còn vợ, một con rắn lục không biết từ đâu nằm khoanh trên gác bếp, bà hốt hoảng la lên. Lúc đó ông đang cầm rựa vót nan, liền móc nó rơi xuống đất, nhanh tay chụp lấy cái đuôi cầm giơ lên cao. Ông lấy cái thạp, bỏ con rắn vào, đập nắp lại. Rồi ông mua rượu ngon đổ vào, lấy rơm trộn đất sét đắp lên trên. Ông đem chôn ngoài vườn, đúng 100 ngày ra đào. Không ngờ cái thạp nứt, do con rắn quậy hay do cuốc ông chạm vào, mở nắp ra chẳng thấy rượu bách nhật đâu, chỉ thấy có bộ da rắn nhầy nhầy. Chuyện đó khiến bà cười nhạo ông hoài. Bỏ dương bỏ thận đâu không thấy chỉ thấy có bồ củi!

- Cơm xong rồi vào ăn chớ nguội, cha ơi!

- Ờ, để ta rửa chân đã.

Ông ra giếng, nước lên tận miệng Ông chỉ cần lấy gáo múc chứ không cần gàu. Trời đã ngớt mưa nhưng gió thổi mạnh hơn. Những tàu lá chuối bị gió xé rách toang kêu lạch tạch. Những ngọn trúc cúi rạp mình xuống sát đất như một người điên đang xõa tóc quần quai. Lá trúc rụng

đầy vườn. Ông nghĩ, hết mưa sẽ chặt cả trảng trong vườn để làm mái, tạm qua hết mùa đông rồi hẵng tính. À, phải làm một cái nhà nhỏ cho nó nữa chớ. Đâu có thể chung chạ như thế này mãi được. Ai đòi cái từ đường họ Phạm giở lại ra nông nổi này. Lộn tưng phèo cả, đến nỗi bếp mà phải để trên giường nằm!

Bữa cơm nóng sốt được bày ra trên cái rương xưa. Vẫn còn cái lò bên cạnh và mùi thơm của canh cá bốc lên làm át cả mùi khói. Ông lại bàn thờ mò tìm cái tách uống trà bằng sứ men trắng. Ông nín thở vặn nút mở chai rượu. Một mùi thơm dịu dịu, mùi của nắng gió, sương tuyết tận trời tây chứ không phải mùi bùn đất cây cỏ nồng nàn ở trời đông. Ông run run rót những giọt rượu đầu ra chén. Một màu vàng nhẹ trong vắt như màu của nước trà thượng hạng. Linh thiêng và tinh khiết làm sao. Ông rất cảm động, vội đem chén đặt lên bàn thờ để mời người khuất mặt uống trước. Ông cũng đứng lên đánh đúng bốn mươi hai tiếng chuông một cách khoan thai dù chuông đã bị rề. Ông châm tẩu đúng ba lần cho đầy tách, mô phật, rồi đem ra ngoài mâm cơm coi như đã cúng xong người chết để người sống hầu tàn.

Cô con dâu xới một chén cơm nóng, hai tay trịnh trọng để trước mặt ông. Cô so đôi đũa thật bằng, đưa cho ông cầm, miệng nói: dạ mời cha! Ông nói, ờ ăn đi. Ta uống một chút rượu trước đã. Ông bỏ đũa xuống mâm, nâng tách rượu lên ngang miệng, nghiêng qua nghiêng lại để người mùi thơm, rồi rất nhẹ chạm môi vào cái thứ nước kỳ diệu mà suốt ba ngàn ngày mới được nếm. Ông lè lưỡi liếm môi, gật gật đầu. Ông đã nghe ra cái mùi vị không xa lạ của cái thời gọi là Pháp thuộc mà ông anh họ đi lính tây đã từng mang về. Nó êm ái đậm đà làm sao. Dĩ nhiên nó thơm ngon gấp mười lần rượu Bầu Đá. Ông chậm rãi cho rượu vào miệng như người ta rót nước mắm nhĩ vào chai, dù có giặc tới bên hông cũng không để mất đi một giọt. Khi đã đầy một ngụm, ông nhắm mắt nuốt và nghe cái thứ nước kỳ lạ đó như một con rắn lửa trườn êm qua cổ họng mình. Đi tới đâu nó đem lửa tới đó, một thứ lửa đầm đầm, êm êm làm thức dậy những niềm thương nỗi nhớ cũ tưởng chừng đã chết.

Cô con dâu đã ăn xong bữa, nhưng ông vẫn ngồi trầm ngâm bên tách rượu. Ông chỉ rẽ một chút cá chứ không và một miếng cơm nào. Ông bảo cô dẹp hết đi khiến cô ngạc nhiên hỏi: sao vậy cha? Cha đau rồi sao mà không ăn cơm. Hay là con nấu cháo cho cha? Ông bảo, đâu có đau ốm gì. Rượu này mà ăn cơm vào thì uống mất ngon. Cát đâu đó khuya đời ta ăn cũng được. Nói rồi ông bỏ chân xuống đất đi lại cái phần của ông. Cái đĩa dầu trên bàn thờ đã gần cạn. Trời đang tối và bão cũng sắp bắt đầu. Những tàu lá chuối đập vào nhau mạnh đến nỗi nghe như tiếng súng máy. Những đợt trảng quét sạt trên mặt đất. Nhưng ngôi nhà với 16 cây cột cái vẫn đứng vững. Những bài vị trên bàn thờ vẫn lặng im như những con cóc ngồi chờ kiến. Một sự tĩnh lặng gần như đông cứng khi cô con dâu dọn dẹp xong đã lặng lẽ leo lên trên cái rương xe nằm chờ giấc ngủ. Ông đưa chén rượu lên môi, uống một mình.

Ông đã uống đến một góc tủy. Cứ cạn xong mỗi chén, ông nghĩ nên thôi, nhưng tay ông lại rót tiếp. Thực ra, ông muốn để dành chờ con trai về. Giờ nó đã lớn, ngồi uống với ông cũng được, đâu có lỗi phải gì. Sắp tới đây nó sẽ thay ông mà chăm sóc bốn mươi ba ngôi mộ và bốn mươi ba cái bài vị dù đã không còn tên tuổi nữa ngoài trừ tên ông. Cái nhà này có thể sập nhưng dòng họ Phạm nhất định không thể. Nó phải làm một cây cột cái vững chắc như ông. Có điều mai mốt phải đúc một cái chuông mới, to hơn, thanh hơn để nó ngân nga cho cả xóm cùng nghe như tiếng chuông ở chùa Thiên An vậy. Nhưng nó phải về mau mau lên để con vợ nó già rồi thì để đái gì được nữa. Cuộc chiến tranh này ngoài những kẻ chết vì bom đạn còn có rất nhiều kẻ chết vì môi mòn chờ đợi quá lâu.

Ông tợp một hơi cạn chén. Thôi, lần này nhất định không uống nữa, ông dứt khoát đem giấu chai rượu dưới bàn thờ, cởi áo làm gối, ngủ. Ông thấy hơi rượu chạy lăng quăng như những đứa nhỏ lên ba. Chúng trần truồng, sạch sẽ, thơm tho đang nhẩy múa trên bụng trên ngực ông. Rồi chúng bay chậm chậm lên trần nhà và mỗi đứa như có hai sợi dây đã buộc sẵn từ bao giờ nhẹ nhàng nâng ông dậy. Ông cũng thấy mình như đang bay là là trên mặt phản. Và trong vẻ mơ màng đó ông như thấy vợ ông tay cầm tổ chim sáo cùng bay ngang như thế, rất gần. Ông đưa tay ra với nhưng không cách gì chạm được. Ông như nghe tiếng bà trách ông đã già đầu mà còn sợ một thằng con nít. Ông định cãi, rằng đâu có phải chỉ già thôi đâu, ngay cả người

chết, cho đến cả thánh thần cũng còn phải sợ nó nữa huống gì ông. Rồi ông lại mơ hồ nghe dạn thoi ngủ đi, đừng có mà nghĩ bậy bạ. Ông gật đầu và cảm thấy quả là mình đang rơi xuống trên một tấm nhung êm. Ông khép mắt và bắt đầu ngáy.

Tiếng ngáy đậm, mạnh đôi lúc kêu lụp bụp cùng với tiếng gió rít ở bên ngoài làm cho cô con dâu trần trọc mãi không ngủ được. Ngôi nhà vẫn găm những cái chân xuống đất một cách vững chắc. Các trính và đà của nó vẫn ngậm chặt lấy nhau với những con mộng chưa hề xé xích đi một ly. Cái rương xe cô đang nằm trên đó cũng vững như đá bàn thạch. Vậy mà sao cô thấy cứ lo lo sờ sờ. Không như lúc bị giam ở miếu thượng. Dù nghe đồn có một con quỷ thả rơi từng cánh tay, từng ống chân, từng cái mình và đầu rồi ráp lại đứng lên... cô vẫn không sợ. Vậy mà giờ đây, cô tưởng chừng như cô thứ chín từ trên cây đà đó bước xuống, đưa tay mò mẫm trong bóng tối. Tay cô áy đen và khô như củi, những móng lâu ngày không cắt dài ra và uốn cong lại như vuốt mèo. Rồi cô nghe tiếng ai như tiếng một người đàn ông kêu lạnh quá ở bên ngoài. Phải chăng đó là tiếng chú Sáu chết chìm. Và, sau cùng là bà mẹ chồng, tay vẫn cầm cái tổ chim, không biết bằng cách nào đã chui được vào nhà. Bà đang đứng sát cái rương cô nằm, kéo váy cô lên bảo đây là chỗ của bà. Quá hoảng sợ, cô kêu thét lên: cha ơi!

Cô đã kêu như một người sắp chết đuối và người được gọi lao tới như một người đang đi trên cầu thấy có người ngã xuống nước. Ông thấy trong tay mình không phải là một người ướt sũng nước mà là một thân thể khô ráo nếu không muốn nói là rất ấm áp. Ông vừa lay mạnh vừa hỏi: gì vậy, ngủ mơ hả? Dạ bảo to quá, con sợ. Không sao đâu, ngủ đi. Dạ. Ông rời khỏi rương, về lại cái phản của mình. Ông đặt lưng xuống, cảm thấy cái phản cứng như đá. Ông nghĩ, mình sẽ mua một chiếc chiếu, ngủ ở trên phản cái lưng đau như bị ai dằn. Cái võng thì chỉ nằm chơi chứ ngủ suốt đêm sao được. Nó làm cho cái lưng của mình cong vồng, còn tệ hơn là nằm phản.

Ngon đèn trên bàn thờ cạn dầu đã tắt. Bão đã tới và đang túm lấy những mái tranh xác xơ của dân nghèo, như người ta túm cổ những con vịt đang kêu cạp cạp đem đi cắt tiết. Những tấm tranh bị bứt ra, bị ném tung lên như lông vịt vừa mới nhổ thả bay trong gió. Cả xóm bị ném ra khỏi nhà, hay là bị bão cướp mất nhà để họ kêu la khóc lóc giữa trời. Nhà ông lại khác, như một cái hang lộ thiên. Toàn đất và đất. Gió thổi phù phù mặc gió, ông vẫn cứ nằm yên mà chờ giấc ngủ. Không như bao người được vinh dự gọi là bản cố nông ấy, lúc này trong đêm tối ướt át, đang hốt hoảng gọi nhau. Con tuyệt vọng gọi mẹ. Mẹ tuyệt vọng gọi cha. Cha tuyệt vọng gọi trời. Chẳng ai gọi đảng. Dĩ nhiên cũng không còn gọi địa chủ ù lì. Trước đây ông không thù ghét gì họ, nhưng từ khi đảng tập hợp họ lại, bao vây và định tiêu diệt ông thì giữa họ và ông đã dựng lên bao nhiêu là gươm giáo. Nghĩ tới cảnh khổ của họ trong lúc này ông lại thấy sướng, mặc dù ông biết rằng như vậy là bất nhẫn.

Ông chợt nhớ là mình chưa ăn cơm. Canh cá ngon thế nhưng rượu còn ngon hơn. Mình đã uống một bữa đã đời, ông nghĩ. Cái rượu này cứ như rượu bồ, uống vào thấy mát ruột chứ không còn cào. Thằng Khử và con mụ Thành biết được mình vẫn sang như tây, chắc ngày mai sẽ đem mình ra giữa cầu tổ khổ rồi đạp xuống sông cho nước lụt cuốn đi. Mình có làm gì hại nó đâu mà sao chúng căm thù mình đến thế. Mà có phải chỉ mỗi một mình thôi đâu. Căm thù giống như một dịch bệnh xa lạ từ đâu lan tới. Hết như bệnh sốt rét, ai cũng run lên vì căm thù mà không hiểu vì sao. Trước thì căm thù thực dân Pháp, phong kiến, tiểu tư sản, giờ căm thù can thiệp Mỹ, địa chủ ác ôn, phú nông ngoan cố. Căm thù đã trở thành thước đo của tiến bộ, của năng lực và dĩ nhiên là của lòng yêu nước. Yêu nước phải căm thù và căm thù là yêu nước! Bọn họ đã nói ra cả suốt ngày đêm như thế.

Đúng là con mụ đã đem ô trọc tới cái nhà này và làm cho tất cả cùng kêu lên kèn kẹt như bị quỷ ám. Bốn mươi hai cái bài vị đang nhầy loi chơi trên bàn thờ và bốn tấm ván dưới lưng ông như đang chòng chành. Bão ngoài trời đã dịu đi nhưng trong ông bão lại nổi lên. Cũng có tiếng gió hú, tiếng thét gào, có tiếng kêu cứu. Ông định đánh một vài hồi chuông thì nghe có tiếng nghiến răng của cô con dâu. Tiếng kèn kẹt như nó đang nhai một cái gì đó trong miệng. Hình như đó là những miếng tai mỏng của ông. Thế mà ông lại không sợ. Ông ngồi dậy, định đi ăn cơm. Dù tối nhưng ông vẫn biết cái chạng để thức ăn đặt ở chỗ nào. Ông thò chân xuống phản, bước

qua ngạch cửa. Khi đi ngang qua cái rương ông lại nghe tiếng hai hàm răng siết vào nhau. Rõ ràng như nó đang ngấu nghiến nhai nuốt cho mau hết cái vành tai vô tích sự của ông. Ông dừng lại định lay vai nó. Ông đưa tay ra quờ quạng. Bàn tay của ông với năm ngón như những cái que cua lần đi trong hang, bỗng tần ngần dừng lại. Ông cảm thấy như ngạt thở. Và cũng như nó, ông cảm thấy như mình cũng đang nhai một cái gì. Ông cố nuốt vào cổ họng mình tiếng kèn kẹt vẫn cứ không ngớt tuôn ra.

Không phải đôi vai mà là đôi bàn chân với những ngón nhỏ và ấm. Ông đứng sát vào rương. Cái rương cao quá gối, trong bao nhiêu năm ông lạ gì nó, dù mấy ngày qua cứ xê dịch hết che cái lỗ ra vào lại dùng làm bếp nấu cơm. Ông nhớ mặt rương cũng bóng như mặt phản, cái nắp của nó đôi khi đập không sát cũng kêu lên khiến ông giật mình. Ông nắm cái cổ chân tròn và nhỏ trong tay. Sao nó mỏng manh và vừa tay đến thế nhỉ. Mình chưa bao giờ được nắm một cái cổ chân như thế này. Con nhỏ vẫn đang nghiến răng như các kẻ trong bụng cây gỗ nhíp. Ngày mai mình sẽ kiếm một con nhện chữa nướng cho nó ăn. Nghe nói ăn nhện nướng cũng hết nghiến răng.

Rất bất ngờ, vì chính ông cũng không ngờ được, ông bỗng chụp lấy một cổ chân nữa rồi kéo cả hai về phía mình. Cái váy rộng rũ xuống. Ông ôm hai cái chân dựng ngược áp sát vào ngực. Rồi ông lác như điên như dại với tất cả cảm thù, tất cả tủi hận, tất cả xấu hổ trong suốt những ngày qua. Ông cũng kêu lên, rít lên như những con mụ tổ khổ, như bọn trẻ hô đã đảo, có lúc găm găm gừ gừ như thằng Khử hồi cung. Cái rương với bốn bánh xe bằng sắt rỉ cũng tới cũng lui và kêu kít kít. Ông đã bắt được kẻ thù giấu mặt và đang đánh nhau với nó. Ông thờ hồng học, mệt muốn đứt hơi. Ông đánh mãi cho đến khi ông bắn vọt ra như xả một tràng đạn súng máy vào ngực con mụ Thành. Lúc đó ông mới bàng hoàng bỏ hai ống chân không phải của mình xuống đất.

Ông mò mẫm trở về chỗ của mình.

Ông không còn nghe tiếng nghiến răng nữa mà nghe tiếng khóc.

Khi đã nằm yên trên phản, tuy tối đen, ông vẫn trông thấy đứng trước mặt mình là ông em thứ sáu, cô em thứ chín và người vợ với cái tổ chim. Ông cũng thấy bốn mươi hai cái bài vị sắp hàng tư trên bàn thờ như rung lên giận dữ. Rồi mười sáu cây cột mà cây nào lúc nhỏ ông cũng đã từng leo tuốt trên cao tuốt xuống như nhúc nhích muốn bước đi khiến những xà những trính của nó xệch xạc sắp rời ra. Giống như ông tổng Bá đang đứng trước nhân dân, có điều đây là một đám nhân dân yên lặng. Không tiếng nói, chỉ có mắt nhìn không thôi. Ngay cả cột kèo cũng có mắt nhìn, những con mắt to và buồn như những cái hố bom chưa được lấp.

Ông co gối lên tận ngực, hai tay ôm lấy đầu.

Như một thằng ăn cắp bị đem ra nọc trước sân đình.

Bên ngoài bão vẫn chưa dứt. Những đôi cánh to lớn của nó vẫn mang những đám mây sùng nước và tiếp tục trút xuống. Đất trên *da cái* nhào ra trôi tuốt chỉ còn lại rom mục không đủ sức cản nước mưa khiến căn nhà suốt mấy mươi năm khô ráo giờ ướt sũng. Nước chảy dọc theo mười sáu cây cột, theo bốn cái xà, tám cái trính. Nước chảy trên bốn vách bằng đất và vách xông bằng gỗ. Nước rơi tong tong trên mặt phản, trên mặt rương và trên bàn thờ với bốn mươi hai tấm bài vị. Bàn thờ bây giờ giống như một bãi tha ma thu nhỏ ướt át, dơ bẩn, lạnh lẽo. Có cóc nhái, chuột bọ cũng bắt đầu chui vào nhà. Ngoài những con sên còn có cả những con trùn khoan, những con rít nhiều chân và cả bò cạp. Thỉnh thoảng có tiếng đế gáy lãnh lối như một tiếng cười lạc điệu. Ngôi nhà mỗi một cổ đem cái sức tàn để giữ cho mười sáu cái chân khỏi đổ sụm xuống.

Nó thấy tiếc là không được chết chóng vánh trong ngọn lửa của quân thù.

Người con trai cuối cùng của dòng họ Phạm đã trở về sau khi tham dự cuộc duyệt binh mừng chiến thắng và quốc khánh mừng hai tháng chín ở sân bay Phù Cát. Đây là một cuộc biểu dương lực lượng hùng mạnh trước khi tập kết ra Bắc. Với một bộ đồ xita mới, một đôi dép lóp, một chiếc mũ nan bọc vải và lưới, một cây súng trường dài ngoằn, anh oai vệ bước đi trong hàng quân. Anh nhìn cái rừng người mặc toàn những bộ đồ đen bạc thếch, đang há hốc mồm trước những chiếc xe thiết giáp và những khẩu đại bác. Trong đám đó, ai là cha, là mẹ, là vợ?

Sau chín năm, sao họ trông giống nhau đến như vậy. Cũng làn da khô đen như da người bị chết đói. Cũng đôi mắt sâu hoắm trộm lơ. Đàn ông, đàn bà và cả trẻ con cũng đều đội mỗi một thứ sồn rách như nhau là nón lá. Sự nghèo đói, sự thiếu thốn đã bắt họ phải đồng phục như đang sống trong một nhà tù không chấn song vĩ đại.

Buổi sáng hôm ấy họ đã hoan hô không ngớt khi trông thấy đoàn quân với những xe những pháo đi qua trước lễ đài, dưới cái nhìn của các vị lãnh tụ từ Các Mác cho đến Kim Nhật Thành. Họ say men chiến thắng để rồi mệt mỏi trở về với xóm làng vẫn chưa nguôi hận thù trong những đêm đầu tố. Sự nhỏ nhen, ti tiện từ ngàn năm được thổi bùng lên và như những con gà ghét nhau vì tiếng gáy, họ lao vào đấu đá mà quên mất là đã bị bỏ rơi.

Thôi mặc họ, hãy về với gia đình.

Sau lễ, anh được phép về thăm nhà trong ba ngày. Anh nôn nao biết chừng nào Anh đi suốt đêm và khi trông thấy cái nhà không mái lạ lùng, ướt sũng nước mưa, anh như không tin vào mắt mình. Cha anh đã nói vắn tắt cho anh hay mọi sự nhất là cái chết của mẹ anh, ông chỉ nói bà cảm gió mà chết.

Buổi chiều, ông đem chai rượu bày ra trên thềm nhà vừa được quét dọn sau cơn bão. Ông bảo con trai ngồi uống với ông. Anh con trai bảo không biết uống. Ông nói rượu tây đấy, ngon lắm. Không biết cũng uống thử một chén. Anh ngồi đối diện với cha. Anh muốn nhìn khuôn mặt của cha mình sau chín năm nhưng ông nghiêng người quay nhìn ra ngõ. Ông nói, đi bộ đội có gì vui mà đến tận bây giờ mới về nhà. Anh nói, vui về gì đâu. Đã lỡ đi là phải đi thôi. Với lại đâu có bỏ mà về được. Có mà đi tù. Vào đảng chưa? Ông hỏi. Có cảm tình nhưng chưa được, anh lắc đầu nói. Thôi đừng vào, ông thở dài. Sao vậy cha? Chẳng sao cả, ông cười buồn, vào để lại tố cha là địa chủ phản động à! Thành phần của nhà mình là địa chủ sao? Anh ngạc nhiên hỏi lại. Chứ còn hỏi gì nữa, nếu không có chuyện đi tập kết thì đã bị đem ra đấu rồi. Thôi uống đi, đừng hỏi nữa, buồn lắm. Ông dốc ngược chén lên, cạn một hơi. Anh đưa rượu lên mũi ngửi, cảm thấy rất thơm. Anh nhắm nháp như mèo liếm nước.

Mặt đỏ gay, ông lại càng không dám nhìn anh con trai. Phải như trước mặt mình là một người đàn ông xa lạ, ông nghĩ, mình sẽ thú tội và để hẳn ta muốn đâm muốn chém gì cũng được. Mình sẽ nói, chén rượu này là chén rượu tội lỗi, ta xin uống cạn. Nhưng đây là con trai của ông, nó đang ngồi vô tư trước mặt ông, nó có biết gì đâu và đang nóng ruột không phải vì rượu mà vì muốn được cùng vợ lên giường. Nói làm sao? Cha xin lỗi con à? Mình sụp xuống chân nó mà lạy như Tào A Man lạy Quan Công à? Bỗng dưng như trêu như gheo, nó hỏi: Mẹ mất rồi, cha có định cưới vợ nữa không đây? Ông nghe xương thịt mình kêu rôm rốp. Ông nói, hỏi gì lạ vậy... Thôi vào trong đó đi, ta qua chùa Thiên An thăm sư cụ. Ông đứng lên xách chai rượu một mình đi ra ngõ.

Ông quay lại nhìn ngôi nhà, nhìn anh con trai qua làn nước mắt, nói lớn: đi tập kết hả, ừ đi mạnh giỏi!

Đó là lần cuối cùng anh nhìn thấy cha mình. Không buồn, không vui. Nhặt nhặt cứ như chào hỏi một người hàng xóm.

Anh chui vào. Vợ anh đang quay mặt vào trong vách, khóc. Anh nằm xuống bên cạnh, lật ngửa nàng ra. Không nói không rằng anh trút tất cả nỗi thèm muốn căng cứng vào nàng. Anh cũng thả chìm vào đó những nỗi sợ hãi, những ước mơ thanh xuân và cả những bóng hình tục tĩu.

Đây là trận công đồn mà anh thích nhất. Với lưỡi lê tuốt trần, anh lao lên phía trước. Anh sướng điên người khi nghe có tiếng rên rỉ của kẻ thù. Khi anh thẳm hô xung phong thì cũng là lúc anh nghe hai tiếng “anh ơi” đấm đui như một tiếng reo thắng trận.

Khi hai người trẻ trung khát khao chờ đợi đến những mấy ngàn ngày để bù đắp cho nhau thì mười sáu cây cột cái cũng muốn rung rinh, các xà trính cũng muốn lung lay và bốn mươi hai cái bài vị trên bàn thờ cũng muốn múa nhảy.

Ngồi tựa lưng vào cái cửa ngõ chưa bị phá của đình làng An Định, ông thủ bản ngó lên hai con kỳ lân hãy còn đứng vững rêu. Ông nhớ tới những ngày thần thánh cũ. Khi ấy với chức thủ bản ông đã đem hết cả tâm trí và đức hạnh của mình ra phụng sự đình làng. Ông coi đình như nhà mình, thuộc từng góc ngách, nhớ từng cái chén, cái đĩa, những cờ những phướn. Cái rương

sơn đen dựng những tờ sớ, những sắc phong của triều đình được ông nâng niu gìn giữ còn hơn cả bốn mươi hai bài vị của nhà họ Phạm. Ông tận tụy như thế chỉ mong, khi chết đi được làng đưa tới mộ với cờ trống rập rình như trong lễ rước sắc thần.

Chưa được bao lâu thì đình bị phá. Rồi những tai họa nối đuôi nhau giáng xuống: em chết, vợ chết, những cuộc đấu tố, những đêm trong ngôi nhà bít bùng như một cái hang, những tiếng nghiến răng trèo trẹo... và ta đã làm gì, có phải là ta đấy không? Có phải cơn bão hôm ấy tuy không xô ngã nhà nhưng lại xô ngã ta? Vì tiếng gió rít, vì tiếng thét gào đả đảo hay vì tiếng nghiến răng? Khi nghe hai tiếng “cha ơi” sao ta chưa tỉnh ra mà lại càng lao tới? Ta đàn độn, si ngốc, dâm dăng, quay cuồng giữa bốn bức tường tối ám trong căn nhà âm u không có ánh mặt trời.

Ông cũng biết rằng sẽ có một ngày như thế, một ngày mà đứa con trai đứng trước mặt ông vừa là ông chủ vừa là quan toà, một ngày tất cả bỗng chốc loà như cả cái mái bằng đất nặng nề bị ném sang một bên để trời xanh và nắng đỏ cùng trút xuống.

Một ngày mà cha phải sợ khi đứng trước mặt con. Một ngày như hôm nay là để cho ông, chính ông đấu tố ông. Cuộc đấu tố này mới thực sự khốc liệt, ông sẽ phải tự mình lột da mình, sẽ phải thực tình khai báo không phải trước nhân dân mà là trước bốn mươi hai cái bài vị trên bàn thờ của nhà họ Phạm. Ông sẽ bị đeo băng trước ngực dong đi không phải trong làng mà đi vòng quanh bốn mươi hai ngôi mộ nằm lạnh lẽo trên tận núi Mò O.

Tu một hơi, nhăn mặt khà một tiếng, ông đứng lên.

Không thể được, ông nghĩ, không thể làm như bản nơi này dù chỉ còn là gạch đá. Ông đi ra sông. Bầu trời sau cơn bão vẫn còn nhem nhuốc. Không một ánh sao.

Ông ngồi lại bên cầu nhìn xuống dòng nước. Ông nghe tiếng chuông chùa Thiên An ngân nga. Âm thanh của nó như được cán mỏng, rất mỏng trải trên mặt sông. Nó trôi là đà, menh mang. Đúng là chỉ có nước mới rửa sạch được tất cả. Nước cũng sẽ ôm vào lòng mọi bất hạnh, mọi căm thù. Nước không đấu tố ai cả, nước là mẹ.

Rượu cũng là nước, một thứ nước rất tinh khiết vì được chưng cất công phu. Nhưng sao nó làm hại mình? Có phải nó pha trong đó cái sắc dục của những con đằm? Mà rượu là màu tóc của nó? Cái vị nồng nồng ngọt ngọt là thịt da của nó? Mà cha cái bọn thực dân. Chẳng những đốt nhà mình, chúng còn nhốt những con quỷ trong các chai rượu. Ủ, chỉ có thế mới hại được mình.

Mà sao mình cứ đổ thừa mãi thế. Mình phải chịu trách nhiệm chớ. Chẳng ai xui ai khiến mình cả. Tự trong mình nó muốn vậy thì phải làm vậy. Mình không nên đổ lỗi, lại càng không nên xin lỗi. Cái lỗi to như hòn núi Đất thì xin sao được. Ai mà gánh nổi đổ xuống biển giùm cho. Ông không lờ từ lâu đã không còn nữa.

Rượu hết. Ông định đái đầy chai đem bỏ trước nhà kẻ đã làm ông khổ nhục suốt mấy năm qua, nhưng ông lại thôi. Nó không xứng đáng được uống cái thứ nước đựng trong cái chai đẹp đẽ này cho dù đó chỉ là nước đái. Ông ném chai xuống sông, nghe một tiếng “bũm”. Chẳng còn gì để cho ông chần chừ. Phải vậy thôi. Người ta có thể sống mãi với lòng thù hận, với sự trí trá gian ác nhưng không thể sống mãi với lòng ân hận.

To hơn tiếng cái chai một chút, cũng một tiếng “bũm” vang lên khi ông gieo mình xuống con sông đầy nước. Lúc ấy, tiếng chuông chùa Thiên An đang trôi trên sông đã làm cho cái tiếng “bũm” mờ đi, bớt thô tục.

Hôm đó là ngày mồng ba tháng chín năm một chín năm tư.

Tiếng vọng

Hai mươi hai năm sau...

Một buổi chiều đầu thu, người thừa tự thứ 14 của dòng họ Phạm trở về. Đó là một ông già buồn hơn cả mọi ông già buồn của làng An Định. Ông mặc một bộ đồ màu cứt ngựa, mang dép nhựa màu nâu, đội mũ cối. Như bộ đội mà không phải bộ đội. Ông vác một cây gậy Trường Sơn, phía sau đu đưa một cái soong méo, một cái ấm sứt quai, một cái ca sắt. Ông đứng ở đầu làng,

nhường đôi mắt mỗi một về nơi ngày xưa ông đã được sinh ra trong tiếng chim ríu rít của vườn cau.

Ông nôn nao không biết có còn gặp lại cha mình?.

Ông bước gập về phía vườn nhà.

Chẳng còn gì cả ngoài một đồng đất đầy cỏ dại và những cây tảo nhơn, cây thù đầu.

Ông ném cây gậy xuống đất. Những ầm, những soong kêu loảng xoảng. Ông tháo ba lô con cóc trên lưng, ngồi tựa vào một cây cột còn sót lại. Ông lấy thuốc ra hút, thở ra những làn khói đậm đặc. Ông nghe lòng mình vang dội những tiếng kêu đau đớn.

Có một người hàng xóm già, khô quắt, ông Sáu Hủ thấy ông về ghé qua thăm. Ông ta kể chuyện làng bị đốt, dân làng phải chạy dạt lên chợ Bò và sau cùng hỏi:

- Ra ngoài đó làm tới chức gì rồi?
- Chẳng làm chức gì cả.
- Đi tập kết mà sao không làm chức gì?
- Con địa chủ, không chết đã là may, chức tước gì nữa.
- Vậy làm gì để sống?
- Chăn bò.
- Sao vậy?
- Thì chăn bò chớ sao. Nông trường giao chỉ tiêu chăn 5 con.
- Cách mạng ngộ nhỉ!
- Ngộ quá chớ còn gì nữa!
- Cha cậu mất rồi nhưng vợ còn sống đó, về ở bên An Đông.
- Vậy hả?
- Cậu có một đứa con trai, biết chưa?
- Một đứa con trai?
- Ừ.
- Mừng quá. Chắc tôi phải qua bên đó.
- Ừ, đi đi!

Ngày tối hôm đó, ông lội sông qua nhà cha vợ. Biết ông đến, bà lánh mặt. Từ bên trong bà nói vọng ra:

- Nó là dòng dõi họ Phạm đấy. Nhưng tôi không còn là vợ anh!

Viết xong 8 /2008

Nguồn:

Bản thảo sưu tập. Thư Ấn Quán (Hoa Kỳ) xuất bản năm tháng 4/2010

Dành tặng thân hữu.

© 2010 K.Đ/Thư Ấn Quán - © 2010 talawas

Lão tiền bối

1

Nằm ở tận cuối vườn, dưới bóng một lùm tre lúc nào cũng có lá rơi và bên cạnh những cây sấu đông suốt cả một mùa đông dài cứ lặng lẽ thả xuống từng chiếc lá vàng như kén, cái giếng hình vuông nép mình trong bóng râm như con cháu của Ché Bông Nga đang co cụm đầu mình đâu đó dưới chân những rặng núi khô cằn của nam Trường Sơn. Giếng xây bằng đá ong, một thứ đá có những lỗ hồng bí mật ăn thông với nhau khiến cho người ta có cảm

giác như đá có thể thờ được và nhờ vậy nước trong lòng giếng lúc nào cũng trong và tinh khiết như nước mắt.

Nhưng đó là của một thời xa xôi kia, thời mà những con người có làn da nâu bóng cứ kiên nhẫn miệt mài như những con ong thợ, xây những cái tháp khổng lồ để ngưỡng vọng thần linh, chứ khi những bước chân của những kẻ bị án tù, những kẻ đói nghèo trong tay không một tấc đất từ phương bắc, chịu đem đời mình ra làm phen giậu cho vua chúa, bị đưa tới một miền đất ít người nhiều ma, thì nước trong lòng giếng liền đỏ và tanh như máu. Những cuộc chém giết âm thầm vẫn cứ tiếp tục diễn ra dưới chân thành Đồ Bàn và những thân người cứ bị chặt khúc ném xuống.

Ném mãi.

Không chỉ một thời loạn ly Chiêm Việt.

Không chỉ một thời Tây Sơn Nguyễn Ánh.

Không chỉ một thời Pháp Nhật

Những xác chết cứ đầy lên dần. Cái giếng trở thành một huyết mộ lạnh lẽo, nơi những con ma không đầu hay có đầu đêm đêm vẫn ngồi bên thềm giếng cố tìm kiếm một cách vô vọng trên bầu trời hoang vu những ngôi sao bỗng mạng của mình.

Đó là cái giếng trong vườn nhà cụ Chánh nhạc.

Trở lại cái ngày mà sự đổi đời chói sáng như vàng mười ấy, người ta thấy cái giếng Hời bị bỏ quên suốt mấy trăm năm bỗng bu đen những kẻ hiếu kỳ, không chỉ dân An Định mà còn cả Yên Thới nằm sát vách và An Đông bên kia sông. Khi cái giếng được cả chục người thay nhau suốt một buổi sáng mới múc cạn, người ta liền bắt một con gà cồ trói chặt cánh thả xuống. Bao nhiêu trái tim của những kẻ suốt đời tăm tối chưa bao giờ cảm được một chút vàng trong tay, tưởng như ngừng đập khi hồi hộp chờ đợi con gà sẽ được kéo lên. Nếu nó chết, những con ma Hời vẫn còn trong lòng giếng và như thế dù anh đờn cò có trả cho một thúng vàng cũng chẳng ai dám xuống. Và rồi câu chuyện tát giếng tìm vàng tham lam dại dột của anh ta sẽ được đem ra cười nhạo rằng hồi năm có thằng cha...

Nhưng kìa, con gà trong thúng được kéo lên vẫn sống. Tuy có hơi ngờ ngác như lúc từ trong trứng chui ra, nhưng khi tháo dây, nó vẫn đập cánh phành phạch rồi nhảy lên một ụ rơm gần đó, cất tiếng gáy kè kè ke!

Dù vậy, để cho chắc ăn, người ta lại cột một con chó thả xuống. Con chó hốt hoảng tưởng sắp bị đem trần nước trước khi bị đem đi thui để biến thành rựa mặn. Nó quấy đạp lung tung, kêu thét đến nỗi khi xuống tận đáy vẫn còn nghe tiếng tru dài thảm thiết.

Lại nín thở đợi chờ.

Rồi con chó kéo lên cũng không bị vật chết, đôi mắt trung thành của nó vẫn nhận ra người chủ bạc ác, vẫn ngoáy tít cái đuôi mừng rỡ, vẫn còn biết thè lưỡi liếm vào tay để cảm ơn trước khi chạy trốn đến ba ngày sau mới dám về nhà.

Và kẻ liều mạng nhất làng, kẻ mà người ta tin là thần chết đang chặn dất không rời nửa bước là thủ ngữ Đực, đã ngồi trong một chiếc giỏ bện như con chó mực chỉ khác là không kêu la ăng ăng được hai anh trai cây dòng dây thả xuống. Dù đã thử đi thử lại, biết chắc không có khí độc, nhưng một nửa những kẻ hiếu kỳ vẫn lo sợ những con ma Hời giết chết hẳn ta, một nửa lại mong cho hẳn bị vật chết tươi cho đáng đời một kẻ hay trộm gà bê bí. Với vẻ mặt ngu si từ trong bụng mẹ, vẻ lác cắc từ trong cuộc đời, cứ như vừa đánh nhau xong với những kẻ vô hình, thủ ngữ Đực đem lên từ lòng giếng tới tám một trăm trái cau bằng vàng. Một trăm trái cau hay nhiều hơn thế nữa tìm được giữa đồng xương vàng xin ngập trong bùn ngay tức khắc đã khiến cho một anh đờn cò trở thành chánh phường bát âm ỉ eo, được gọi tắt là Chánh nhạc. Rồi cứ thế nhà tranh trở thành nhà ngói, vợ xấu trở thành vợ đẹp, con hư trở thành con ngoan. Nếu muốn hơn thế, anh còn có thể trở thành “thầy” cừu hay “cụ” bát.

2

Nhưng lão phù thủy phó Ba quái quỷ lại bảo không phải được vàng mà là được bạc. Câu chuyện không biết có phải do lão phịa ra hay không, được rù rì kể lại thêm thút như bao câu chuyện mua vui của những làng quê nghèo đói.

Trong một lần đi xe lửa từ Nha Trang về Quy Nhơn, trời xui đất khiến anh đờn cò có cái tên rất bài chòi là Chín Gối ngồi cạnh một thằng Tây lục lộ. Rồi cũng lại trời xui đất khiến, thằng Tây lục lộ sau khi chui qua những cái hầm dài ngọt ngào lạnh lẽo ở Đèo Cả, lúc xuống ga Hảo Sơn chắc là để phát lương cho đám thợ làm đá, lại bị ma ám, cầm nhầm cái cặp đựng áo quần hôi hám của Chín Gối thay vì cái cặp đựng đầy những tờ bạc Đông Dương thơm phức của mình.

Vậy là sau đó, Chín Gối liền xuống một ga gần kề lấy vé đi ngược vào nam thay vì căng căng mang bọc tiền về nhà, để rồi sau đó đi tù rục xương vì cái tội dám tráo cặp của Tây.

Chín Gối đang tính toán trong đầu làm cách nào để dấu tiền và tiêu tiền, thì bỗng có một bàn tay xa lạ đặt lên vai và có tiếng nói: đi theo tôi! Sống lưng lạnh toát và cho dù có đến chín cái đầu gối đi nữa, như tên cứng cộm của anh, thì anh vẫn run đến nỗi bước không nổi. Người đàn ông bí ẩn liền vòng tay ra sau lưng, kéo anh đi như bị mật thám xốc nách áp giải.

Chín Gối khi bị đẩy xuống ga Đại Lãnh liền ngồi thụp xuống đất, chấp tay lạy, nhưng anh bị người bí mật nắm áo kéo lên bảo đi tiếp. Qua khỏi ga, người bí mật mua ngay một giỏ lát, bảo Chín Gối nhét cái cặp da căng phồng vào. Hai người chui vào rừng dương nằm sát biển, moi cát chôn cái cặp sau khi đã lấy hết tiền bỏ qua giỏ. Chín Gối nhát nhát làm theo, chẳng biết mình đang ở địa ngục hay thiên đường.

Khi hai người đang hoang bước trên đường lộ, người bí mật nói giọng ồm ồm:

- Bây giờ ta đem nộp anh cho Tây, anh có muốn nói điều gì không?
- Trăm lạy ngài, bao nhiêu tiền ngài cứ lấy hết, xin tha tội cho con!
- Ta không phải là mật thám.
- Vậy ngài là ...
- Là gì rồi sẽ biết, nhưng anh có muốn theo ta hay không?
- Dạ không dám không theo, nhưng nếu không là mật thám thì cũng là ...
- Cướp chớ gì?
- Dạ không dám nghĩ thế, nhưng...
- Thôi không nói nữa, cứ biết là theo ta cái đã.

Mấy ngày sau đó, người bí mật đem hết số tiền mua vàng, rồi nhờ thợ đúc thành những trái cau nho nhỏ. Anh ta bảo đừng chôn dấu mà cứ liệng hết xuống giếng. Sau đó sẽ lấy lên một cách công khai trước sự chứng kiến của dân làng.

Chẳng thằng Tây nào lấy lại được đâu, anh ta nói. Nhưng số vàng đó cũng không còn là của riêng anh. Anh có thể tậu ruộng, cất nhà, còn lại bao nhiêu là sẽ làm theo lệnh ta. Trước mắt là thư thả hãy về quê. Khi mọi việc xong xuôi sẽ lập một gánh hát và việc tiếp theo là hoạt động bí mật cho cách mạng. Nhớ đấy, hoạt động cho phong trào cộng sản. Còn hoạt động như thế nào sẽ có người chỉ rõ từng bước.

Khi nghe nói tới hai tiếng cộng sản, Chín Gối tưởng đất dưới chân mình sụt xuống. Hai cái tiếng mà chỉ nghe nhắc tới thôi anh đã thấy lạnh run, giờ lại thêm hoạt động thì cái đầu nhất định là không còn nằm trên cổ nữa. Anh đã định bỏ hết của chạy lấy người, nhưng người bí mật nói, không có sao đâu. Có cả một tổ chức bí mật bảo vệ cho anh. Đảng đã chọn, đừng có đại dột mà thối thoát.

Và cái cách mà cụ Chánh nhạc năm xưa của chúng ta đã trở thành vị cách mạng tiền bối của làng An Định nó là như thế. Sau này, khi tập kết ra bắc, gặp lại người xưa, lúc ấy cụ mới biết anh ta lúc đó đã là xứ ủy Trung kỳ.

Một đôi lần nhớ lại cái cảm giác lần đầu tiên ôm một cái cặp đựng đầy bạc, Chín Gối vẫn run rẩy như lúc được ôm trong tay cô vợ mới cưới. Cái cảm giác đê mê ngất ngây trộn lẫn sự sợ hãi khiến cho cái anh chàng nhà quê chưa quen với sự giàu có, quynh quang chưa biết phải làm gì. Liên sau đó là một nỗi đau buốt như bị dao đâm thấu tim, một nỗi uất ức vì chưa kịp làm gì đã bị kẻ khác cướp mất. Không biết cái thằng cha xứ ủy xa lạ kia nó theo dõi thằng Tây từ lúc nào, nhưng khi mình được cái cặp là nó nhảy xổ tới như chó săn đớp lấy con mồi. Chính nó hất mình ra, không cho mình làm chủ số bạc mình mới có. Chính nó mới là chủ thật sự nhà cửa điền trang, chủ gánh bài chòi Thanh Bình, rúc rĩa cho đến cùng kiệt. Khi tập kết ra bắc mình lại trở khát như thằng Chín Gối năm xưa, với mấy ký gạo vừa ẩm vừa mốc, vài lạng đường, lạng thịt, vậy là sao nhỉ, không bị cướp thì là gì?

Kể ra thì cũng nhờ gã bày biểu nên cái anh Chín Gối ngờ nghếch dạo ấy mới biết cách biến đồng tiền phi nghĩa thành chính nghĩa, chẳng những đã không bị thằng Tây lấy lại, không bị đi tù mà còn trở thành ông nọ ông kia, vênh vang hơn cả tổng Bá. Nhưng để được như thế, cũng nhờ của cải biết chọn người nên đã dạy khôn cho anh nhiều điều. Trước hết là hãy đem chôn ở một nơi mà ngay cả vợ con anh ngày nào cũng ngồi bên cạnh mà không hề biết. Đó là chỗ đất dưới chân ba ông táo bằng đất, chẳng phải hai ông một bà nọ trở thành thần giữ cửa, nhưng ở một nơi rơm rạ tro trấu lem luốc như thế nên chẳng ai có thể ngờ được là có dấu vàng. Sau đó, hai tay võ cừ khôi đã từng đấu nhau với cọp suốt một đêm ở An Thái đã được mời đến. Cơm canh rượu thịt đề huề, chỉ cần mỗi ngày đi dạo một vòng quanh xóm để cho những con mụ đàn bà bép xép và những gã đàn ông rồi việc tung tin, là những tên cướp tay mơ Năm Quảng, Sáu Quảng ở gò Na không bao giờ dám bén mảng tới.

Tuy vậy, đêm đêm anh nhà giàu mới nổi cũng không dám ngủ yên bên cạnh vợ. Anh cứ hết ra lại vào, hết uống trà lại nhâm nhi rượu. Khi những trái cau bằng vàng biến thành những mẩu ruộng sâu, những con trâu nái, thành nhà ngói cất theo kiểu Tây, con trai đi học ở Quy Nhơn, con gái cưới xe đạp chạy quanh làng và gánh bài chòi Thanh Bình ban réo rất đờn ca suốt tháng, nghĩa là của chìm trở thành của nổi, anh vẫn cứ như ngồi trên đồng lửa, không phải sợ cướp mà là sợ hai cái tiếng mật thám như nghe tiếng keng của thần chết. Cứ mỗi lần có người lạ cần gặp là anh lại run. Nếu đó là người của địch thì coi như không kịp khóc mà từ biệt vợ con.

Nhưng nếu là người của ta thì lại nhận thêm một cái chết được báo trước. Khi thì phải chi cả đồng tiền, lúc thì phải đem truyền đơn đến chỗ nọ chỗ kia, có khi phải chuyển cả súng đạn. Toàn những việc quốc cấm, không chỉ chết có mỗi mình mình mà còn cả nhà, xưa kia là cả ba họ. Những việc động trời ấy dù sao cũng chưa đáng sợ bằng việc treo cờ búa liềm. Cái cờ có hai vật dụng bằng sắt treo nhau như hai cái xương bắt chéo dưới một cái đầu lâu mỗi lần trông thấy là sợ chết đi được, vậy mà phải đem treo cho mọi người cùng thấy! Không dám sai ai kể cả vợ con, chỉ có một mình mình trong đêm tối với dế giun và mưa gió. Lá cờ dẫu trong bụng lúc đó bông rạt như lửa, buốt nhói như dao đâm, nặng như đeo chì. Vậy mà có lúc anh được lệnh phải treo cả chục lá cờ ở các cổng đình, ở những cây cao gần chợ...

Những lúc đu mình trên cao, anh tưởng như mình đang đút đầu vào thòng lọng. Khi lá cờ bung ra, sải cánh bay trong gió là lúc mà anh cảm thấy cái chết gần kề nhất. Anh tưởng chừng như bên dưới đông đặc lính tây lính tập và một cái gông đang chờ sẵn. Một đôi lần anh đã muốn buông tay xuống cho xong một đời.

Cái giây phút được bạc kia không ngờ lại là giây phút đáng nguyện rửa. Nó làm cho cuộc đời anh đang yên hàn lặng lẽ bỗng trở nên rối rắm nhằng nhịt như tơ vò. Mà không, được

bạc thì phải mừng chứ, chỉ có gặp cái thằng xỏ lá xứ “quỷ” kia mới thực sự là đáng để cho mình nguyên rửa. Chính vì gặp nó mà mình sống khổ sống sở mặc dù là trong tay có cả đồng vàng. Chính nó nhảy phóc lên lưng mình, giựt tóc mình như nắm dây cương, bắt mình phải đi theo con đường quỷ quái của nó chứ không phải của số mệnh.

3

Thế đó, cụ chánh nhạc ngày ấy đâu có sống trong sung sướng mà là trong lo sợ, mãi đến khi cái chính quyền già nua ốm yếu bệ rạc của Bảo Đại bị đánh cướp trong một buổi sáng mùa thu mới khiến cụ thở phào nhẹ nhõm. Khi đứng trước đình làng nhận cái con dấu từ tay thằng lý trưởng tai mắt của mật thám, cụ mới thực sự ngất ngây như lúc được bạc. Cụ lúc ấy gần năm mươi, dù đã góp công lớn cho cách mạng thành công cũng không hiểu cách mạng nó là cái gì. Cụ chỉ biết từ nay sẽ được ngủ ngon bên cạnh vợ, chỉ tiếc là vợ đã già, mỗi khi nhìn cái cờ búa liềm không còn thấy run và sợ nữa, nếu không muốn nói là hạnh diện, tự hào.

Những cuộc biểu tình điếu qua điếu lại trước nhà hoan hô cách mạng đã khiến cụ hả hê. Gió mùa thu thổi qua thềm nhà lúc nào cũng văng vẳng những âm thanh của giáo mác dao rựa va chạm nhau leng keng, khi người ta vung lên trời mỗi khi hô đã đảo hay cương quyết, nghe sao mà sượng thế, còn hơn cả tiếng đàn tiếng sáo của gánh hát Thanh Bình.

Có thể chứ, hết cơn khổ tận đến ngày cam lai, thật bỏ công cho những ngày hoạt động bí mật. Khi đám đông mê mẩn với những câu hát bài chòi tục tĩu, với những Bạch Huê, bớ Bạch Huê (đám đông rú lên: *lòn! lòn!*), những Nọc Đương, bớ Nọc Đương! (lại rú lên: *cặt!! cặt!!*), những ông Âm, sáu Cẩng và cả chín Gối... thì ông chủ gánh lại lặng lẽ đi làm cái việc không ai ngờ được là rải truyền đơn hay treo cờ. Sau đó, mặc cho nhiều người bị bắt vì bị tình nghi, nhiều kẻ bị tán gia bại sản, nhiều cái đầu không còn nằm trên cổ, cái gánh bài chòi vẫn cứ nhởn nhơ ca hát hết làng nọ đến làng kia và những Bạch Huê, Nọc Đương, ông Âm, sáu Cẩng... cùng với tiếng trống xỏ lum tum để mừng người đã “tới” lại tiếp tục vang lên trong những đêm dài ở các làng quê u tối

Nhưng ngày vui ngắn chẳng đầy gang. Cái lệnh đem tất cả những trái cau bằng vàng và hàng lô hàng lốc những con những kiềng quyền góp được trong tuần lễ vàng nộp cho Trung ương đã khiến ông thần thờ uất ức như bị một thằng đĩ đực nào đó cướp mất vợ. Hóa ra cách mạng là như thế, cọng sản là như thế, thảo nào lão phó Ba bảo cọng sản là cọng các bà vợ lại. Ông chánh bỏ ăn bỏ ngủ đến cả tuần, khóc trộm trong đêm đến nổi sáng ra cái gối ướt đầm như được vớt từ dưới ao lên.

Ông định dấu bớt, vàng đã thành máu thành thịt, đem giao nộp thì có khác gì bị tòng xẻo! Nhưng cái thằng cha chỉ gặp có mỗi một lần ấy vẫn cứ ám ông trong suốt bao nhiêu năm, cũng có lúc lặn mất tiêu tưởng đâu đã chết rục trong tù, giờ lại quyền uy hơn cả thần linh. Ông có cảm giác như lúc nào cũng có con mắt của nó sau gáy, đi đâu, đứng đâu, ngồi đâu, ngay cả chuyện rấp ranh kiếm một con vợ bé nó cũng biết như ở trong chần... thì biết chôn dấu ở đâu, tẩu tán bằng cách nào mà qua khỏi hàng ngàn con mắt cú vọ lườm lườm của nó.

Một muốn dứt hơi luôn, thôi đành giao nộp hết cho rồi, tay không lại hoàn tay không. Dù má nó, cái đảng ôn dịch! ông chửi thầm sau khi đã trút hết bao nhiêu là vàng vào cái túi không đáy của ngân khố đóng tại Bồng Sơn. Cũng còn may là ông hãy còn được cho giữ một chân vẫn vợ trong mặt trận tổ quốc, còn được gọi là cán bộ tỉnh và khi tập kết, cả nhà đều được đi, ngay cả thằng cháu đích tôn mới sinh được mấy tháng chưa có công trạng gì với cách mạng.

Đứng trên boong tàu Ba Lan nhìn rặng núi Phương Mai ở cảng Quy Nhơn mờ dần, chút tình quê hương vẫn khiến cho ông ngậm ngùi. Ai đâu tưởng rằng đang đi về cõi thiên đường trên mặt đất, nơi làm nhiều ăn nhiều, làm ít ăn ít, ngay cả không làm cũng có ăn, nơi lúc nào cũng ngập tràn ánh sáng và tiếng ca, ai tin mặc kệ, chứ ông thì tin rằng cả bọn chen chúc nhau ra bắc là để đi trốn những cuộc trả thù khi chính quyền bù nhìn của tụi Pháp từ Sài Gòn ra tiếp thu. Và điều sâu kín khiến cho ông yên tâm bỏ làng ra đi là thoát khỏi tai mắt của bọn mật thám. Cái tội ăn cắp tiền, chứ không phải được tiền (nói ai tin) dù đã mấy chục năm rồi vẫn cứ phải ra chết già ở đảo Côn Lôn.

Đặt chân lên cảng Hải Phòng, ông liền được điều lên lên cái miền đất anh hùng là Điện Biên Phủ, gọi là để xây dựng cho đảng hoàng hơn, to đẹp hơn, thực ra là để thúc dân đang mỗi một và sợ hãi trong chiến trận vừa qua thu nhặt những xác chết đang thối rữa, lấp những hố bom và những giao thông hào để đón những đoàn khách nước bạn Đông Âu, Cu Ba đến quay phim chụp ảnh. Cái áo len màu nâu mà bà vợ đã thuê người đan hết một bó tiền tín phiếu trước khi tập kết vẫn không đủ ấm để chống lại cái rét cắt da cắt thịt của núi rừng. Thôi rồi, mình bị đày lên đây, chứ một lão già như mình thì xây dựng cái nổi gì. Giống như 500 năm trước ông cha mình đã bị đày vào đất Đờ Bàn.

Xa cách vợ con, giữa một đám người Thái người Mèo xa lạ, ông thắm thía hơn ai hết cái công tác dân vận. Ăn cùng dân, ngủ cùng dân, làm cùng dân nhưng để họ tin và nghe theo mình, tức là nghe theo đảng, đâu có dễ. Trong con mắt của họ, con mắt xéch và sắc như dao, rục lên ánh nhìn lạnh lẽo nghi ngờ nếu không muốn nói là thù hận. Những cán bộ miền nam đối với họ chỉ là những tên cai đồn điền cao su mà họ đã từng lạnh mình khi nghe nói tới, chỉ khác là không có roi da hay dùi cui trong tay mà thôi.

Rõ ràng là họ không mong đợi những người mà sự xuất hiện cứ như những cơn mưa đá làm tan nát nhà cửa mùa màng, còn tệ hơn nữa, như một trận lũ quét sắp cuốn họ ra khỏi bản làng. Trước kia dưới tầm đạn của Pháp và chính quyền cũ, núi rừng sông suối vẫn là của họ. Ngày họ lên nương lên rẫy, tối về đốt lửa hát ca. Giờ đây họ phải làm quần quật, mà làm không công, chỉ để được khen là xuất sắc là anh hùng, tối đến lại phải ngồi bó gối để nghe ba hoa về thế giới đại đồng, về thiên đường cộng sản, về giải phóng miền nam. Giải phóng để mà chi, trong khi họ dần dần bị biến thành những đàn cừu chỉ cần một con chó nhỏ cũng chặn dất được. Ông chính là con chó nhỏ mà đảng muốn thay mặt để chặn dất với mỹ từ là lãnh đạo.

Hai năm sau, người ta cho ông về hưu sớm. Nhưng về đâu, giữa núi rừng tây bắc, không cửa không nhà, không vợ con họ hàng thân thuộc? Bao nhiêu trái cau bằng vàng, bao nhiêu lần treo cờ rải truyền đơn, bao nhiêu lần sớt đá trong quần, giờ được trả công như vậy sao? Mình đã một lòng tin theo đảng nhưng đảng có tin mình đâu! Hết lần này đến lần khác, thủ trưởng gọi mình lên, đặt tay lên vai, vỗ vỗ ra chiều thân mật, hỏi: này có thật số vàng ấy nộp hết rồi chứ? Thừa thủ trưởng nộp hết chớ để làm chi. Thủ trưởng không tin tôi sao? Tin, tin chứ, chỉ hỏi cho vui vậy thôi. Ấy là tôi nhắc chừng chôn dấu đâu đó có khi quên chưa đào lên hết.

Vậy, cho mày chết dí ở xứ Mèo xứ Thái để xem mày xài vàng bằng cách nào. Đày lên đây, ông nghĩ, ý chừng đảng muốn trị mình cái tội không trung thực đây. Hay là vì mình quá trung thực nên phải bị đi đày? Phải chi mình không quá dại mà nộp hết một lúc, và lúc đó mình thừa rằng, dạ còn, dạ để tôi nộp cho thủ trưởng thì đâu đến nỗi. Thủ trưởng sẽ khen mình trung thành sau khi đã cất vàng vào túi, sẽ đề bạt chức nọ chức kia chứ đâu có mỗi cái chức mật trận mà không hiểu mật trận là cái mật gì. Nỗi oan này biết kêu ai? Trời của đất bắc chứ đâu phải trời của quê hương mà kêu. Trời lạ. Đất lạ. Chỉ có nước chết mà thôi.

Nhưng ông không chết. Cái tên Chín Gối mà cha mẹ đặt cho đã khiến sức sống trong người ông lờm lờm bò dậy. Đói đầu gối cũng phải bò. Mà mình đến những chín gối kia mà. Mình bò bằng bốn bằng năm người khác chớ bộ.

Thế là ông đan hai cái sọt lang thang khắp núi đòi theo chân những đàn bò của nông trường, nhặt những cục phân rơi vãi để bán cho những người trồng thuốc phiện lậu. Những cục phân bò không hôi như phân người. Ông không đến nỗi phải cặp cái mo đựng cơm bên cạnh cái giỏ đựng phân như dân Phù Mỹ đã vào tận làng An Định mà nhặt cả phân người vì đất ở đó toàn cát sỏi. Buổi trưa, ngồi dưới bóng cây, họ lấy cơm ra ăn, nghỉ mà tội. Hồi đó, mỗi lần về nhà là ông và các bạn trên tỉnh ăn thịt dê nướng thơm phức, chứ có đâu thúi hoắc như họ. Mà đó là những bản cổ nông cốt cán kia đấy! Cái bắt công ngày đó ông thấy nó lù lù nhưng đã làm ngơ. Giờ ông đang nhặt từng cục phân, mừng như bắt được vàng, thì bạn bè trong cơ quan đã lên cấp Trung ương, trong những tòa nhà cao to của Pháp để lại, chắc là đang ăn những thứ sơn hào hải vị chứ đâu có như mình ngồi gặm từng trái bắp cứng như sỏi.

Nhiều năm trên cao nguyên giá lạnh, cứ như Tô Vũ chăn dê, tóc ông bạc trắng như lau. Ông cũng muốn để râu, để mà trông thấy nỗi buồn của mình mỗi ngày một dài ra, một đôi khi buồn tình lại ve vuốt cho đỡ buồn. Nhưng có người nói nhỏ vào tai, bác Tôn phó chủ tịch nước kia mà còn chưa dám để râu huống hồ là một lão cán bộ nhép như ông, hỏi sao vậy, cười bảo, cả nước chỉ mỗi mình Bác được có râu, chỉ mình Bác là ông tiên của các cháu thiếu niên nhi đồng! Nghe nói thế, ông thở dài, tiếng thở sâu và buồn và lạnh tưởng chừng đó là hơi thở của núi rừng.

Một ngày sau tết Mậu Thân, nghe nói thắng to ở miền nam, lúc đó ông đang tha hai cái giỏ đựng đầy phân về lều, ông trông thấy một người đàn bà khô đét như một trái táo non ló dò chống gậy leo lên dốc. Ông sửng người nhìn một lúc, mới nhận ra đó là bà Chánh nhạc, đã một thời làm tỉnh hội phụ nữ. Nói sao cho hết nỗi xúc động của hai cán bộ già. Ông quăng hai cái giỏ, mặc cho những cục phân khô lăn xuống dốc như những bánh xe làm bằng trái vông, chạy đến bên bà. Rồi họ lao vào nhau, dính khít nhau như hai anh em sinh đôi Ang và Eng. Phải chi cứ thế mà bay lên thì đúng là họ đang bay lên thiên đàng. Họ không còn nước mắt để khóc, không biết hôn nhau như Tây, họ cứ đứng ôm nhau mãi tưởng chừng mọc rễ trên đất.

Đêm hôm đó, trong cái lán nhỏ như ổ chuột, trên chiếc chiếu đã mục, những ngón tay run rẩy tìm kiếm trên thân thể của nhau chỉ thấy toàn những da và xương. Tất cả chút sinh lực hiếm hoi của ông đã rơi rớt trên cao nguyên. Còn chút nhan sắc của bà thì cũng bị tàn phai héo úa trong những lần đứng sấp hàng chờ mua gạo mắm đường sữa theo tem phiếu. Trong bao nhiêu năm họ không phải sống mà là khô héo teo tóp dần, cho đến lúc được gặp nhau, người nào cũng nguội ngất như một que củi đã tắt lửa. Không còn gì để bù sót cho nhau, ngay cả hơi thở cũng đứt quãng, họ nằm nghe những tiếng động của núi rừng, mơ hồ tưởng như tiếng hú xa xăm của một thời tươi trẻ vọng lên từ đáy vực.

Bà thều thào dỗ dành: ngủ đi mình, ngủ đi!

Ông liu xiu ôm mà không áp nổi.

Một tháng sau thì bà chết.

Khuôn mặt của bà vàng ệch, một màu vàng tái ngắt đói nghèo chứ không phải màu vàng rực rỡ giàu sang của vàng đem từ cái giếng Hời lên.

Nhờ sự giúp đỡ lén lút của những người buôn thuốc phiện lậu, ông cũng có được sáu miếng ván tươm tất để chôn vợ. Bia là một tảng đá mà phải mất một ngày ông mới khắc được mấy chữ Tô Thị Đậm méo mó.

Ngôi mộ của vợ đem đến cho ông một chút ấm áp trong lúc tuổi già cô độc. Khi cô con dâu nghe tin mẹ chồng mất lên thăm, bảo khi nào thống nhất sẽ lấy cốt đưa về An Định. Mà biết bao giờ mới thống nhất đây. Bom Mỹ cứ dội suốt! Không chừng cái lòng chảo Điện Biên này nó cũng sẽ nhảy dù xuống như thành Pháp. Mệt quá chừng, mỗi lần có báo động là những công nhân phải lùa bò trốn vào hang. Nhưng nhờ vậy mà mình khỏi phải đi xa cũng có khối phân để hốt.

Trong khi đi nhặt phân bò, ông cũng nhặt những hòn đá nhỏ nhỏ ngộ về xếp quanh mộ vợ. Có những viên tròn giống những trái cau bằng vàng, ông cất riêng vào trong bọc. Cái vẻ nặng nặng trong lòng bàn tay khiến ông nghi là có chứa vàng. Giờ thì không đứa nào lấy được của mình, ông vừa nói vừa cười. Lúc này ông hay nói lảm nhảm một mình. Cái giếng ở nhà mình giờ xác chết chắc đã chất đầy lên tới miệng. Nghe nói trong đó đánh nhau dữ. Là những chiến công hay tội ác? Cái giếng lâu đời giống như cái hồ sâu của lịch sử. Biết bao người đã chết trong tắm tối, oan ức, vậy mà về vang được sao? Khi nào về mình sẽ cho người lấp lại. Sống bên cạnh một cái giếng như thế thì không thể nào khá lên được.

Ông thường gặp những người ở Hà Nội, Hải Phòng...những người của chế độ cũ sau khi không xài được nữa cũng bị đày lên đây. Họ được đưa đi chăn bò, chăn ngựa, chăn dê, cả chăn heo chăn gà gọi là tham gia lao động. Người nào cũng dấu kín trong lòng một nỗi hận khôn nguôi. Nhưng họ cũng như ông, là những viên sỏi chứ không là những giọt nước. Có nằm cạnh nhau cũng cứng ngắt chứ không thể nào tan ra để sẻ chia tâm sự. Ai cũng cố mài mòn những góc cạnh để có thể lăn tròn, lăn mãi, cho đến khi rơi tòm xuống cái hố thăm của tuyết vọng.

Từ ngày vợ chết, ông bắt đầu để râu, mà râu ông chắc vì buồn nên chóng dài. Chưa đầy năm đã dài tới ngực. Cả tóc nữa cũng không thềm hớt. Ông đâu có giống một ông tiên mà sợ xỉ xào phê bình kiểm điểm. Ông giống lão giáo Huế khùng dưới chân núi Mò O, chỉ thiếu là không cỡi lên một cái đọt tre, nhong nhong chạy qua làng tung bụi lên mù mịt để lũ trẻ con trần truồng thích thú chạy theo hò hét. Mỗi khi xuống suối tắm giặt, ông lại ngòi nhìn bóng mình, hét cười lại khóc. Không ai có thể tin được ông Chánh nhạc ở làng An Định tươi tắn phương phi ngày nào giờ thảm hại như một lão ăn mày. Cách mạng để đổi đời, đổi như lợn mề gà thật là xót!

Lại nghe có hòa đàm Paris. Cũng như Giơneo, không biết lại chia mấy nữa đây. Đã chia hai rồi giờ chẳng lẽ chia hai nữa thành bốn, rồi bốn thành tám...cái nước Việt này đúng là nát như tương. Làm lãnh đạo mà để đất nước chia năm xẻ bảy là có tội. Tội với người sống và tội với người chết. Cái tội ấy nặng lắm à.

Nhưng không có chia. Đánh ở Buôn mêthuột, Pleiku. Rồi Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn. Cái gì lạ vậy cà? Hai mươi năm ghim nhau từng tấc đất, giờ bỏ chạy cái rẹt là sao?

Giải phóng! Giải phóng rồi!

Bắc nam liền một cõi. Vậy là sắp được về nam. Ôi chao ở cái đất bắc lạnh căm này, những người già như mình, xương cốt đau nhức không đêm nào ngủ được. Lại còn bị nghi ngờ là CIA của Mỹ, lại bị canh chừng chống đảng. người nọ rình rập người kia. Đi hốt phân bò mà cũng bị hỏi tới hỏi lui. Những đêm dài ở đất bắc, có khóc cũng chỉ dám khóc thầm.

Về nam, mau về đi thôi, về ngâm mình trong nước mát ở bến Trén, sáng chiều ngồi trước ngõ mà ngắm tháp Bánh Ít xanh ngắt ở chân trời, về nam ăn một miếng bánh hời, bánh tráng, bánh ướt bánh xèo...thứ gì cũng ngon, uống nước bắp nấu ngọt như nước dừa, xuống ruộng bắt cua làm mắm cua chua ăn với cơm nguội cho đã thèm, về nam nằm ngủ giữa nhà rộng rinh chứ đâu chỉ bó trong hai thước vuông, về nam trồng đậu trồng cà, trồng khoai trồng bắp, muốn ăn bầu có bầu muốn ăn bí có bí, đâu phải chực chờ giành nhau từng cọng rau muống già ngắt dai nhách!

Sống khổ sống sở trên hai chục năm để có ngày về thì thật là cay đắng, nhưng được sống tới ngày này là phước đức lắm rồi, đừng có mà kêu ca gì nữa, đại một lần chứ không thể đại thêm, đảng có dụ khị cho cả cái nhà lâu to ở Hà nội cũng xin cảm ơn mà về, nhưng liệu mình có đủ sức đi nổi không đây, nghe nói đường sá bị bom mìn đi lại rất khó khăn, nhưng mà khó khăn mấy cũng về, những đồng phân bò ai muốn lượm bao nhiêu thì cứ lượm, lão đây không thèm tranh nữa đâu, về nam, chưa đi sao mà đã thấy sương lằng lằng rồi.

Sau mười bốn ngày, vừa đi bộ vừa đi xe, với cái ba lô con cóc đựng hài cốt vợ trên lưng, một cây gậy cầm tay, cụ chánh nhạc năm xưa đã về tới làng An Định trong một ngày cuối thu năm bảy lăm giữa một rừng cò vẫn còn hai màu xanh đỏ chọi nhau.

Nhưng ...

Cái chòm cây cao thấp lô nhô kia là làng sao? Những nền nhà cỏ mọc đầy, những bức vách trợt lạnh lẽo và những con người mới hồi cư ngỡ ngác tùm năm tùm ba ở miếu thượng. Chẳng ai nhìn ra cụ và cụ cũng chẳng nhìn ra ai.

Số phận của làng sao giống số phận của mình. Ai đã làm ra nông nổi này? Những người của đảng cài lại, những kẻ giả bộ đi tập kết rồi lộn về, những đứa như thằng Định con Thánh hăm hở đi B. Đi giành lại quê hương mà như thế này thì giành lại để làm gì? Sẽ xây dựng lại, nhưng ai xây, chẳng lẽ những cụ già, những bà mẹ và cả những đứa bé nét mặt vẫn chưa hết kinh hoàng ngồi nằm kia xây dựng sao? Hay là đưa cả miền bắc đang thiếu gạo thiếu cơm thiếu cả cây kim sợi chỉ ngoài kia vào xây dựng ?

Cụ bàng hoàng như lúc mới đưa lên Điện Biên. Nhưng đất dưới chân là đất của làng mình, trời trên đầu cũng là trời của làng mình. Sẽ chôn nắm xương khô của vợ dưới chân núi Mò O cho hồn bà còn được trông thấy ruộng đồng trải dài ra tận biển. Sẽ chặt cây cắt một cái chòi trên thềm nhà cũ. Lúc buồn sẽ hát mấy câu bài chòi. Sẽ kêu bớ Bạch Huệ, bớ Nọc Đương, kêu cả tên tục và cả Chín Gối tên mình nữa. Sẽ không bị ai dòm ngó nghi ngờ. Sẽ chờ cái chết đến như chờ mẹ đi chợ về.

Đêm hôm đó cụ ngủ trên nền của miếu thượng cùng với những người mới hồi cư. Trong mơ cụ thấy mình một lần nữa lại được bạc. Mà lần này thì không có ai là xứ ủy chở mũi vào.

6

Nữ chủ tịch ủy ban quân quản huyện được tin cha mình về lúc đang ngồi ăn cơm bằng đũa hai đầu với hai cán bộ thông tin và giáo dục được tăng cường từ miền bắc. Câu khẩu hiệu Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam muôn năm vừa mới kể xong hãy còn ướt sơn đỏ chói như đít chim chào mào. Đưa cái đám con cái ngụ quân ngụ quyền đi chỗ khác, bà nói với chủ tịch ủy ban quân quản xã tên Khấu Thọ (được đổi thành Hùng Tiến), cho người dọn dẹp sạch sẽ, bố trí cho đồng chí ấy ở tạm rồi sẽ tính. Trên này nhiều việc cần giải quyết gấp, danh sách ngụ quân ngụ quyền đưa đi cải tạo cần rà soát lại để không bỏ sót, ít bữa tạm ổn tôi sẽ về. Cứ thế nhé, chào thắng lợi!

Chủ tịch quân quản xã đưa tay lên vành mũ tai bèo chào theo kiểu quân đội, nhưng chân thì bước chứ không chụm lại kêu cái rụp. Bà khoác tay cho thuộc hạ trong khi vẫn cầm ngang đôi đũa bằng tre, nói với hai cán bộ miền bắc, cha tôi đi tập kết từ năm lăm, tôi cũng đi nhưng đến Tam Quan thì xuống ghe lộn lại. Anh em ở đây chỉ biết có chiến đấu chứ có được học hành gì mấy đâu mà biết lo cho giáo dục và thông tin. Xin các đồng chí bước đầu giúp chúng tôi khai giảng năm học mới và tuyên truyền chính sách của Mặt Trận. Nhé, vậy nhé, cơm xong chúng ta bắt tay vào việc.

Lúc ấy hai cán bộ đã ăn xong, không biết vì không tìm thấy tăm hay vì thói quen mà họ trở đầu đũa cào cào trên răng rồi nghiêng qua mép gạt xuống một cái thay cho lau miệng. Mặc dù có ghế nhưng họ vẫn ngồi chồm hổm, là cách ngồi quen thuộc của loài khỉ tổ tiên của loài người. Đó là tư thế nhanh nhất để tranh cướp hay trốn chạy theo bầy đàn.

Cô Thành, người đã một thời hét ra lửa (vì căm thù) trong chín năm kháng chiến, giờ trở thành đồng chí chủ tịch một cái ủy ban to cũng phải thôi, sau bao nhiêu năm chui rúc dưới những địa đạo bí mật và chịu tù đày ở Côn đảo. Với một bộ đồ màu xanh xám, một cái xanh tuya rộng thắt ngang lưng nhưng không có súng lục, đầu đội mũ tai bèo, cô có vẻ giống o du kích nhỏ được đại thi hào Tố Hữu ca ngợi trong bức ảnh nổi tiếng áp tải một thằng Mỹ giặc lái to lênh khênh mà học sinh từ mẫu giáo đến trung học đưa nào cũng thuộc. Cô chưa có vẻ gì là một quan huyện phụ mẫu chi dân lúc nào cũng xa cách, nhưng cũng không gần đến nỗi ngủ chung giường như lúc cô lén lút vận động họ đi biểu tình hay phá ấp chiến lược. Cô giữ một nét mặt lạnh như cái hơi lạnh giữ cho cá khỏi ươn, để không một ai được biết ngay cả những đồng chí thân cận nhất, những chương trình, những kế hoạch mà cô áp ủ sẽ thực hiện, nhất là công cuộc truy tróc những kẻ phản động do Mỹ ngụy cài lại để chống phá cách mạng.

Cô được tặng rất nhiều huân chương và trong ngày lễ quốc khánh 2 tháng 9 vừa rồi, đứng trên lễ đài, ngực cô lấp lánh và rung rinh trông thật đã con mắt, tuy có kẻ xô xiên, cườibảo dưới đó chỉ là hai cái vú xẹp lép, teo nhách. Vẫn cái giọng the the đến muốn thủng màng nhĩ như ngày nào, cô kể lại cuộc hành quân tốc chiến tốc thắng thần kỳ trong chiến dịch Hồ Chí Minh, dù lúc đó cô đang ở trong tù. Đám dân bị Mỹ ngụy kèm kẹp trong mấy chục năm qua, thức dậy trong sợ hãi từ lúc 1 giờ sáng để đến ngồi co ro trong cái lạnh thống nhất trên sân vận động trước đây là nơi đặt hai khẩu đại bác 155 ly, bắn cầm canh vào những vùng mắt an ninh để cho ngài quận trưởng ngủ.

Không đợi đến lúc bà chủ tịch quân quản huyện về làng, chủ tịch quân quản xã, chẳng những cho du kích quét dọn cái miếu thượng còn sót lại của làng sau cơn đập phá đình miếu của ông Khứ, mà còn phát quang khu vườn, dọn dẹp gạch ngói trên nền nhà cũ để có thể xây nhà mới cho xứng với vị trí của người khai sinh ra cách mạng ở làng An Định. Cụ Chánh nhạc khi đón nhận tin con gái sau hai chục năm giờ là bà chủ tịch quân quản huyện cũng cảm thấy được an ủi và tự hào. Chỉ buồn là anh con trai bị vướng phải mìn mà chết trong trận Mậu Thân, xác bị đem bày ra ở công viên mà vợ con ở tận ngoài bắc nên chẳng biết chôn lấp ở đâu. Tính ra thì gia đình cụ mất nhiều hơn được, nhưng như vậy cũng còn hơn không.

Một năm sau cô Thành mới về làng, cũng là lúc trước đó một tháng huyện và xã đã xây cất xong một cái nhà cho cụ cách mạng tiền bối (huyện lo vật liệu, tức là cây gỗ và tôn lấy ra từ các trại gia binh, còn xã thì lo công...). Cô về không phải để khánh thành, không phải để thăm người cha hơn hai chục năm mới gặp lại, mà là "bị" bố trí công tác khác. Cô bước vào nhà với vẻ mặt sừng sừng sĩa sĩa như bị chồng vừa tát, giả như cô đã có chồng, đến nỗi cụ chánh ngự gác tường cô là mụ Dĩa khi đầu tổ tông Bá. Cô không buồn hỏi thăm cha, gieo mình đánh sầm lên tấm ván ép của Mỹ dự tính để đóng đi vắng cho cụ. Cô úp mặt lên hai cánh tay, trong khi vai cô rung lên và những sợi tóc trên đầu của cô đã chớm bạc rung theo. Với kinh nghiệm của tuổi già, cụ để cho cô khóc chán thì thôi. Cụ đi đun một ấm nước, pha chút trà Thái

Nguyên, ngồi uống một mình. Hai con thần lẩn cấn nhau trên trần nhà, một con rớt xuống ngay chân cụ, hốt hoảng chạy trốn, bỏ lại cái đuôi ngo ngoe như kêu cứu.

Không hỏi cụ cũng biết vì sao cô lại nằm vật ra như thế. Khi bị quăng lên Điện Biên, cụ cũng đã từng muốn chết quách cho rồi. Đó là tâm trạng của kẻ vừa bị đá văng ra khỏi cái nơi mà mình tưởng là sẽ tận tụy suốt đời. Đó cũng là hình ảnh của miếng vỏ chanh vừa bị ném vào sọt rác sau khi đã vắt hết nước. Đang ngắm cái đuôi thần lẩn tội nghiệp, bỗng cụ nghe cô thét lên, tao mà phản đảng à? Tao mà phản đảng thì thằng chó nào trung thành? Rồi cô ngồi bật dậy, quay mặt nhìn cha, lại gào lên, tội nó bảo con phản đảng, con bị đánh tơi tả nhưng có khai gì đâu mà nó vu oan như thế. Con mà phản thì cả tỉnh ủy, huyện ủy bị bắt và giết hết rồi, có đâu ghênh ngang lên mặt kỷ luật đảng để chụp lên đầu con cái mũ khốn nạn như thế.

Thôi im đi, im đi, cụ dỗ dành, có gào đến ra máu cũng chẳng ai thèm nghe đâu. Con không biết rằng cha cũng đã từng bị nghi ngờ là đầu vàng của cách mạng sao. Đó là những cái cơ để hất mình đi chỗ khác vậy thôi. Lúc gian khổ, lúc khó khăn hay lúc có vàng, nó gọi ca mình lên tận mây xanh. Đến lúc này, của cải Mỹ ngụy để lại làm nó lóa mắt, nó không hất mình ra mới là chuyện lạ. Cô lại nói tuy giọng nhỏ hơn, nó bảo không khai sao bao nhiêu cơ sở sau Mậu Thân đều bị phá, bao nhiêu hầm bí mật bị khai, bao nhiêu đồng chí bị bắt. Nó quy hết tội cho con. Thực ra là tội nó ra chiêu hồi cả đồng. Chính tội chiêu hồi khai ra để lấy công chuộc tội. Thằng chủ tịch thay con là một thằng như thế, nhưng nó bảo tổ chức cho ra chiêu hồi để nắm tình hình cho chiến dịch mùa xuân đại thắng!

Cô bị bố trí công tác sinh đẻ có kế hoạch, tức là đi phát bao cao su và chỉ cách tròng cái bao lên cái của nợ trong khi cô chưa biết nó nằm xuôi hay nằm ngược trong háng. Như thế có nhục không! Từ đó cô không ra khỏi nhà, đêch thềm nhận công tác, cũng không đi sinh hoạt đảng nhưng chẳng ai dám động đến cô. Vả lại động đến mà làm gì, cô cam hòng lại như thế là tốt. Vẫn bố thí cho số lương hưu, vẫn cho hưởng tiêu chuẩn của gia đình có công cách mạng, vẫn được công nhận là chiến sĩ anh hùng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Chẳng ai đại gì số toẹt công lao của cô, không khéo cô kiện đến Trung ương thì khổ. Bọn họ nói thầm với nhau, hãy thầy cho con cộp cái đó một chút thịt để nó nằm mà liếm láp những vết thương oanh liệt của mình.

Hai cha con, sau hơn hai mươi năm không ngờ bị đẩy vào bóng tối. Họ sống chập chờn với những hình bóng cũ. Càng nhớ lại họ càng thấy thấm thía. Chẳng những chỉ đau không thôi mà còn thấy nhục. Phải chi ngày đó đem vàng nộp lại cho Tây, không chừng được thưởng cũng đủ sống một đời. Cái tinh thần cách mạng mà những ngày đầu kháng chiến mọi người phải ra sức học tập ở cụ, thực ra là cái lòng tham từ trong máu huyết của tổ tiên khi vừa đặt chân tới đất Chiêm Thành. Từ tham tiền đến tham danh chỉ có mỗi một bước rất ngắn. Ông khoái mấy tiếng địa chủ tiến bộ, bà thích làm mẹ chiến sĩ, con trai ham hai tiếng cứu nước, con gái ưa hai tiếng anh hùng. Toàn là những danh từ rỗng và kêu được mạ vàng treo nhỏng nhánh trước ngực như cái chuông đeo dưới cổ những con dê con cừu.

Cụ giờ như các vị quan cáo lão về vườn ngày xưa, mũ ni che tai, mặc cho hết vào HTX lại khoán, lại chia, rồi lại đổi mới, lại hòa nhập chứ không hòa tan. Cô, vì chưa chồng nên đành gọi như thế, như một khuê nữ già, ngồi nhìn từng chiếc lá vàng rơi mà đếm những mùa thu đi qua, trong nỗi buồn dài, chán dài, hận dài. Hai người suốt ngày không tiếng nói, yên lặng đến nỗi những hạt bụi cũng không buồn xê dịch, những hạt bụi đứng im như thể chờ được đông cứng. Trong khi đó, ngoài cái giếng Hời, đêm đêm những con ma mới của du kích và lính ngụy, những con ma mới nhiều vô số kể của làng An Định, lặng lẽ ngồi ngó nhau thỉnh thoảng lại đi dạo lòng vòng, gặp hai kẻ sống như bóng ma, cũng chào hỏi nhau trong tiếng chào vô thanh.

Họ sống trong sự lãng quên buồn hiu như vậy cho đến một ngày mùa thu của năm hai ngàn, bức tường Bá Linh đã sụp đổ, kéo theo khối Đông Âu, Liên Xô cũng tan ra như băng trên sông Vôn ga và nước Trung Hoa mẻo trắng mẻo đen của Đặng Tiểu Bình vừa dạy cho nước Việt đàn em một bài học bằng những cái tát méo mặt ở sáu tỉnh biên giới phía bắc...tường chừng báo trước ngày tận thế như trong kinh thánh. Một ngày mà cụ Thắng cháu đích tôn của cụ, lúc mẹ bồng đi tập kết chỉ mới 3 tháng tuổi, giờ đã là một ông bộ trưởng khả kính của nội các đổi mới hay là chết, về thăm cụ nội của mình. Cả một đoàn xe bóng lộn bóp còi tin tin đi trong bụi mù giữa đám trẻ con trần truồng đang nhảy tưng tưng vì được hít mùi xăng thơm phức.

Xe phải dừng lại ở cây vông bị sét đánh đến hai lần vẫn không chết ở đầu xóm, bên cạnh một cái máy gạo đang kêu phành phạch. Bà vợ liệt sĩ, con dâu của cụ đi dẫn đầu vì ông bộ trưởng đâu có biết đường vào nhà, theo sau là một đoàn dài những tỉnh ủy huyện ủy, những người trong mặt trận tổ quốc, cựu chiến binh, người cao tuổi... Đoàn người bước vào sân giữa tiếng chó hàng xóm sủa đủ giọng. Hai cái bóng mờ liu xiú, một quá già, một cũng sắp già được dựng dậy.

Cụ ông được đặt ngồi trên ghế để ông bộ trưởng vấn an sức khỏe và nghe ông chủ tịch mặt trận run rẩy vì quá xúc động bày tỏ ước muốn của tỉnh nhà được vinh dự tổ chức lễ mừng thọ đúng trăm tuổi cho cụ.

Con vừa xem lại đảng tịch của cha, bà con dâu nói, ngày mười tám tháng chín năm một ngàn chín trăm chẵn là ngày sinh của cha, tức là chỉ còn ba mươi mốt ngày nữa là tròn một trăm tuổi. Thế à, cụ hỏi, chứng tỏ tai cụ còn tốt chưa nghễnh ngãng. Cô Thành cũng nói, vậy mà em quên mất. Một ai đó đứng nép bên vách nói nhỏ với người bên cạnh, người Việt mình chỉ nhớ ngày chết chứ không nhớ ngày sinh. Chủ tịch hội người cao tuổi nghe được mắng, nói bậy nào, sao lại nói tới ngày chết trước mặt cụ.

Ông bộ trưởng cầm tay cụ nói, cháu sắp phải đi công tác ở Nga, mọi việc có các đồng chí ở đây lo. Sẽ tổ chức lễ trăm năm mừng thọ cho nội. Cháu rất tiếc là không về kịp để uống rượu chúc mừng. Giờ cháu xin đi, nội nhớ giữ gìn sức khỏe. Quay ra sau, ông bộ trưởng nhận hai hộp sâm và yển từ tay một nữ thư ký, đặt trước mặt cụ. Cháu xin gửi nội ít quà. Quà à? Cụ nói, quý hóa quá! Một giọt nước mắt đục như nước vo gạo bắt ngờ nhỏ xuống.

Lúc đó là bốn giờ chiều. Đây là cái phút giờ cầm động nhất trong suốt một trăm năm của cụ. Đoàn người đã ồn ào ra về mà cụ vẫn còn ngồi nhìn ra sân, trông thấy ánh nắng mùa thu sao mà đẹp.

A, té ra mình đã sống đến 100 tuổi, một trăm tuổi là bao nhiêu ngày quên mất, nhưng sống tròn một thế kỷ đúng là xưa nay hiếm. Trên bốn mươi năm sống trong bóng mờ của sự quên lãng, bỗng dựng cụ được lôi ra ngoài ánh sáng rực rỡ của lòng hiếu thảo, không xúc động sao được. Vậy là cái dòng máu cách mạng của nhà cụ cứ tưởng đã khô kiệt, không ngờ vẫn âm thầm luồn lách chảy để đến hôm nay sáng bừng lên như thế. Cái thằng cháu đích tôn ấy thế là đã nên người, mẹ nó cũng thật là tài giỏi, linh hồn vất vưởng của cha nó ở công viên Nguyễn Huệ chắc cũng đã mỉm cười mà về nơi chín suối. Cụ cảm thấy mình giống như những tượng Chăm cụt đầu nằm lẫn lóc trong vườn bỗng dựng được đem ra kỳ cọ chùi rửa để các nhà buôn đồ cổ ồn ào tranh nhau trả giá.

Năm hôm sau, cô con dâu cùng với các bác sĩ đông và tây y, một lần nữa đến thăm cụ. Bọn họ bắt mạch, đo huyết áp, đo điện tâm đồ, khám răng (chỉ còn có hai cái, một trên một dưới nằm chéch nhau), khám mắt (mắt bị cườm cả hai), lấy nước tiểu (nước tiểu vàng đậm

như nước trà nguội) và tranh luận đến cả tiếng đồng hồ về việc làm thế nào để cụ sống ít ra là tới cái ngày 18 tháng 9. Tỉnh ủy đã ra nghị quyết là với bất cứ giá nào cũng phải giữ cho được cái mạng sống của cụ cho đến cái ngày trọng đại đó. Đây không chỉ là ngày báo hiếu về vang của gia đình ngài bộ trưởng mà còn là ngày làm sống lại cuộc cách mạng của cả tỉnh.

Họ thảo thực đơn, lên lịch dùng thuốc, cắt cử người chăm sóc từng lúc ăn lúc ngủ, làm vệ sinh đái ỉa, tắm rửa bơm thụt mỗi ngày. Cô Thánh, người bị huyện ủy đá văng hơn hai mươi năm trước, giờ lại được ân cần dặn dò trông coi đội ngũ y tá bác sĩ, cứ như bộ trưởng bộ y tế. Sau một trăm năm, cụ trở lại làm đứa bé sơ sinh, nhưng không là một đứa bé quê mùa khỏe mạnh mà là một đứa bé cầu tự còi của một nhà quyền quý. Bông dưng cụ đổi tính đổi nét. Sâu khộng uống, yếm không chịu ăn, gà ác tiềm hạt sen không chịu nuốt...cụ cứ phun phèo phèo, lắc đầu nguầy nguầy, cứ như con của bà phó Đoan *em chả, em chả!*

Đến nước này người ta phải truyền đạm cho cụ, lại gắn bình oxy thọc ống vào mũi cho cụ thở, nhưng đường vẽ nhịp tim của cụ trên màn hình cứ muốn nằm dài ra một đường thẳng. Thế có chết người ta không chứ. Thiệp đã in rồi, ngày tổ chức lễ mừng đã định rồi, nếu cụ tịch thì biết tính sao! Bao nhiêu người từ quan nhón đến quan bé không chừng phải chuyển đổi công tác. Thế thì chỉ có nước húp mắm.

Đang lúc bối rối như thế thì lão phù thủy phó Ba, người đã từng bị kết tội là làm tay sai ba đời cho giặc, được thằng cháu nội cống vào thăm, để xem thử cái thằng được bạc năm xưa đã sắp ...chết chưa? Người ta tuy hơi bất ngờ nhưng cũng tránh ra cho lão đến gần cụ Chánh, vì dẫu sao lão cũng đã từng là người cùng xóm, từng chơi với nhau từ lúc tắm trường. Lão hỏi, biết tui hông, gặt đầu hả, thế thì còn tỉnh táo lắm, để tui coi thử. Vừa nói lão vừa luôn tay vào quần lọ mọ một lúc rồi rút ra, nói như thánh phán: bú! Khi lão leo lên lưng cháu định ra về có người chặn lại hỏi, bú là sao? Lão gất: là bú chớ sao, chỉ có mỗi một việc bú mà cũng không biết, vậy mà đòi làm cách mạng. Nhưng bú gì nào? Thì bú vú chứ chẳng lẽ bú c...!

Còn hơn bị một trái lựu đạn ném vào, đám người hoảng loạn nhón nháo. Có tiếng nói lớn, du kích đâu, gông cổ cái thằng già này lại. Ăn nói phạm thượng bậy bạ như thế hả. Nhưng chẳng có ai chịu trối lão vì gần như những người có mặt trừ bà con dâu và cô Thành đều bùm miệng để dấu một nụ cười.

8

Một tuần sau, nghĩa là chỉ còn 19 ngày nữa là đến ngày mừng thượng thọ, cụ Chánh vẫn cứ nằm thở phèo phèo với đủ thứ dây nhợ chằng chịt. Một nữ tiến sĩ tâm lý được mời đến. Người ta nghĩ rằng cơ thể cụ tức là cái bộ máy đã chạy gần đúng một thế kỷ đó vẫn chưa đến nổi bệ rạc, chỉ có điều là cái đầu óc cụ có vấn đề. Người ta cho rằng đây là cách hờn dỗi của một người đã rất nhiều năm bị bỏ quên. Nữ tiến sĩ khoảng 50 tuổi chưa chồng, nên có vẻ thèn thẹn của một cô gái già khi cầm tay một người khác giới, cho dù là đã sắp về với ông bà ông vải.

- Chào đồng chí, tôi là tiến sĩ y khoa tâm lý đây, xin được hỏi, đồng chí có nhớ là sắp được bao nhiêu tuổi không?

-....

- sắp được 100 tuổi rồi đấy, xin chúc mừng đồng chí.

-....

- Đồng chí thích gì, muốn gì hãy nói cho chúng tôi biết.

- Muốn gọi bằng anh!

- Liệu có nghe nhầm không?

- Không!

Lúc này thì nữ tiến sĩ choáng váng, cô hoang mang đến nỗi chính cô cũng cần có một tiến sĩ đẳng cấp cao hơn để tháo gỡ cả mớ bòng bong trong đầu.

- Không dám gọi à?
- Dám chứ, nhưng sao ...anh lại thích...
- Vì ta chán hai tiếng đồng chí lắm rồi. Lúc nào cũng đồng chí, đồng chí!
- Làm cách mạng mà.
- Ta cũng chán cách mạng!
- Đồng chí...à. anh thích gì nữa?
- Thích hun!

Nữ tiến sĩ bực bội đứng dậy. Theo cô thì lão già này sắp điên, nếu không thì cũng mắc chứng cuồng dâm trong tư tưởng. Nhưng chợt nhớ ra đây là cụ nội của ngài bộ trưởng, nên cô vội vàng cúi xuống hôn phớt lên trán cụ, thỏ thẻ một cách nũng nịu: chào anh, em về! Mọi người nghe nữ tiến sĩ òn ẻn như thế đều thích thú vỗ tay. Và, dường như trong đôi mắt mờ đục của cụ và trên làn môi thâm xịt, cũng ánh lên một chút gì mơ hồ như nét cười.

Bỗng dưng người ta sực nhớ tới cái trò “bú vú” của lão phó Ba, nhất là các vị bác sĩ đông y. Trước đây người ta cho rằng lão nói nhảm, một kẻ phản động như lão, ai mà tin được. Nhưng giờ, người ta nhớ lại các món thuốc trường sinh bất tử của các hoàng đế Trung Hoa, thì cái món sữa người từ xưa đến nay vẫn là thứ thuốc hồi dương cực tốt cho các ông già gần đất xa trời. Nhưng sữa phải ngâm vào vú mà bú chứ không phải nặn ra uống như uống sữa bò. Người ta tin cái tính âm từ một đôi vú trẻ trung thấm qua cặp môi khô héo sẽ kích cái tính dương thoi thóp trong cơ thể già nua của cụ tỉnh lại. Như cái cách kích điện của bác sĩ tây y vậy. Cụ mà được cái thứ nước cam lồ nọ rót vào miệng thì thế nào cụ cũng sống được qua cái ngày đáng sống ấy. Không chừng cụ còn sống hơn thế nữa, chứ không chỉ một trăm năm thôi.

Vậy là nổ ra một cuộc tranh cãi ồn ào về việc làm thế nào kiếm cho cụ một chị vú, một chị phải thực sự khỏe mạnh, trẻ trung, mới có con so và nhất là lý lịch phải trong sạch. Bởi vì với một vị cách mạng tiền bối, dòng máu anh hùng ấy không thể chấp nhận thứ sữa của những kẻ lý lịch không rõ ràng. Như bọn vượt biên, bọn đi kinh tế mới, bọn nguy quân nguy quyền dù có làm đơn xin được *hiến* cũng nhất quyết không chấp nhận. Đương nhiên ưu tiên cho con nhà những người có công cách mạng.

Nói là vậy, chứ trong cái làng An Định này biết tìm đâu ra một chị vú đạt được những điều kiện khắt khe như thế. Con nhà cách mạng thì được bố trí công tác chỗ nọ chỗ kia, toàn những chỗ ngon lành có thiếu thốn chi đâu. Với lại, có thằng chồng nào dù ngu đến mấy cũng không dại gì chịu để cho người đàn ông khác ngâm vào cái vú của vợ mình. Mặc dù quyền lợi đưa ra khá là lý tưởng. Ngày ba bữa cơm canh thịt cá đầy đủ, muốn gạo có gạo, muốn tiền có tiền, muốn vải vóc đường sữa tiêu chuẩn gì cũng có, còn cao hơn cả chủ tịch tỉnh. Nhưng tin bán ra mấy ngày rồi mà chẳng thấy có ma nào vác vú tới để đăng ký. Ngày trọng đại sắp đến gần mà cụ chẳng chịu ăn uống gì, cứ truyền dịch khơi khơi như thế thì “đi” sớm là cái chắc.

Đến ngày thứ 10, nếu đếm thụt lùi như Mỹ bán hỏa tiễn lên cung trăng, đứa cháu ngoại của Khẩu Theo mới đầy tháng bỗng lăn ra chết. Người ta cho rằng tại bầy vịt đẻ của gã đã lây bệnh cho cháu. Đứa con gái quá uất, xách sào đập lung tung khiến bầy vịt suốt mấy đêm liền không chịu đẻ. Gã đang buồn chảy ra thì cô Thành tới. Dù hai người không còn là chủ tịch huyện và xã nữa, nhưng vẫn là những người kẻ vai sát cánh trong cuộc chiến đấu, nên thông cảm và hiểu nhau. Thấy cấp trên cũ của mình bước vào nhà, gã vội vàng đứng dậy kiểm ghế mời ngồi. Cô Thành bảo thôi, tôi đi ngay bây giờ, có chút việc muốn trao đổi với chú. Rồi cô kéo gã lại gần, nói nhỏ vào tai. Gã khịt khịt mũi nhăn nhó, khó quá, nhưng để tôi nói thử xem nó có chịu không. Gì mà không chịu, cô Thành vỗ vào vai gã, bảo chiều nó tới gặp tôi.

Con nhỏ ấy là đứa con gái út của gã. Từ khi bỏ chức vì đánh giặc Mỹ thì được chú sao học bổ túc khó quá, gã tậu một bầy vịt theo nghề cũ của cha, sống cũng tạm được. Bao nhiêu ruộng HTX gặt xong đều ưu tiên cho gã đưa vịt tới ăn mà không phải đóng tiền lạt tấc. Nghề chăn vịt được bao nhiêu năm thì con gái gã được bấy nhiêu tuổi. Mười chín, hai mươi giở đó, trong những lần theo cha đi bán trứng, trong một đêm tối trời nào đó, trên một bờ ruộng cũng nào đó, một thằng phải gió đã đề con nhỏ ra và để lại một cái bụng mỗi ngày một lớn. Gã căm lắm, định xách cái súng lục cũ không thêm nòng đi tìm mà phàm một phát. Nhưng không biết bỏ bầy vịt lại cho ai, nên gã đành an ủi, cháu ngoại mới thực là cháu của mình.

Giờ nó *ngủm* không chừng lại hay. Có như thế mới lại có chồng được chứ. Gã rừ rừ rừ rỉ nói mãi, nhưng con nhỏ cứ ngồi im lúc lắc đầu. Nước mắt khóc con đã khô nhưng sữa vẫn âm thầm trào ra ướt cả áo. Nó ngủng nguẩy bỏ đi, bảo mắc cỡ chết đi được, ai mà làm vậy. Gã chạy theo bảo, bà ấy hứa sẽ cho một chiếc xe Honda nếu mày chịu. Con nhỏ tránh qua một bên như tránh một chiếc xe đang chạy tới, hỏi thiệt hôn? Thiệt mà, gã nói, có mất mát gì đâu con. Nó không lắc cũng không cãi, thế là gã đưa nó tới, như cái cách mà bọn bần cố nông ngày xưa đưa con đi ở đợ cho các nhà địa chủ.

9

Con nhỏ được các bác sĩ đông tây y gặt đầu đồng ý không cần khám, vì trông cái thân hình rắn chắc khỏe mạnh tuy có hơi đen, cũng đủ biết là sức khỏe của nó quá dồi dào. Một nữ y tá cởi ngay chiếc bờ lu trắng trông lên người nó. Một người khác cẩn thận hơn dẫn nó vào buồng lấy cồn thoa lên ngực khiến nó rùng mình. Bên ngoài, cụ chánh cũng đã được tháo dây truyền dịch và ống thở. Cụ cũng được làm vệ sinh miệng mồm, nhất là cắt bớt râu mép để khi bú con nhỏ khỏi bị nghẹt. Có tiếng nói dễ dàng, có thứ này *ăn* ngon lắm, ráng *ăn* nghe.

Con nhỏ định tháo chạy khi thấy một con gì chứ không phải con người, già nua và xấu xí đến phát khiếp. Người ta nói, không sao đâu, coi như ông ngoại ấy mà. Như cho bé bú, có gì đâu.

Nhưng thực ra đâu có dễ, nằm xuống bên cạnh kéo sát đầu một ông lão rồi vạch vú ra, là việc xưa nay chưa từng ai làm. Các vị bác sĩ và y tá vẫn loay hoay chưa biết tính sao. Đặt đầu cụ vào lòng nó cũng không được. Nó thà chết chứ nhất định không chịu làm thế. Sau cùng, một chị y tá có kinh nghiệm mời mọi người ra, đóng cửa lại. Chị kê thêm gối nâng đầu cụ lên. Con nhỏ sẽ đứng dạng chân phía trên đầu cụ, thông ngực xuống, thế là có thể cho cụ “*ăn*”.

Và, nó đành làm cái việc lạ lùng khó coi đó, trong khi sữa chảy vào miệng cụ thì nước mắt cũng nhỏ xuống tong tong. Nó là đứa chưa biết nghĩ ngợi xa xôi, nhưng cũng cảm thấy xấu hổ cực nhục. Cụ chánh sau nhiều ngày nhõng nhẽo không chịu ăn, sức khỏe cũng đã quá suy sụp. Cụ đang trong trạng thái lơ mơ của một người mà hơi lạnh của cái chết đã nhập vào từ chân lên đến gối. Cụ không nói được nữa, một phần vì những cái ống thở linh kính, một phần vì giận những cái trò mừng thọ rùm beng. Bao nhiêu năm chẳng ai thêm ngó ngang tới, bỗng thằng cháu nội được đẩy lên chức bộ trưởng là y như rằng cụ đào được vàng.

Đang lúc cụ thoi thóp nghĩ tới bà vợ già thì một cái gì tròn tròn nhám nhám ấn vào miệng cụ. Rồi những giọt nước tanh tanh mằn mặn chảy qua lưỡi, trôi qua cuống họng. Cụ nghe ruột gan khô héo của mình được thấm ướt rồi nở ra, nở bung như những cánh hoa và đôi môi nứt nẻ của cụ tiếp tục bập bập, bập mãi một cách tham lam. Cụ lại đưa những ngón tay lỏng khỏng những xương với những cái móng dài co quắp lên sờ cái bầu vừa ẩm áp vừa mát mẽ mà không buồn biết nó là cái bầu gì.

Thế là mỗi lần được “*ăn*” cụ cảm thấy người khá lên một chút. Như ruộng khô nứt nẻ bỗng có nước về, những rễ lúa ẩn sâu trong đất lại rộn rã tiếp sức cho cây lúa nảy mầm xanh.

Giờ, khi hai cái bầu tròn như hai trái cam vàng óng đong đưa trên mặt là cụ lại áp iu mơn trớn trước khi ngậm hết cái này đến cái khác. Cụ bắt đầu tươi tỉnh với ý nghĩ sống đến 100 năm để được “ăn” cái thứ ngon ngọt quý hiếm này thì cũng thực đáng để mà sống, dù rằng suốt chặng đường dài đó là cả những lọc lừa gian dối nghĩ tới mà kinh.

Con nhỏ, sau những lúng túng, mắc cỡ rồi cũng quen dần. Tuy không cách gì quen được với ý nghĩ rằng đây là lúc đứa con bé bỏng của mình đang tóp tép bú, nhưng ít ra, để cho một người già yếu có thể kéo dài thêm sự sống, cũng khiến cho nó bớt đi sự xấu hổ. Chẳng riêng gì ông cụ, mà ngay cả một người nào đó sắp chết, nếu có thể cứu sống được bằng sữa của mình, nó cũng sẵn sàng cho người ta bú. Vì làm một việc nhân ái, nên dần dần nó cũng thấy mến ông cụ. Một đôi khi nó hài hước cười thầm, chẳng lẽ mình có một “đứa con” già đến như vậy sao! Sau khi cho cụ “ăn” xong, nó lại lau mặt, lau râu tóc, đùa chút chút với cụ như khi con no nê lại nựng nịu con.

Cô Thành thấy nó cho cụ “ăn” được, rất hài lòng. Cô cho ngay một chiếc xe xi cần hên như đã hứa và khi ông cụ ngủ, con nhỏ lại cỡi xe chạy nhong nhong đến thăm cái mộ bé xíu mới đắp của con. Nó ngồi ở đó rất lâu, như thể là có tội với con. Nó nói thầm, mẹ rất tiếc, nhưng biết làm sao được. Trời mùa thu xanh thắm khiến nó buồn muốn khóc. Nó nhắm tính chỉ còn có mấy ngày nữa là lễ mừng thượng thọ. Xong lễ thì nó sẽ cai sữa, ông cụ có sống hay chết thì mặc ông. Việc của nó đâu phải vất kiệt xác ra để nuôi một ông già.

Nhìn ngực đầy đặn con nhỏ và cái cách cha mình bú thòm thềm, cô Thành cảm thấy gai gai. Bất giác cô đưa tay sờ lên ngực mình. Nó như một miếng da thừa càng làm cho cô thêm cay đắng, nhất là với một người đã gần 70 mà vẫn chưa biết đến một người đàn ông nào trong đời. Không hiểu sao hồi đó cô cay nghiệt đến như vậy. Chẳng những với mọi người mà còn với chính mình. Cô đã quên tất cả, chỉ biết hăng say theo đảng một cách ngu ngốc. Cô coi nhiệm vụ là trên hết, yêu đương là phản cách mạng.

Nhớ anh bộ đội ở trung đoàn 120, người mà mẹ cô chẳng những muốn nhận làm con nuôi mà còn muốn nhận làm con rể nữa. Anh ta trẻ, đẹp trai, con nhà tư sản, đã cùng với các bạn bỏ học nhảy tàu vào nam để tiếp sức cho kháng chiến. Anh yêu cô đắm đuối nhưng cô đã nói một câu mà anh lặng lẽ bỏ đi không bao giờ quay lại. Ấy là lúc trong một tối nọ, hai người âu yếm nhau, bàn tay anh lần xuống định cởi dây rút thì cô giữ lại. Cô nắm lấy cái bàn tay nóng hổi của anh như cái cách người ta bắt được một tên Việt gian đã xâm nhập vào vùng “tự do” để đánh phá cách mạng. Anh hỏi sao vậy em, cô hất bàn tay ra khỏi bụng, nói như thét: kháng chiến chưa thành công! Rồi cô đứng lên như cái cách người ta xử bắn xong những tên Việt gian ở gò Na!

Ồi chao, đợi đến lúc hai cuộc kháng chiến thành công thì cô đã thành một bà già rồi. Giờ có muốn cho không biếu không cũng chẳng có ai thềm. Tuổi trẻ đã vù qua mặt cô như một ánh chớp, để lại một cái lờm nguýt càng nghĩ càng thắm, càng thắm càng đau. Tất cả cũng vì mình theo đảng như một người lỡ ghiền thuốc phiện!

10

Khác với không khí êm ả rù rì thơm mùi sữa và chập chờn những ảnh những hình của những tháng năm xưa cũ, bên ngoài người ta rộn ràng dựng cổng chào, treo cờ phướn, xây lễ đài để đón chào ngày sinh nhật quang vinh thứ một trăm của lão cách mạng tiền bối Lê Trung Kiên (tên thật là Lê Gối, thứ chín). Xe mẹ, xe con, xe honda, xe đạp tới lui chóng mặt với đủ thứ còi thi nhau bóp và rung. Không khí trong làng sôi lên khi người ta tổ chức chơi bài chòi để nhớ lại cái mồ ma của gánh Thanh Bình ban, nhờ nó mà cách mạng mới thành công. Và tên những con bài Bạch Huệ, Nọc Đương, Văn Sách, Tứ Cẳng, ông Âm, chín Gối, cả thanh và tục

lại được xướng lên sau những câu hát ò ơ và tiếng trống tum tum. Hội nhà văn cấp tỉnh còn tổ chức cả một cuộc thi thơ và những câu đối hay nhất được viết theo thư pháp, (có người gọi là ung thư pháp) với những con chữ nghiêng ngửa ngoằn ngoèo mà những người tốt nghiệp bình dân hay bổ túc không thể nào đọc được. Không khí còn rộn ràng hơn khi những con lân múa may lung tung trong tiếng trống thùng thùng. Người ta còn đem từ Quy Nhơn lên cả một đội kèn của Nhà thiếu nhi tỉnh và 100 em bé quàng khăn đỏ cầm bông vạn thọ để làm hàng rào danh dự.

Thực ra, người ta còn muốn hoành tráng hơn thế nữa, đưa cụ xuống hội trường tỉnh để các vị khách quý từ Trung ương có thể đáp máy bay vào chúc mừng. Nhưng cô Thành chối từ vì sợ rằng ông cụ thay vì bước vào hội trường lại phải khiêng vào bệnh viện. Bà dâu cả đi đi lại lại giữa An Định và Quy Nhơn như con thoi. Bà đã hơn 70 tuổi, nhưng nhuộm tóc và trồng răng giả nên trông cũng hãy còn ra vẻ. Đường đường là vợ liệt sĩ và mẫu thân của ngài bộ trưởng nên bà được nghỉ trong khách sạn hạng sang, được tỉnh cấp cho một chiếc xe 4 chỗ có tài xế lúc nào cũng sẵn sàng đưa rước. Cái công cuộc mừng thọ đối với bà là một cú đánh quả ngon lành. Thay vì thương tiếc những quả cau bằng vàng đã mất, bà tìm cách lấy lại. Trong tiếng rè rè của máy lạnh, bà mơ thấy những chiếc phong bì đỏ tấp tắp bay vào nhà còn nhiều hơn cả truyền đơn mà ông cụ đã rải trong bấy nhiêu năm.

Cái không khí tưng bừng ấy ít nhiều cũng làm ông cụ nhớ lại những ngày đầu cách mạng, khiến cụ tươi tỉnh hẳn ra. Cụ đã tự mình ngồi dậy được, bước vài bước đi lại trong nhà. Cô Thành đã uớng thử áo đỏ và khăn đỏ của hội Người cao tuổi cho cụ. Trông cũng đẹp lão lắm. Cô hơi tiếc, phải như áo xanh khăn xanh thì hay hơn vì màu đỏ giống như lão phù thủy Ba lúc lên đồng. Con gái của Khâu Thọ đứng quay mặt vào vách để che mặt cười. Nó lại thấy cụ giống như ông già Noel chỉ khác là cái bụng không bự.

Người ta gội đầu, tắm rửa cho cụ. Khi anh y công kỳ cộ tới chỗ đó, cụ cảm thấy như nó muốn cựa cựa. Anh ta đùa, nó cũng trăm tuổi rồi đấy cụ ạ. Cụ cũng đùa, phải chi nó bằng nửa tuổi thôi.

Tất cả mọi sự kể cả cụ đều đã sẵn sàng cho ngày trọng đại 18 tháng 9 hôm sau. Chỉ một đêm nữa thôi là cụ lại được sống trong huy hoàng. Và cũng chỉ một đêm nữa thôi bà dâu trưởng và cô Thành sẽ chia nhau một khối tiền to. Còn con nhỏ con Khâu Thọ cũng được cho chút ít để làm vốn mà xây dựng lại cuộc đời. Đó là một đêm mà người ta mong cho mau sáng hơn cả đêm giao thừa. Một đêm mà những sợ những xương chất chồng từng lớp dưới giếng Hời cũng cựa mình kêu rồn rảng.

Cụ chánh không muốn “ăn” như thường lệ. Cụ chỉ muốn uống trà. Con nhỏ phải ra sau nhà vạch áo vắt sữa vào vách. Từ khi đến đây ngày nào nó cũng làm như thế. Ông cụ thều thào, run lập cập, chẳng “ăn” được bao nhiêu. Đã vậy, chân giò hầm với hạt sen và sâm khiến sữa nó nhiều vô kể. Đến mười ông cụ như thế “ăn” cũng chưa hết. Nó chẳng có việc gì làm, muốn ra quán coi TV (cô Thành ghét TV), nhưng sợ ông cụ lại đòi “ăn” trước khi ngủ. Nó đi tắm, thay quần áo.

Bất ngờ có gã y công đứng sẵn. Trong bóng tối nó cảm thấy một cái miệng hôi mùi thuốc lá áp sát vào khuôn ngực ướt át của mình. Rồi lưỡi và nước bọt, những ngón tay như chân rết... Nhưng giờ nó không dại dột ú ớ như lần trước. Nó khép chân lại và rít lên, muốn chết hả, ra ngay! Tui kêu bà Thành đó. Gã tiu nghỉu, ngập ngừng rồi lặng lẽ bước ra. Sau đó không bao giờ thấy gã nữa.

Lúc đó khoảng 11 giờ. Nước trà làm cho cụ trần trọc khó ngủ. Cụ trần quả trở lại. Dưới lưng ngứa ngáy rất khó chịu. Đầu tiên cụ chỉ muốn con nhỏ với những móng tay cứng và nhọn (nó cũng đã biết học đòi kêu người làm móng tay, sơn đồ chót) gãi giùm. Con nhỏ đang ngủ ở nhà sau được kêu dậy. Nó dụi mắt đến bên cụ. Cụ nói *gãi, gãi*. Nó ngồi lên giường, nghiêng người cụ, luồn tay vào lưng. Nó đưa lên đưa xuống, một lúc mới tìm được chỗ cần gãi. Cụ nói *đã quá*, miệng cụ hít hà vì nó cào hơi mạnh.

Gãi xong, nó đứng lên, nhưng cụ lại kéo tay đòi “ăn”. Tuy khó chịu nhưng nó cũng nằm xuống bên cạnh. Nó đã quen với cách nằm nghiêng cho cụ ăn. Nó cởi cúc áo, chia một bên vú cho cụ. Ngọn đèn ngủ tuy mờ nhưng vẫn soi rõ cái vú màu hồng và chòm râu trắng của cụ.

Cụ hé môi ngậm, bập bập như một người đang hút thuốc sâu kèn mà thuốc bị tắt. Những giọt sữa chảy vào miệng cụ thì ít mà chảy trên râu cụ thì nhiều.

Cụ có vẻ chán “ăn”, đưa tay mân mê.

Con nhỏ kê miệng vào tai cụ “mắng”: hư!

Cụ dờ tay khỏi vú, lần xuống bụng.

Con nhỏ lại “mắng”: hư! Nhưng cụ thà bị mắng chứ không chịu dừng lại, vẫn tiếp tục lần xuống.

Nó lại “mắng”: hư quá!

Nó cười rúc rích như bị nhột.

Nó nghe cụ thì thào: mừng tuổi cho ông nghe.

Nó chưa hiểu mừng tuổi là thế nào, thì cụ đã gác một chân qua mình nó.

Rồi cụ cố sức chồm lên.

Hơi thở cụ phều phào.

Nhưng như một trái cây chín rục, cụ bỗng rơi xuống.

Một nửa trên người nó. Một nửa trên giường.

Nó nghe cụ thở hắt ra. Một bàn chân rung rung rồi lặng im.

Nó lật ngửa cụ. Mắt cụ mờ nhưng trông mắt không động đậy.

Nó vội cài cúc áo, sửa lại quần, gọi cô Thành.

Cô đến sờ tay lên trán, áp tai xuống ngực, rồi lại đi tìm một tờ giấy đặt lên mũi. Tờ giấy nằm im.

Cô thở dài bảo: chết rồi!

Nghe nói chết, con nhỏ bật khóc.

Cô nói, thôi nín đi, già thì phải chết, khóc làm gì. Bình tĩnh để giúp ta làm mấy việc.

Việc thứ nhất là không được nói cho ai biết cụ đã chết. Nếu lọt đến tai người khác là mày bị kết tội đã giết cụ đó. Người ta sẽ hỏi cụ đang “ăn” sao lại lăn ra chết. Nhớ chưa?

Dạ nhớ.

Việc thứ hai là thay quần áo mới cho cụ để sáng mai người ta đến mừng thọ.

Thôi bắt tay vào việc đi.

Dạ.

Đúng như bản tính cương quyết và mạnh mẽ của cô, xác cụ Chánh được cô lau rửa và thay quần áo mới (bằng cách đắp một chiếc chiếu, luồn tay vào). Cụ lại được mang tất, đi giày, đeo găng tay trắng. Và để che đôi mắt đã khép lại vĩnh viễn, cụ được gắn thêm một chiếc kính đen. Nếu không sợ bị chê là bất kính, có thể nói trông cụ giống như một ông thầy bói.

Cụ được đặt trên xe lăn. Để khỏi ngã, cô đã kín đáo luồn dây cột cụ vào xe.

Cô nói, giờ tao và mày thay nhau thức để canh mèο khỏi nhảy qua.

Dạ

Khi đem áo quần đi đốt, dưới ánh lửa cô thấy ở đáy quần của cụ có một vết nhày nhày. Cô chẳng hiểu là nước gì, không phải trà, cũng không phải sữa.

Đêm thu đầy tiếng giun dế lạnh lói. Con nhỏ ngồi tựa lưng vào vách, vẫn chưa hoàn hồn. Ngọn đèn soi không rõ khuôn mặt cụ. Sự sống thoát đi như một cơn nước rút khiến nó vẫn còn run.

Phải chi đặt cụ nằm trên giường thì nó bớt sợ hơn, Để cụ ngồi trên xe lăn trông ớn quá. Mấy lần ngọn gió khuya luồn qua cửa làm râu cụ bay bay, áo cụ động đậy làm nó giật thót mình. Không chừng cụ lại lăn xe tới, thọc tay vào ngực nó đòi “ăn”!

Nhưng cũng may, nhờ tuổi trẻ, nên mắt nhắm mắt mở một lúc, rồi nó ngoẹo đầu sang một bên, ngủ. Cô Thành ra thăm chừng thấy vậy cũng để mặc.

Cô thân nhiên ngồi chờ trời sáng. Cha chết nhưng cô không thấy gì là buồn đau. Có vẻ như cái thói quen hò hét để biểu lộ lòng căm thù đã khiến cho những tình cảm riêng tư của cô hoảng sợ bỏ đi mất tiêu. Mẹ chết, mình cũng đâu có khóc. Anh chết cũng vậy. Nước mắt đã cạn trong lòng mình rồi. Mình đúng là một đứa con gái hư. Nhưng mà thôi, mỗi một quá, đừng nghĩ ngợi gì thêm.

Khi đêm cạn dần, hơi lạnh mùa thu khiến cô có vẻ như thiếp đi. Cô trông thấy những người chết từ nhiều đời trong cái giếng lạng ngoài vườn đứng đầy nhà. Bọn họ cúi xuống sát mặt ông cụ, nâng chiếc xe lên cao định ném xuống đất.

Cô thét lên, giật mình thức dậy.

Lúc ấy, có tiếng chân của bà chị dâu bước vào nhà.

Cô nói nhỏ, cha chết rồi. Sao vậy, bà chị thì thào, mấy bữa trước tươi tỉnh lắm mà. Như ngọn đèn cạn dầu, cô nói, sáng bừng lên một chút rồi tắt. Nhưng không sao, em đã để cụ ngồi kia, vẫn cứ tiến hành lễ mừng thọ. Chỉ có điều gọn gọn lại một chút. Lâu quá, có khi người ta biết. Bà chị gục gặc đầu, khen, cô giỏi lắm.

12

Chương trình vì thế có ít nhiều thay đổi. Chỉ đưa cụ đến hội trường thôn (là kho lúa của HTX được cải tạo), chứ không đến rạp hát để cảm châu khai tường (doàn tường của tỉnh). Không đọc diễn văn, không đọc thơ chúc mừng. Chỉ có tuyên bố lý do và mấy lời cảm tạ của gia đình. Dĩ nhiên cụ không thể phát biểu. Ban tổ chức có hơi tiếc, nhưng cô Thành đã bảo là cụ yếu lắm.

Đúng 9 giờ khi quan khách đã ngồi chật kín hội trường, cụ được cô Thành và bà chị dâu nín thở đẩy xe lăn đưa cụ đến trong tiếng trống kèn và tiếng vỗ tay vang dội. Đội thiếu niên danh dự, một bên trai một bên gái, tung hoa vụn thọ lên người cụ. Dưới ánh nắng rực rỡ, những cánh hoa lấp lánh như được làm bằng vàng. Xe lăn của cụ được hai anh du kích bồng lên sân khấu.

Vị chủ tịch hội Người Cao Tuổi trân trọng trao bằng chứng nhận 100 tuổi cho cụ. Rồi lần lượt từng vị quan nhớn quan bé lên chúc mừng, bằng cách bỏ phong bì đồ vào thùng như những lần trình trọng quyền góp cứu trợ đồng bào bão lụt để quay phim chụp ảnh. Trước đó cô Thành đã xin miễn bất tay vì sợ cụ mệt. Buổi lễ diễn ra chừng một tiếng đồng hồ, cô Thành và bà chị dâu luôn đứng sau lưng cụ, kín đáo nghiêng cái đầu cụ một chút như để đáp lễ. Vì vậy chẳng ai biết là cụ đã tịch từ lúc 11 giờ khuya.

Buổi lễ coi như thành công tốt đẹp. Tốt đẹp nhất là cái thùng đựng đầy bì thư, ít nhất mỗi bì cũng được 1 triệu. Cô Thành và bà chị thở phào khi đưa được xe cụ vào nhà. Nhưng chưa kịp nghỉ ngơi, đã có ngay một người đến xin chúc mừng. Ông ta tự xưng là một nhà thơ,

thiết tha xin được đọc cho cụ nghe một bài vừa sáng tác. Thật chết người, may mà hai người chưa lột áo cụ ra để thay đồ liệm. Đành phải gượng làm vui để ông ta đọc. Bài thơ lằng nhằng chẳng ra câu cú gì cũng được hai người khen hay. Ông ta xúc động cảm ơn, xin để lại bài thơ làm kỷ niệm thay vì tiền, vì như ông ta nói, ai cũng biết là nhà thơ lúc nào cũng nghèo!

Ông ta đi rồi, bà chị dâu liền nằm dài trên di văng, đập đập tay một cách hả hê sung sướng. Một lúc bà ngồi dậy đến bên xe của cụ, nói vào tai như cụ đang còn sống, cảm ơn cha, rất cảm ơn. Xong, bà lại kéo cô Thành lại gần, cũng nói vào tai, còn đám tang nữa chứ, hi hi! Nhưng cô Thành có vẻ không ưa cái cách vui mừng của bà chị. Cô rút đại một phong bì, kêu con nhỏ, thôi xong việc rồi đó, về nhà nhớ đừng nói gì hết nghe. Con nhỏ lí nhí dạ, nhưng chỉ lui ra sau chứ chưa chịu đi về. Nó áp sát ngực vào vách, nặn cho bằng hết sữa để khỏi căng tức.

Bà chị dâu định làm đám tang cho ông cụ thật to.

- Bộ trưởng đi Nga đã về tới Hà Nội rồi, bà nói. Tôi sẽ gọi điện bảo vào để chịu tang.

Cháu đích tôn mà.

- Em muốn nay mai gì chôn cụ cho rồi. Em mệt mỏi quá.

- Chôn ngay sao được. Phải coi ngày giờ, coi có khắc tuổi với ai trong nhà không.

Chôn nhằm ngày trùng thì tiêu cả họ.

- Bộ chị để cho đến thúi à?

- Đem vào nhà tang lễ, có phòng lạnh mà sợ gì. Tiêu chuẩn của cụ có nhà nước lo.

Mình lo là lo đón những người đến viếng kia. Cụ nội của bộ trưởng mà. Mặc sức mà nhận tiền phúng điếu.

- Mấy người đã bắt ông cụ sống khổ sống sờ cho đến ngày mừng thọ. Nhiều đó cũng đã quá cực nhục rồi. Giờ lại ngâm xác cụ để chờ bộ trưởng về nữa, tôi thấy thế là quá lắm.

- Có gì đâu mà quá, mọi việc an táng cụ để mẹ con tôi lo. Cô chỉ có mỗi một việc mặc đồ tang ngồi ghi tiền phúng điếu.

- Tôi không ham đâu. Gia đình chị lên cỡ đó, kiếm chác người sống không đủ sao, còn moi móc người chết nữa. Các người tham lam quá.

- Cô bảo ai tham. Vừa vừa thôi đó nhé. Tôi chẳng vợ hết vào mẹ con tôi đâu, cũng có phần cô trong đó, không biết sao?

- Tôi chẳng cần, chị đi về bắc đi. Ông cụ là cha đẻ tôi. Ngày mai tôi chôn cụ đó, nói cho chị biết.

- Thôi được, ngu thì ráng chịu. Bà ngưng nguẩy bước tới thùng đựng tiền. Cứ coi như cái xác đó là phần của cô. Cái này là phần tôi. Bà vừa nói vừa chồm tới ôm, đi ra xe như chạy.

Đúng như cô Thành nói, một ngày sau lễ mừng thọ, là tang lễ của cụ. Đám tang không trống kèn, không cờ xí. Mười sáu dân đình của làng An Định thay nhau khiêng cụ rời khỏi nhà, đi qua cầu anh Đức, để an táng tại nghĩa trang liệt sĩ ở đồng Cây Sanh. Chỉ một mình cô Thành mặc đồ đại tang và con nhỏ con Sáu Thọ mặc đồ bộ đi theo sau. Cả xóm Miếu đổ ra xem, vì hiếu kỳ chứ không phải để đưa tiễn. Trong số đó có lão phó Ba được thăng cháu nội công đứng ở một bên đầu cầu. Lão khô đét, dài nhằng, chân thông sát đất như con nhái phơi khô.

Con nhỏ con Khấu Thọ vừa đi vừa khóc sụt sịt. Dẫu sao nó cũng đã áp đầu cụ vào ngực mình để cho cụ “ăn” và nhờ giòng sữa tinh khiết không tội lỗi của nó, cụ đã sống tỉnh táo đến cái phút giờ bỗng dưng mê muội một cách kỳ lạ đó. Nó cứ bản khoăn không biết vì sao cụ lại ngã lăn ra chết.

Không điều vãn, không đáp từ, người ta lặng lẽ đặt quan tài của cụ xuống lòng huyết. Cô Thành ném cho cụ một nắm đất theo tục lệ. Con nhỏ con Khấu Thọ cũng bắt chước ném theo, người khác cũng vậy. Người ta kéo cát lấp đầy rồi vun lên. Một tuần sau nhà nước sẽ xây mộ dựng bia cho cụ. Như thế thân xác cũ sẽ không bị nước lũ cuốn trôi như những người chết hồi 9 năm kháng chiến. Cụ sẽ đời đời được yên giấc bên cạnh ông Khứ và thủ ngữ Đực, những người mà nhờ cụ, nhưng cũng vì cụ, mà trở thành anh hùng liệt sĩ.

Lúc ấy là cuối ngày, con sông Cái chảy ngang hông nghĩa địa, bỗng sáng lên dữ dội như một tấm gương bị vỡ, trước khi trôi vào bóng đêm.

Viết xong năm 2006

Hiệu đính năm 2011